

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số 173/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 7 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)*

Tên ngành, nghề:	ĐIỀU DƯỠNG
Mã ngành, nghề:	6720301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy (phương thức tích lũy lũy tín chỉ)
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	03 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành chăm sóc người bệnh;
- Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
- Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;

- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện;
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh;
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp;
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành;
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng;
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách;
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh;
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

1.3. Chuẩn đầu ra (CDR) và trình độ năng lực yêu cầu của chương trình đào tạo

Khung trình độ quốc gia Việt Nam 8 bậc như sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	TĐNL (1-8)
Lĩnh vực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp		
1	CDR 1 Tuân thủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, hiệu quả và phù hợp với văn hóa trong bối cảnh hội nhập và số hóa	
1.1	Hành nghề theo quy định của pháp luật	5
1.2	Hành nghề theo đạo đức nghề nghiệp	5
Lĩnh vực thực hành chăm sóc chuyên nghiệp		
2	CDR 2 Vận dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng	
2.1	Ứng dụng sự hiểu biết về kiến thức khoa học cơ bản	5
2.2	Ứng dụng sự hiểu biết về y học cơ sở	5
2.3	Ứng dụng sự hiểu biết về bệnh học, khoa học điều dưỡng trong thực hành	5
3	CDR 3 Xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp, áp dụng đúng quy trình điều dưỡng và tiến hành các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình để đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả cho người bệnh	
3.1	Xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên	5
3.2	Ra quyết định chăm sóc phù hợp	5

3.3	Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, chăm sóc tại nhà và chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp, hiệu quả.	5
3.4	Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
3.5	Tiến hành các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình để đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả cho người bệnh	5
4	CĐR 4 Nhận định kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả, thực hiện dùng thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng	
4.1	Nhận định kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng	5
4.2	Thực hiện thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả	5
4.3	Đảm bảo chăm sóc liên tục	5
4.4	Xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu	5
5	CĐR 5 Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp và thực hiện giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng, thực hiện giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả.	
5.1	Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp và thực hiện giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng	5
5.2	Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả.	5
Lĩnh vực Quản lý và phát triển nghề nghiệp		
6	CĐR 6 Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, môi trường chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.1	Ứng dụng nguyên tắc quản lý và lãnh đạo trong thực hành chăm sóc cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng	5

6.2	Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.3	Hợp tác liên ngành và điều phối các hoạt động chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
6.4	Quản lý môi trường chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	5
Lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng		
7	CDR 7 Đào tạo, hướng dẫn cho người học và đồng nghiệp về kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực chăm sóc	
7.1	Sử dụng được một số phương pháp dạy - học trong đào tạo người học và đồng nghiệp.	5
7.2	Tham gia hướng dẫn thực hành cho người học.	5
8.	CDR 8 Tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học/sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh, áp dụng các bằng chứng khoa học cập nhật trong thực hành chăm sóc và cải tiến chất lượng	
8.1	Tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học/sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chăm sóc người bệnh	5
8.2	Áp dụng các bằng chứng khoa học cập nhật trong thực hành chăm sóc và cải tiến chất lượng.	5
Lĩnh vực phát triển cá nhân và nghề nghiệp		
9	CDR 9 Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân trong suốt quá trình thực hành nghề nghiệp	
9.1.	Tự đánh giá và chủ động tiếp thu các nguồn thông tin phản hồi về công việc của bản thân để xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tế công việc	5
9.2	Chủ động xây dựng kế hoạch và tham gia các hoạt động học tập liên tục để cập nhật và ứng dụng kiến thức, kỹ năng nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc.	5
10	CDR 10	

	Có khả năng phát triển nghề nghiệp, sử dụng được tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ khác trong giao tiếp, sử dụng được công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính chuyên môn, thực hành nghề nghiệp để xây dựng hình ảnh của người điều dưỡng, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng	
10.1	Sử dụng được tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ khác trong giao tiếp hàng ngày với người bệnh và phát triển nghề nghiệp.	2/6
10.2	Sử dụng được công nghệ thông tin trong các hoạt động hành chính chuyên môn, thực hành nghề nghiệp, phát triển cá nhân và nâng cao chất lượng chăm sóc.	6
10.3	Tham gia vào các hoạt động xây dựng hình ảnh của người điều dưỡng góp phần nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong nước và quốc tế.	6

1.4. Định hướng vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi học xong chương trình cao đẳng ngành Điều dưỡng, người học có thể làm tại các cơ sở cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập, các cơ sở khám bệnh tư nhân, các trung tâm cấp cứu cộng đồng, trung tâm y tế dự phòng, các viện dưỡng lão, trạm y tế, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Điều dưỡng phòng khám
- Điều dưỡng chăm sóc
- Điều dưỡng cộng đồng

1.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ

- Chủ động học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Không ngừng học tập nâng cao trình độ kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành chăm sóc.

- Có thể học lên các bậc học đại học và sau đại học ngành điều dưỡng.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học/học phần: 36
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 107 tín chỉ; 2625 giờ
- Khối lượng các môn học chung và đại cương: 555 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở: 480 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1230 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 918 giờ; Thực hành, thực tập: 1510 giờ

- Thi, kiểm tra: 98 giờ

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Môn học

Mã học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung, đại cương	29	555	273	255	27
MH 1	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 4	Ngoại ngữ I	3	60	21	36	3
MH 40	Ngoại ngữ II	3	60	21	36	3
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH 9	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
MH 10	Hóa học	2	30	29	0	1
II.	Môn học cơ sở	24	480	245	111	25
MH 11	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	29	27	4
MH 12	Hoá sinh	2	30	29	0	1
MH 13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH 14	Sinh lý bệnh	2	30	29	0	1
MH 15	Dược lý	2	30	29	0	1
MH 16	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	2	30	29	0	1

MH 17	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	2	30	29	0	1
MH 18	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	29	0	1
MH 19	Điều dưỡng cơ sở I và KSNK	4	120	14	57/42	7
MH 20	Điều dưỡng cơ sở II	3	75	14	57	4
III.	Các môn học chuyên môn	35	945	300	612	33
MH 21	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2
MH 22	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	120	29	88	3
MH 23	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	4	120	29	88	3
MH 24	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	120	28	86	6
MH 25	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	120	29	88	3
MH 26	Chăm sóc sức khỏe tâm thần - Phục hồi chức năng	4	120	28	88	4
MH 27	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	60	14	43	3
MH 28	Y học cổ truyền	3	75	29	43	3
MH 29	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	4	120	29	88	3
MH 30	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
MH 44	Quản lý điều dưỡng	2	30	28	0	2
IV.	Các môn tự chọn	11	285	100	176	9
MH 31	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao	4	120	29	88	3
MH 32	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	3	45	42		3
MH 37	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	4	120	29	88	3

V	Thực tế tốt ngành	8	360	0	356	4
MH 33	Thực tế ngành	8	360	0	356	4
	Tổng	107	2625	918	1510	98

3.2. Phân bố thời gian học

Mã học phần	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Học kì I					
MH 1	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH 9	Hóa học	2	30	29	0	1
MH 10	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
MH 18	Y đức và Tổ chức Y tế	2	30	29	0	1
II.	Học kì II					
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 11	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	29	57	4
MH 12	Hoá sinh	2	30	29	0	1
MH 13	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH 14	Sinh lý bệnh	2	30	29	0	1
MH 15	Dược lý	2	30	29	0	1
MH 19	Điều dưỡng cơ sở I và KSNK	4	120	14	57/42	7
III.	Học kì III					
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2

MH 16	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người - Dinh dưỡng - Tiết chế	2	30	29	0	1
MH 20	Điều dưỡng cơ sở II	3	75	14	57	4
MH 21	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	2	30	28	0	2
MH 22	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	4	120	29	88	3
MH 23	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	4	120	29	88	3
IV.	Học kì IV					
MH 17	Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh - Dịch tễ các bệnh truyền nhiễm	2	30	29	0	1
MH 24	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	120	28	86	6
MH 25	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	120	29	88	3
MH 26	Chăm sóc sức khỏe tâm thần - Phục hồi chức năng	4	120	28	88	4
V.	Học kì V					
MH 4	Ngoại ngữ I	3	60	21	36	3
MH 27	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	60	14	43	3
MH 28	Y học cổ truyền	3	75	29	43	3
MH 29	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	4	120	29	88	3
MH 30	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
MH 44	Quản lý điều dưỡng	2	30	28	0	2
IV.	Học kì VI					
MH 40	Ngoại ngữ II	3	60	21	36	3
MH 37	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa nâng cao	4	120	29	88	3
MH 31	Chăm sóc sức khỏe người lớn	4	120	29	88	3

	bệnh Ngoại khoa nâng cao					
MH 32	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Chuyên khoa	3	45	42	0	3
MH 33	Thực tế ngành	8	360	0	356	4

4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

06 môn chung thực hiện theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH theo các thông tư: Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Pháp luật, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Giáo dục chính trị, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Tiếng Anh,, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Tin học, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH chương trình môn học Giáo dục thể chất, Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH về môn học Giáo dục quốc phòng

Chương trình khung được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ cao đẳng.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và một học kỳ phụ. Học kỳ chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học kỳ hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

4.3. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do bộ môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = 40%* (Σ Điểm kiểm tra thường xuyên + 2* Σ Điểm kiểm tra định kỳ) + 60% * Điểm thi hết môn. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

4.4. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

4.4.1. *Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình, Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.*

4.4.2. *Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:*

- a) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2.0 trở lên;
- c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và An ninh, có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.
- d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- đ) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà trường
- e) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.

4.4.3. *Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.*

4.4.4. *Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.*

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp. Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Chiến Thắng

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã số môn học: MH 1

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ, trong đó lý thuyết: 41 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo được trình độ cao đẳng được bố trí tại học kì I.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết môn học

BÀI MỞ ĐẦU

2 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1. Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin

13 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

1.2. Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2. Khái quát về Tư tưởng Hồ Chí Minh

13 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

1.2. Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng **5 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

1.2. Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4. Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam **5 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

1.2. Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5. Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam 10 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

1.2. Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6. Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

1.2. Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.2. Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

1.2. Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

1.2. Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lí thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình và tài liệu phát tay cho sinh viên.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 03 điểm kiểm tra 30 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

***Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

***Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

***Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin;
- Nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam;
- Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), Giáo trình Giáo dục chính trị.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

19. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

20. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

21. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã số môn học: MH2

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó Lý thuyết: 18 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 10 giờ; Kiểm tra: 02 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo được trình độ cao đẳng bố trí tại học kì I.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam

1.2. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

2.2. Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên Chương/Bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam

2. Nội dung

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

- 2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật
- 2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Bài 2. Hiến pháp 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp

2. Nội dung:

1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

1.1. Khái niệm hiến pháp

1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.1. Chế độ chính trị

2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3. Pháp luật dân sự 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự

1.2. Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng

2. Nội dung:

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

3.2. Hợp đồng

Bài 4. Pháp luật lao động 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động

1.2. Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động

2. Nội dung

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
 - 3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
 - 3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
 - 3.3. Hợp đồng lao động
 - 3.4. Tiền lương
 - 3.5. Bảo hiểm xã hội
 - 3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
 - 3.7. Kỷ luật lao động
 - 3.8. Tranh chấp lao động
 - 3.9. Công đoàn

Bài 5. Pháp luật hành chính 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính
- 1.2. Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính

2. Nội dung:

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.1. Vi phạm hành chính
 - 2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6. Pháp luật hình sự 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự
- 1.2. Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt

2. Nội dung

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.1. Tội phạm
 - 2.2. Hình phạt

Bài 7. Pháp luật phòng, chống tham nhũng 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng

1.2. Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng

2. Nội dung:

1. Khái niệm tham nhũng
2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 1.2. Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2. Nội dung:

1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lí thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình và tài liệu phát tay cho sinh viên.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực hệ sinh trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 30 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 90 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

***Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

***Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

***Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng

xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung cơ bản của Hiến pháp;
- Nội dung cơ bản của Luật Lao động;
- Nội dung cơ bản của Luật dân sự;

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 - 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt

kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIN HỌC

Mã số môn học: MH3

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ, trong đó Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 2 giờ.

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

2.2. Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

2.3. Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

2.4. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

2.5. Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

2.6. Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

2.7. Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

2.8. Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

3.2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết môn học

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

1.2. Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng CNTT và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản

6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

1.2. Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

- 2.3. Sử dụng Control Panel
 - 2.3.1. Khởi động Control Panel
 - 2.3.2. Region and Language
 - 2.3.3. Devices and Printers
 - 2.3.4. Programs and Features
- 2.4. Một số phần mềm tiện ích
 - 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
 - 2.4.2. Phần mềm diệt virus
- 2.5. Sử dụng tiếng Việt
 - 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
 - 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
 - 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin
- 2.7. Đa phương tiện
- 2.8. Sử dụng máy in
 - 2.8.1. Lựa chọn máy in
 - 2.8.2. In

Chương III. Xử lý văn bản cơ bản 17 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

1.2. Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản
 - 2.1.1. Khái niệm văn bản.
 - 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.
- 2.2. Sử dụng Microsoft Word
 - 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
 - 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.4. In văn bản
 - 2.2.5. Phân phối văn bản

2.2.6. Soạn thông báo, thư mời

2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản 29 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

1.2. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.2. Trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.2. Hàm

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản

11 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin

1.2. Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

Chương VI. Sử dụng internet cơ bản

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử; 1.2. Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

1.3. Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử
- 2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng
 - 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
 - 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
 - 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
 - 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi.

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực tin học trong quá trình thực hành .

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết, thực hành trên máy tính

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến, trắc nghiệm và thực hành trên máy tính

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan, thực hành kỹ năng

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan, thực hành kỹ năng

+ Thời gian: 90 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập kĩ năng...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Sử dụng máy tính cơ bản;
- Xử lý văn bản cơ bản.

4. Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH I

Mã số môn học: MH4

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, trong đó: Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra: 03 giờ.

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ.

1.2. Nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.2. Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.3. Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.4. Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

3.2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	10	4	6	
8	Test	1			1
	Tổng cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family & Friends)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- 1.2. Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- 1.3. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- 1.4. Nói về bản thân và gia đình;
- 1.5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- 1.6. Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- 1.2. Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- 1.3. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 1.4. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 1.5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- 1.6. Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
- 2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (Places)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- 1.3. Hỏi đường và chỉ đường;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)
 - 2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
 - 2.1.2. Các tính từ thông dụng;
 - 2.1.3. Các đồ vật trong nhà;
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;
 - 2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
 - 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
 - 2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
 - 2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;
 - 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
 - 2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;
 - 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.
- 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and Drink) 9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- 1.3. Hỏi về số lượng;
- 1.4. Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)

9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

1.3. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ Nghỉ (Vacation)

10 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;

- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 1.3. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, Flash card, Videos, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Trọng tâm tập trung vào kiến thức và kỹ năng các bài học

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định

và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 04/2022/TT- TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

5. Raymond Murphy (2019), *Grammar In Use*, Cambridge University Press.

6. Liz and John Soars (2015), *New Headway Fourth Edition*, Oxford University Press.

7. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary* (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH II

Mã số môn học: MH 40

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ.

1.2. Nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.2. Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.3. Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong

thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.4. Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

3.2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
2	Bài 2: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
3	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	2	1		1
4	Bài 3: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
5	Bài 4: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
6	Bài 5: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
7	Bài 6: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
8	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	Tổng cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Các hoạt động hàng ngày (Activities); 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

1.3. Nói về các hoạt động hàng ngày;

1.4. Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;

1.5. Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Sở thích (Hobbies and Interests);

9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go và do**;

1.2. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

1.3. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

1.4. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 3. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans);

9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 1.3. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 4. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality); 9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- 1.3. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 5. Công nghệ (Technology);

9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

1.3. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

- 2.1.2. Công nghệ.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
 - 2.2.2. Cấu trúc How long...?;
 - 2.2.3. Giới từ For và since.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
 - 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
 - 2.3.2. Bài tập True/False.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
 - 2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
 - 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
 - 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
 - 2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;
 - 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
- 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 6. Mua sắm (Shopping);

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- 1.3. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- 1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
 - 2.2.2. Thì quá khứ đơn;
 - 2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, Flash card, Videos, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng điều dưỡng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)
- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.
- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Trọng tâm tập trung vào kiến thức và kỹ năng các bài học

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 04/2022/TT- TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

5. Raymond Murphy (2019), *Grammar In Use*, Cambridge University Press.

6. Liz and John Soars (2015), *New Headway Fourth Edition*, Oxford University Press.

7. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary* (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã số môn học: MH 5

Thời gian thực hiện: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN	30	2	26	2
1	Môn cầu lông	30	2	26	2
	Tổng cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài mở đầu **1 giờ**

1. Mục tiêu

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: Thể dục cơ bản **13 giờ**

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản

1.2. Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh

14 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy xa

2.3.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

Bài: Cầu lông

30 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đập xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hiện động tác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 04 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra thực hành

+ Công cụ: Thực hành nội dung đã học

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi thực hành

+ Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện

+ Thời gian: 45 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	

+ Điểm thi kết thúc học phần	60%
------------------------------	-----

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt. .

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Phân chia nhóm tập luyện theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học, ôn luyện các nội dung đã được học. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào kĩ năng thực hiện các kĩ thuật Cầu lông.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

7. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

10. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 75 giờ, trong đó Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

1.3. Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

1.4. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

1.5. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

2.2. Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

2.3. Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

2.4. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

2.5. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

3.2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

3.3. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

3.4. Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt	4	3	1	

	Nam				
3	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

1.2. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

1.2. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

1.2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia;

1.2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

1.2. Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7: Đường lối quan điểm của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước việt nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

1.2. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc việt nam xã hội chủ nghĩa

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

1.2. Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: Đội ngũ đơn vị

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

1.2. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

19 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

1.2. Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

1.3. Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;

1.2. Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

- 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
- 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
- 2.4. Kỹ thuật chuyển thương
 - 2.4.1. Mang vác bằng tay
 - 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
- 2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
- 2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
- 3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, tranh ảnh, Videos, bài giảng Power Point
- 4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hiện động tác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thi thực hành
 - + Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện
 - + Thời gian: 45 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào bài thực hành ngâm bản

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐT BXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học: MH 7

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó: Lý thuyết: 17 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 12 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Xác suất thống kê y học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Môn học Xác suất thống kê y học là môn học cơ bản bắt buộc.

Nội dung môn học không những cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất thống kê mà còn đưa ra một số ví dụ ứng dụng gần gũi và thiết thực về xác suất thống kê trong nhóm ngành sức khỏe.

II. Mục tiêu của môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các khái niệm: Phép thử, biến cố và xác suất và các tính chất cơ bản của xác suất.

1.2. Trình bày được các khái niệm: Đại lượng ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.

1.3. Trình bày được các khái niệm: Thống kê, các đặc trưng của một mẫu, lý thuyết ước lượng - tính cỡ mẫu và kiểm định giả thiết thống kê.

2. Về kỹ năng

2.1. Giải được các bài toán của các phân tương ứng.

2.2. Vận dụng Xác suất thống kê vào việc giải quyết các bài toán thường gặp trong Y học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Tham gia học lý thuyết và làm các bài tập về nhà đầy đủ.

3.2. Có ý thức, thái độ đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra
	Bài mở đầu: Giải tích tổ hợp	01	01		
1	Chương 1: Lý thuyết xác suất	09	05	04	
1.1.	Phép thử và biến cố	01	01		
1.2.	Khái niệm xác suất	02	01	01	
1.3.	Các phép toán về xác suất	02	01	01	
1.4.	Định lý Xác suất đầy đủ - Định lý Bayest	02	01	01	
1.5.	Phép thử Bernoulli	02	01	01	
2	Chương 2: Biến ngẫu nhiên	06	03	03	
2.1.	Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối	02	01	01	
2.2.	Các tham số đặc trưng của Biến ngẫu nhiên	02	01	01	
2.3.	Một số quy luật xác suất	02	01	01	
3	Chương 3: Lý thuyết mẫu	03	02	01	
3.1.	Sơ lược về lý thuyết mẫu	01	01		
3.2.	Các giá trị đặc trưng của mẫu	02	01	01	
4	Chương 4: Lý thuyết ước lượng - Tính cỡ mẫu	03	02	01	
4.1.	Lý thuyết ước lượng	02	01	01	
4.2.	Cách xác định kích thước mẫu	01	01		
5	Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê	07	04	03	

5.1.	Kiểm định giả thiết thống kê	01	01		
5.2.	So sánh hai số trung bình	02	01	01	
5.3.	So sánh hai Xác suất	02	01	01	
5.4.	Tương quan hội quy tuyến tính	02	01	01	
6	Kiểm tra định kỳ	01			01
Tổng		30	17	12	01

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài mở đầu: Giải tích tổ hợp;

01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm tập hợp, các phép toán tập hợp.
- 1.2. Tính được theo quy tắc cộng, nhân.
- 1.3. Trình bày được khái niệm và tính được số chỉnh hợp, hoán vị, tổ hợp.
- 1.4. Vận dụng các công thức tính được các bài toán liên quan.

2. Nội dung

2.1. Tập hợp

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các phép toán về tập hợp

2.2. Giải tích tổ hợp

2.2.1. Quy tắc đếm

2.2.2. Chỉnh hợp

2.2.3. Hoán vị

2.2.4. Tổ hợp

Chương 1: Lý thuyết xác suất;

09 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và các tính chất cơ bản của xác suất.
- 1.2. Trình bày được các công thức nhân xác suất, cộng xác suất, xác suất toàn phần và xác suất Bayes.
- 1.3. Áp dụng giải được một số bài toán xác suất trong Y học.

2. Nội dung

2.1. Phép thử và biến cố

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các loại biến cố

- 2.1.3. Giao (tích) của các biến cố
- 2.1.4. Hợp (tổng) của các biến cố
- 2.1.5. Biến cố xung khắc
- 2.1.6. Biến cố đối lập
- 2.1.7. Biến cố độc lập
- 2.1.8. Hệ đầy đủ các biến cố
- 2.2. Khái niệm xác suất
 - 2.2.1. Định nghĩa cổ điển
 - 2.2.2. Định nghĩa thống kê
 - 2.2.3. Tính chất cơ bản của xác suất
- 2.3. Các phép toán về xác suất
 - 2.3.1. Xác suất có điều kiện
 - 2.3.2. Định lý nhân xác suất
 - 2.3.3. Định lý cộng xác suất
 - 2.3.4. Ứng dụng quy tắc nhân, quy tắc cộng xác suất
- 2.4. Định lý Xác suất đầy đủ - Định lý Bayes
 - 2.4.1. Định lý xác suất đầy đủ
 - 2.4.2. Định lý Bayes
 - 2.4.3. Các ví dụ
- 2.5. Phép thử Bernoulli
 - 2.5.1. Phép thử lặp Bernoulli
 - 2.5.2. Công thức xác suất nhị thức Bernoulli.

Chương 2: Biến ngẫu nhiên;

06 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các khái niệm biến ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
- 1.2. Trình bày được một quy luật xác suất của biến ngẫu nhiên.
- 1.3. Áp dụng giải các bài tập liên quan.

2. Nội dung

- 2.1. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối
 - 2.1.1. Khái niệm về Biến ngẫu nhiên
 - 2.1.2. Hàm phân phối của Biến ngẫu nhiên
- 2.2. Các tham số đặc trưng của Biến ngẫu nhiên
 - 2.2.1. Trung bình lý thuyết (Kỳ vọng toán học)

2.2.2. Phương sai và độ lệch chuẩn

2.3. Một số quy luật xác suất

2.3.1. Quy luật chuẩn

2.3.2. Quy luật Student

2.3.3. Một số quy luật khác.

Chương 3: Lý thuyết mẫu;

03 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các khái niệm thống kê, quần thể, mẫu và các tổ chức đồ.
2. Trình bày được định nghĩa và công thức tính các tham số mẫu.
3. Áp dụng giải các bài tập liên quan.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược về lý thuyết mẫu

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.2. Trình bày một mẫu số liệu

2.1.3. Một số tổ chức đồ

2.2. Các giá trị đặc trưng của một mẫu

2.2.1. Trung bình mẫu

2.2.2. Một – Số trung vị

2.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn

2.2.4. Hệ số biến thiên.

Chương 4: Lý thuyết ước lượng - Tính cỡ mẫu;

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khoảng ước lượng của các tham số thống kê.
- 1.2. Trình bày được cách xác định cỡ mẫu.
- 1.3. Áp dụng vào giải các bài toán thực tế trong Y học.

2. Nội dung

2.1. Lý thuyết ước lượng

2.1.1. Khoảng ước lượng

2.1.2. Khoảng tin cậy của một số trung bình quần thể

2.1.3. Khoảng tin cậy của một trị số các cá thể

2.1.4. Khoảng tin cậy cho tỷ lệ của quần thể

2.2. Cách xác định kích thước mẫu

2.2.1. Xác định kích thước mẫu tối thiểu của số trung bình

2.2.2. Xác định kích thước mẫu tối thiểu của xác suất.

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được kiểm định các tham số thống kê.
- 1.2. Trình bày được công thức và ý nghĩa của việc so sánh hai số trung bình.
- 1.3. Trình bày được công thức và ý nghĩa của việc so sánh hai xác suất
- 1.4. Trình bày được hệ số và ý nghĩa tương quan tuyến tính.
- 1.5. Lập được đường hồi quy tuyến tính bậc một.
- 1.6. Áp dụng vào giải các bài toán thực tế trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm định giả thiết thống kê
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản về kiểm định
 - 2.1.2. Các loại sai lầm, mức ý nghĩa
 - 2.1.3. Kiểm định giá trị của xác suất
- 2.2. So sánh hai số trung bình
 - 2.2.1. Nếu phương sai đã biết
 - 2.2.2. Nếu phương sai chưa biết ($n_1, n_2 > 30$)
 - 2.2.3. Nếu phương sai chưa biết ($n_1, n_2 < 30$)
- 2.3. So sánh hai xác suất
 - 2.3.1. So sánh hai phía
 - 2.3.2. So sánh một phía
- 2.4. Tương quan hồi quy tuyến tính
 - 2.4.1. Hệ số tương quan tuyến tính
 - 2.4.2. Đường hồi quy tuyến tính.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá**1. Nội dung**

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút.

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Sử dụng trong chương trình đào tạo các ngành Y, Dược trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

- Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập, ...

- Bài tập: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận bài tập theo nội dung đề ra.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ. Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần lưu ý

Trọng tâm nội dung tập trung vào các chương: Lý thuyết xác suất và lý thuyết mẫu.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Phan Huy Hoàng, (2025), *Xác Suất thống kê*, Trường CDYT Hà Tĩnh.
2. Chu Văn Thọ, (2011), *Xác suất thống kê*, Trường đại học Y Dược TPHCM.
3. Đặng Đức Hậu, (2008), *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.
4. Đào Hữu Hồ, (2006), *Xác Suất thống kê*, NXB đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Đặng Hùng Thắng, (2002), *Bài tập xác suất*, NXB Giáo dục.
6. Đinh Văn Găng, (2002), *Bài tập và xác suất*, NXB Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã số môn học: MH 8

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Thuộc môn học chung.

2. Tính chất

Môn học này sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm, những nguyên lý chung nhất của sinh giới, những quy luật, những cơ chế của sự sống. Nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong y học, tạo cơ sở để sinh viên học các môn học y học cơ sở và lâm sàng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào
- 1.2. Trình bày được quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể
- 1.3. Trình bày được các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền
- 1.4. Trình bày được xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái trong mối quan hệ với loài người

2. Về kỹ năng

- 2.1. Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích, phân tích các kiến thức của các học phần sau
- 2.2. Suy luận, hệ thống hóa các vấn đề sinh học
- 2.3. Ứng dụng kiến thức sinh học di truyền để giải thích nguyên nhân và cơ chế xuất hiện các bệnh di truyền
- 2.4. Ứng dụng các kiến thức sinh học trong y học như chẩn đoán bệnh, sản xuất thuốc, giải thích cơ chế xuất hiện bệnh

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Sinh viên có ý thức và trách nhiệm trong việc tự học và chuẩn bị bài trước mỗi buổi học

3.3. Sinh viên tích cực tham gia tìm hiểu các kiến thức liên quan đến nội dung các bài của từng buổi học

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tế bào và hệ thống tế bào	1	1		
2	Cấu trúc và chức năng tế bào	8	8		
3	Sự phân chia tế bào	1	1		
4	Sự phát sinh giao tử ở người	1	1		
5	Sinh học phát triển	4	4		
6	Các quy luật di truyền	4	4		
7	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	1	1		
8	NST người và bệnh học NST người	4	4		
9	Sinh học phân tử	4	4		
10	Nguyên lý sinh thái	1	1		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Tế bào và hệ thống tế bào;

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nội dung cơ bản của học thuyết tế bào và học thuyết tế bào theo quan điểm hiện đại.

1.2. So sánh được sự khác nhau giữa hai giới Prokaryota và Eukaryota.

1.3. Mô tả được hình thái đại cương của tế bào.

2. Nội dung:

2.1. Lịch sử hình thành tế bào học và học và học thuyết tế bào

2.2. Hệ thống tế bào

2.3. Hình thái đại cương của tế bào

Bài 2. Cấu trúc và chức năng tế bào;

8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cấu tạo và chức năng cơ bản của các thành phần cấu trúc màng tế bào.

1.2. Trình bày được cấu tạo và chức năng chính của các bào quan trong tế bào.

1.3. Trình bày được cấu tạo và chức năng của nhân tế bào.

1.4. Nêu được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.

1.5. Trình bày được đặc điểm của từng hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.

1.6. Nêu được các điều kiện ảnh hưởng sự khuếch tán qua màng tế bào.

2. Nội dung:

2.1. Cấu trúc tế bào

2.1.1. Cấu trúc của màng tế bào

2.1.2 Tế bào chất

2.1.3. Nhân tế bào

2.2. Chức năng của tế bào

2.3.1. Vận chuyển thẩm

Bài 3. Sự phân chia tế bào;

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm pha G1, S và G2 của thời kỳ gian kỳ.

1.2. Trình bày được đặc điểm, ý nghĩa của quá trình phân bào nguyên phân.

1.3. Trình bày được đặc điểm, ý nghĩa của quá trình phân bào giảm phân

1.4. So sánh được sự khác nhau cơ bản giữa phân bào nguyên phân và giảm phân

2. Nội dung:

2.1. Gian kỳ

2.1. Phân bào

- 2.1.1. Trục phân
- 2.1.2. Nội phân
- 2.1.3. Phân bào nguyên nhiễm
- 2.1.4. Phân bào giảm nhiễm

Bài 4. Sự phân chia giao tử ở người;

1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quá trình phát sinh tinh trùng ở người
- 1.2. Trình bày được quá trình phát sinh trứng ở người
- 1.3. So sánh được điểm khác nhau giữa quá trình phát sinh tinh trùng và trứng ở người.

2. Nội dung:

- 2.1. Sự phát sinh tinh trùng
- 2.2. Sự phát sinh trứng

Bài 5. Sinh học phát triển;

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được cấu tạo tinh trùng và các loại trứng
- 1.2. Trình bày được sự phân cắt và phát triển phôi của các loại trứng.
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, các đặc điểm của giai đoạn sinh trưởng, giai đoạn trưởng thành, giai đoạn già lão và giai đoạn tử vong
- 1.4. Trình bày được các cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi
- 1.5. Trình bày được một số thực nghiệm về phôi

2. Nội dung:

- 2.1. Quá trình phát triển cá thể của động vật
 - 2.1.1. Giai đoạn tạo giao tử
 - 2.1.2. Giai đoạn tạo hợp tử
 - 2.1.3. Giai đoạn phôi thai
 - 2.1.4. Giai đoạn sinh trưởng
 - 2.1.5. Giai đoạn trưởng thành
 - 2.1.6. Giai đoạn già lão
 - 2.1.7. Giai đoạn tử vong
- 2.2. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi
 - 2.2.1. Chương trình thông tin di truyền
 - 2.2.2. Các sản phẩm gen từ nguồn mẹ
 - 2.2.3. Các nhân tố từ môi trường xung quanh

2.3. Một số thực nghiệm về phôi

2.3.1. Sự chuyển nhân tạo tế bào đặc hiệu

2.3.2. Sự chuyển gen

2.3.3. Sinh vật trong ống nghiệm và thụ tinh trong ống nghiệm

Bài 6. Các quy luật di truyền;

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Giải thích được khái niệm một số thuật ngữ và giải thích một số kí hiệu thường dùng trong di truyền

1.2. Trình bày được các quy luật di truyền của Mendel

1.3. Trình bày được hiện tượng di truyền tương tác gen

1.4. Trình bày được khái niệm, đặc điểm và một số bệnh di truyền đơn gen, di truyền đa gen, đa nhân tố

1.5. Trình bày được sự liên kết gen và sự tái tổ hợp của các gen trong nhóm liên kết

1.6. Trình bày được di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2. Nội dung:

2.1. Một số thuật ngữ và ký hiệu

2.2. Các định luật di truyền của Mendel

2.2.1. Lai một cặp tính trạng

2.2.2. Lai hai cặp tính trạng

2.2.3. Lai đa tính

2.3. Di truyền tương tác

2.4. Di truyền đơn gen

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Di truyền hai alen

2.4.3. Di truyền nhiều alen

2.5. Sự di truyền đa gen và đa nhân tố

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Đặc điểm

2.5.3. Một số bệnh, tính trạng di truyền đa gen và di truyền đa nhân tố ở người

2.6. Sự liên kết gen và tái tổ hợp gen trong nhóm gen liên kết

2.6.1. Liên kết gen

2.6.2. Hoán vị gen

2.7. Di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2.7.1. Đặc điểm di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2.7.2. Hệ gen lap thể và sự di truyền hệ gen lap thể

Bài 7. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được NST giới

1.2. Trình bày được cơ chế xác định giới tính

1.3. Trình bày được một số bệnh bất thường về nhiễm sắc thể giới tính ở người

1.4. Trình bày được các quy luật di truyền liên kết giới tính

1.5. Trình bày được các đặc điểm di truyền liên kết giới tính

1.6. Trình bày được một số bệnh bất thường di truyền liên kết với giới tính ở người

2. Nội dung:

2.1. Di truyền giới tính

2.1.1. Cơ chế xác định giới tính do nhiễm sắc thể giới

2.1.2. Ý nghĩa của di truyền học giới tính

2.1.3. Một số bệnh bất thường về nhiễm sắc thể giới tính ở người

2.2. Di truyền liên kết với giới tính

2.2.1. Nguyên lý chung

2.2.2. Sự di truyền các tính trạng do gen liên kết nhiễm sắc thể X mà không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể Y quy định

2.2.3. Sự di truyền các tính trạng do gen liên kết nhiễm sắc thể Y mà không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể X quy định

2.2.4. Sự di truyền các tính trạng do gen nằm trên đoạn tương đồng của NST X và Y quy định

2.2.5. Ý nghĩa của di truyền liên kết giới tính

2.2.6. Một số bệnh bất thường di truyền liên kết với giới tính

2.3. Những tính trạng bị hạn chế bởi giới tính

Bài 8. NST người và bệnh học NST người; 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được hình dạng, kích thước và số lượng nhiễm sắc thể người

1.2. Trình bày được đặc điểm đặc trưng của các vật thể giới và những ứng dụng khi nghiên cứu về vật thể giới

1.3. Nêu được những tiêu chuẩn cơ bản để phân loại nhiễm sắc thể người và lập karyotyp

1.4. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh và hậu quả của đột biến đa bội

1.5. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh dị bội thể và một số bệnh thường gặp ở người

1.6. Trình bày được cơ chế phát sinh và các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, và hậu quả của nó

1.7. Nêu được cơ chế gây đột biến gen và các dạng gen đột biến gen.

2. Nội dung:

2.1. Hình dạng, kích thước và số lượng nhiễm sắc thể

2.1.1. Hình dạng

2.1.2. Kích thước

2.1.3. Số lượng

2.2. Vật thể giới ở người

2.2.1. Vật thể Barr

2.2.2. Thể đuôi trống

2.2.3. Vật thể Y

2.3. Xếp Bộ nhiễm sắc thể người (Lập karyotyp)

2.3.1. Các tiêu chuẩn để phân loại nhiễm sắc thể

2.3.2. Karyotyp

2.3.3. Các quy định quốc tế về xếp bộ NST người

2.4. Bệnh nhiễm sắc thể

2.4.1. Đột biến số lượng NST

2.4.2. Đột biến cấu trúc NST

2.5. Cơ chế ổn định bộ nhiễm sắc thể

2.6. Gen

2.6.1. Khái niệm chung

2.6.2. Đột biến gen

Bài 9. Sinh học phân tử;

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm, cấu trúc của ADN và quá trình tái bản ADN ở Prokaryota

1.2. So sánh quá trình tái bản ADN ở Prokaryota và Eukaryota

1.3. Trình bày được cấu trúc và chức năng của mARN, rARN, tARN và quá trình tổng hợp ARN ở Prokaryota

1.4. So sánh quá trình tổng hợp ARN ở Prokaryota và Eukaryota

1.5. Trình bày quá trình sinh tổng hợp Protein ở Prokaryota

1.6. So sánh quá trình sinh tổng hợp protein ở Prokaryota và Eukaryota

1.7. Trình bày được cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Prokaryota và Eukaryota

1.8. Nêu được đặc tính của mã bộ ba (mã di truyền)

2. Nội dung:

2.1. Acid nucleic

2.1.1. Acid deoxyribonucleic

2.1.1.1. Cấu trúc của ADN

2.1.1.2. Đặc điểm của ADN

2.1.1.3. Đặc điểm của bộ gen

2.1.1.4. Quá trình tái bản của ADN ở Prokaryota

2.1.1.5. Sự tái bản ở Eukaryota

2.1.2. Acid ribonucleic

2.1.2.1. Cấu tạo của ARN

2.1.2.2. Phân loại ARN

2.1.2.3. Sự tổng hợp ARN (Sự sao mã hay sự phiên mã)

2.2. Protein

2.2.1. Cấu trúc protein

2.2.2. Sinh tổng hợp protein

2.3. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp Protein

2.3.1. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Prokaryota

2.3.2. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Eukaryota

Bài 10. Nguyên lý sinh thái;

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ảnh hưởng của các nhân tố nhiệt độ, khí độc hại, phóng xạ, tiếng ồn lên con người. Từ đó nêu các biện pháp phòng chống

1.2. Trình bày các vấn đề môi trường làm việc và bệnh nghề nghiệp

1.3. Trình bày được mối quan hệ dinh dưỡng giữa con người và ngoại cảnh hữu sinh

1.4. Trình bày được mối quan hệ gây bệnh giữa loài người và vi sinh vật gây bệnh trên người

2. Nội dung:

2.1. Một số khái niệm

2.2. Loài người và ngoại cảnh

2.2.1. Loài người và nhân tố vô sinh

2.2.2. Loài người và ngoại cảnh hữu sinh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cấu trúc và chức năng các thành phần trong tế bào

Các quy luật di truyền và vận dụng nó để giải thích và ứng dụng vào thực tiễn đời sống

Quá trình và cơ chế điều khiển phát triển cá thể. Vận dụng vào tiến hành các thực nghiệm phôi

Sinh học phân tử

Mối quan hệ giữa loài người và các nhân tố ngoại cảnh

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Ngô Thị Thúy Vân, (2023), Bài giảng sinh học đại cương và di truyền, Khoa KHCB trường CDYT Hà Tĩnh;

2. GS.TS. Nguyễn Văn Tài, (2017), *Sinh học đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam;

3. GS. TS. Trịnh Văn Bảo, (2010), *Sinh học*, NXB giáo dục Việt Nam;

4. Đỗ Hải Lan (chủ biên), Lê Văn Cương, Cao Phi Bằng, (2022), *Tế bào học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

5. Đinh Hoàng Long, Đỗ Lê Thăng, (2020), *Cơ sở di truyền học phân tử và tế bào*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH

Mã số môn học : MH 10

Thời gian môn học: 30 giờ, trong đó: Lý thuyết: 29 giờ, Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học:

1. Vị trí của môn học:

Môn học là môn học chung bắt buộc được phân bố từ đầu khóa học, điều kiện tiên quyết: không.

2. Tính chất môn học:

Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Y được các kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các qui luật của nó trong thế giới tự nhiên; vận dụng được các qui luật vận động trong hoá học và sinh học vào y dược học; thực hiện được một số phương pháp đo lường trong Vật lý - Lý sinh tại phòng thực tập; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

- 1.1. Sử dụng, quy đổi được đơn vị về hệ đo lường chuẩn của Việt Nam, phân tích được các tính chất của hiện tượng lý sinh.
- 1.2. Giải thích được cơ chế vận chuyển vật chất trong cơ thể.
- 1.3. Mô tả được tính chất lý sinh tuần hoàn và hô hấp.
- 1.4. Trình bày được nguyên lý hoạt động máy phát siêu âm, ứng dụng của âm, siêu âm trong y học.
- 1.5. Giải thích được các hiện tượng điện trên cơ thể sống, thực hiện an toàn điện.
- 1.6. Trình bày được các ứng dụng quang sinh học trong y học.
- 1.7. Trình bày được các ứng dụng học phóng xạ và hạt nhân, thực hiện an toàn phóng xạ.
- 1.8. Trình bày được nguyên lý hoạt động, tính chất của bức xạ ron ghen và ứng dụng.

1.9. Trình bày được nguyên lý chính của một số kỹ thuật lý sinh ứng dụng trong y học.

2. Kỹ năng:

2.1. Kỹ năng tìm kiếm, tự đọc tài liệu và tự học

2.2. Kỹ năng xử lý tình huống liên quan kiến thức

2.3. Kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan của lý sinh y học

2.4. Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin.

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

3.1. Nghiêm túc, tích cực khi học tập, nghiên cứu

3.2. Chủ động tiếp nhận thông tin các kỹ thuật vật lý mới ứng dụng trong các học phần chuyên môn y học

3.3. Có ý thức về an toàn nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Kiểm tra
1	Các khái niệm cơ bản	2	2		
2	Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật	4	4		
3	Lý sinh tuần hoàn và hô hấp	4	4		
4	Ứng dụng của âm, siêu âm	2	2		
5	Các hiện tượng điện trên cơ thể sống	4	4		
6	Quang sinh học	4	4		
7	Y học phóng xạ và hạt nhân	3	3		
8	Bức xạ Rơn ghen (tia X) và ứng dụng	2	2		
9	Một số phương pháp vật lý ứng dụng trong y học	4	4		
10	Kiểm tra	1			1

	Tổng số	30	29		1
--	----------------	-----------	-----------	--	----------

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Các khái niệm cơ bản; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về đơn vị đo, một số đặc điểm của hiện tượng lý sinh.

1.2. Trình bày được nguyên lý 1, 2 nhiệt động học và ứng dụng trên cơ thể sinh vật.

2. Nội dung:

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Đơn vị đo lường

2.1.2. Tiền tố

2.1.3. Thứ nguyên

2.1.4. Một số đặc điểm của hiện tượng lý sinh

2.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động và ứng dụng trong y học

2.2.1. Hệ nhiệt động

2.2.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học

2.2.3. Áp dụng nguyên lý thứ nhất cho hệ thống sống

2.3. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động và ứng dụng trong y học

2.3.1. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học và sự dịch chuyển Entropi trong hệ thống sống.

2.3.2. Áp dụng nguyên lý 2 cho hệ thống sống

Bài 2. Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật; 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các vai trò của phân tử, Ion trong cơ thể và các loại dung dịch trong cơ thể sinh vật.

1.2. Lấy ví dụ về hiện tượng thẩm thấu, nêu được khái niệm về áp suất thẩm thấu và công thức tính, ý nghĩa của áp suất thẩm thấu và ứng dụng trong y học.

1.3. Trình bày các điều kiện để có cân bằng Donnan và dùng cân bằng Donnan để tính tỉ lệ nồng độ vật chất trong và ngoài màng tế bào ở các trường hợp đặc biệt.

1.4. Phân biệt hiện tượng thẩm thấu, lọc, siêu lọc.

2. Nội dung:

2.1. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật

2.1.1. Phân tử, ion và dung dịch trong cơ thể sinh vật

2.1.2. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật

2.2. Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.2.1. Màng tế bào

2.2.2. Vận chuyển của vật chất qua màng

2.2.3. Động lực và cơ chế vận chuyển vật chất qua màng tế bào

Bài 3. Lí sinh tuần hoàn và hô hấp; 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sơ lược về hệ tuần hoàn.

1.2. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tuần hoàn máu..

1.3. Trình bày được sơ lược về hệ thống hô hấp, cơ chế hoạt động hô hấp.

1.4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hô hấp.

2. Nội dung:

2.1. Lý sinh tuần hoàn

2.1.1. Tính chất vật lý của hệ tuần hoàn

2.1.2. Sự thay đổi của áp suất và tốc độ chảy của máu trong các mạch

2.1.3. Đặc điểm về thể dịch máu và hệ tuần hoàn máu

2.1.4. Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tuần hoàn máu

2.2. Lý sinh hô hấp

2.2.1. Sơ lược về cấu tạo hệ hô hấp

2.2.2. Hoạt động hô hấp

2.2.3. Sự vận chuyển khí trong cơ thể

2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

Bài 4. Ứng dụng của sóng âm và siêu âm trong y học; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được bản chất vật lý của âm và siêu âm.

1.2. Trình bày cơ sở vật lý của phương pháp âm trong chẩn đoán.

1.3. Trình bày được phương pháp ứng dụng siêu âm vào điều trị và chẩn đoán.

2. Nội dung:

2.1. Ứng dụng của sóng âm

2.1.1. Âm thanh

- 2.1.2. Cơ chế của quá trình nghe
- 2.1.3. Cơ sở vật lý của phương pháp âm trong chẩn đoán
- 2.2. Ứng dụng của siêu âm
 - 2.2.1. Nguồn phát siêu âm
 - 2.2.2. Ứng dụng của siêu âm trong y học

Bài 5. Các hiện tượng điện trên cơ thể sống; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các loại điện thế sinh vật cơ bản.(hai loại)
- 1.2. Trình bày được các loại hiệu điện thế, lý thuyết ion màng về hiện tượng điện sinh vật.

2. Nội dung:

- 2.1. Hiện tượng điện sinh vật, cơ chế phát sinh và lan truyền
 - 2.1.1. Các loại điện thế sinh vật cơ bản
 - 2.1.2. Lý thuyết ion màng - cơ chế phát sinh và lan truyền các loại điện thế sinh vật
- 2.2. Cơ chế dẫn truyền sóng hưng phấn từ thần kinh đến cơ
 - 2.2.1. Khái niệm hưng phấn
 - 2.2.2. Khái niệm ngưỡng hưng phấn
 - 2.2.3. Cơ chế dẫn truyền sóng hưng phấn trong dây thần kinh.
 - 2.2.4. Cơ chế bàn giao hưng phấn qua xinap
- 2.3. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể, ứng dụng trong điều trị
 - 2.3.1. Các loại dòng điện dùng trong điều trị
 - 2.3.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị.
 - 2.3.3. An toàn điện

Bài 6. Quang sinh học; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nội dung chính của hai thuyết về bản chất ánh sáng
- 1.2. Trình bày được cơ chế hấp thụ và phát quang
- 1.3. Nêu được các quá trình quang sinh quang hợp và sinh tổng hợp sắc tố vitamin
- 1.4. Trình bày, giải thích được nguyên lý cấu tạo một Laser; vẽ sơ đồ Laser rắn.

2. Nội dung:

- 2.1. Bản chất ánh sáng

- 2.1.1. Thuyết sóng điện từ về bản chất ánh sáng
- 2.1.2. Thuyết lượng tử về bản chất ánh sáng
- 2.2. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
 - 2.2.1. Định luật hấp thụ ánh sáng
 - 2.2.2. Ứng dụng quang phổ hấp thụ phân tử
 - 2.2.3. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng
 - 2.2.4. Sự di chuyển năng lượng trong hệ sinh vật
- 2.3 Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
 - 2.3.1. Đại cương tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
 - 2.3.2. Một số quá trình quang sinh và ứng dụng
- 2.4. Laser và ứng dụng trong y học
 - 2.4.1. Khái niệm về Laser
 - 2.4.2. Nguồn gốc tia Laser
 - 2.4.3. Nguyên lý cấu tạo và hoạt động của máy phát tia Laser
 - 2.4.4. Phân loại Laser
 - 2.4.5. Tính chất của chùm tia Laser
 - 2.4.6. Ứng dụng của Laser trong y học

Bài 7. Y học phóng xạ và hạt nhân; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu khái niệm phóng xạ, bản chất của các bức xạ ion hoá
- 1.2. Phân biệt cơ chế tác dụng của bức xạ ion hoá lên cơ thể sống và các mức độ tổn thương của cơ thể sống.
- 1.3. Trình bày được các ứng dụng trong y học và nguyên lý kiểm soát an toàn bức xạ

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên tử, hạt nhân, đồng vị
 - 2.1.1. Cấu trúc nguyên tử
 - 2.1.2. Hạt nhân
 - 2.1.3. Đồng vị
- 2.2. Phóng xạ
 - 2.2.1. Hiện tượng phóng xạ.
 - 2.2.2. Các dạng phân rã phóng xạ (tia phóng xạ) thường gặp
 - 2.2.3. Quy luật phân rã phóng xạ
 - 2.2.4. Liều lượng bức xạ:

2.2.5. Tính chất của tia phóng xạ

2.3. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

2.3.1. Cơ chế tác dụng của bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.

2.3.2. Tác dụng của bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.

2.3.3. Tác dụng của bức xạ ion hóa lên tế bào

2.4. Ứng dụng của tia phóng xạ trong y học và an toàn phóng xạ

2.4.1. Ứng dụng của tia phóng xạ trong chẩn đoán

2.4.1. Ứng dụng của tia phóng xạ trong điều trị

2.4.3. An toàn phóng xạ

Bài 8. Bức xạ Rơn ghen và ứng dụng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm và các tính chất của chùm tia X.

1.2. Liệt kê được các ứng dụng của tia X trong điều trị, phân tích được ứng dụng đó đã sử dụng dựa trên tính chất đặc biệt nào của chùm tia X.

2. Nội dung:

2.1. Hiện tượng bức xạ tia X và ứng dụng trong y học

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn phát xạ tia X.

2.1.3. Tính chất của tia X

2.1.4. Ứng dụng của tia X trong y học

2.2. Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và ứng dụng

2.2.1. Đại cương về kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính

2.2.2. Nguyên lý tạo hình trong chụp cắt lớp

2.2.3. Chụp cắt lớp dùng vi tính (CTS - Computer Tomography Scanner)

2.2.4. An toàn bức xạ đối với tia X

Bài 9. Một số phương pháp vật lý ứng dụng trong y học; 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được sơ đồ Kính hiển vi quang học trường sáng, tác dụng của các bộ phận trong sơ đồ.

1.2. Trình bày được nội dung phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử.

1.3. Trình bày được nội dung phương pháp Cộng hưởng từ hạt nhân.

2. Nội dung:

2.1. Phương pháp hiển vi

2.1.1. Kính hiển vi quang học trường sáng

2.1.2. Một số loại kính hiển vi khác

2.1.3. Ứng dụng

2.2. Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử

2.2.1. Sự hấp thụ của nguyên tử:

2.2.2. Phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử

2.2.3. Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử

2.2.4. Các ưu, nhược điểm của máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS

2.3. Cộng hưởng từ hạt nhân

2.3.1. Cơ sở vật lý của phương pháp cộng hưởng từ

2.3.2. Chụp cộng hưởng từ (MRI)

2.3.3. Ưu, nhược điểm của phương pháp chụp cộng hưởng từ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn Lý sinh/nhà xưởng: Phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

+ Hệ thống các kiến thức về Vật lý đại cương

+ Trình bày được tác dụng và ứng dụng trong y học của một số phương pháp kỹ thuật vật lý.

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong suốt quá trình học tập, sinh viên được đánh giá có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao trong quá trình học tập nếu:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Hoàn thành các bài tập được giao;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thông cải tiến

+ 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên cao đẳng Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết các quá trình vật lý như nhiệt động học, quang học, âm học, điện học, cấu tạo nguyên tử;

- Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của ánh sáng, siêu âm, điện trường, từ trường, phóng xạ hạt nhân.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Văn Phú Cường, (2023), Bài giảng Vật lý - Lý sinh y học, Khoa Khoa học cơ bản trường Cao đẳng y tế Hà Tĩnh.

2. Lương Duyên Bình (2007- tái bản 2020), Giáo trình Vật lý đại cương - ĐHSPHN.

3. Nhiều tác giả, Giáo trình Lý sinh y học (2004 - tái bản 2019) - ĐHY Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã số môn học: MH 10

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó: Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn Hóa học là một môn học chung nằm trong nhóm môn khoa học cơ bản, được bố trí ở kì I, năm thứ nhất trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng chính quy.

2. Tính chất

Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hoá học các nguyên tố; lý thuyết hoá vô cơ, hữu cơ, vận dụng được các kiến thức hoá học vào các môn học khác; cách thực hiện một số phản ứng hoá học cơ bản; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, liên kết hóa học; cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học: Nhiệt động học, động hóa học, điện hóa và dung dịch.

1.2. Trình bày được tính chất của các đơn chất: Kim loại, phi kim.

1.3. Trình bày được tính chất của một số hợp chất hữu cơ: Alcohol (ancol), phenol, aldehyde (andehit), ketone (ceton, xeton), carboxylic acid (axit cacboxylic) và ester (este).

1.4. Nêu được ứng dụng trong y học và tác dụng sinh học của các nguyên tố và hợp chất.

1.5. Vận dụng được những kiến thức Hóa học đã học vào các môn Y học cơ sở và Y học lâm sàng.

2. Về kỹ năng

2.1. Tiếp cận được phương pháp nghiên cứu hệ vi mô (electron, nguyên tử, phân tử) trong cơ học lượng tử để học tốt phần cấu tạo nguyên tử.

2.2. Giải được các bài tập hóa học về cấu tạo nguyên tử, xác định vị trí của các nguyên tố trong Bảng tuần hoàn.

2.3. Tính toán được lượng nhiệt tỏa ra hay thu vào trong phản ứng (ΔH).
 Tính ΔG và dự đoán chiều của phản ứng.

2.4. Tính tốc độ phản ứng.

2.5. Tính các đại lượng trong dung dịch như H, độ điện li α , hằng số điện li K, nồng độ các ion trong dung dịch, độ tan S,....

2.6. Tính sức điện động của pin và xác định chiều của phản ứng xảy ra trong pin.

2.7. Giải được một số bài toán hóa vô cơ, hóa hữu cơ trong chương trình học.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Rèn luyện được ý thức về an toàn nghề nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Cấu tạo nguyên tử	3	3		
2	Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	3	3		
3	Nhiệt động học	3	3		
4	Động hóa học	2	2		
5	Đại cương về dung dịch	2	2		
6	Dung dịch chất điện ly	2	2		
7	Phản ứng oxy hóa khử và điện hóa	2	2		
8	Kim loại và phi kim	2	2		
9	Cấu trúc phân tử và liên kết trong hóa học hữu cơ	2	2		
10	Alcohol (Ancol) - Phenol	3	3		
11	Aldehyde (Andehit) và Ketone (ceton, xeton)	3	3		
12	Carboxylic acid (Axit cacboxylic) và ester (este)	2	2		
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	29		1

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1: Cấu tạo nguyên tử; 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được những ưu điểm và nhược điểm của các mẫu nguyên tử cổ điển của Rutherford và Bohr.

1.2. Trình bày được những luận điểm cơ bản của thuyết cơ học lượng tử trong việc nghiên cứu nguyên tử.

1.3. Vận dụng quy luật phân bố electron trong nguyên tử, để biểu diễn cấu hình electron của nguyên tử của một nguyên tố.

1.4. Mô tả được cấu trúc của bảng tuần hoàn và quy luật biến thiên tính chất của các nguyên tố trong bảng tuần hoàn.

2. Nội dung

2.1. Thành phần cấu tạo nguyên tử

2.2. Những mẫu nguyên tử cổ điển

2.3. Những tiền đề của cơ học lượng tử

2.4. Những khái niệm cơ bản về cơ học lượng tử

2.5. Các số lượng tử và quy luật phân bố electron trong nguyên tử

2.6. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học

Bài 2: Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học; 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Định nghĩa và nêu lên được mối quan hệ giữa các đại lượng đặc trưng của liên kết.

1.2. Nêu được bản chất và cho ví dụ các thuyết cổ điển về liên kết.

1.3. Trình bày được những luận điểm cơ bản của thuyết liên kết hóa trị.

1.4. Nêu đặc điểm của một số kiểu lai hóa.

1.5. Trình bày được những luận điểm cơ bản của thuyết MO

2. Nội dung

2.1. Một số đại lượng có liên quan đến liên kết

2.2. Những thuyết kinh điển về liên kết

2.3. Thuyết liên kết hóa trị

2.4. Sự lai hóa các AO trong liên kết

2.5. Thuyết orbital phân tử

2.6. Sự phân cực của phân tử

Bài 3: Nhiệt động học; 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nội dung nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học, các khái niệm nội năng, entanpi và nhiệt dung. Quan hệ giữa biến thiên nội năng ΔU và biến thiên entanpi ΔH .

1.2. Vận dụng được những định luật của nhiệt hoá học để tính toán hiệu ứng nhiệt của phản ứng hoá học khác nhau.

1.3. Trình bày được nội dung và giải thích biểu thức nguyên lý thứ hai của nhiệt động học.

1.4. Nêu được ý nghĩa của các hàm trạng thái entropi và entanpi tự do hay năng lượng Gip trong nghiên cứu các phản ứng hoá học.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm và định nghĩa

2.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học

2.3. Nhiệt hóa học

2.4. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học

Bài 4: Động hóa học; 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phát biểu và giải thích được biểu thức của định luật tác dụng khối lượng về ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng.

1.2. Trình bày được những quy luật về ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng.

1.3. Trình bày được cơ chế chung và giải thích được vai trò của chất xúc tác trong phản ứng hoá học.

1.4. Vận dụng được nguyên lý Le Chatelier để dự đoán chiều chuyển dịch của một số cân bằng khi có tác động của một số yếu tố.

2. Nội dung

1.1. Một số khái niệm

1.2. Ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng

1.3. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng

1.4. Ảnh hưởng của chất xúc tác đến tốc độ phản ứng

1.5. Cân bằng hóa học

Bài 5: Đại cương về dung dịch; 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Định nghĩa đúng và tính toán được những loại nồng độ khác nhau sử dụng trong hoá học.

1.2. Mô tả được hiện tượng thẩm thấu và giải thích được biểu thức của định luật Van't Hoff về áp suất thẩm thấu.

1.3. So sánh và giải thích được sự khác nhau về nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch và dung môi.

1.4. Nêu lên được những ứng dụng của việc đo áp suất thẩm thấu, độ tăng nhiệt độ sôi, độ hạ nhiệt độ đông đặc của dung dịch trong việc xác định khối lượng mol của các chất.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa và phân loại dung dịch

- 2.2. Nồng độ của dung dịch
- 2.3. Áp suất thẩm thấu của dung dịch
- 2.4. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch chứa chất tan không bay hơi, không điện ly
- 2.5. Áp suất thẩm thấu, nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch chất điện ly

Bài 6: Dung dịch chất điện ly; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Định nghĩa đúng và tính toán được một số đại lượng đặc trưng cho chất điện ly, một dung dịch chất điện ly.
- 1.2. Nêu được một số quan niệm về acid-base và nhận biết được acid, base theo Bronsted.
- 1.3. Tính toán được pH của dung dịch chất điện ly.
- 1.4. Nêu được thành phần tổng quát, giải thích được cơ chế tác dụng và tính được pH của một số hệ đệm.
- 1.5. Định nghĩa đúng tích số tan của chất điện ly mạnh ít tan và nêu được mối quan hệ giữa đại lượng này với độ tan.

2. Nội dung

- 2.1. Một số khái niệm và đại lượng về dung dịch điện ly
- 2.2. Acid và base
- 2.3. Sự điện ly của acid, base yếu nhiều nấc
- 2.4. Dung dịch đệm
- 2.5. Dung dịch các chất điện ly mạnh ít tan. Tích số tan

Bài 7: Phản ứng oxy hóa khử và điện hóa; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm chất oxy hóa, chất khử và phản ứng oxy hóa - khử.
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc biến hóa năng thành điện năng, suất điện động của pin, thế điện cực.
- 1.3. Xác định được chiều và trạng thái cân bằng của phản ứng oxy hóa - khử.
- 1.4. Trình bày được khái niệm sự điện phân, viết phương trình điện phân dung dịch, điện phân nóng chảy.

2. Nội dung

- 2.1. Phản ứng oxy hóa khử
- 2.2. Nguyên tắc biến hóa năng thành điện năng
- 2.3. Các loại điện cực
- 2.4. Thế khử chuẩn của các cặp oxy hóa khử
- 2.5. Suất điện động của pin
- 2.6. Chiều và hằng số cân bằng của phản ứng oxy hóa xảy ra trong

dung dịch nước

2.7. Sự điện phân

Bài 8: Kim loại và phi kim; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được trạng thái thiên nhiên và tính chất chung của kim loại.
- 1.2. Trình bày được phương pháp điều chế được một số kim loại.
- 1.3. Trình bày được vai trò của một số kim loại đối với cơ thể.
- 1.4. Trình bày được tính chất chung của phi kim.
- 1.5. Nêu được tầm quan trọng của các nguyên tố nhóm halogen, oxy, lưu huỳnh, nitơ.
- 1.6. Nêu được sự biến thiên tính oxy hóa của các nguyên tố nhóm VIIA.
- 1.7. Nêu được ứng dụng của một số hợp chất được dùng làm thuốc chữa bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Kim loại
 - 2.1.1. Trạng thái thiên nhiên và tính chất chung của kim loại.
 - 2.1.2. Điều chế kim loại.
 - 2.1.3. Ứng dụng trong y học và tác dụng sinh học của các nguyên tố kim loại và hợp chất
- 2.2. Phi kim
 - 2.2.1. Halogen
 - 2.2.2. Oxygen (oxy) - Sulfur (Lưu huỳnh)
 - 2.2.3. Một số phi kim khác

Bài 9: Cấu trúc phân tử và liên kết trong hóa học hữu cơ; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được bản chất liên kết và cấu trúc không gian của các hợp chất hữu cơ.
- 1.2. Trình bày được ảnh hưởng qua lại giữa các nguyên tử, nhóm nguyên tử trong phân tử hợp chất hữu cơ.
- 1.3. Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo phân tử và tính chất của hợp chất hữu cơ.

2. Nội dung

- 2.1. Cấu tạo nguyên tử và liên kết trong hóa học hữu cơ
- 2.2. Sự tạo thành chuỗi và cấu trúc không gian của khung cacbon (carbon)
- 2.3. Sự ảnh hưởng lẫn nhau của các nguyên tử trong phân tử chất hữu cơ
- 2.4. Xác định cấu trúc phân tử của một chất hữu cơ

Bài 10: Alcohol (Ancol) – Phenol; 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, phân loại các hợp chất alcohol, phenol.

1.2. Trình bày được tính chất của từng loại hợp chất alcohol, phenol và ý nghĩa y học của chúng.

1.3. Trình bày được phương pháp điều chế alcohol, phenol.

2. Nội dung

2.1. Alcohol (ancol)

2.1.1. Định nghĩa, danh pháp, tính chất vật lý

2.1.2. Tính chất hóa học

2.1.3. Ứng dụng và ý nghĩa y học

2.2. Phenol

2.2.1. Định nghĩa, danh pháp, tính chất vật lý

2.2.2. Tính chất hóa học

2.2.3. Ứng dụng và ý nghĩa y học

Bài 11: Aldehyde (Andehit) và ketone (ceton, xeton); 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cấu tạo và danh pháp của aldehyde và ketone.

1.2. Viết được các phương trình minh họa tính chất hóa học của aldehyde và ketone.

1.3. Trình bày được ứng dụng và ý nghĩa y học cơ bản của aldehyde và ketone.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, danh pháp, tính chất vật lý

2.2. Tính chất hóa học

2.3. Ứng dụng và ý nghĩa y học

Bài 12: Carboxylic acid (Axit cacboxylic) và Ester (Este); 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cấu tạo và danh pháp của carboxylic acid và ester.

1.2. Trình bày được phương pháp điều chế chính của carboxylic acid và ester.

1.3. Trình bày được tính chất hóa học và ứng dụng trong y học của carboxylic acid và ester.

2. Nội dung

2.1. Carboxylic acid

2.1.1. Định nghĩa, danh pháp, tính chất vật lý

2.1.2. Tính chất hóa học

2.1.3. Ứng dụng và ý nghĩa y học

2.2. Ester

2.2.1. Danh pháp

2.2.2. Phương pháp điều chế

2.2.3. Tính chất vật lý

2.2.4. Tính chất hóa học

2.2.5. Chất điển hình

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, videos, bài giảng PowerPoint

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- *Kiểm tra thường xuyên*: 01 điểm kiểm tra 15 phút.

- *Kiểm tra định kỳ*: 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 45 phút.

- *Thi kết thúc môn học*: 01 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (theo quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022)

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

- Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

- Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% giờ giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học như nhiệt động học, động hóa học, dung dịch;

- Một số dẫn xuất chứa oxy của hydrocarbon;

- Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của một số chất vô cơ, hữu cơ.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Bùi Thị Trâm Anh (2025), *Hóa học*, trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh

2. Hoàng Nhâm, (tái bản năm 2022), *Hóa học vô cơ cơ bản T1, T2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

3. PGS.TSKH Phan An - TS. Nguyễn Thị Nguyệt - ThS. Hà Thị Phụng - ThS. Phan Diệu Hằng, (tái bản năm 2020), *Hóa vô cơ và hữu cơ*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. TS. Trần Đức Lượng, (2020), *Giáo trình Hóa học (đào tạo ngành Điều dưỡng đại học)*, nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

5. Đặng Như Tại - Ngô Thị Thuận, (tái bản lần thứ 6 năm 2023), *Hóa học hữu cơ T1, T2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6. PGS.TSKH Phan An - TS. Nguyễn Sĩ Đắc - DS. Lê Hữu Trí, (tái bản năm 2012), *Hóa đại cương*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

7. Trần Thị Đà - Đặng Trần Phách, (2006), *Cơ sở lý thuyết các phản ứng*

hóa học, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

8. PGS.TS Lê Minh Trí - TS. Nguyễn Minh Hiền, (2021), *Hóa hữu cơ*, nhà xuất bản đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022,2023,2024), *Sách giáo khoa Hóa học 10,11,12 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Ghi chú và giải thích:

TT	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt
1	Alcohol	Ancol
2	Phenol	Phenol
3	Aldehyde	Andehit
4	Ketone	Xeton/ceton
5	Carboxylic acid	Axit cacboxylic
6	Ester	Este
7	Oxygen	Oxy
8	Sulfur	Lưu huỳnh

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIẢI PHẪU - SINH LÝ

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn Giải phẫu Sinh lý là một môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được học vào học kì II trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng chính quy, là điều kiện tiên quyết cho các môn chuyên ngành.

2. Tính chất:

Là môn học bắt buộc nhằm cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng Điều dưỡng Cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn lâm sàng. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức tổng quan về cơ thể sống nói chung và cơ thể người nói riêng.

1.2. Mô tả được các bộ phận, các cơ quan trên tranh vẽ, mô hình, trên tiêu bản đại thể và trên xương, liên hệ trên cơ thể người sống

1.3. Trình bày được chức năng chính của các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người bình thường.

1.4. Giải thích được cơ chế và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể con người trong trạng thái bình thường.

2. Về kỹ năng:

2.1. Xác định được những đặc điểm giải phẫu cơ bản nhất về các bộ phận và cơ quan trong cơ thể người. Vận dụng được kiến thức Giải phẫu vào lâm sàng và các môn học khác

2.2. Phân tích được mối liên hệ chặt chẽ về chức năng các cơ quan và hệ thống các cơ quan trong sự hoạt động của cơ thể là một khối thống nhất và mối liên hệ giữa cơ thể người với môi trường. Vận dụng được kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng hấp thu, chuyển hoá và đào thải trong cơ thể người.

2.3. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng vận dụng các kiến thức liên quan để nắm vững kiến thức.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn giải phẫu sinh lý đối với chương trình đào tạo và chuyên môn để có thái độ nghiêm túc khi học tập nghiên cứu môn học này.

3.2. Luôn có ý thức vận dụng kiến thức giải phẫu sinh lý để học các môn chuyên ngành, tôn trọng và có ý thức bảo vệ các cơ quan trong cơ thể và con người.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Phần Giải phẫu

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Giới thiệu về môn học GPSL	1	1	0	
2	Giải phẫu hệ Xương - Khớp	5	2	3	
3	Giải phẫu hệ cơ	3	1	2	
4	Giải phẫu Hệ tuần hoàn	5	2	3	
5	Giải phẫu hệ hô hấp	4	1	3	
6	Giải phẫu hệ tiêu hóa	6	3	3	
7	Giải phẫu hệ tiết niệu	3	1	2	
8	Giải phẫu hệ sinh dục nam nữ	2	1	1	
9	Giải phẫu hệ thần kinh	5	2	3	
10	Giải phẫu Giác quan: Tai - mắt	2	1	1	
11	Kiểm tra kết thúc thực hành	3			3
	Cộng	39	15	21	3

1.2. Phần sinh lý

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về cơ thể sống, sinh lý tuyến nội tiết, chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt	03	03		
2	Sinh lý máu - Nội môi	02	02		
3	Sinh lý tuần hoàn - hô hấp	03	03		
4	Sinh lý hệ tiêu hóa	02	02		
5	Sinh lý hệ tiết niệu, sinh dục	02	02		
6	Sinh lý hệ thần kinh	02	02		
7	Kiểm tra lý thuyết định kỳ	01			01
8	Định thời gian máu đông, máu chảy,	03		03	
9	Xác định nhóm máu hệ ABO	03		03	
	Cộng	21	14	06	01

2. Nội dung chi tiết môn học

2.1. Giải phẫu

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Giới thiệu về môn học Giải phẫu sinh lý; 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa: Giải phẫu học, tư thế giải phẫu và sinh lý học.
- 1.2. Trình bày được vai trò, vị trí của giải phẫu học, sinh lý học trong y học.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, vai trò Giải phẫu học
- 2.2. Định nghĩa, vai trò Sinh lý học

Bài 2: Giải phẫu hệ xương - khớp; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được phân loại và quá trình phát triển của xương.
- 1.2. Nêu được định nghĩa và phân loại khớp.

1.3. Phân biệt được các loại xương, kể được tên và số lượng các loại xương theo từng vùng cơ thể.

1.4. Mô tả được cấu tạo của khớp vai, khớp háng.

2. Nội dung :

2.1. Đại cương về xương

2.1.1. Số lượng

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Cấu tạo của xương

2.2. Đại cương về khớp

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Cấu tạo

2.3. Xương đầu mặt

2.4. Xương thân mình

2.5. Xương chi trên

2.6. Khớp vai

2.7. Xương chi dưới

2.8. Khớp háng

Bài 3: Giải phẫu hệ cơ; 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể được tên và vị trí của các cơ quan trọng theo từng vùng cơ thể.

1.2. Liên hệ được với bài học trên thực tiễn lâm sàng

2 . Nội dung:

2.1 Đại cương về cơ

2.1.1. Phân loại cơ

2.1.2. Các đầu bám của cơ

2.1.3. Các kiểu sắp xếp bó sợi cơ

2.1.4. Sự phối hợp giữa cơ và nhóm cơ

2.1.5. Sự cung cấp thần kinh cho cơ.

2.2. Cơ đầu mặt cổ

2.2.1. Cơ vùng đầu

2.2.2. Cơ vùng cổ

2.3. Cơ thân mình

2.3.1. Các cơ thành ngực

2.3.2. Các cơ thành bụng

2.3.3. Ống bẹn

2.3.4. Cơ hoành

2.4. Cơ tứ chi

2.4.1. Cơ chi trên

2.4.2. Cơ chi dưới

Bài 4: Giải phẫu hệ tuần hoàn; 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được vị trí và hình thể ngoài của tim.

1.2. Mô tả được hình thể trong và cấu tạo của tim.

1.3. Mô tả được phân đoạn, các nhánh bên, nhánh tận của động mạch chủ

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu tim

2.1.1. Vị trí

2.1.2. Hình thể

2.1.3. Cấu tạo

2.1.4. Liên quan

2.2. Đại cương về mạch máu và các mạch máu chính trong cơ thể

2.2.1. Động mạch

2.2.2. Tĩnh mạch

2.2.3. Bạch mạch

Bài 5: Giải phẫu hệ hô hấp; 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của mũi, thanh quản, khí quản.

1.2. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài của phổi.

1.3. Mô tả được hình thể trong(cấu tạo) của phổi.

1.4. Mô tả được màng phổi.

2. Nội dung:

2.1. Mũi

2.2. Thanh quản

2.3. Khí quản

2.4. Phổi

Bài 6: Giải phẫu hệ tiêu hóa; 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các đặc điểm đại cương của hệ tiêu hoá.
- 1.2. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của miệng, họng, thực quản.
- 1.3. Mô tả được vị trí, hình thể và liên quan của dạ dày, ruột.
- 1.4. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, liên quan và cấu tạo của gan, tụy, lách.
- 1.5. Mô tả được đường mật trong và ngoài gan.

2. Nội dung:

- 2.1. Ổ miệng
- 2.2. Hầu
- 2.3. Thực quản
- 2.4. Dạ dày
- 2.5. Gan
- 2.6. Lách
- 2.7. Tụy - tá tràng
- 2.8. Hồng tràng - Hồi tràng
- 2.9. Ruột già.

Bài 7: Giải phẫu hệ tiết niệu; 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và liên quan của thận.
- 1.2. Mô tả được hình thể trong của thận.
- 1.3. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của niệu quản, bàng quang và niệu đạo.

2. Nội dung:

- 2.1. Thận
- 2.2. Niệu quản
- 2.3. Bàng quang
- 2.4. Niệu đạo

Bài 8: Giải phẫu hệ sinh dục; 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các đặc điểm giải phẫu của cơ quan sinh dục nam và nữ.
- 1.2. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận quan trọng trong các cơ quan sinh dục nam và nữ.

2. Nội dung:

- 2.1. Cơ quan sinh dục nam
- 2.2. Cơ quan sinh dục nữ

Bài 9: Giải phẫu hệ thần kinh; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và hình thể trong của tuỷ sống
- 1.2. Xác định được các phần của não bộ.
- 1.3. Mô tả được hình thể ngoài và hình thể trong của đại não
- 1.4. Kể được tên, chức năng cơ bản của 12 đôi dây thần kinh sọ.
- 1.5. Mô tả được đám rối cánh tay và đám rối thắt lưng cùng

2. Nội dung:

- 2.1. Tế bào và mô thần kinh
- 2.2. Các màng não tuỷ
- 2.3. Tuỷ sống
- 2.4. Não bộ
- 2.5. Các dây thần kinh sọ
- 2.6. Các dây thần kinh gai sống

Bài 10: Giải phẫu giác quan; 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các lớp võ của nhãn cầu
- 1.2. Mô tả được các môi trường trong suốt của nhãn cầu
- 1.3. Nêu được các thành phần của cơ quan tiền đình ốc tai.
- 1.4. Mô tả được cấu tạo của tai giữa và tai trong.

2. Nội dung:

- 2.1. Cơ quan thị giác
- 2.2. Cơ quan tiền đình ốc tai

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Hệ xương - khớp; 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của các xương trên mô hình và tranh
- 1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của các xương người.
- 1.3. Nêu được định nghĩa khớp.

2. Nội dung

- 2.1. Đặc điểm và cấu tạo của xương đầu mặt
- 2.2. Đặc điểm và cấu tạo của xương cột sống

- 2.3. Đặc điểm và cấu tạo của xương lồng ngực
- 2.4. Đặc điểm và cấu tạo của xương chi trên
- 2.5. Đặc điểm và cấu tạo của xương chi dưới
- 2.6. Định nghĩa, phân loại khớp.

Bài 2: Hệ cơ; 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các cơ vân đã học, các cơ tùy hành với mạch trên mô hình và tranh (Hình vẽ).
- 1.2. Vẽ và chú thích được các cơ vân đã học.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ đầu, mặt, cổ
- 2.2. Cơ thành ngực
- 2.3. Cơ thành bụng
- 2.4. Cơ đáy chậu
- 2.5. Cơ chi trên
- 2.6. Cơ chi dưới

Bài 3: Giác quan; 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của cơ quan thị giác và cơ quan tiền đình ốc tai trên mô hình và tranh.
- 1.2. Vẽ và chú thích được cấu tạo của cơ quan thị giác và cơ quan tiền đình ốc tai.

2. Nội dung

- 2.1. Cơ quan tiền đình ốc tai.
 - 2.1.1. Vị trí, cấu tạo của tài ngoài.
 - 2.1.2. Vị trí, cấu tạo của tài giữa.
 - 2.1.3. Vị trí, cấu tạo của tài trong.
- 2.2. Cơ quan thị giác
 - 2.2.1. Các phần phụ.
 - 2.2.2. Các cơ.
 - 2.2.3. Cấu tạo của nhãn cầu.

Bài 4: Hệ tuần hoàn; 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của tim, đường đi, phân nhánh của động mạch và tĩnh mạch trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của tim; đường đi, phân nhánh của động mạch, tĩnh mạch.

2. Nội dung

2.1. Tim

2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài và liên quan của tim

2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo của tim

2.2. Mạch

2.2.1. Đường đi phân nhánh của động mạch

2.2.2. Đường đi phân nhánh của tĩnh mạch sâu

2.2.3. Đường đi phân nhánh của tĩnh mạch nông

2.2.4. Mao mạch.

2.2.5. Bạch mạch

Bài 5: Hệ hô hấp; 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của các cơ quan thuộc hệ hô hấp trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của các cơ quan thuộc hệ hô hấp.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo và liên quan của mũi

2.2. Vị trí, cấu tạo và liên quan của thanh quản

2.3. Vị trí, Phân đoạn, cấu tạo và liên quan của khí quản

2.4. Cấu tạo và liên quan của phế quản

2.5. Vị trí, cấu tạo và liên quan của phổi

2.6. Vị trí, cấu tạo và liên quan của màng phổi.

Bài 6: Hệ tiêu hóa; 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo và liên quan của miệng

2.2. Cấu tạo và liên quan của hầu

- 2.3. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của thực quản
- 2.4. Vị trí, cấu tạo và liên quan của dạ dày
- 2.5. Vị trí, cấu tạo, phân đoạn và liên quan của ruột tá
- 2.6. Vị trí, cấu tạo, liên quan của hồng tràng và hồi tràng
- 2.7. Vị trí, cấu tạo, phân đoạn và liên quan của ruột già
- 2.8. Vị trí, cấu tạo, hình thể và liên quan của gan.
- 2.9. Vị trí, cấu tạo, hình thể và liên quan của tụy.
- 2.10. Cấu tạo của màng bụng (phức mạc).

Bài 7: Hệ tiết niệu; 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiết niệu trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ tiết niệu.

2. Nội dung

- 2.1. Thận.
 - 2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài và liên quan của thận.
 - 2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo của thận.
- 2.2. Cấu tạo, phân đoạn, các điểm hẹp và liên quan của niệu quản.
- 2.3. Cấu tạo và liên quan của bàng quang.
- 2.4. Niệu đạo
 - 2.4.1. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của niệu đạo nam.
 - 2.4.2. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của niệu đạo nữ.

Bài 8: Hệ sinh dục; 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ sinh dục trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ sinh dục.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh dục nữ
 - 2.1.1. Vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài và liên quan của buồng trứng.
 - 2.1.2. Phân đoạn, cấu tạo của vòi trứng.
 - 2.1.3. Hình thể, cấu tạo và liên quan của tử cung.
 - 2.1.4. Cấu tạo và liên quan của âm đạo.
 - 2.1.5. Cấu tạo của âm hộ.

2.2. Sinh dục nam

2.2.1. Vị trí, hình thể và cấu tạo của tinh hoàn.

2.2.2. Cấu tạo, đường đi của ống dẫn tinh.

2.2.3. Vị trí, hình thể và cấu tạo của túi tinh.

2.2.4. Cấu tạo và liên quan của tuyến tiền liệt.

2.2.5. Cấu tạo của dương vật.

Bài 9: Hệ thần kinh; 03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của não bộ, các đôi dây thần kinh sọ, tủy sống và các đôi dây thần kinh gai sống trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan của não bộ, tủy sống.

1.3. Chỉ được cấu tạo của đám rối thần kinh chi trên và chi dưới

1.4. Vẽ và chú thích được đám rối thần kinh chi trên và chi dưới.

2. Nội dung

2.1. Não bộ và các đôi dây thần kinh sọ não.

2.1.1. Vị trí, cấu tạo, hình thể của hành não.

2.1.2. Vị trí, cấu tạo, hình thể của cầu não.

2.1.3. Vị trí, cấu tạo, hình thể của tiểu não.

2.1.4. Vị trí, cấu tạo, hình thể của não giữa.

2.1.5. Vị trí, cấu tạo, hình thể của não trung gian.

2.1.6. Vị trí, cấu tạo, hình thể của đại não.

2.1.7. Cấu tạo các màng não tủy.

2.1.8. Đường đi chức năng của các đôi dây thần kinh sọ não.

2.2. Tủy sống và các đôi dây thần kinh gai sống

2.2.1. Vị trí, hình thể và cấu tạo của tủy sống.

2.2.2. Cấu tạo, các nhánh tận của đám rối thần kinh chi trên.

2.2.3. Cấu tạo, các nhánh tận của đám rối thần kinh chi dưới.

2.2.4. Các nhánh bên và nhánh tận còn lại của các đôi dây thần kinh gai sống.

2.2. Sinh lý

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về cơ thể sống - sinh lý nội tiết, chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt; 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được 3 đặc điểm của sự sống
- 1.2. Trình bày được đặc điểm đại cương của tuyến nội tiết, hormon
- 1.3. Nêu được tác dụng của các hormon vùng dưới đồi, tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến thượng thận, tuyến tụy nội tiết.
- 1.4. Trình bày được các dạng năng lượng trong cơ thể, nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng
- 1.5. Trình bày được đặc điểm cơ bản về sinh lý điều nhiệt

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về cơ thể sống
- 2.2. Sinh lý nội tiết
 - 2.2.1. Đại cương tuyến nội tiết và hormon
 - 2.2.2. Giải phẫu sinh lý các tuyến nội tiết
- 2.3. Sinh lý chuyển hóa năng lượng
 - 2.3.1. Các dạng năng lượng của cơ thể
 - 2.3.2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng
- 2.4. Sinh lý điều nhiệt
 - 2.4.1. Thân nhiệt
 - 2.4.2. Quá trình sinh nhiệt
 - 2.4.3. Quá trình tỏa nhiệt
 - 2.4.4. Cơ chế điều nhiệt

Bài 2: Nội môi - sinh lý máu; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm nội môi, hằng tính nội môi và nêu được các hệ thống, yếu tố điều hoà hằng tính nội môi
- 1.2. Trình bày được các đặc điểm đại cương của máu.
- 1.3. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của sinh lý huyết tương
- 1.4. Trình bày được các đặc điểm cơ bản sinh lý hồng cầu, hệ thống của nhóm máu ABO, Rh và ứng dụng trong lâm sàng.
- 1.5. Trình bày được đặc điểm cơ bản của sinh lý bạch cầu và chức năng từng loại bạch cầu.
- 1.6. Trình bày được đặc điểm cơ bản của sinh lý tiểu cầu và quá trình cầm máu.

2. Nội dung:

- 2.1. Nội môi
- 2.2. Sinh lý máu

- 2.2.1. Đại cương
- 2.2.2. Sinh lý huyết tương
- 2.2.3. Sinh lý hồng cầu
- 2.2.4. Sinh lý bạch cầu
- 2.2.5. Sinh lý tiểu cầu

Bài 3: Sinh lý hệ tuần hoàn - hô hấp; 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các giai đoạn của chu kỳ tim
- 1.2. Trình bày được đặc tính cơ bản sinh lý của động mạch, các loại huyết áp động mạch
- 1.3. Trình bày được đặc tính cơ bản sinh lý tĩnh mạch, mao mạch
- 1.4. Trình bày được chức năng thông khí của phổi.
- 1.5. Trình bày được chức năng vận chuyển và trao đổi khí của máu .
- 1.6. Trình bày được hoạt động của trung tâm hô hấp và nêu các cơ chế điều hòa hô hấp

2. Nội dung:

- 2.1. Sinh lý tuần hoàn:
 - 2.1.1. Sinh lý tim
 - 2.1.2. Sinh lý tuần hoàn động mạch
 - 2.1.3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
 - 2.1.4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch
- 2.2. Sinh lý hô hấp
 - 2.2.1. Chức năng thông khí của phổi (CNTKP)
 - 2.2.2. Chức năng vận chuyển và trao đổi khí của máu
 - 2.2.3. Điều hoà chức năng hô hấp

Bài 4: Sinh lý hệ tiêu hóa; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hoạt động cơ học và sự bài tiết dịch ở miệng và thực quản
- 1.2. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch vị và sự hấp thu ở dạ dày
- 1.3. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch và sự hấp thu ở ruột non
- 1.4. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch, hoạt động của vi sinh vật và sự hấp thu ở ruột già
- 1.5. Trình bày được 4 chức năng sinh lý của gan

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương sinh lí tiêu hóa
- 2.2. Tiêu hóa ở miệng và thực quản
 - 2.2.1. Hoạt động cơ học
 - 2.2.2. Bài tiết nước bọt
- 2.3. Tiêu hóa ở dạ dày
 - 2.3.1. Hiện tượng cơ học của dạ dày
 - 2.3.2. Hoạt động bài tiết dịch vị
 - 2.3.1. Sự hấp thu của dạ dày
- 2.4. Tiêu hóa ở ruột non
 - 2.4.1. Hoạt động cơ học của ruột non
 - 2.4.2. Hoạt động bài tiết dịch
 - 2.4.3. Hoạt động hấp thu ở ruột non
- 2.5. Tiêu hóa ở ruột già
 - 2.5.1. Hoạt động bài tiết ở ruột già
 - 2.5.2. Hoạt động của hệ vi sinh vật ở ruột già
 - 2.5.3. Hấp thu ở ruột già
 - 2.5.4. Hoạt động cơ học ở ruột già
- 2.6. Sinh lí gan
 - 2.6.1. Chức năng chuyển hoá của gan
 - 2.6.2. Chức năng chống độc của gan
 - 2.6.3. Chức năng dự trữ của gan
 - 2.6.4. Chức năng sản xuất và bài tiết mật

Bài 5: Sinh lí hệ tiết niệu - Sinh dục; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các cơ chế tạo thành nước tiểu
- 1.2. Trình bày được cơ chế bài xuất nước tiểu và nêu được một số ứng dụng trong lâm sàng về sử dụng thuốc lợi tiểu và chạy thận nhân tạo.
- 1.3. Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của tinh hoàn, nêu được chức năng của túi tinh, tuyến tiền liệt và đặc điểm của tinh dịch
- 1.4. Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của buồng trứng

2. Nội dung:

- 2.1. Sinh lí tiết niệu
 - 2.1. 1. Chức năng tạo nước tiểu của thận
 - 2.1.2. Sự bài xuất nước tiểu và một số ứng dụng lâm sàng

2.2. Sinh lý sinh dục

2.2.1. Sinh lý sinh dục nam

2.1.1.1. Chức năng của tinh hoàn

2.1.1.2. Chức năng của túi tinh

2.1.1.3. Chức năng của tuyến tiền liệt

2.1.1.4. Tinh dịch

2.2.2. Sinh lý sinh dục nữ

2.2.2.1. Các hormon của buồng trứng

2.2.2.2. Chu kỳ kinh nguyệt

Bài 6: Sinh lý hệ thần kinh; 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được chức năng cảm giác thân và cảm giác giác quan

1.2. Trình bày được chức năng vận động của tủy sống, thân não, gian não, tiểu não và vỏ não.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm sinh lý chức năng cảm giác của hệ thần kinh

2.1.1. Sinh lý Receptor

2.1.2. Cảm giác thân thể

2.1.3. Cảm giác giác quan

2.2. Đặc điểm sinh lý hệ thần kinh vận động

2.2.1. Sinh lý vận động của tủy sống

2.2.2. Sinh lý vận động của thân não

2.2.3. Sinh lý tiểu não

2.2.4. Sinh lý não trung gian (gian não)

2.2.5. Chức năng vận động của vỏ não

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Định thời gian máu đông, máu chảy; 03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định thời gian máu đông, máu chảy.

1.2. Thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật tiến hành định thời gian máu đông, máu chảy.

1.3. Nhận định chính xác thời gian máu đông, máu chảy.

2. Nội dung:

1. Nguyên tắc
2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
3. Chuẩn bị người bệnh
4. Tiến hành kỹ thuật
5. Nhận định kết quả

Bài 2: Định nhóm máu hệ ABO; 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định nhóm máu hệ ABO.
- 1.2. Thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật tiến hành định nhóm máu hệ ABO.
- 1.3. Nhận định chính xác nhóm máu hệ ABO.

2. Nội dung:

1. Nguyên tắc
2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
3. Chuẩn bị người bệnh
4. Tiến hành kỹ thuật
5. Nhận định kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn giải phẫu/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết và phòng thực hành
2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn, mô hình, tranh vẽ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên
4. Các điều kiện khác: Bảo đảm an toàn vệ sinh phòng học

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:
 - + Hệ thống các kiến thức về giải phẫu đại cương
 - + Trình bày được đặc điểm, hình thể cấu tạo của các hệ cơ quan trong cơ thể
 - + Chỉ được trên mô hình và tranh vẽ các hệ cơ quan và liên hệ các cơ quan bộ phận với thực tế lâm sàng.

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập SV cần:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 50 phút

- **Kiểm tra kết thúc thực hành: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Thực hiện trên mô hình

+ Phương pháp: Chạy trạm

+ Công cụ: mô hình, bảng kiểm, thang điểm

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ lý thuyết và kết thúc phần thực hành tại trường (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên cao đẳng Điều dưỡng chính quy tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực hành tại trường**

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Giải phẫu của Trường. Trong mỗi buổi học, sinh viên được hướng dẫn ban đầu trên mô hình, tranh vẽ, bảng phân...; tự học thực hành đến thành thạo các chi tiết Giải phẫu dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)
- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết, 100% các buổi học thực hành. Nếu học sinh vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.
- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.
- Tham gia đủ 100% các buổi thực tập tại trường.
 - Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
 - Điểm kiểm tra kết thúc thực hành trên ≥ 5
 - Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

- Chủ động tổ chức thực hiện 75 giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những mốc GP quan trọng trên cơ thể người và các ứng dụng lâm sàng.

4. Tài liệu tham khảo:

4.1. Nguyễn Tất Tuấn, Lê Văn Huân, Lê Nữ Vân Thắng, (2025), *Bài giảng Giải phẫu sinh lý học (Tài liệu hành nội bộ)*, Khoa Kỹ thuật Y học - Y học cơ sở - Y học cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

4.2. Bài giảng Giải phẫu học, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, (2002), Tập I, II. Nhà xuất bản Y học.

4.3. Bộ môn Sinh lý học , (2000),Sinh lý học tập I,II, Nhà xuất bản y học.

4.4. Bộ môn Sinh lý học , (2000),Sinh lý học tập I, Nhà xuất bản y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VI SINH VẬT - KÝ SINH TRÙNG

Mã số môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ, trong đó: Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ.

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học bắt buộc thuộc các môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ II năm thứ nhất sau khi sinh viên học xong các môn chung, dùng cho đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng chính quy.

2. Tính chất

Đây là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi khuẩn, virus, ký sinh trùng, mối tương quan giữa vi sinh vật - ký sinh trùng với cơ thể, môi trường, các phương pháp chẩn đoán bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của vi sinh - ký sinh y học

1.2. Trình bày được mối liên quan giữa vi sinh vật - ký sinh trùng với cơ thể. Chẩn đoán được một số vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường và nguyên tắc phòng bệnh.

1.3. Trình bày được các phương pháp vô trùng và tiệt trùng, lấy được một số bệnh phẩm thường gặp.

2. Về kỹ năng

2.1. Thực hiện được đúng kỹ thuật lấy bệnh phẩm, soi tươi, nhuộm soi để chẩn đoán vi sinh vật, ký sinh trùng trên bệnh phẩm.

2.2. Nhận định được kết quả chính xác trên tiêu bản mẫu cũng như trên bệnh phẩm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn vi sinh - ký sinh đối với chương trình Đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

3.2. Có thái độ nghiêm túc, chuẩn bị đầy đủ bài trước khi lên lớp.

3.3. Thao tác cẩn thận, đảm bảo an toàn sinh học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

A. Lý thuyết

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Hình thể cấu tạo và sinh lý vi khuẩn, kháng nguyên - kháng thể	02	02	0	0
2	Chương 2: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp	04	04	0	0
3	Chương 3: Đại cương về virus. Các virus gây bệnh thường gặp	04	04		
4	Chương 4: Đại cương về các loại kí sinh trùng gây bệnh thường gặp	05	04	0	01
	Tổng	15	14		01

B. Thực hành

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ thuật sử dụng kính hiển vi quang học	03	0	03	0
2	Bài 2: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật.	03	0	03	0
3	Bài 3: Kỹ thuật nhuộm Gram	03	0	03	0
4	Bài 4: Kỹ thuật nhuộm Ziehl - Neelsen	03	0	03	0
5	Bài 5: Kỹ thuật kháng sinh đồ	03	0	03	0
6	Bài 6: Các phương pháp chẩn đoán huyết thanh bệnh nhiễm virus	03	0	03	0
7	Bài 7: Quan sát trứng giun sán thường gặp	03	0	03	0
8	Bài 8: Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp	03	0	03	0
9	Bài 9: Kỹ thuật xét nghiệm phân phong phú	03	0	03	0
10	Kiểm tra thực hành	03			03
9	Tổng	30	0	27	03

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Hình thể cấu tạo và sinh lý vi khuẩn, kháng nguyên - Kháng thể; 2 giờ

MỤC TIÊU

1. Trình bày định nghĩa và tính chất chung của virus.
2. Mô tả cấu trúc của virus, giải thích các giai đoạn nhân lên của virus và hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào.
3. Nêu các phương pháp chẩn đoán virus bằng xét nghiệm.
4. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.

5. *Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập*

NỘI DUNG

I. Hình thể cấu tạo

1. Hình thể
2. Cấu trúc
3. Sinh lý của vi khuẩn

II. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người

1. Vi sinh vật trong tự nhiên
2. Vi sinh vật trên cơ thể người

III. Đại cương miễn dịch vi sinh vật

1. Định nghĩa
2. Kháng nguyên
3. Kháng thể
4. Các loại miễn dịch
5. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể

IV. Vaccin và huyết thanh

1. Vaccin
2. Huyết thanh miễn dịch

Chương 2: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp 03 giờ

MỤC TIÊU

1. *Trình bày đặc điểm sinh vật học và khả năng gây bệnh của Trùng khuẩn lao.*
2. *Nêu các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học Trùng khuẩn lao.*
3. *Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.*
4. *Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.*

NỘI DUNG

1. Tụ cầu
2. Liên cầu
3. Lậu cầu
4. Trùng khuẩn lao
5. Trùng khuẩn mũ xanh
6. Xoắn khuẩn giang mai
7. Trùng khuẩn uốn ván
8. Trùng khuẩn thương hàn
9. Trùng khuẩn lỵ
10. Phẩy khuẩn tả

11. Helicobacter Pylori (vi khuẩn gây viêm dạ dày)

Chương 3: Đại cương về virus - Các virus gây bệnh thường gặp 05
giờ

TIÊU

- 1. Trình bày định nghĩa và tính chất chung của virus.*
- 2. Mô tả cấu trúc của virus, giải thích các giai đoạn nhân lên của virus và hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào.*
- 3. Nêu các phương pháp chẩn đoán virus bằng xét nghiệm.*
- 4. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.*
- 5. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.*

NỘI DUNG

A. Đại cương virus

1. Định nghĩa virus
2. Tính chất của virus
3. Sự nhân lên của virus
4. Hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào
5. Các phương pháp chẩn đoán virus

B. Các Virus gây bệnh thường gặp

1. Virus Cúm
2. Virus Bại liệt
3. Virus Đại
4. Các virus viêm gan
5. Virus viêm não Nhật Bản
6. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (HIV)

Chương 4: Đại cương về ký sinh trùng - Các ký sinh trùng gây bệnh thường gặp; 04 giờ

MỤC TIÊU

- 1. Định nghĩa được ký sinh vật, vật chủ và chu kỳ. Mô tả các loại chu kỳ của ký sinh vật.*
- 2. Định nghĩa được chu kì của kí sinh vật, mô tả được các loại chu kì của kí sinh vật.*
- 3. Mô tả đặc điểm sinh sản của ký sinh vật.*
- 4. Nêu được nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh vật.*
- 5. Mô tả được hình thể, vẽ và mô tả được hình thể trùng các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.*

6. Trình bày được đặc điểm sinh thái của các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

7. Nêu được tác hại, các phương pháp chẩn đoán bệnh các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp bằng phương pháp xét nghiệm.

8. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và các biện pháp phòng bệnh các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

9. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.

10. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.

NỘI DUNG

A. ĐẠI CƯƠNG KÝ SINH TRÙNG Y HỌC

1. Ký sinh vật, vật chủ và chu kì của ký sinh vật
2. Đặc điểm sinh sản
3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống
4. Phân loại

B. MỘT SỐ KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP

1. Giun đũa
2. Giun móc
3. Giun tóc
4. Giun kim
5. Giun chỉ bạch huyết
6. Sán lá gan nhỏ
7. Sán dây Lợn
8. Sán dây Bò
9. Amip gây bệnh
10. Ký sinh trùng sốt rét
11. Trùng lông, trùng roi

B. THỰC HÀNH

Bài 1: Kỹ thuật sử dụng kính hiển vi quang học;

03 giờ

MỤC TIÊU

1. Trình bày được các bộ phận trên kính hiển vi
2. Thực hiện đúng các thao tác tìm vi trường.
3. Soi được kính hiển vi đúng quy trình.

4. Thực hiện đúng việc lau vật kính dầu và điều chỉnh các bộ phận của kính hiển vi về tư thế hợp lí sau khi sử dụng.

5. Vận dụng kiến thức trong bài học soi và bảo quản kính hiển vi có hiệu quả.

6. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

NỘI DUNG

1. Cấu tạo của kính hiển vi quang học
2. Cách sử dụng kính hiển vi quang học
- 2.3. Bảo quản kính hiển vi quang học

Bài 2: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Nêu được nguyên tắc chung của kỹ thuật lấy bệnh phẩm
2. Chuẩn bị được dụng cụ, hóa chất và lấy được một số bệnh phẩm thông thường.
3. Vận dụng được kiến thức trong bài học lấy được và hướng dẫn cho bệnh nhân lấy được các loại bệnh phẩm.
4. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

NỘI DUNG

1. Mục đích
2. Nguyên tắc chung
3. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
4. Các Kỹ thuật lấy bệnh phẩm

Bài 3: Kỹ thuật nhuộm Gram; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành nhuộm Gram
2. Tiến hành thao tác nhuộm Gram đúng quy trình Kỹ thuật.
3. Nhận định chính xác kết quả đã làm.
4. Vận dụng kiến thức trong bài học nhuộm một tiêu bản đạt yêu cầu.
5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
6. Tác phong sạch gọn, vô khuẩn.

NỘI DUNG

1. Nguyên lý
2. Chuẩn bị phương tiện
3. Quy trình Kỹ thuật
4. Nhận định kết quả
5. Các sai phạm thường gặp và cách khắc phục

Bài 4: Kỹ thuật nhuộm Ziehl – Neelsen; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành nhuộm Ziehl Neelsen
2. Tiến hành thao tác nhuộm Ziehl Neelsen đúng quy trình Kỹ thuật.
3. Nhận định chính xác kết quả đã làm.
4. Vận dụng kiến thức trong bài học nhuộm được tiêu bản đạt yêu cầu.
5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
6. Tác phong sạch gọn, vô khuẩn.

NỘI DUNG

1. Nguyên lý
2. Chuẩn bị phương tiện
3. Quy trình Kỹ thuật
4. Nhận định kết quả
5. Các sai phạm thường gặp và cách khắc phục

Bài 5: Kỹ thuật kháng sinh đồ; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Nêu được định nghĩa kháng sinh đồ.
2. Nêu được nguyên lý và mục đích của kháng sinh đồ theo Kỹ thuật khoanh giấy khuếch tán để ứng dụng trong điều trị.
3. Tiến hành làm kháng sinh đồ đúng quy trình kỹ thuật.
4. Đọc kết quả kháng sinh đồ chính xác.
5. Vận dụng kiến thức trong bài học làm và đọc tốt kết quả kháng sinh đồ trên bệnh phẩm của người bệnh.
5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
6. Tác phong sạch, gọn, vô khuẩn.

NỘI DUNG

1. Định nghĩa
2. Nguyên lý, mục đích
3. Chuẩn bị phương tiện
4. Quy trình Kỹ thuật kháng sinh đồ
5. Đọc, đánh giá kết quả và ứng dụng

Bài 6: Các phương pháp chẩn đoán huyết thanh bệnh nhiễm virus; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Trình bày được nguyên lý của các phản ứng huyết thanh tìm virus.

2. Tiến hành một số phản ứng tìm kháng thể trong huyết thanh chẩn đoán HIV và kháng nguyên HBsAg.

3. Vận dụng kiến thức trong bài ứng dụng làm được các test nhanh chẩn đoán các virus gây bệnh thường gặp.

4. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

NỘI DUNG

I. Chẩn đoán virus HIV

II. Chẩn đoán Virus viêm gan B

Bài 7: Quan sát trứng giun sán thường gặp; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Nhận dạng được chính xác hình thể một số trứng giun, sán thường gặp.

2. Vận dụng kiến thức trong bài học soi và bảo trả lời chính xác kết quả xét nghiệm tìm trứng giun sán trên tiêu bản mẫu.

3. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

NỘI DUNG

I. Chuẩn bị

II. Hình dạng các trứng giun sán

Bài 8: Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất, bệnh phẩm.

2. Làm được xét nghiệm phân trực tiếp đúng quy trình Kỹ thuật.

3. Vận dụng được kiến thức trong bài học làm được xét nghiệm phân trực tiếp trên bệnh phẩm của bệnh nhân.

4. Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

NỘI DUNG

1. Nguyên lý

2. Chuẩn bị phương tiện

3. Quy trình Kỹ thuật

4. Nhận định kết quả

Bài 9: Kỹ thuật xét nghiệm phân phong phú; 03 giờ

MỤC TIÊU

1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất, bệnh phẩm.

2. Làm được xét nghiệm phân trực tiếp đúng quy trình Kỹ thuật.

3. Vận dụng được kiến thức trong bài học làm được xét nghiệm phân phong phú trên bệnh phẩm của bệnh nhân.

4. Có thái độ nghiêm túc trong học tập

NỘI DUNG

1. Nguyên lý
2. Chuẩn bị phương tiện
3. Quy trình Kỹ thuật
4. Nhận định kết quả.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Phòng thực hành:

2.1. Các trang thiết bị cơ bản:

- Tủ an toàn sinh học
- Máy ly tâm
- Máy lắc
- Tủ sấy
- Tủ ẩm
- Tủ lạnh
- Kính hiển vi
- Máy đo độ đục chuẩn

2.2. Dụng cụ:

- Khay inox
- Que cấy
- Đèn cồn
- Giá ống nghiệm, ống nghiệm
- Dụng cụ chứa mẫu
- Tấm bông vô khuẩn
- Lam kính
- Đĩa nuôi cấy

2.3. Hóa chất sinh phẩm:

- Test nhanh sắc kí miễn dịch
- Khoanh giấy kháng sinh
- Kháng huyết thanh mẫu
- Hóa chất sát khuẩn

- Môi trường nuôi cấy, phân lập, xác định tính chất sinh vật hóa học: Môi trường pepton kềm, môi trường canh thang, môi trường thạch máu, môi trường Macconkey, môi trường Mullerhinton...

- Hóa chất nhuộm: Ziell-Neelsen, nhuộm Gram

- Khoanh giấy kháng sinh đồ
- Kháng nguyên làm phản ứng Widal

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu Kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Thể hiện thái độ tích cực, cẩn trọng khi thao tác với các loại hóa chất, môi trường nuôi cấy và vi khuẩn
- + Thao tác gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo an toàn sinh học

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc vấn đáp
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: Dưới 30 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- **Kiểm tra định kỳ thực hành:** 1 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Thực hiện kỹ thuật
- + Công cụ: Dụng cụ, bảng kiểm, thang điểm
- + Thời gian: 60 phút

- **Thi kết thúc môn học lý thuyết: 1 điểm**

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với người học

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* Thực hành tại trường

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Vi sinh- Ký sinh trùng của Trường. Trong mỗi buổi học, sinh viên được hướng dẫn ban đầu từng Kỹ thuật, tự học thực hành đến thành thạo các Kỹ thuật của buổi học dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% thời gian học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ theo thang điểm 10.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên cần chú ý các nội dung trọng tâm như: cấu tạo của các loại vi khuẩn và kí sinh trùng lây bệnh thường gặp, các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản...

4. Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Thị Nguyễn (2007), *Vi Sinh vật Y học*, NXB Y học.
2. Lã Thị Thanh Hỹ (2008), *Ký sinh trùng*, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ y tế (2017), *Hướng dẫn thực hành kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
4. Bộ y tế (2014), *Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
5. Lê Huy Chính (2014), *Vi sinh vật y học*, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học: MH 14

Thời gian môn học: 30 giờ, trong đó lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí

Thuộc khối kiến thức các môn cơ sở ngành học

2. Tính chất

Môn học Sinh lý bệnh cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên thuộc đối tượng Cao đẳng Hộ sinh về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Quan sát diễn biến của một số bệnh lý điển hình và cơ quan khi bị bệnh trên động vật thí nghiệm. Vận dụng kiến thức của học phần vào việc học tập các môn học chuyên ngành, chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các khái niệm và qui luật chung nhất về bệnh.

1.2. Trình bày được sự thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, và tế bào khi chúng bị bệnh.

1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về Sinh lý bệnh các cơ quan: Phát hiện và mô tả sự thay đổi trong các hoạt động tạo máu, hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, chức năng gan, tiết niệu, khi các cơ quan này bị bệnh.

1.4. Vận dụng được những kiến thức đó học vào các môn Y học lâm sàng

2. Về kỹ năng

2.1. Giải thích cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp.

2.2. Phân tích một số kết quả xét nghiệm và nghiệm pháp thăm dò.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Trung thực, khách quan, thận trọng, chính xác trong khi quan sát người bệnh, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

3.2. Áp dụng những kiến thức đã học vào: Tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin để có biện pháp chăm sóc người bệnh phù hợp.

3.3. Có tinh thần tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Giới thiệu môn học Sinh lý bệnh	1	1		
2	Bài 1: Khái niệm về bệnh	1	1		
3	Bài 2: Bệnh nguyên học	1	1		
4	Bài 3: Bệnh sinh học	1	1		
5	Bài 4: Rối loạn chuyển hoá nước, điện giải	2	2		
6	Bài 5: Rối loạn thăng bằng acid- base	2	2		
7	Bài 6: Rối loạn chuyển hoá Gluid	2	2		
8	Bài 7: Rối loạn chuyển hoá Protid	2	2		
9	Bài 8: Sinh lý bệnh quá trình viêm	2	2		
10	Bài 9: Sinh lý bệnh thân nhiệt và sốt	2	2		
11	Bài 10: Sinh lý bệnh cơ quan tạo máu	3	3		1
12	Bài 11: Sinh lý bệnh tuần hoàn	2	2		
13	Bài 12: Sinh lý bệnh hô hấp	2	2		
14	Bài 13: Sinh lý bệnh tiêu hoá	2	2		
15	Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng gan	2	2		
16	Bài 15: Sinh lý bệnh thận	2	2		
	Tổng số	30	29		1

2. Nội dung chi tiết:

Giới thiệu môn học sinh lý 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Giải thích định nghĩa môn học

1.2. Trình bày cấu trúc chương trình môn học

1.3. Trình bày vị trí, vai trò môn học

1.4. Trình bày phương pháp của môn học và ứng dụng trong chẩn đoán bệnh

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Vị trí môn học

2.3. Tính chất, vai trò của môn học

2.4. Phương pháp nghiên cứu của Sinh lý bệnh

2.5. Nội dung môn học Sinh lý bệnh

Bài 1. Khái niệm về bệnh 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm chủ yếu về bệnh trước thế kỷ XX

1.2. Trình bày được những yếu tố liên quan đến bệnh.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm trong lịch sử.

2.1.1. Thời nguyên thủy.

2.1.2. Thời các nền văn minh cổ đại

2.1.3. Thời kỳ trung cổ và phục hưng.

2.1.4. Thế kỷ XVIII-XIX

2.2. Quan niệm hiện nay về bệnh

2.2.1. Những yếu tố liên quan.

2.2.2. Định nghĩa bệnh

2.2.3. Các khái niệm và thuật ngữ liên quan

Bài 2. Bệnh nguyên học 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Liệt kê được các ưu, nhược điểm của các thuyết bệnh nguyên trong quá khứ.

1.2. Trình bày được quan niệm hiện nay về bệnh nguyên.

1.3. Trình bày cách xếp loại các nguyên nhân gây bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên

2.2. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

- 2. 1. Quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh
- 2.2. Quy luật nhân quả giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh
- 3. Xếp loại các nguyên nhân gây bệnh
 - 3.1. Nguyên nhân bên ngoài
 - 3.2. Nguyên nhân bên trong.

Bài 3. Khái niệm về bệnh sinh

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.
- 1.2. Trình bày được các yếu tố cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh.
- 1.3. Trình bày diễn biến quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh
 - 2.2.1. Vai trò của bệnh nguyên
 - 2.2.2. Một số yếu tố bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh
- 2.3. Yếu tố cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh
 - 2.3.1. Yếu tố bên trong
 - 2.3.2. Yếu tố bên ngoài
 - 2.3.3. Diễn biến trong quá trình bệnh sinh

Bài 4. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày các yếu tố tham gia điều hòa nước và điện giải.
- 1.2. Nêu được 3 cách phân loại mất nước.
- 1.3. Trình bày được một số trường hợp mất nước thường gặp
- 1.4. Trình bày được các cơ chế gây phù.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.
- 2.3. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải.
 - 2.3.1. Rối loạn chuyển hóa nước
 - 2.3.2. Rối loạn chuyển hóa điện giải

Bài 5. Rối loạn thăng bằng Acid - Base

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được ý nghĩa và cơ chế điều hoà cân bằng acid- base
- 1.2. Trình bày rối loạn cân bằng acid- base.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa của cân bằng acid- base

2.2. Các cơ chế điều hòa pH máu

2.2.1. Vai trò của hệ đệm.

2.2.2. Vai trò của hô hấp

2.2.3. Vai trò của thận

2.3. Rối loạn cân bằng acid-base.

2.3.1. Nhiễm acid.

2.3.2. Nhiễm base

Bài 6. Rối loạn chuyển hóa glucid 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vai trò của nội tiết, thần kinh trong điều hòa glucid máu.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của hạ glucid máu.

1.3. Trình bày được nguyên nhân, bệnh sinh của đái tháo đường typI, typII.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Điều hòa cân bằng glucose máu

2.2.1. Vai trò của nội tiết

2.2.2. Vai trò của thần kinh

2.3. Rối loạn chuyển hóa glucid

2.3.1. Rối loạn glucose máu

2.3.2. Đái tháo đường

Bài 7. Rối loạn chuyển hóa Protid 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân và hậu quả của thay đổi số lượng protid huyết tương.

1.2. Giải thích cơ chế, hậu quả của thay đổi thành phần protid huyết tương.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Rối loạn chuyển hoá protid

2.2.1. Rối loạn tổng hợp về lượng

2.2.2. Rối loạn protid huyết tương

2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất

2.2.4. Rối loạn chuyển hoá acid nucleic

Bài 8. Sinh lý bệnh quá trình viêm 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
- 1.2. Phân tích được mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Nguyên nhân gây viêm

2.1.2. Phân loại viêm

2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm

2.2.1.. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm

2.2.2. Rối loạn chuyển hoá trong ổ viêm

2.2.3 Tổn thương mô

2.2.4. Tăng sinh tế bào

2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể

2.3.1. Ảnh hưởng của cơ thể đối với ổ viêm

2.3.2. Ảnh hưởng của phản ứng viêm với cơ thể

2. 4. Nguyên tắc xử trí ổ viêm

Bài 9. Sinh lý bệnh thân nhiệt và sốt 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của say nóng, say nắng, nhiễm lạnh.

1.2. Định nghĩa sốt, trình bày cơ chế các giai đoạn của phản ứng sốt.

1.3. Phân tích các thay đổi chức phận và ý nghĩa của phản ứng sốt.

2. Nội dung

2.1. Điều hòa thân nhiệt

2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động

2.2.1. Giảm thân nhiệt

2.2.2. Tăng thân nhiệt

2.3. Tăng thân nhiệt chủ động-sốt

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Các chất gây sốt

2.3.3. Các giai đoạn của sốt

- 2.3.4. Cơ chế sốt, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sốt
- 2.4. Thay đổi chuyển hóa trong sốt
- 2.5. Thay đổi các chức năng trong sốt
- 2.6. Ý nghĩa của phản ứng sốt

Bài 10. Sinh lý bệnh cơ quan tạo máu 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cách xếp loại thiếu máu theo nguyên nhân cơ chế bệnh sinh

1.2. Trình bày các trường hợp tăng giảm bạch cầu

1.3. Trình bày đại cương về rối loạn tiểu cầu và đông máu.

2. Nội dung

2.1. Rối loạn dòng hồng cầu

2.1.1. Nhắc lại giải phẫu sinh lý hồng cầu.

2.1.2. Thiếu máu

2.2. Những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu

2.3. Rối loạn dòng bạch cầu

2.3.1. Rối loạn không ác tính

2.3.2. Rối loạn ác tính

2.4. Rối loạn dòng tiểu cầu, rối loạn quá trình cầm đông máu

Bài 11. Sinh lý bệnh tuần hoàn 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên nhân, và phân loại suy tim.

1.2. Trình bày các biện pháp thích nghi của tim.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Suy tuần hoàn

2.2.1. Suy tuần hoàn (Suy tim)

2.2.2. Suy tuần hoàn do mạch

Bài 12. Sinh lý bệnh hô hấp 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế của rối loạn thông khí?

1.2. Trình bày cơ chế, hậu quả của rối loạn khuếch tán?

1.3. Trình bày phân loại, biểu hiện của suy hô hấp?

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Rối loạn hô hấp

- 2.2.1. Rối loạn quá trình thông khí
- 2.2.2. Rối loạn quá trình khuếch tán
- 2.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển
- 2.2.4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào
- 2.3. Suy hô hấp
- 2.3.1. Định nghĩa
- 2.3.2. Phân loại
- 2.3.3. Biểu hiện suy hô hấp

Bài 13. Sinh lý bệnh tiêu hóa

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày rối loạn co bóp và tiết dịch tại dạ dày
- 1.2. Trình bày cơ chế bệnh sinh loét dạ dày, tá tràng.
- 1.3. Trình bày cơ chế rối loạn co bóp tại ruột

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về cấu tạo và chức năng của ống tiêu hóa
- 2.2. Rối loạn tiêu hóa tại dạ dày
 - 2.2.1. Rối loạn co bóp
 - 2.2.2. Rối loạn chức năng tiết dịch
 - 2.2.3. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày, tá tràng.
- 2.3. Rối loạn tiêu hóa tại ruột
 - 2.3.1. Rối loạn tiết dịch
 - 2.3.2. Rối loạn co bóp
 - 2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột

Bài 14. Sinh lý bệnh chức năng gan 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày rối loạn chức năng chuyển hóa của gan.
- 1.2. Trình bày rối loạn chức năng chống độc của gan.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, đặc điểm của vàng da.
- 1.4. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả rối loạn tuần hoàn gan.
- 1.5. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan mạn, hôn mê gan.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Rối loạn chức năng gan
 - 2.2.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa
 - 2.2.2. Rối loạn chức năng chống độc
 - 2.2.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật

2.2.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu của gan

2.3. Suy gan

2.3.1. Định nghĩa.

2.3.2. Suy gan cấp.

2.3.3. Suy gan mạn.

2.3.4. Hôn mê gan

Bài 15. Sinh lý bệnh thận 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày sự thay đổi về số lượng và chất lượng nước tiểu trong một số bệnh thận.

1.2. Trình bày sự thay đổi về máu trong một số bệnh thận.

1.3. Liệt kê được nguyên nhân và cơ chế của viêm cầu thận cấp, mạn.

1.4. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của suy thận cấp, mạn.

2. Nội dung

2.1. Nhắc lại giải phẫu và chức năng của thận.

2.2. Thay đổi ở nước tiểu và máu trong một số bệnh thận.

2.2.1. Nước tiểu.

2.2.2. Máu

2.3. Một số bệnh lý cầu thận và ống thận

2.3.1. Viêm cầu thận cấp

2.3.2. Viêm cầu thận mạn

2.3.3. Viêm ống thận cấp

2.4. Suy thận

2.4.1. Suy thận cấp

2.4.2. Suy thận mạn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Đủ ánh sáng, quạt mát, diện tích phòng đạt chuẩn

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Projecter

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Hộ sinh

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự 100% các buổi học thực hành

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài cơ chế bệnh sinh

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh 2025, Giáo trình Sinh lý bệnh, tài liệu lưu hành nội bộ

2. Bộ Y tế, (2007), Sinh lý bệnh và Miễn dịch, phần Sinh lý bệnh, Nhà xuất bản Y học

3. Trường Đại học Y Hà Nội, (2018), Sinh lý bệnh và Miễn dịch, Nhà xuất bản Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học: MH 14

Thời gian môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn cơ sở ngành bắt buộc, bố trí vào học kì II của khoá học.

2. Tính chất:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về hấp thụ, phân phối, chuyển hoá, thải trừ thuốc trong cơ thể người. Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông thường, đặc biệt các thuốc dùng trong sản khoa; vận dụng những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày khái niệm về thuốc và tác dụng của thuốc trong cơ thể.

1.2. Trình bày được dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm, liều dùng, cách dùng các thuốc trong các nhóm.

2. Về kỹ năng:

Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên Bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lí	Thực	Kiểm

		số	thuyết	hành	tra
1	Bài 1: Đại cương về dược lí	3	3		
2	Bài 2: Các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương	1	1		
3	Bài 3: Thuốc kháng sinh	4	4		
4	Bài 4: Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch	4	4		
5	Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa, hệ hô hấp	4	4		
6	Bài 6: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm không steroid	4	4		
7	Bài 7: Histamin và các thuốc kháng histamin	2	2		
8	Bài 8: Thuốc điều trị thiếu máu	1	1		
9	Bài 9: Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng, vitamin	1	1		
10	Bài 10: Hormon và các thuốc kháng hormon	3	3		
11	Bài 11: Thuốc chữa bệnh ngoài da và thuốc chuyên khoa	2	2		
12	Kiểm tra				1
	Cộng	30	29		1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về dược lí

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về thuốc
- 1.2. Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ của thuốc
- 1.3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc
- 1.4. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về thuốc

2.2. Dược động học của thuốc

2.2.1. Hấp thu

2.2.2. Phân bố

2.2.3. Chuyển hóa

2.2.4. Thải trừ

2.3. Dược lực học của thuốc

2.3.1. Các kiểu tác dụng của thuốc

2.3.2 Các yếu tố ảnh hưởng tới tác dụng của thuốc

Bài 2: Các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày khái niệm, cơ chế tác dụng và phân loại của thuốc an thần, gây ngủ

1.2. Trình bày được khái niệm, đặc điểm chung của các thuốc giảm đau trung ương.

1.3. Trình bày được đặc điểm chung, phân loại của thuốc kích thích thần kinh trung ương

1.4. Trình bày khái niệm, những tai biến thường xảy ra khi dùng thuốc mê.

1.5. Trình bày được khái niệm và phân loại của thuốc gây tê

1.6. Trình bày được dạng thuốc, đặc điểm dược động học, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, liều dùng của các thuốc trong bài.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc an thần, gây ngủ

2.2. Thuốc giảm đau trung ương

2.3. Thuốc kích thích thần kinh trung ương

2.4. Thuốc gây mê

2.5. Thuốc gây tê

Bài 3: Thuốc kháng sinh

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, phân loại, đặc điểm của các nhóm kháng sinh

1.2. Trình bày được nguyên tắc sử dụng kháng sinh, sự kháng kháng sinh trong điều trị và biện pháp hạn chế kháng kháng sinh.

1.3. Trình bày được đặc điểm các kháng sinh được đề cập đến trong bài.

1.4. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.5. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả

1.6. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Cơ chế tác dụng của kháng sinh

2.1.4. Sự kháng kháng sinh của vi khuẩn

2.1.5. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh

2.2. Một số kháng sinh thường dùng

2.2.1. Betalactam

2.2.2. Nhóm macrolid

2.2.3. Kháng sinh nhóm lincosamid

2.2.4. Kháng sinh nhóm Aminoglycosid

2.2.5. Nhóm peptid

2.2.6. Kháng sinh nhóm tetracyclin

2.2.7. Kháng sinh nhóm phenicol

2.2.8. Kháng sinh nhóm Quinololon

Bài 4: Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được phân loại các nhóm thuốc tác dụng trên hệ tim mạch.

1.2. Trình bày được tác dụng, chỉ định, cách dùng của các thuốc điều trị bệnh tim mạch có trong bài học.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

- 2.1.2. Thuốc điều trị suy tim
- 2.1.3. Thuốc điều trị loạn nhịp tim
- 2.1.4. Thuốc điều trị suy mạch vành.
- 2.1.5. Thuốc điều trị tăng huyết áp
- 2.1.6. Thuốc trợ tuần hoàn, chống hạ huyết áp.

2.2. Các thuốc điều trị bệnh tim mạch: Digitoxin, Digoxin, Dobutamin, Nitrat hữu cơ, Quinidin, Diltiazem, Verapamil, Nifedipin, Captopril, Furosemid, Fenofibrat, Simvastatin.

Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa, hệ hô hấp

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng, táo bón, tiêu chảy
- 1.2. Trình bày được phân loại thuốc điều trị ho và hen phế quản.
- 1.3. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định, liều dùng và cách dùng của một số thuốc trong bài học.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả
- 1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

- 2.1. Thuốc điều trị viêm loét dạ dày, hành dạ tràng,
- 2.2. Thuốc điều trị táo bón
 - 2.2.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.2.2. Biện pháp điều trị không dùng thuốc.
 - 2.2.3. Các thuốc điều trị táo bón
- 2.3. Thuốc điều trị tiêu chảy.
 - 2.3.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.3.2. Bù nước và điện giải cho bệnh nhân tiêu chảy
 - 2.3.3. Thuốc điều trị tiêu chảy
- 2.4. Thuốc điều trị hen phế quản
 - 2.4.1. Phân loại thuốc điều trị hen
 - 2.4.2. Nguyên tắc điều trị hen phế quản
 - 2.4.3. Các thuốc điều trị hen phế quản
- 2.5. Thuốc giảm ho, long đờm

2.5.1. Đại cương

2.5.2. Các thuốc giảm ho, long đờm

Bài 6: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm không steroid

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được phân loại, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn chung của các thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid (NSAIDs).

1.2. Trình bày được tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hạ sốt, giảm đau, kháng viêm không steroid được đề cập trong bài.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Cơ chế tác dụng

2.1.4. Nguyên tắc sử dụng

2.2. Các thuốc thường dùng: Aspirin, Paracetamol, Meloxicam, Diclophenac, Indomethacin, Ibuprofen, Celecoxib

Bài 7: Histamin và thuốc kháng histamin

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định chung của các thuốc kháng histamin H1.

1.2. Trình bày tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định của các thuốc kháng Histamin H1 đề cập trong bài.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm về dị ứng và Histamin

2.1.2. Tác dụng của histamin

2.1.3. Thuốc chống dị ứng

2.2. Các thuốc: Pomethazin, Diphehydramin, Clorpheniramin, Loratadin

Bài 8: Thuốc điều trị thiếu máu

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân gây thiếu máu và cách phân loại thuốc điều trị thiếu máu.

1.2. Trình bày được đặc điểm của các thuốc điều trị thiếu máu được đề cập trong bài.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Thiếu máu nhược sắc

2.1.2. Thuốc điều trị thiếu máu thiếu sắt:

2.1.3. Thiếu máu nguyên hồng cầu khổng lồ.

2.2. Các thuốc chữa thiếu máu thường dùng

Bài 9: Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng, vitamin

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày đại cương về dung dịch tiêm truyền.

1.2. Trình bày được đặc điểm, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các dung dịch tiêm truyền có trong bài học.

1.3. Trình bày được vai trò, phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.

1.4. Trình bày được đặc điểm của một số Vitamin thông dụng.

1.5. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.6. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng

2.1.1. Đại cương

2.1.1.1. Vai trò của nước và các chất điện giải trong cơ thể

2.1.1.2. Dung dịch thay thế máu

2.1.1.3. Phân loại

2.1.2. Các thuốc thường dùng

2.2. Vitamin

2.2.1. Đại cương

2.2.1.1. Khái niệm

2.2.1.2. Phân loại

2.2.1.3. Nguyên tắc sử dụng

2.2.2. Các thuốc thường dùng

Bài 10: Hormon và các thuốc kháng hormon

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm hormon, đặc điểm, cách phân loại hormon.

1.2. Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng của các thuốc trong bài học

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại

2.2. Các thuốc kháng hormon

2.2.1. Hormon tuyến vỏ thượng thận

2.2.2. Hormon sinh dục

2.2.3. Hormon tuyến tụy

2.2.4. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp tổng hợp

Bài 11: Thuốc chữa bệnh ngoài da và thuốc chuyên khoa

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng các thuốc chữa bệnh ngoài da, thuốc chữa bệnh chuyên khoa mắt – tai – mũi – họng

1.2. Trình bày được đặc điểm, cách sử dụng các thuốc chữa bệnh ngoài da, bệnh chuyên khoa mắt – tai – mũi – họng thường dùng.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc chữa bệnh ngoài da

2.1.1. Phân loại

2.1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da

2.1.3. Một số thuốc chữa bệnh ngoài da

2.2. Thuốc chuyên khoa mắt, tai mũi họng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy tính, loa, mic

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Thuốc thành phẩm, bảng phấn

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức:

+ Động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc, cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

+ Dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của một số thuốc trong các nhóm.

- Kỹ năng: tư vấn, sử dụng thuốc cho bệnh nhân an toàn hợp lý

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy

+ Công cụ: Câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 30 phút

- Thi kết thúc Môn học: 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

2.1. Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau như trình bày, diễn giải, thảo luận và làm việc nhóm, phát huy tính tích cực của sinh viên.

2.2. Đối với người học:

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; tích cực tham gia các hoạt động nhóm trong các bài học; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết, Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

3. Những trọng tâm cần chú ý: Nhóm thuốc kháng sinh, NSAIDs

4 Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược - YHCT (2025), *Giáo trình Dược lý dành cho đối tượng cao đẳng Điều dưỡng*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Dược lý Trường Đại học Y Hà Nội (2023), *Dược lý học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Y dược TPHCM (2024), *Dược lý học tập 1*, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2022), *Dược lý học tập 1*, Nhà xuất bản Y học
4. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2022), *Dược lý học tập 2*, Nhà xuất bản Y học
5. Bộ môn Dược lâm sàng, Trường đại học Y Dược TPHCM (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, Nhà xuất bản Y học
6. Bộ Y tế (2022), *Dược thư Quốc gia Việt Nam* - xuất bản lần thứ ba.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: SỨC KHOẺ, NÂNG CAO SỨC KHOẺ & HÀNH VI
CON NGƯỜI - DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ**

Mã môn học: MH 16

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 tiết; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học chuyên môn thuộc nhóm môn học cơ sở ngành. Môn học được phân bổ vào học kỳ 3, năm học thứ 2, sau các môn học Giải phẫu- Sinh lý, Hoá sinh, Vi sinh vật - Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh, Dược lý, Điều dưỡng cơ sở I và KSNK, Điều dưỡng cơ sở II.

2. Tính chất

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng nâng cao sức khỏe trong điều kiện thực hành của điều dưỡng. Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý y học, hành vi con người, rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

Ngoài ra môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng cũng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.

1.2. Trình bày được hành vi sức khỏe dưới các góc nhìn của tâm lý học, xã hội, văn hóa.

1.3. Trình bày được các hình thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe.

1.4. Trình bày được nội dung nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở.

1.5. Trình bày được mối quan hệ của dinh dưỡng đối với sức khỏe và bệnh tật.

1.6. Trình bày được nguồn gốc, vai trò, giá trị dinh dưỡng và nhu cầu của các chất dinh dưỡng.

1.7. Trình bày được nguyên nhân, biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm.

1.8. Trình bày được cách xây dựng khẩu phần ăn cho người bệnh.

2. Về kỹ năng

2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học để triển khai mô hình nâng cao sức khỏe ở cộng đồng

2.2. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.

2.3. Vận dụng kiến thức đã học để phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

2.4. Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh, gia đình và cộng đồng

2.5. Vận dụng kiến thức đã học vào tuyên truyền kiến thức dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Có ý thức trách nhiệm về nâng cao sức khỏe cho gia đình và cộng đồng dân cư

3.2. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc bảo vệ, giữ gìn vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh an toàn thực phẩm

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi	2	2		
2	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi	3	3		
3	Các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK	2	2		

4	Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	2	2		
5	Dinh dưỡng và sức khỏe bệnh tật	2	2		
6	Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng	3	3		
7	Giá trị dinh dưỡng các nhóm thực phẩm	3	3		
8	Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi	2	2		
9	Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng	3	3		
10	Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mạn tính	2	2		
11	Nguyên tắc dinh dưỡng điều trị và một số chế độ ăn thường dung trong bệnh viện.	3	3		
12	Ngộ độc thực phẩm và biện pháp phòng tránh	3	2		1
Cộng		30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1: Đại cương về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được các khái niệm về Sức khỏe, Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe.

1.2. Trình bày được quá trình phát triển của Giáo dục sức khỏe và Nâng cao sức khỏe.

1.3. Trình bày được các nguyên tắc chính của nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa sức khỏe

2.1.2. Vấn đề sức khỏe

2.1.3. Vấn đề KT – VH – XH

2.2. Hành vi sức khỏe.

2.2.1. Phân loại

2.2.2. Hành vi sức khỏe được hình thành từ nhiều yếu tố

- 2.2.3. Tiến trình thay đổi hành vi
- 2.3. Giáo dục sức khỏe
 - 2.3.1. Định nghĩa GDSK
 - 2.3.2. Mục đích
 - 2.3.3. Mục tiêu
 - 2.3.4. Các phương pháp truyền thông thay đổi hành vi
 - 2.3.5. Các khoa học nền tảng của GDSK
- 2.4. Nâng cao sức khỏe
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Các thành phần của NCSK
 - 2.4.3. Nguyên tắc chính trong NCSK

Bài 2: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Giải thích được những yếu tố quyết định sức khỏe.
- 1.2. Trình bày được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.
- 1.3. Phân tích được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe.
- 1.4. Trình bày được quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Những yếu tố quyết định sức khỏe
 - 2.1.1. Các yếu tố về di truyền
 - 2.1.2. Yếu tố môi trường
 - 2.1.3. Yếu tố hành vi và lối sống con người
- 2.2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng
 - 2.2.1. Hành vi sức khỏe
 - 2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
 - 2.2.3. Các cấp độ ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
- 2.3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe
 - 2.3.1. Nhận thức vấn đề
 - 2.3.2. Thay đổi thái độ
 - 2.3.3. Thử nghiệm hành vi mới
 - 2.3.4. Đánh giá kết quả
 - 2.3.5. Duy trì hoặc từ bỏ

Bài 3: Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1 Trình bày được các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe.

1.2 Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe áp dụng phổ biến hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe

2.1.1. Tiếp cận y tế

2.1.2. Tiếp cận thay đổi hành vi

2.1.3. Tiếp cận giáo dục sức khỏe

2.1.4. Tiếp cận trao quyền về sức khỏe/ nâng cao khả năng làm chủ về sức khỏe

2.1.5. Vận động tạo ra môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho hoạt động NCSK

2.2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

Bài 4: Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1 Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học và nơi làm việc.

1.2. Mô tả được chương trình nâng cao sức khỏe tại các cơ sở cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Nâng cao sức khỏe trong trường học

2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của y tế trường học

2.1.2. Nội dung chính của y tế trường học

2.1.3. Nhiệm vụ của nhân viên y tế tại trường học

2.1.4. Nghiệp vụ quản lý y tế trường học

2.2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Sự cần thiết phải nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc

2.2.3. Các hoạt động nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc hiện nay

2.2.4. Lợi ích của chương trình nâng cao sức khỏe nơi làm việc

2.2.5. Các nguyên tắc cơ bản

2.2.6. Chiến lược nâng cao sức khỏe nơi làm việc

2.2.7. Thực hiện chương trình

Bài 5: Dinh dưỡng và sức khỏe bệnh tật 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được tóm tắt lịch sử phát triển của dinh dưỡng học.

1.2. Trình bày được mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật.

2. Nội dung

2.1. Lịch sử phát triển của dinh dưỡng học

2.1.1. Tiêu hóa và hô hấp là các quá trình hóa học

2.1.2. Các chất dinh dưỡng là các chất hóa học thiết yếu cho sức khỏe con người và động vật

2.1.3. Quan hệ tương hỗ giữa các chất dinh dưỡng trong cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng

2.1.4. Can thiệp dinh dưỡng

2.2. Mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật

2.2.1. Dinh dưỡng, đáp ứng miễn dịch và các bệnh nhiễm khuẩn.

2.2.2. Các bệnh liên quan đến thiếu và thừa dinh dưỡng

2.2.3. Dinh dưỡng theo chu kì cuộc đời

Bài 6: Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cách tính nhu cầu năng lượng của một người.

1.2. Trình bày được vai trò, nhu cầu và nguồn gốc của Protein, Lipid và Glucid trong dinh dưỡng người.

1.3. Trình bày được vai trò và nhu cầu của các vitamin A, D, K, E, B₁, B₂, PP, B₆, B₁₂, Acidfolic.

1.4. Trình bày được vai trò và nhu cầu của các chất khoáng: calci, sắt, kẽm và iod

1.5. Vận dụng được kiến thức đã học trong việc lựa chọn thực phẩm chứa các chất dinh dưỡng tốt cho cơ thể.

2. Nội dung:

2.1. Vai trò và nhu cầu năng lượng

2.1.1. Năng lượng cho chuyển hóa cơ bản

2.1.2. Năng lượng cho hoạt động thể lực

2.1.3. Tính nhu cầu năng lượng cả ngày.

2.1.4. Tính cân đối về năng lượng của các chất sinh năng lượng

2.1.5. Hậu quả của thiếu hoặc thừa năng lượng

2.2. Vai trò và nhu cầu các chất sinh năng lượng

2.2.1. Protein

2.2.2. Lipid

2.2.3. Glucid

2.3. Vai trò và nhu cầu vitamin

2.3.1. Nhóm vitamin tan trong dầu

2.3.2. Nhóm vitamin tan trong nước

2.4. Vai trò và nhu cầu các chất khoáng

2.4.1. Sắt

2.4.2. Kẽm

2.4.3. Iod

2.4.4. Calci

2.5. Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam

Bài 7: Giá trị dinh dưỡng các nhóm thực phẩm 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu protein.

1.2. Trình bày được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu lipid.

1.3. Trình bày được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu glucid.

1.4. Trình bày được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của nhóm thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng.

2. Nội dung:

2.1 Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm

2.2.1. Nhóm thực phẩm giàu protein

2.2.2. Nhóm thực phẩm giàu lipid

2.2.3. Nhóm thực phẩm giàu glucid

2.2.4. Nhóm thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng

2.2. Một số đồ uống thông dụng

3. Thức phẩm chức năng

Bài 8: Dinh dưỡng hợp lí cho các lứa tuổi

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm và chế độ dinh dưỡng có thai và cho con bú.

1.2.Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của trẻ nhỏ cho đến vị thành niên.

1.3.Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành.

1.4. Nêu được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người già.

1. 5. Vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện các chế độ dinh dưỡng phù hợp cho từng giai đoạn.

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu dinh dưỡng phụ nữ mang thai.

2.2. Dinh dưỡng bà mẹ cho con bú

2.3. Dinh dưỡng cho trẻ em

2.3.1. Dinh dưỡng trẻ dưới 1 tuổi

2.3.2. Dinh dưỡng cho trẻ nhỏ đến vị thành niên

2.3.3. Dinh dưỡng ở lứa tuổi thanh thiếu niên từ 16 đến 18 tuổi

2.4. Dinh dưỡng cho người trưởng thành

2.5. Dinh dưỡng cho người cao tuổi

Bài 9: Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Liệt kê được các bệnh thiếu dinh dưỡng đang gặp ở Việt Nam.

1.2. Trình bày được ý nghĩa sức khỏe cộng đồng của các bệnh thiếu dinh dưỡng.

1.3. Trình bày được nguyên nhân của các bệnh thiếu dinh dưỡng.

1.4. Trình bày được các biện pháp giải quyết vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng.

2. Nội dung:

2.1. Suy dinh dưỡng protein – năng lượng

2.1.1. Tầm quan trọng của vấn đề thiếu dinh dưỡng

2.1.2. Các thể lâm sàng của thiếu dinh dưỡng và cách phân loại thiếu dinh dưỡng ở cộng đồng

2.2. Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt

2.2.1. Nguyên nhân của thiếu vitamin A

2.2.2. Biểu hiện của thiếu vitamin A

2.2.3. Điều trị và dự phòng thiếu vitamin A và bệnh khô mắt

2.3. Thiếu máu dinh dưỡng

2.3.1 Định nghĩa

2.3.2. Những triệu chứng của thiếu máu

2.3.3. Phát hiện và xác định người bị thiếu máu dinh dưỡng

2.3.4. Những nhóm đối tượng có nguy cơ cao thiếu máu dinh dưỡng.

2.3.5. Phòng và điều trị thiếu máu dinh dưỡng

2.4. Thiếu iod và bệnh bướu cổ

2.4.1. Nguyên nhân và ảnh hưởng của thiếu iod

2.4.2. Tầm quan trọng của thiếu iod và biện pháp phòng chống

Bài 10: Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mạn tính 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mạn tính liên quan đến dinh dưỡng

1.2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn phòng ngừa các bệnh mạn tính cho người bệnh.

1.3. Có ý thức trong việc thực hiện chế độ dinh dưỡng dự phòng các bệnh mạn tính.

2. Nội dung:

2.1. Cơ sở khoa học

2.1.1. Mối liên quan giữa chế độ ăn và các bệnh mạn tính liên quan đến dinh dưỡng

2.1.2. Những hiểu biết mới về vai trò cấu trúc thực phẩm và chế độ ăn có tác dụng phòng ngừa các bệnh mạn tính có liên quan đến dinh dưỡng

2.2. Nguyên tắc dự phòng các bệnh mạn tính

Bài 11: Nguyên tắc dinh dưỡng điều trị và một số chế độ ăn thường dung trong bệnh viện 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản của dinh dưỡng điều trị

1.2. Phân tích được các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị.

1.3. Liệt kê được một số chỉ định các chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.

1.4. Nêu được những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng điều trị.

2. Nội dung:

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2. Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị

2.2.1. Cơ sở của việc đưa ra các nguyên tắc ăn uống cho người bệnh

- 2.2.2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh
- 2.2.3. Nguyên tắc xây dựng chế độ ăn cho bệnh nhân
- 2.3. Chỉ định các chế độ trong một số bệnh thường gặp
 - 2.3.1. Chế độ ăn thông thường
 - 2.3.2. Một số chế độ ăn điều trị
- 2.4. Những nhân tố quyết định thành công của dinh dưỡng điều trị
- 2.5. Tổ chức khoa dinh dưỡng trong bệnh viện

Bài 12: Ngộ độc thực phẩm và biện pháp phòng tránh 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay.
- 1.2. Phân loại được các loại ngộ độc thực phẩm.
- 1.3. Trình bày được một số loại ngộ độc thực phẩm thường gặp
- 1.4. Trình bày được cách đề phòng các bệnh do thực phẩm.

2. Nội dung:

- 2.1. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.1.1. Những vấn đề hiện nay về an toàn thực phẩm
 - 2.1.2. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.1.3. Những nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm tại cộng đồng
- 2.2. Các bệnh do thực phẩm
 - 2.2.1. Các bệnh do thực phẩm bị ô nhiễm vi sinh vật
 - 2.2.2. Các bệnh do thực phẩm bị ô nhiễm các yếu tố không phải vi sinh vật.
- 2.3. Một số bệnh do thực phẩm thường gặp
 - 2.3.1. Ngộ độc thực phẩm do Salmonella
 - 2.3.2. Ngộ độc thực phẩm do tụ cầu
 - 2.3.3. Ngộ độc do Clostridium botulinum
 - 2.3.4. Ngộ độc thực phẩm do độc tố của nấm mốc (Mycotoxin)
 - 2.3.5. Ngộ độc thực phẩm do thực phẩm có chất độc
 - 2.3.6. Ngộ độc thực phẩm do thực phẩm động vật có độc chất
 - 2.3.7. Ngộ độc do ăn phải thực phẩm thực vật có độc chất
- 2.4. Hướng dẫn đề phòng ngộ độc thực phẩm ở cộng đồng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
 - + Hành vi và các quá trình thay đổi hành vi
 - + Mô hình Nâng cao sức khỏe
 - + Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng
 - + Giá trị dinh dưỡng các nhóm thực phẩm
 - + Một số chế độ ăn điều trị
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc làm các bài tập, tình huống tại lớp
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
 - + Thời gian: 40 phút.
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người- Dinh dưỡng - Tiết chế được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng trong Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 1, bài 2, bài 3, bài 6 và bài 11 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm

nhìn đến năm 2045 (Chiến lược).

2. Cục Quản lý môi trường y tế (2019), Tài liệu đào tạo liên tục Y tế trường học dành cho nhân viên y tế trường học. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số 2019, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2019), Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm phổ biến, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Trường Đại học Y tế công cộng (2013), Dinh dưỡng học cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng, Nhà xuất bản Lao động xã hội, Hà Nội.
5. Viện Dinh dưỡng (2016), Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Bộ Y Tế (2022), Hướng dẫn xử trí cấp cứu ban đầu phục vụ SEA GAMES 31, Hà Nội.
7. Bệnh viện Nhi Trung ương (2023), Hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em, học sinh - Tài liệu tập huấn cho nhân viên y tế, cán bộ quản lý, giáo viên của cơ sở giáo dục, Hà Nội.
8. Bộ Y tế - Cục Quản lý khám chữa bệnh (2014), Tài liệu đào tạo cấp cứu cơ bản dự án tăng cường chất lượng nguồn nhân lực trong khám chữa bệnh, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
9. Bài giảng Sức khỏe, Nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi con người. Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh năm 2022.
10. Phan Văn Hợp (2020), Nâng cao sức khỏe và hành vi con người, Đại học Điều dưỡng Nam Định, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: SỨC KHOẺ - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH - DỊCH TỄ
CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

Mã môn học: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học cơ sở ngành bắt buộc thuộc chương trình học của đối tượng cao đẳng điều dưỡng chính quy. Môn học được phân bổ vào học kỳ 4, năm học thứ 2, sau các môn học Điều dưỡng cơ sở, Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu Sinh lý

2. Tính chất

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được mối quan hệ sức khỏe bệnh tật với môi trường, nghề nghiệp.

1.2. Trình bày được tiêu chuẩn về vệ sinh của các yếu tố môi trường sống.

1.3. Trình bày được tầm quan trọng và biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường lao động.

1.4. Trình bày được các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe

1.5. Trình bày được những nguyên lý cơ bản về dịch tễ học.

1.6. Trình bày được các thiết kế nghiên cứu trong dịch tễ học và những ứng dụng dịch tễ học trong y học.

- 1.7. Trình bày được nguyên lí về dịch tễ học nhiễm trùng và giám sát dịch
- 1.8. Trình bày được quá trình dịch và biện pháp phòng chống dịch.
- 1.9. Trình bày được dịch tễ học các nhóm bệnh truyền nhiễm theo đường lây.

2. Về kỹ năng

- 2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học để phân tích tình hình dịch tễ học tại cộng đồng.
- 2.2. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.
- 2.3. Vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch giám sát, điều tra xử lí dịch.
- 2.4. Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá và thanh khiết môi trường sống
- 2.5. Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe
- 2.6. Đề xuất được phương án sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả tại nơi làm việc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- 3.1. Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hành công việc.
- 3.2. Có ý thức trách nhiệm về phòng ngừa dịch bệnh trong cộng đồng.
- 3.3. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Môi trường và sức khỏe con người	2	2		
2	Vệ sinh môi trường không khí	2	2		
3	Vệ sinh môi trường đất	2	2		
4	Vệ sinh môi trường nước và các biện pháp cung cấp nước sạch	2	2		
5	Vệ môi trường bệnh viện	2	2		

6	Vệ sinh trường học	2	2		
7	Đại cương về Y học lao động	3	3		
8	Đại cương về Dịch tễ học	2	2		
9	Những nguyên lý cơ bản của dịch tễ học.	2	2		
10	Quá trình dịch	2	2		
11	Giám sát dịch tễ	2	2		
12	Nguyên lý phòng chống dịch	2	2		
13	Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm theo đường lây truyền	5	4		1
Cộng		30	29		1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Môi trường và sức khỏe con người

02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa môi trường sống và các phương pháp nghiên cứu

1.2. Trình bày được tác động qua lại giữa cơ thể và môi trường

1.3. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Môi trường và sức khỏe môi trường

2.1.1. Định nghĩa môi trường

2.1.2. Sức khỏe môi trường

2.1.3. Các phương pháp nghiên cứu

2.2. Mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường sống

2.3. Các yếu tố quyết định - tác động sức khỏe - mối liên quan giữa sức khỏe và môi trường

2.3.1. Các yếu tố quyết định

2.3.2. Mối liên quan giữa môi trường và sức khỏe

Bài 2: Vệ sinh môi trường không khí

02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm ô nhiễm không khí, tính chất của sự gây ô nhiễm.

1.2. Trình bày được ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người.

1.3. Trình bày được các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí.

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm ô nhiễm không khí

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Tính chất của sự gây ô nhiễm và các nguồn gây ô nhiễm

2.2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí tới sức khỏe con người

2.3. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí

2.3.1. Quản lý và kiểm soát môi trường

2.3.2. Quy hoạch xây dựng đô thị và bố trí khu công nghiệp

2.3.3. Sử dụng cây xanh để bảo vệ môi trường không khí

2.3.4. Biện pháp công nghệ

2.3.5. Các phương pháp làm sạch khí thải

Bài 3: Vệ sinh môi trường đất 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các nguyên nhân gây ra ô nhiễm đất.

1.2. Nêu được các tác nhân sinh học gây bệnh cho người qua môi trường đất theo từng nhóm đường truyền.

1.3. Nêu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thanh trừ chất thải bỏ.

1.4. Nêu được sáu yêu cầu của một công trình xử lý phân hợp vệ sinh: nguyên tắc hoạt động, cách xây dựng, sử dụng, bảo quản; ưu, nhược điểm của các loại công trình xử lý phân hợp vệ sinh.

1.5. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân gây ô nhiễm đất

2.2. Ảnh hưởng của ô nhiễm đất đối với sức khỏe

2.2.1. Các bệnh do đất bị nhiễm bẩn bởi chất thải bỏ trong sinh hoạt

2.2.2. Ô nhiễm đất bởi hóa chất bảo vệ thực vật

2.2.3. Ô nhiễm đất bởi các chất thải rắn từ sản xuất công nghiệp

2.3. Thanh trừ chất thải đặc

2.3.1. Tầm quan trọng của vấn đề thanh trừ chất thải bỏ

2.3.2. Mục tiêu của biện pháp thanh trừ chất thải bỏ

2.3.3. Ý nghĩa của việc thanh trừ chất thải bỏ

2.4. Các biện pháp xử lý phân hợp vệ sinh

- 2.4.1. Hồ xí hai ngăn
- 2.4.2. Hồ xí thấm dội nước
- 2.4.3. Hồ xí tự hoại

Bài 4: Vệ sinh môi trường nước và các biện pháp cung cấp nước sạch 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được vai trò của nước sạch đối với con người
- 1.2. Trình bày được tiêu chuẩn nước dùng để ăn uống và sinh hoạt
- 1.3. Mô tả được nguồn nước trong thiên nhiên và các hình thức cung cấp nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt
- 1.4. Trình bày được các kỹ thuật đơn giản để cải thiện chất lượng nước dùng cho ăn uống và sinh hoạt.
- 1.5. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò của nước sạch đối với con người
- 2.2. Tiêu chuẩn về số lượng
- 2.3. Tiêu chuẩn về chất lượng
- 2.4. Các nguồn nước trong thiên nhiên
 - 2.4.1. Nước mưa
 - 2.4.2. Nước bề mặt
 - 2.4.3. Nước ngầm
- 2.5. Các hình thức cung cấp nước cho ăn uống và sinh hoạt
 - 2.5.1. Ở vùng nông thôn đồng bằng
 - 2.5.2. Ở vùng miền núi và trung du
 - 2.5.3. Hình thức cung cấp nước ở vùng ven biển
 - 2.5.4. Hình thức cung cấp nước ở thành phố, thị xã
- 2.6. Những phương pháp làm sạch nước
 - 2.6.1. Nước bị đục
 - 2.6.2. Nước có nhiều chất sắt
 - 2.6.3. Khử khuẩn

Bài 5: Vệ sinh bệnh viện 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Kể tên được một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện.
- 1.2. Nêu được một số chế độ vệ sinh ở trong bệnh viện.

1.3. Trình bày được những công tác vệ sinh trong các khoa, phòng ở bệnh viện.

1.4. Trình bày tóm tắt được công tác khử khuẩn, diệt khuẩn ở bệnh viện.

1.5. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Chế độ vệ sinh ở bệnh viện

2.2.1. Quy định chung

2.2.2. Quy định cụ thể

2.2.2.1. Môi trường xung quanh

2.2.2.2. Vệ sinh cá nhân

2.2.2.3. Quản lý và xử lý chất thải y tế

2.3. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Nguyên tắc

2.3.3. Phân loại khu vực vệ sinh

2.4. Quy trình vệ sinh ở các khoa, phòng

2.4.1. Những vị trí, khu vực và dụng cụ khoa, phòng phải được làm vệ sinh

2.4.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất và các phương tiện phòng hộ cá nhân

2.4.3. Các bước tiến hành làm vệ sinh

2.5. Phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện

2.5.1. Một số vi sinh vật gây bệnh thường gặp trong bệnh viện

2.5.2. Phương pháp khử khuẩn - tiệt khuẩn

Bài 6: Vệ sinh trường học

02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được yêu cầu vệ sinh trong xây dựng trường học

1.2. Trình bày được yêu cầu vệ sinh của lớp học.

1.3. Nêu được nội dung công tác vệ sinh phòng bệnh phòng dịch trong trường học.

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Yêu cầu vệ sinh trong xây dựng trường học

2.2.1. Địa điểm xây dựng trường học

2.2.2. Cách bố trí các khu nhà ở trong trường học

2.3. Các công tình vệ sinh của trường học

2.3.1. Cung cấp nước sạch

2.3.2. Nhà xí, hố tiêu

2.3.3. Hố rác

2.3.4. Nước thải

2.3.5. Đối với các trường nội trú, bán trú

2.4. Yêu cầu vệ sinh của lớp học.

2.4.1. Thông gió của lớp học

2.4.2. Chiều sáng trong lớp học

2.4.3. Bàn và ghế:

2.4.4. Bảng

2.4.5. Học cụ

2.5. Công tác vệ sinh phòng bệnh - phòng dịch trong nhà trường.

2.5.1. Tổ chức y tế:

2.5.2. Quản lý sức khỏe:

2.5.3. Phòng bệnh và phòng dịch.

2.6. Bệnh học đường - nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh

2.6.1. Định nghĩa

2.6.2. Bệnh cận thị học đường

2.6.3. Bệnh cong vẹo cột sống

Bài 7: Đại cương y học lao động

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày khái niệm về sức khỏe và lao động, mối liên quan giữa sức khỏe và lao động.

1.2. Trình bày được các yếu tố trong lao động có ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động.

1.3. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Sức khỏe và lao động

2.1.1. Khái niệm về sức khỏe và lao động

2.1.2. Mối quan hệ giữa lao động và sức khỏe

2.1.3. Điều kiện lao động

2.1.4. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động

2.2. Các nhiệm vụ chính của y học lao động.

2.2.1. Đường lối dự phòng của y học lao động .

- 2.2.2. Nhiệm vụ của y học lao động
- 2.3. Các bộ môn của y học lao động
 - 2.3.1. Vệ sinh lao động.
 - 2.3.2. Chất độc học công nghiệp.
 - 2.3.3. Bệnh nghề nghiệp.
 - 2.3.4. Sinh lý lao động, tâm lý lao động
- 2.4. Tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp
 - 2.4.1. Định nghĩa.
 - 2.4.2. Các loại tác hại nghề nghiệp.
- 2.5. Các nguyên lý dự phòng tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề
 - 2.5.1. Các biện pháp kỹ thuật.
 - 2.5.2. Các biện pháp y học
 - 2.5.3. Các biện pháp khác chủ yếu là luật lệ

Bài 8: Đại cương về dịch tễ học (DTH)

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những khái niệm cơ bản và các chiến lược của Dịch tễ học (DTH).
- 1.2. Trình bày được sự phát triển của DTH thông qua các định nghĩa của các tác giả khác nhau và các lĩnh vực hoạt động của DTH.
- 1.3. Nêu ra được mục đích thực tiễn của DTH và các cấp độ dự phòng.
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Những khái niệm cơ bản và chiến lược của Dịch tễ học
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản về DTH
 - 2.1.2. Chiến lược của DTH
- 2.2. Lịch sử phát triển của DTH
- 2.3. Các lĩnh vực hoạt động của DTH
 - 2.3.1. Phương pháp DTH học phân tích một vấn đề sức khỏe
 - 2.3.2. Một số áp dụng Dịch tễ học
- 2.4. Mục đích thực tiễn của DTH hiện đại
 - 2.4.1. Mục đích lý thuyết
 - 2.4.2. Mục đích thực hành

Bài 9. Những nguyên lý cơ bản DTH

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được quá trình diễn biến tự nhiên của bệnh.
- 1.2. Trình bày được các cấp độ dự phòng trong dịch tễ học
- 1.3. Trình bày được những nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài gây bệnh.
- 1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Quá trình tự nhiên của bệnh
 - 2.1.1. Giai đoạn cảm nhiễm
 - 2.1.2. Giai đoạn tiền lâm sàng
 - 2.1.3. Giai đoạn lâm sàng
 - 2.1.4. Giai đoạn hậu lâm sàng
- 2.2. Các cấp độ dự phòng trong DTH
 - 2.2.1. Dự phòng cấp I
 - 2.2.2. Dự phòng cấp II
 - 2.2.3. Dự phòng cấp III
- 2.3. Quan niệm về căn nguyên đa yếu tố
 - 2.3.1. Yếu tố bên trong
 - 2.3.2. Yếu tố bên ngoài
 - 2.3.3. Mô hình sinh thái học

Bài 10: Quá trình dịch

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được các mắt xích trong sự lây lan của bệnh nhiễm trùng và phân loại bệnh nhiễm trùng theo đường lây truyền.
- 1.2. Thảo luận được khái niệm về quá trình dịch trong các bệnh nhiễm trùng
- 1.3. Mô tả được các mắt xích cơ bản của quá trình dịch
- 1.4. Phân tích được vai trò của yếu tố tự nhiên và xã hội đối với quá trình dịch.
- 1.5. Thảo luận được về việc áp dụng luận thuyết về quá trình dịch trong phòng chống và kiểm soát các bệnh nhiễm trùng
- 1.6. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về quá trình dịch
 - 2.1.1. Định nghĩa

- 2.1.2. Các mắt xích của quá trình dịch
- 2.2. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.2.1. Người bệnh
 - 2.2.2. Người lành mang trùng
 - 2.2.3. Người khỏi mang mầm bệnh
 - 2.2.4. Động vật
- 2.3. Các yếu tố truyền nhiễm và cơ chế truyền nhiễm
 - 2.3.1. Vai trò truyền nhiễm của không khí
 - 2.3.2. Vai trò truyền nhiễm của nước
 - 2.3.3. Vai trò truyền nhiễm của đất
 - 2.3.4. Vai trò truyền nhiễm của thực phẩm
 - 2.3.5. Vai trò truyền nhiễm của các vật dụng
 - 2.3.6. Vai trò truyền nhiễm của con trùng tiết túc
- 2.4. Tính cảm thụ và tính miễn dịch
 - 2.4.1. Tính cảm thụ
 - 2.4.2. Tính miễn dịch
 - 2.4.3. Miễn dịch tập thể
- 2.5. Các đặc trưng của quá trình dịch
 - 2.5.1. Các hình thức của quá trình dịch
 - 2.5.2. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch
 - 2.5.3. Tính chất chu kỳ của quá trình dịch
 - 2.5.4. Bệnh địa phương và bệnh ngoại nhập
- 2.6. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, xã hội lên quá trình dịch
 - 2.6.1. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên
 - 2.6.2. Ảnh hưởng của ác yếu tố xã hội

Bài 11: Giám sát dịch tễ

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, nhiệm vụ và mục tiêu giám sát dịch tễ học
- 1.2. Trình bày được các nguồn gốc thu thập thông tin trong công tác giám sát DTH
- 1.3. Trình bày được nhiệm vụ cơ bản và nội dung hoạt động của hệ thống giám sát
- 1.4. Phân tích được mức độ và chiều hướng bệnh dựa vào thông tin thu thập được

1.5. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Mục tiêu và chức năng

2.2.1. Xác định quy mô của bệnh

2.2.2. Đánh giá hiệu quả của các can thiệp tại khu vực giám sát

2.3. Nguồn gốc giữ liệu phục vụ giám sát

2.3.1. Tỷ lệ chết

2.3.2. Tỷ lệ mắc

2.3.3. Báo cáo dịch

2.3.4. Chẩn đoán xét nghiệm

2.3.5. Điều tra các trường hợp bệnh

2.3.6. Điều tra dịch tại thực địa

2.3.7. Điều tra thường xuyên

2.3.8. Nghiên cứu các ổ chứa

2.3.9. Sử dụng các sinh vật phẩm và thuốc

2.3.10. Các dữ kiện về quần thể và môi trường

2.4. Mười nhiệm vụ thường xuyên của hệ thống giám sát

2.5. Nội dung của hoạt động giám sát

2.5.1. Dữ kiện về dân cư, môi trường

2.5.2. Thu thập số liệu thích hợp để giám sát bệnh

2.5.3. Giám sát theo dõi trên thực địa

2.5.4. Giám sát trong phòng xét nghiệm

2.5.5. Nghiên cứu Sinh thái học

2.5.6. Giám sát trong công trình nghiên cứu.

2.5.7. Giám sát dự báo

2.5.8. Giám sát phòng bệnh

2.5.9. Sử dụng kết quả giám sát

2.5.10. Trình bày dự án khống chế và phòng bệnh

Bài 12: Nguyên lý phòng chống dịch

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được khái niệm về một vụ dịch và cách xác định một vụ dịch

1.2. Trình bày được các nội dung và chi tiết mô tả một vụ dịch

1.3. Trình bày được những nội dung của công tác điều tra xử lý dịch

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Xác định một vụ dịch

2.3. Mô tả một vụ dịch

2.3.1. Mô tả vụ dịch theo thời gian

2.3.2. Về không gian.

2.3.3. Về con người

2.4. Phân tích bệnh đối chứng

2.5. Đánh giá môi trường

2.6. Kiểm soát một vụ dịch

2.6.1. Các biện pháp đối với nguồn truyền nhiễm

2.6.2. Biện pháp đối với đường truyền nhiễm

2.6.3. Biện pháp đối với khối cảm thụ

2.6.4. Khái niệm về 3 cấp dự phòng

2.7. Các biện pháp phòng chống dịch đặc thù cho từng loại bệnh

2.7.1. Các bệnh đường hô hấp

2.7.2. Các bệnh đường tiêu hóa

2.7.3. Các bệnh truyền nhiễm theo đường máu

2.7.4. các bệnh truyền nhiễm theo đường da và niêm mạc

Bài 13: Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm theo đường lây truyền

04 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được quá trình truyền nhiễm của các bệnh lây theo đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu và đường da - niêm mạc.

1.2. Trình bày được cách phân loại nhóm các bệnh lây qua đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu và đường da - niêm mạc.

1.3. Trình bày được biện pháp phòng chống đối với các bệnh lây theo đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường máu và đường da - niêm mạc.

1.4. Có thái độ học tập nghiêm túc, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi lên lớp.

2. Nội dung

2.1. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa

2.1.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường tiêu hóa

2.1.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường tiêu hóa

2.1.3. Biện pháp phòng chống

2.2. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp

2.2.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường hô hấp

2.2.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường hô hấp

2.2.3. Biện pháp phòng chống

2.3. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường máu

2.3.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường máu

2.3.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường máu

2.3.3. Biện pháp phòng chống

2.4. Nhóm các bệnh truyền nhiễm lây qua đường da và niêm mạc

2.4.1. Phân loại bệnh truyền nhiễm theo đường da - niêm mạc

2.4.2. Cơ chế truyền nhiễm nhóm các bệnh lây qua đường da - niêm mạc

2.5. Biện pháp phòng chống

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập SV cần:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên cần chú ý những nội dung trọng tâm trong chương trình học như vệ sinh môi trường đất, nước, không khí, ánh sáng...

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng Vệ sinh môi trường - Dịch tễ, Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học năm 2018.
2. Bài giảng Dịch tễ học, Đại học Y Huế, 2019.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y ĐỨC VÀ TỔ CHỨC Y TẾ

Mã môn học: MH18

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Là môn cơ sở ngành bắt buộc thuộc chương trình đào tạo đối tượng cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy. Môn học Y đức - Tổ chức Y tế thuộc lĩnh vực các môn học cơ sở ngành, được học ở vào học kỳ 1, năm học thứ 1 của ngành học Cao đẳng Điều dưỡng, sau khi đã học xong các môn học Điều dưỡng cơ sở, Vi sinh - Ký sinh.

2. Tính chất:

Y đức - Tổ chức Y tế là học phần nghiên cứu các kiến thức pháp luật cơ bản, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác y tế, quản lý và tổ chức bộ máy ngành y tế. Môn học này giúp cho sinh viên nắm được lý luận và kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; nắm được nội dung chính của những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế. Xây dựng được ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, điều dưỡng. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương; Hệ thống tổ chức quản lý ngành điều dưỡng, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó. Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức điều dưỡng (của Hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương và tâm lý học y học.

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý học người bệnh, tâm lý học người cán bộ y tế.

1.3. Trình bày được những kỹ năng cơ bản trong tiếp xúc với người bệnh, đồng nghiệp, cộng đồng.

1.4. Trình bày được nội dung 12 điều Y đức

1.5. Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh từ đó lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.

1.6. Phân tích được mối liên hệ giữa đạo đức với đạo đức nghề y, những khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu y học và y tế.

1.7. Trình bày được hệ thống tổ chức ngành Y tế và ngành Điều dưỡng Việt Nam.

1.8. Trình bày được các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác Y tế, nhiệm vụ của ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay.

1.9. Trình bày được các bước lập kế hoạch y tế.

2. Về kỹ năng:

2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học áp dụng trong quá trình tiếp xúc bệnh nhân

2.2. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người.

2.3. Vận dụng kiến thức đã học để lập một kế hoạch y tế trên thực tế tại cộng đồng

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Có ý thức trách nhiệm trong quá trình đi thực tập thực tế tại bệnh viện

3.2. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc tiếp xúc và chăm sóc bệnh nhân

3.3. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3.4. Tuân thủ đúng các quy định về y đức của ngành y tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về tâm lý học và tâm lý học y học	3	3		
2	Nhân cách – Nhu cầu – Động cơ.	2	2		
3	Kỹ năng giao tiếp	3	3		
4	Tâm lý bệnh nhân, tâm lý người thầy thuốc	3	3		
5	Chấn thương tâm lý (Stress), các biện pháp dự phòng và liệu pháp tâm lý.	3	3		
6	Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế.	3	3		
7	Hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam	3	3		
8	Chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam	3	3		
9	Lập kế hoạch y tế	3	3		
10	Theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động y tế	3	3		
11	Kiểm tra	1			1
Cộng		30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết môn học:

Bài 1: Đại cương về tâm lý học và tâm lý học y học 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, khái niệm, đối tượng nghiên cứu và các nhiệm vụ của tâm lý học.

1.2. Trình bày được bản chất, đặc điểm, các giai đoạn hình thành và phân loại các hiện tượng tâm lý.

1.3. Trình bày khái quát được các nguyên tắc chung và phương pháp thường áp dụng trong nghiên cứu tâm lý học.

1.4. Trình bày được khái niệm, định nghĩa, đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ của tâm lý học y học.

1.5. Trình bày vai trò của yếu tố tâm lý trong y học.

2. Nội dung:

2.1. Sơ lược lịch sử phát triển tâm lý học.

2.2. Định nghĩa tâm lý học

2.3. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học.

2.4. Nhiệm vụ của tâm lý học

2.5. Bản chất của hiện tượng tâm lý.

2.6. Đặc điểm của hiện tượng tâm lý.

2.7. Sự xuất hiện của hiện tượng tâm lý.

2.8. Sự phát triển của hiện tượng tâm lý.

2.9. Phân loại các hiện tượng tâm lý.

2.10. Phương pháp nghiên cứu tâm lý.

2.11. Đại cương về tâm lý y học.

Bài 2: Nhân cách – Nhu cầu – Động cơ.

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm, định nghĩa, đặc điểm, cấu trúc tâm lý, sự hình thành và phát triển của nhân cách.

1.2. Trình bày được định nghĩa, phân loại nhu cầu và các bậc thang nhu cầu của con người theo Maslou).

1.3. Trình bày được định nghĩa, đặc điểm và phân loại các loại động cơ.

2. Nội dung:

2.1. Nhân cách.

2.2. Nhu cầu.

2.3. Động cơ

Bài 3: Kỹ năng giao tiếp

3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm, định nghĩa và các mục đích của giao tiếp.

1.2. Mô tả và nêu ý nghĩa các sơ đồ giao tiếp.

1.3. Trình bày được các chức năng giao tiếp.

1.4. Trình bày các nguyên tắc thông thường trong giao tiếp áp dụng trong cuộc sống và công việc.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về giao tiếp.

- 2.2. Định nghĩa giao tiếp.
- 2.3. Mục đích của giao tiếp.
- 2.4. Mô hình giao tiếp.
- 2.5. Các phương tiện giao tiếp.
- 2.6. Các chức năng giao tiếp.
- 2.7. Các kỹ năng giao tiếp.
- 2.8. Các nguyên tắc giao tiếp.

Bài 4: Tâm lý bệnh nhân, tâm lý người thầy thuốc 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được các khái niệm về bệnh tật và bệnh nhân.
- 1.2. Trình bày được các biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân.
- 1.3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự giao tiếp với bệnh nhân
- 1.4. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với bệnh nhân.

2. Nội dung:

2.1. Tâm lý bệnh nhân

- 2.1.1. Bệnh tật và tâm lý bệnh nhân
- 2.1.2. Khái niệm về tâm lý bệnh nhân.
- 2.1.3. Các biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân.
- 2.1.4. Các phản ứng tâm lý của bệnh nhân.

2.2. Tâm lý người thầy thuốc

- 2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự giao tiếp.
- 2.2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp với bệnh nhân.
- 2.2.3. Những điều cần lưu ý trong một số tình huống cụ thể.

Bài 5: Chấn thương tâm lý (Stress), các bệnh dự phòng và liệu pháp tâm lý.

3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm về stress, các yếu tố và phương thức gây bệnh của stress.
- 1.2. Trình bày được các dấu hiệu, triệu chứng và các hậu quả của stress.
- 1.3. Trình bày được các biện pháp đương đầu với stress.
- 1.4. Trình bày được khái niệm và cơ sở xây dựng liệu pháp tâm lý.
- 1.5. Trình bày được các liệu pháp tâm lý thông thường.

2. Nội dung:

2.1. Chấn thương tâm lý (stress)

- 2.1.1. Khái niệm về chấn thương tâm lý (Stress).
- 2.1.2. Các yếu tố gây Stress.

2.1.3. Cách ứng xử, năng lực và các stress chính phải vượt qua trong các giai đoạn của cuộc đời.

2.1.4. Tính chất và phương pháp gây bệnh stress.

2.1.5. Các dấu hiệu và triệu chứng của Stress.

2.1.6. Các hậu quả tác động của Stress.

2.1.7. Các biện pháp đương đầu với Stress.

2.2. Liệu pháp tâm lý

2.2.1. Khái niệm về liệu pháp tâm lý.

2.2.2. Cơ sở xây dựng liệu pháp tâm lý.

2.2.3. Các loại liệu pháp tâm lý.

Bài 6: Nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của cán bộ y tế. Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích các mối tương quan nghĩa vụ giữa bệnh nhân, cán bộ y tế, cơ sở y tế và xã hội.

1.2. Phân tích được bản chất của đạo đức y học xã hội chủ nghĩa.

1.3. Trình bày được những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế

1.4. Trình bày khái, quát nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế

2. Nội dung:

2.1. Nghĩa vụ của người cán bộ y tế.

2.2. Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa.

2.3. Những yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.

2.4. Quy định về y đức của Bộ Y tế.

Bài 7. Hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được nguyên tắc tổ chức ngành y tế Việt Nam

1.2. Nêu được mô hình chung tổ chức hệ thống y tế Việt Nam

1.3. Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các tuyến trong hệ thống y tế Việt Nam

1.4. Trình bày được nội dung quản lý chính của y tế tuyến huyện và y tế cơ sở

1.5. Nêu được nội dung cơ bản của chuẩn quốc gia về y tế xã

2. Nội dung:

2.1. Nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam:

- 2.1.1. Đảm bảo phục vụ nhân dân tốt có hiệu quả cao.
- 2.1.2. Xây dựng theo hướng dự phòng là bản chất của ngành y tế Việt Nam.
- 2.1.3. Phù hợp với tình hình kinh tế của mỗi địa phương:
- 2.1.4. Phù hợp với trình độ khoa học và khả năng quản lý
- 2.1.5. Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh.
- 2.2. Mô hình chung tổ chức y tế Việt Nam:
 - 2.2.1. Dựa theo tổ chức hành chính nhà nước:
 - 2.2.2. Dựa theo thành phần kinh tế (đầu tư kinh phí)
 - 2.2.3. Mạng lưới còn chia làm 2 khu vực:
- 2.3. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế:
 - 2.3.1. Tuyến y tế trung ương
 - 2.3.2. Tuyến y tế Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:
 - 2.3.3. Tuyến y tế huyện, quận, thị xã
 - 2.3.4. Y tế xã, phường

Bài 8. Chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các khuyến cáo, định nghĩa, ý nghĩa của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- 1.2. Nêu được các nguyên lý cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- 1.3. Trình bày được 10 nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam
- 1.4. Liệt kê được các giải pháp thực hiện mục tiêu chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục tiêu hội nghị Alma Ata về chăm sóc sức khỏe ban đầu
- 2.2. Các khuyến cáo của Hội nghị Alma Ata
- 2.3. Khái niệm, nội dung, nguyên lý về chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.3.1. Khái niệm sức khỏe
 - 2.3.2. Chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.3.3. Các nội dung của CSSKBD theo Alma Ata
 - 2.3.4. Chăm sóc sức khỏe ban đầu bao gồm năm nguyên tắc cơ bản sau:
- 2.4. Các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu ở Việt Nam
 - 2.4.1. Giáo dục sức khỏe:

- 2.4.2. Cải thiện điều kiện dinh dưỡng và ăn uống hợp lý:
- 2.4.3. Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường:
- 2.4.4. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình.
- 2.4.5. Tiêm chủng mở rộng phòng chống 6 bệnh nhiễm trùng phổ biến của trẻ em.
- 2.4.6. Phòng chống các bệnh dịch lưu hành phổ biến tại địa phương
- 2.4.7. Điều trị các bệnh và vết thương thông thường.
- 2.4.8. Cung cấp đủ thuốc thiết yếu.
- 2.4.9. Quản lý sức khỏe toàn dân.
- 2.4.10. Củng cố mạng lưới y tế cơ sở.
- 2.5. Các giải pháp thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu
- 2.5.1. Tăng cường đầu tư:
- 2.5.2. Kiện toàn tổ chức
- 2.5.3. Tăng cường về công tác quản lý:
- 2.5.4. Xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân
- 2.5.5. Đẩy mạnh thực hiện các bài trình mục tiêu
- 2.5.6. Phát huy và phát triển y học cổ truyền dân tộc, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.
- 2.5.7. Bảo đảm thuốc chữa bệnh, phát triển công nghiệp dược và trang thiết bị y tế.
- 2.5.8. Kết hợp quân y và dân y trong chăm sóc sức khỏe nhân dân
- 2.5.9. Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực y tế.

- 2.6. Lựa chọn các giải pháp phù hợp
- 2.7. Nội dung hoạt động và phân bổ nguồn lực
- 2.8. Điều chỉnh kế hoạch

Bài 10: Theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động y tế 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa theo dõi, đánh giá hoạt động y tế.
- 1.2. Trình bày được các bước lên kế hoạch theo dõi và công cụ theo dõi.
- 1.3. Trình bày được 5 tiêu chuẩn để chọn chỉ số đánh giá.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm về theo dõi, giám sát và đánh giá
 - 2.1.1. Theo dõi
 - 2.1.2. Đánh giá
 - 2.1.3. Giám sát
- 2.2. Các bước lên kế hoạch theo dõi và công cụ theo dõi
 - 2.2.1. Các bước lên kế hoạch theo dõi
 - 2.2.2. Công cụ theo dõi
- 2.3. Đánh giá chương trình hoạt động y tế
 - 2.3.1. Các hình thức đánh giá
 - 2.3.2. Các chỉ số dùng trong đánh giá
- 2.4. Giám sát các hoạt động y tế.
 - 2.4.1. Tầm quan trọng của giám sát
 - 2.4.2. Nguyên tắc cơ bản của giám sát
 - 2.4.3. Phương pháp và hình thức giám sát

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
- 2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn
- 3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.
- 4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết vấn đáp trong giờ học, điểm tham gia thảo luận nhóm

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 15 phút

- Kiểm tra định kỳ: 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

- Chủ động tổ chức thực hiện 60 giờ tự học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào bài: Bài 1, bài 4, bài 5, bài 7, bài 9 là những kiến thức sát nhất với đối tượng người học

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

[1] Võ Văn Giáp (2021), *Bài giảng Y đức – Tổ chức Y tế*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

[2] Dương Huy Liệu (2001), *Quản lý y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[3] Bộ Y tế (2001), *Một số quy định pháp luật về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

[4] Phạm Minh Hạc (2011) *Giáo trình tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1 VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHẨN

Mã số môn học: MH 19

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 57 giờ; Thực hành bệnh viện: 42; Kiểm tra: 7 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí:

Học phần Điều dưỡng cơ sở 1 - KSNK thuộc lĩnh vực môn học cơ sở ngành, được học ở học kỳ 2 của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các môn học cơ sở: Giải phẫu sinh lý, Sinh lý bệnh, Vi sinh - Ký sinh trùng. Học phần có 4 tín chỉ, bao gồm 01 tín chỉ lý thuyết, 02 tín chỉ thực hành và 01 tín chỉ thực hành bệnh viện.

2. Tính chất:

Là môn học trang bị những kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo điều dưỡng đa khoa. Bao gồm kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới những nguyên lý về điều dưỡng, vai trò chức năng của người điều dưỡng, các kỹ thuật điều dưỡng như: Kỹ thuật rửa tay thường quy, kỹ thuật theo dõi dấu hiệu sinh tồn, kỹ thuật tiêm truyền ...; kỹ năng giao tiếp giữa nhân viên y tế và người bệnh; đảm bảo an toàn khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng. Ngoài ra, môn học còn môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nhiễm khuẩn bệnh viện, nhiễm khuẩn môi trường, cộng đồng; vai trò và kỹ năng cơ bản không chế nhiễm khuẩn bệnh viện, môi trường và cộng đồng nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, môi trường làm việc, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và đề phòng dịch bệnh.

II. Mục tiêu môn học

3.1. Kiến thức:

3.1.1. Trình bày được lịch sử hình thành, định hướng phát triển và các nguyên lý cơ bản về công tác điều dưỡng, định hướng phát triển của ngành điều dưỡng.

3.1.2. Trình bày được mục đích, chỉ định và chống chỉ định của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

3.1.3. Trình bày được các thông số bình thường, bất thường về dấu hiệu sinh tồn trên cơ thể người bệnh.

3.1.4. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện.

3.1.5. Trình bày được các kỹ thuật chuyên môn cơ bản về kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

3.1.6. Trình bày được các điều kiện cơ bản đảm bảo công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

3.1.7. Trình bày được các quy trình vệ sinh bệnh viện.

3.1.8. Trình bày quy chế quản lý chất thải y tế.

3.2. Kỹ năng:

3.2.1. Mô tả và tiến hành được các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

3.2.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ và đảm bảo công tác vô khuẩn

3.2.3. Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình khi học tại phòng lý thuyết, thực hành cũng như trong thực tế.

3.2.4. Áp dụng được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên cơ thể người bệnh.

3.2.5. Sử dụng đúng phương tiện phòng hộ cá nhân trong phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung theo đường lây truyền.

3.2.6. Thực hiện đúng quy trình vệ sinh bề mặt môi trường bệnh viện.

3.2.7. Xác định đúng loại dụng cụ, phương pháp khử khuẩn tiệt khuẩn.

3.2.8. Thực hiện đúng quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế.

3.2.9. Thực hiện đúng quy trình quản lý đồ vải.

3.2.10. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.3.1. Rèn luyện được tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, nhanh chóng và chính xác khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản

3.3.2. Giao tiếp có hiệu quả, giúp người bệnh an tâm, hợp tác trong quá trình chăm sóc

3.3.3. Coi trọng mô hình, xem mô hình như là người bệnh để có thái độ thực hành phù hợp.

3.3.4. Sinh viên luôn có ý thức thực hiện đúng phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.

3.3.5. Tự giác giữ gìn vệ sinh và tham gia công tác vệ sinh khoa phòng bệnh viện, tạo môi trường sạch sẽ.

3.3.6. Có trách nhiệm bảo vệ bệnh nhân và cộng đồng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường

TT	Nội dung	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Lịch sử ngành điều dưỡng	1	1	0	

2	Quy trình điều dưỡng	7	1	6	
3	Hồ sơ người bệnh; tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện	3	0	3	
4	Vệ sinh đôi tay, mang găng, vệ sinh trang phục	3	0	3	
5	Chăm sóc vệ sinh, vận chuyển người bệnh và chuẩn bị giường cho người bệnh	9	0	9	
6	Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn	7	1	6	
7	Dự phòng, phát hiện và xử trí dị ứng thuốc	7	1	6	
8	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc	4	1	3	
9	Tiêm an toàn	1	1	0	
10	Kỹ thuật tiêm truyền: Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu	20	2	18	
11	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	4	1	3	
12	Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế	1	1	0	
13	Định nghĩa, tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	1	1	0	
14	Cách li phòng ngừa	1	1	0	
15	Vệ sinh khoa phòng bệnh viện	1	1	0	
16	Quản lý chất thải y tế	1	1	0	
17	Kiểm tra	4	1	3	
	Tổng số	75	15	60	

1.2. Thực hành tại bệnh viện

TT	Nội dung chi tiết	Thời gian
1	Kỹ thuật vệ sinh đôi tay, mang găng, vệ sinh trang phục điều dưỡng	3
2	Kỹ thuật ghi chép và bảo quản hồ sơ người bệnh	3
3	Kỹ thuật tiếp nhận người bệnh vào viện, ra viện, chuyển viện.	3
4	Kỹ thuật vận chuyển người bệnh	3
5	Kỹ thuật chuẩn bị giường bệnh	3

6	Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn	3
7	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc.	3
8	Kỹ thuật tiêm trong da	3
9	Kỹ thuật tiêm dưới da	3
10	Kỹ thuật tiêm bắp	3
11	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch	3
12	Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch	3
13	Kỹ thuật truyền máu tĩnh mạch	3
14	Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	3
15	Kiểm tra thực hành	3
	Tổng	45

2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành điều dưỡng; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được sơ lược lịch sử phát triển ngành Điều dưỡng ở Việt Nam
- 1.2. Nêu được sơ lược lịch sử phát triển ngành Điều dưỡng ở trên thế giới.
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng thế giới
- 2.2. Sơ lược lịch sử ngành điều dưỡng Việt Nam
 - 2.2.1. Giai đoạn trước năm 1954.
 - 2.2.2. Giai đoạn 1954 - 1975.
 - 2.2.3. Giai đoạn từ 1975 đến nay.
- 2.3.1. Về công tác tổ chức.
- 2.3.2. Về công tác đào tạo, phát triển nhân lực Điều dưỡng.
- 2.3.3. Về công tác phát triển hội nghề nghiệp.
- 2.3.4. Quan hệ và hợp tác quốc tế.

Bài 2. Quy trình điều dưỡng; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa, mục đích của quy trình Điều dưỡng.
- 1.2. Trình bày được nội dung các bước của quy trình Điều dưỡng.
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Quy trình điều dưỡng
 - 2.2.1. Nhận định
 - 2.2.2. Chẩn đoán Điều dưỡng
 - 2.2.3. Lập kế hoạch
 - 2.2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.2.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được giới hạn bình thường của mạch, huyết áp, nhịp thở, nhiệt độ và các yếu tố ảnh hưởng.
- 1.2. Liệt kê được 6 nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn.
- 1.3. Mô tả được kỹ thuật tiến hành đo huyết áp, nhiệt độ, đếm mạch, nhịp thở
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới hạn bình thường và các yếu tố ảnh hưởng đến mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở
 - 2.1.1. Nhiệt độ
 - 2.1.2. Mạch
 - 2.1.3. Nhịp thở
 - 2.1.4. Huyết áp
- 2.2. Nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn
- 2.3. Kỹ thuật theo dõi dấu hiệu sinh tồn
 - 2.3.1. Đo nhiệt độ
 - 2.3.2. Đếm mạch
 - 2.3.3. Đếm nhịp thở
 - 2.3.4. Đo huyết áp

Bài 4. Dự phòng, phát hiện và xử trí dị ứng thuốc; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy định về phòng ngừa và giảm tai biến, tử vong do sốc phản vệ.
- 1.2. Liệt kê được danh mục hộp cấp cứu sốc phản vệ
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật test lấy da
- 1.4. Trình bày được phác đồ cấp cứu sốc phản vệ
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Hướng dẫn chẩn đoán phản vệ
 - 2.1.1. Chẩn đoán phản vệ

- 2.1.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.2. Hướng dẫn chẩn đoán mức độ phản vệ
 - 2.2.1. Nhẹ (độ I)
 - 2.2.2. Nặng (độ II):
 - 2.3.3. Nguy kịch (độ III):
 - 2.3.4. Ngừng tuần hoàn (độ IV)
- 2.3. Hướng dẫn xử trí cấp cứu phản vệ
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung
 - 2.3.2. Xử trí phản vệ nhẹ
 - 2.3.3. Xử trí tiếp theo
 - 2.3.4. Theo dõi
- 2.4. Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị y tế
 - 2.4.1. Thành phần hộp thuốc cấp cứu phản vệ
 - 2.4.2. Trang thiết bị y tế và thuốc tối thiểu cấp cứu phản vệ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- 2.5. Hướng dẫn khai thác tiền sử dị ứng
- 2.6. Hướng dẫn chỉ định làm test da
- 2.7. Sơ đồ chẩn đoán và xử trí phản vệ
 - 2.7.1. Sơ đồ chi tiết về chẩn đoán và xử trí phản vệ
 - 2.7.2. Sơ đồ tóm tắt về chẩn đoán và xử trí phản vệ

Bài 5. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được những nét cơ bản về thuốc
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc
- 1.3. Nêu được các yêu cầu cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc
- 1.4. Trình bày được các bước tiến hành cho người bệnh uống thuốc
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Những yêu cầu cần thiết trong việc dùng thuốc
 - 2.1.1. Những nét cơ bản về thuốc
 - 2.1.2. Nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc
 - 2.1.3. Những yêu cầu cần thiết khi cho người bệnh dùng thuốc
 - 2.1.4. Các đường dùng thuốc
- 2.2. Kỹ thuật cho bệnh nhân uống thuốc
 - 2.2.1. Áp dụng
 - 2.2.2. Không áp dụng
 - 2.2.3. Cách cho uống các loại thuốc đặc biệt
 - 2.2.4. Chuẩn bị

- 2.2.5. Các bước tiến hành
- 2.2.6. Đánh giá, ghi hồ sơ
- 2.3. Thuốc dùng ngoài da và niêm mạc
- 2.3.1. Kỹ thuật đặt thuốc dưới lưỡi
- 2.3.2. Khí dung
- 2.3.3. Thuốc đặt âm đạo, hậu môn
- 2.3.4. Thuốc bôi ngoài da
- 2.3.5. Thuốc xoa
- 2.3.6. Kỹ thuật nhỏ mắt
- 2.3.7. Kỹ thuật nhỏ mũi
- 2.3.8. Kỹ thuật nhỏ tai

Bài 6. Tiêm an toàn; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm tiêm an toàn và trình bày các tác hại của tiêm không an toàn
- 1.2. Trình bày được các giải pháp tăng cường thực hiện tiêm an toàn
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Tác hại của tiêm không an toàn
- 2.3. Các giải pháp tăng cường thực hiện tiêm an toàn
- 2.3.1. Giảm hoặc loại bỏ các mũi tiêm không cần thiết
- 2.3.2. Bảo đảm đầy đủ các phương tiện, dụng cụ, thuốc cho kỹ thuật tiêm
- 2.3.3. Tiêm phòng vắc xin viêm gan B cho nhân viên y tế và thiết lập, thực hiện hệ thống báo cáo các trường hợp phơi nhiễm nghề nghiệp
- 2.3.4. Tăng cường kiến thức về tiêm an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn
- 2.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát
- 2.3.6. Thực hành đúng quy trình kỹ thuật tiêm
- 2.4. Tiêu chuẩn mũi tiêm an toàn

Bài 7. Kỹ thuật tiêm truyền: Tiêm trong da, tiêm dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa của tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu.
- 1.2. Nêu được chỉ định và chống chỉ định của tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu
- 1.3. Trình bày được qui trình kỹ thuật tiêm trong da, dưới da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền dịch, truyền máu.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

2.1. Tiêm trong da

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Vùng tiêm

2.1.3. Góc độ tiêm

2.1.4. Chỉ định

2.1.5. Quy trình kỹ thuật

2.1.6. Tai biến

2.2. Tiêm dưới da

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Vùng tiêm

2.2.3. Góc độ tiêm

2.2.4. Chỉ định

2.2.5. Chống chỉ định

2.2.6. Quy trình kỹ thuật

2.2.7. Tai biến

2.3. Tiêm bắp

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Vùng tiêm

2.3.3. Góc độ tiêm

2.3.4. Chỉ định

2.3.5. Chống chỉ định

2.3.6. Quy trình kỹ thuật

2.3.7. Tai biến

2.4. Tiêm tĩnh mạch

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Vùng tiêm

2.4.3. Góc độ tiêm

2.4.4. Chỉ định

2.4.5. Chống chỉ định

2.4.6. Quy trình kỹ thuật

2.4.7. Tai biến

2.5. Truyền dịch

2.5.1. Đại cương

2.5.2. Mục đích

2.5.3. Chỉ định

2.5.4. Chống chỉ định

2.5.5. Vị trí truyền

2.5.6. Nguyên tắc truyền dịch

2.5.7. Quy trình kỹ thuật

2.5.8. Tai biến và xử trí

2.6. Truyền máu

2.6.1. Mục đích

2.6.2. Chỉ định

2.6.3. Chống chỉ định

2.6.4. Nguyên tắc truyền máu

2.6.5. Quy trình kỹ thuật

2.6.6. Tai biến và xử trí

Bài 8. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tầm quan trọng của việc lấy bệnh phẩm để xét nghiệm.

1.2. Trình bày được vai trò của người điều dưỡng trong việc chuẩn bị xét nghiệm cho người bệnh.

1.3. Trình bày được kỹ thuật lấy một số bệnh phẩm để xét nghiệm.

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng

2.2. Vai trò của người điều dưỡng trong quá trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm

2.3. Kỹ thuật lấy máu xét nghiệm

2.3.1. Những quy định chung

2.3.2. Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch

2.4. Kỹ thuật lấy nước tiểu xét nghiệm

2.4.1. Kỹ thuật lấy nước tiểu người bệnh tự đái được

2.4.2. Kỹ thuật lấy nước tiểu bằng cách thông bàng quang

2.5. Kỹ thuật lấy phân để xét nghiệm.

2.6. Kỹ thuật lấy mủ để xét nghiệm

2.7. Kỹ thuật lấy đờm để xét nghiệm

Bài 9: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phát biểu được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn.

1.3. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.

1.4. Liệt kê được tên các văn bản pháp quy về hoặc liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn và nội dung mấu chốt của chúng.

1.5. Mô tả được các nội dung chính của Chương trình KSNK trong các cơ sở y tế.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về nhiễm khuẩn bệnh viện.

2.2. Dịch tễ học về nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.1. Dịch tễ học

2.2.2. Hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.3. Nguyên nhân của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Tác nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3.1. Vai trò gây bệnh của vi khuẩn

- 2.3.2. Vai trò gây bệnh của vi rút
- 2.3.3. Vai trò gây bệnh của ký sinh trùng và nấm
- 2.4. Đường lây truyền của nhiễm khuẩn bệnh viện
- 2.5. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
- 2.6. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến KSNK
- 2.7. Chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn và những giải pháp cụ thể

Bài 10. Định nghĩa, tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 1.2. Trình bày được các tiêu chuẩn để chẩn đoán nhiễm khuẩn huyết và nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết mổ, vết bỏng.
- 1.3. Trình bày được các tiêu chuẩn để chẩn đoán viêm phổi bệnh viện, nhiễm trùng catheter, nhiễm trùng da và mô mềm, nhiễm trùng tiêu hóa.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Các tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
 - 2.2.1. Nhiễm khuẩn phổi bệnh viện
 - 2.2.2. Nhiễm trùng vết mổ
 - 2.2.3. Nhiễm trùng tiết niệu.
 - 2.2.4. Nhiễm trùng huyết:
 - 2.2.5. Nhiễm trùng vết bỏng
 - 2.2.6. Nhiễm trùng catheter
 - 2.2.7. Nhiễm trùng da và mô mềm
 - 2.2.8. Nhiễm trùng tiêu hóa

Bài 11: Cách ly phòng ngừa; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nắm được những nguyên tắc chung của cách ly phòng ngừa.
- 1.2. Biết thực hành phòng ngừa chuẩn/phòng ngừa phổ cập
- 1.3. Biết thực hành phòng ngừa dựa trên đường lây truyền
- 1.4. Biết cách áp dụng phòng ngừa các bệnh nhiễm quan trọng như H5N1, SARS, Lao phổi, nhiễm Gram âm đa kháng, nhiễm MRSA

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về cách ly phòng chống nhiễm khuẩn
- 2.2. Trình bày sinh bệnh học nhiễm khuẩn bệnh viện
 - 2.2.1. Cơ chế truyền bệnh
 - 2.2.2. Các đường lây truyền
- 2.3. Biện pháp phòng ngừa chuẩn

- 2.3.1. Vệ sinh tay
- 2.3.2. Mang phương tiện phòng hộ
- 2.3.3. Thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp
- 2.3.4. Sắp xếp người bệnh thích hợp
- 2.3.5. Xử lý dụng cụ y tế để dùng lại cho người bệnh
- 2.3.6. Tiêm an toàn và phòng ngừa phơi nhiễm do vật sắc nhọn
- 2.3.7. Xử lý đồ vải
- 2.3.8. Vệ sinh môi trường bệnh viện
- 2.3.9. Quản lý chất thải y tế
- 2.3.10. Tóm tắt các biện pháp phòng ngừa chuẩn
- 2.4. Các biện pháp phòng ngừa bổ sung theo đường lây
- 2.4.1. Cách ly phòng ngừa qua tiếp xúc
- 2.4.2. Cách ly phòng ngừa qua giọt bắn
- 2.4.3. Cách ly qua đường khí

Bài 12: Vệ sinh khoa phòng bệnh viên; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được mục đích và nội dung vệ sinh trong các cơ sở y tế.
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng
- 1.3. Liệt kê được các dụng cụ, phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác vệ sinh và tần suất vệ sinh tại các bề mặt trong bệnh viện.
- 1.4. Thực hiện đúng qui trình vệ sinh tại đơn vị mình làm việc.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Vệ sinh bề mặt môi trường buồng bệnh
 - 2.1.1. Nguyên tắc vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng
 - 2.1.2. Phân vùng khu vực vệ sinh
 - 2.1.3. Các Quy định áp dụng cho khu vực vệ sinh bề mặt môi trường chăm sóc người bệnh
 - 2.1.4. Quy trình thực hiện
- 2.2. Vệ sinh môi trường nước
- 2.3. Vệ sinh không khí

Bài 13: Quản lý chất thải y tế; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đúng mục đích quản lý chất thải y tế
- 1.2. Kể đúng các nguyên tắc phân loại chất thải
- 1.3. Kể và nhận dạng được 5 nhóm chất thải rắn y tế và 4 loại chất thải lây nhiễm
- 1.4. Thảo luận được các nguyên tắc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải rắn y tế và nguyên tắc tái chế chất thải thông thường

2. Nội dung:

2. 1. Đại cương

2.2. Phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, giảm thiểu tái chế chất lại y tế nguy hại và chất thải thông thường

2.1. Phân định chất thải y tế

2.2. Phân loại chất thải y tế

2.3. Thu gom chất thải y tế

2.4. Lưu giữ chất thải y tế

2.5. Giảm thiểu chất thải y tế

2.6. Quản lý chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế

2.3. Vận chuyển và xử lý chất thải

2.3.1. Vận chuyển chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm

2.3.2. Vận chuyển chất thải y tế để xử lý theo mô hình tập trung

2.3.3. Xử lý chất thải y tế nguy hại

2.3.4. Quản lý nước thải y tế

2.3.5. Quản lý và vận hành thiết bị xử lý chất thải y tế

B. PHẦN THỰC HÀNH (tại trường)

Bài 1. Quy trình điều dưỡng; 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy trình điều dưỡng

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Tiến hành làm phiếu chăm sóc đúng quy

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung

2.1. Nhận định

2.2. Chẩn đoán

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5. Đánh giá

Bài 2. Hồ sơ người bệnh; tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện; 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các bước ghi hồ sơ người bệnh, tiếp nhận người bệnh vào viện, chuyển viện

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành ghi chép và bảo quản hồ sơ đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Tiến hành tiếp nhận người bệnh vào viện, ra viện, chuyển viện đúng quy trình kỹ thuật

1.6. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Hồ sơ người bệnh

2.1.1. Giới thiệu quy trình

2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.1.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.1.4. Kỹ thuật tiến hành

2.2. Tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện

2.2.1. Giới thiệu quy trình

2.2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.2.5. Kỹ thuật tiến hành

**Bài 3. Kỹ thuật vệ sinh đôi tay, mang găng, vệ sinh trang phục điều dưỡng;
3 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy trình rửa tay, mang găng tay, vệ sinh trang phục điều dưỡng

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Tiến hành vệ sinh đôi tay, mặc áo, mang găng đúng quy trình kỹ thuật

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật rửa tay: Rửa tay thường quy và rửa tay ngoại khoa

2.1.1. Giới thiệu quy trình

2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.1.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.1.4. Kỹ thuật tiến hành

2.2. Kỹ thuật mang găng tay

2.2.1. Giới thiệu quy trình

2.2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.2.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.2.4. Kỹ thuật tiến hành

2.3. Kỹ thuật mặc áo choàng vô khuẩn

2.3.1. Giới thiệu quy trình

2.3.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3.3. Chuẩn bị dụng cụ

2.3.4. Kỹ thuật tiến hành

Bài 4. Chăm sóc vệ sinh cho người bệnh; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước chăm sóc vệ sinh cho người bệnh
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành chăm sóc vệ sinh cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Chăm sóc vệ sinh
 - 2.1.1. Giới thiệu quy trình
 - 2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng
 - 2.1.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.1.4. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 5. Vận chuyển người bệnh; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước, vận chuyển người bệnh
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành vận chuyển người bệnh đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Vận chuyển người bệnh
 - 2.1.1. Giới thiệu quy trình
 - 2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng
 - 2.1.3. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.1.4. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.1.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 6. Chuẩn bị giường cho người bệnh; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước chuẩn bị giường cho người bệnh
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành chuẩn bị giường cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Chuẩn bị giường cho người bệnh

2.1.1. Giới thiệu quy trình

2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.1.3. Chuẩn bị người bệnh

2.1.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.1.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 7. Kỹ thuật chăm sóc và theo dõi dấu hiệu sinh tồn; 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước của quy trình đo dấu hiệu sinh tồn

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành đo dấu hiệu sinh tồn đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 8. Dự phòng, phát hiện và xử trí dị ứng thuốc; 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được phác đồ xử cấp cứu sốc phản vệ

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành kỹ thuật test lấy da đúng quy trình

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật test lấy da

2.1.1. Giới thiệu quy trình

2.1.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.1.3. Chuẩn bị người bệnh

2.1.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.1.5. Kỹ thuật tiến hành

2.2. Phác đồ cấp cứu sốc phản vệ

Bài 9. Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quy trình cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da niêm mạc
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành cho người bệnh uống thuốc, dùng thuốc đường da, niêm mạc đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 10. Kỹ thuật tiêm trong da; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm trong da
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành tiêm trong da đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 11. Kỹ thuật tiêm dưới da; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm dưới da
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành tiêm dưới da đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình

- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 12. Kỹ thuật tiêm bắp; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm bắp
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành tiêm bắp đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 13. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình tiêm tĩnh mạch
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành tiêm tĩnh mạch đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 14. Kỹ thuật truyền dịch tĩnh mạch; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình truyền dịch tĩnh mạch
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành truyền dịch tĩnh mạch đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 15. Kỹ thuật truyền máu tĩnh mạch; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình truyền máu tĩnh mạch
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành truyền máu tĩnh mạch đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 16. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình lấy bệnh phẩm xét nghiệm
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành lấy bệnh phẩm xét nghiệm đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn
- 2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn..

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:

- Mô hình: tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, mô hình đan nạng

- Phương tiện: Máy rửa tay thường quy và rửa tay ngoại khoa, máy đo đường huyết mao mạch, máy đo huyết áp, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây

- Dụng cụ: Thùng đựng chất thải sắc nhọn, thùng đựng chất thải lây nhiễm, thùng đựng chất thải sinh hoạt

4. Các điều kiện khác: Giường bệnh đa năng, máy hút ẩm.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường và thực hành tại bệnh viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng, thực hiện kỹ thuật thực hành sau buổi học

- **Kiểm tra định kỳ phần lý thuyết:** 1 điểm

+ Hình thức: Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm tên giấy

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 45 phút

- **Kiểm tra định kỳ học phần thực hành:** 1 điểm

+ Thi chạy trạm: Đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành thông qua chạy trạm

- **Kiểm tra kết thúc học phần thực hành tại bệnh viện:** 1 điểm

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 2)	
+ Điểm kiểm tra kết thúc thực hành bệnh viện (50%) + Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: đối tượng Cao đẳng Điều Dưỡng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận..

- Thực hành tại trường: Tại Labo

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Điều dưỡng của trường, chia nhóm thực hành có giảng viên kèm, uốn nắn, được thực hiện trên mô hình. Áp dụng các phương pháp: Mô phỏng, đóng vai, phát vấn...

- Thực hành tại bệnh viện: Sinh viên thực tập tại các khoa bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 2 tuần. Sinh viên được giáo viên hướng dẫn các kỹ thuật trên người bệnh.

2.1. Đối với giảng viên

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- + Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- + Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học:

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

+ Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành

+ Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

+ Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm kiểm tra thực hành ở trường và ở bệnh viện $\geq 5,0$ và điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS Cao Văn Thịnh, *Điều dưỡng cơ bản tập 1, 2* Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch – NXB Y học năm 2017
2. Giáo trình điều dưỡng cơ bản, Trường Đại học Điều dưỡng Y khoa Vinh, 2016
3. Thông tư 16/2018/TT-BYT ngày 1 tháng 10 năm 2018 về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
4. Thông tư 20/2021/TT-BYT, ngày 26 tháng 11 năm 2021 Quy định về Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 2

Mã số môn học: MH 20

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 57 giờ;; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí:

Học phần Điều dưỡng cơ sở II thuộc lĩnh vực môn học cơ sở ngành, được học ở học kỳ 3 của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các môn học cơ sở: Giải phẫu sinh lý, Sinh lý bệnh, Vi sinh - Ký sinh trùng, Điều dưỡng cơ sở 1.

2. Tính chất:

Là môn học trang bị những kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo điều dưỡng đa khoa. Bao gồm kiến thức về các kỹ thuật điều dưỡng như: kỹ thuật sơ cấp cứu người bệnh; kỹ thuật thay băng rửa vết thương, cắt chỉ; kỹ thuật phụ giúp bác sỹ làm các thủ thuật thông thường...; kỹ năng giao tiếp giữa nhân viên y tế và người bệnh; đảm bảo an toàn khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

II. Mục tiêu môn học

1. Kiến thức:

1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

1.2. Trình bày được các kỹ thuật sơ cấp cứu bệnh nhân gãy xương, ngừng tuần hoàn hô hấp, tai nạn đường thở...

1.3. Trình bày được nguyên tắc và các tai biến thường gặp khi thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

1.4. Áp dụng được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên cơ thể người bệnh.

2. Kỹ năng:

2.1. Mô tả và tiến hành được các kỹ thuật điều dưỡng đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

2.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ và đảm bảo công tác vô khuẩn.

2.3. Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình khi học tại phòng lý thuyết, thực hành cũng như trong thực tế.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện được tác phong cẩn thận, tỷ mỉ, nhanh chóng và chính xác khi thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.

3.2. Giao tiếp có hiệu quả, giúp người bệnh an tâm, hợp tác trong quá trình chăm sóc.

3.3. Coi trọng mô hình, xem mô hình như là người bệnh để có thái độ thực hành phù hợp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Liệu pháp Oxy, hút đờm giải, thở khí dung	7	1	6	
2	Thông tiểu, theo dõi nước tiểu 24 giờ, rửa bàng quang	7	1	6	
3	Thụt tháo	4	1	3	
4	Kỹ thuật sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch	3	0	3	
5	Kỹ thuật điện tâm đồ, test đường huyết	3	0	3	
6	Đặt ống thông dạ dày: Cho người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày	8	2	6	
7	Trợ giúp bác sỹ: chọc dịch màng bụng, màng phổi, màng tim và tủy sống; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn	8	2	6	
8	Sơ cấp cứu: phân loại người bệnh cấp cứu, cố định gãy xương, garo cầm máu, sơ cứu vết thương, cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp và các tai nạn đường thở	15	3	12	
9	Băng bó	4	1	3	
10	Thay băng cắt chỉ vết thương	4	1	3	

11	Dự phòng chăm sóc loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường	4	1	3	
12	Chăm sóc người bệnh hấp hối tử vong	4	1	3	
13	Kiểm tra	4	1	3	4
	Tổng	75	15	60	

2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

2.1. Phần lý thuyết:

Bài 1: Liệu pháp Oxy, hút đờm giải, thở khí dung; 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được định nghĩa liệu pháp oxy, các nguyên nhân làm cho người bệnh bị thiếu oxy.

1.2. Trình bày các dấu hiệu, triệu chứng chính của thiếu oxy.

1.3. Trình bày được mục đích, chỉ định hút đờm rãi.

1.4. Trình bày được nguyên tắc cơ bản khi sử dụng liệu pháp oxy.

1.5. Trình bày được khái niệm, chỉ định, chống chỉ định thở khí dung.

1.6. Trình bày được quy trình cho người bệnh thở oxy; hút đờm rãi, thở khí dung.

1.7. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Liệu pháp oxy

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Dấu hiệu và triệu chứng

2.1.4. Nguyên tắc

2.1.5. Các phương pháp

2.1.6. Quy trình kỹ thuật thở oxy qua ống thông mũi hầu

2.1.7. Nguy cơ và tai biến

2.2. Hút đờm rãi

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Chỉ định

- 2.2.3. Nguyên tắc
- 2.2.4. Quy trình hút thông đường hô hấp
- 2.3. Thở khí dung
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Chỉ định
 - 2.3.3. Chống chỉ định
 - 2.3.4. Quy trình kỹ thuật

Bài 2: Thông tiểu, theo dõi nước tiểu 24 giờ, rửa bàng quang; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được mục đích, chỉ định và chống chỉ định thông tiểu, thụt tháo, theo dõi dịch vào ra cơ thể
- 1.2. Thực hiện được quy trình kỹ thuật thông tiểu, thụt tháo, theo dõi dịch vào ra cơ thể
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Chỉ định
- 2.3. Chống chỉ định
- 2.4. Quy trình kỹ thuật thông tiểu- dẫn lưu nước tiểu
- 2.5. Kỹ thuật rửa bàng quang
- 2.6. Tai biến
- 2.7. Những điều cần lưu ý

Bài 3: Thụt tháo; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được mục đích, chỉ định và chống chỉ định thụt tháo.
- 1.2. Trình bày được quy trình kỹ thuật thụt tháo.
- 1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của thụt tháo
- 2.2. Những trường hợp áp dụng
- 2.3. Những trường hợp không áp dụng
- 2.4. Quy trình kỹ thuật

Bài 4: Đặt ống thông dạ dày: Cho người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày; 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định cho ăn qua ống thông, rửa dạ dày.

1.2. Nêu được các trường hợp áp dụng và không áp dụng kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông, rửa dạ dày.

1.3. Trình bày được kỹ thuật cho người bệnh ăn bằng ống thông dạ dày, rửa dạ dày.

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày

2.1.1. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng

2.1.2. Quy trình kỹ thuật.

2.1.3. Những điều cần lưu ý

2.2. Rửa dạ dày

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Chỉ định

2.2.3. Chống chỉ định

2.2.4. Quy trình kỹ thuật

Bài 5: Phụ giúp bác sĩ: chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, tử cung, màng tim; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn;

Thời gian : 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được mục đích của chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn.

1.2. Nêu được những điểm cần chú ý trước, trong và sau khi chọc dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn.

1.3. Trình bày được các tai biến có thể xảy ra ở người bệnh khi chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tử cung; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn.

1.4. Thực hiện được quy trình phụ giúp thầy thuốc chọc hút dịch màng phổi, màng bụng, màng tim, tủy sống; đặt nội khí quản, mở khí quản, catheter tĩnh mạch dưới đòn

1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt..

2. Nội dung

2.1. Trợ giúp bác sĩ chọc dịch

2.1.1. Chọc dịch màng phổi

2.1.1.1. Đại cương

2.1.1.2. Mục đích

2.1.1.3. Những điểm cần lưu ý trước, trong và sau khi chọc

2.1.1.4. Quy trình kỹ thuật

2.1.1.5. Tai biến

2.1.2. Chọc hút dịch màng bụng

2.1.2.1. Đại cương

2.1.2.2. Mục đích chọc hút dịch màng bụng

2.1.2.3. Những điểm cần lưu ý trước và sau khi chọc

2.1.2.4. Quy trình kỹ thuật

2.1.2.5. Tai biến

2.1.3. Chọc dịch não tủy

2.1.3.1. Đại cương

2.1.3.2. Mục đích của chọc dịch não tủy

2.1.3.3. Chỉ định và chống chỉ định chọc dịch não tủy

2.1.3.4. Những điều cần chú ý trước, trong và sau khi chọc

2.1.3.5. Quy trình kỹ thuật

2.1.3.6. Nhận định kết quả dịch não tủy

2.1.4. Chọc dịch màng tim

2.1.4.1. Đại cương

2.1.4.2. Mục đích của chọc hút dịch màng ngoài tim

2.1.4.3. Quy trình kỹ thuật

2.1.4.4. Theo dõi, chăm sóc trong và sau khi chọc

2.1.4.5. Tai biến

2.2. Phụ giúp bác sĩ đặt catheter tĩnh mạch dưới đòn, đặt nội khí quản, mở khí quản

2.2.1. Đặt catheter tĩnh mạch dưới đòn

2.2.1.1. Chỉ định đặt Catheter tĩnh mạch dưới đòn cho người bệnh

2.2.1.2. Chống chỉ định

2.2.1.3. Phụ giúp thầy thuốc đặt catheter tĩnh mạch dưới đòn

2.2.1.4. Tai biến

2.2.1.5. Theo dõi, chăm sóc người bệnh sau đặt Catheter

2.2.2. Đặt ống nội khí quản

2.2.2.1. Mục đích của việc đặt ống nội khí quản

2.2.2.2. Chỉ định của đặt ống nội khí quản

2.2.2.3. Chống chỉ định

2.2.2.4. Trợ giúp thầy thuốc đặt ống NKQ cho người bệnh

2.2.2.5. Các tai biến và cách theo dõi người bệnh sau đặt ống nội khí quản.

2.2.3. Mở khí quản

2.2.3.1. Đại cương

2.2.3.2. Chỉ định mở khí quản

2.2.3.3. Chống chỉ định mở khí quản.

2.2.3.4. Quy trình kỹ thuật phụ giúp thầy thuốc mở khí quản.

2.2.3.5. Các tai biến hay gặp và cách theo dõi người bệnh sau mở khí quản

Bài 6: Sơ cấp cứu: phân loại người bệnh cấp cứu, cố định gãy xương, garo cầm máu, sơ cứu vết thương, cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp và các tai nạn đường thở; 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa chung về phân loại bệnh nhân cấp cứu, chảy máu, gãy xương, ngừng tuần hoàn hô hấp và các tai nạn đường thở.

1.2. Trình bày được cách phân loại bệnh nhân cấp cứu tại hiện trường cấp thảm họa và tại khoa cấp cứu.

1.3. Trình bày được kỹ thuật sơ cấp cứu nạn nhân gãy xương, ngừng tuần hoàn hô hấp garo cầm máu và các tai nạn đường thở.

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Nhận định và phân loại bệnh nhân cấp cứu

2.1.1. Đại cương

- 2.1.1.1. Lịch sử
- 2.1.1.2. Khái niệm chung
- 2.1.2. Phân loại bệnh nhân:
 - 2.1.2.1. Phân loại bệnh nhân chấn thương
 - 2.1.2.2. Phân loại thảm họa
 - 2.1.2.3. Phân loại bệnh nhân tại khoa cấp cứu
 - 2.1.2.4. Các yêu cầu cơ bản của PLBN.
- 2.2. Sơ cứu, cấp cứu nạn nhân gãy xương
 - 2.2.1. Nguyên nhân gây gãy xương
 - 2.2.2. Phân loại gãy xương
 - 2.2.3. Triệu chứng chung
 - 2.2.4. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy xương chi
 - 2.2.5. Dụng cụ để cố định gãy xương
 - 2.2.6. Vỡ xương sọ
 - 2.2.7. Gãy xương hàm dưới
 - 2.2.8. Gãy cột sống
 - 2.2.9. Gãy xương ức và xương sườn
 - 2.2.10. Vỡ xương chậu
 - 2.2.11. Gãy xương đòn
 - 2.2.12. Gãy xương cánh tay
 - 2.2.13. Gãy xương cẳng tay
 - 2.2.14. Gãy xương đùi
 - 2.2.15. Gãy xương cẳng chân
- 2.3. Sơ cứu vết thương, garo cầm
 - 2.3.1. Dấu hiệu mất máu nhiều
 - 2.3.2. Phân loại chảy máu
 - 2.3.3. Chẩn đoán vết thương mạch máu
 - 2.3.4. Sơ cứu nạn nhân chảy máu ngoài
 - 2.3.5. Theo dõi phát hiện và chăm sóc nạn nhân chảy máu trong
- 2.4. Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
 - 2.4.1. Những nguyên nhân gây ngừng thở, ngừng tim
 - 2.4.2. Dấu hiệu của một người bị ngừng thở, ngừng tim
 - 2.4.3. Nguyên tắc chung khi xử trí cấp cứu nạn nhân bị ngừng tim, ngừng

thở

2.4.4. Kỹ thuật ép tim ngoài lồng ngực

2.4.5. Kỹ thuật thổi ngạt

2.4.6. Kỹ thuật hồi sinh tim phổi

2.5. Cấp cứu các tai nạn đường thở

2.5.1. Ngạt

2.5.2. Cấp cứu nghẹt thở

2.5.3. Cấp cứu thắt cổ và bóp cổ

2.5.4. Cấp cứu chết đuối

2.5.5. Cấp cứu ngộ độc oxyd carbon

2.5.6. Cấp cứu sặc

Bài 7: Băng bó; 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được mục đích, cách làm các loại băng, nêu được cách dùng băng cuộn.

1.2. Trình bày được 6 cách băng cơ bản và áp dụng 6 cách băng cơ bản để băng từng vị trí trên cơ thể.

1.3. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Mục đích

2.2. Vật liệu và cách làm các loại băng

2.3. Cách dùng các loại băng để băng

2.4. Áp dụng các kiểu băng cơ bản để băng từng bộ phận cơ thể

2.5. Băng bằng khăn tam giác

Bài 8: Thay băng, cắt chỉ vết thương; 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được mục đích thay băng và rửa vết thương.

1.2. Trình bày được quy tắc chung khi tiến hành thay băng và rửa vết thương.

1.3. Thực hiện được qui trình kỹ thuật thay băng, rửa vết thương.

1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Mục đích thay băng rửa vết thương

- 2.2. Quy tắc chung khi thay băng và rửa vết thương
- 2.3. Địa điểm thay băng và rửa vết thương
- 2.4. Những vật liệu sử dụng thay băng - rửa vết thương
- 2.5. Phân loại vết thương
- 2.6. Quy trình thay băng và rửa vết thương

Bài 9: Dự phòng chăm sóc loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây loét ép.
- 1.2. Kể được những vị trí dễ bị loét ép và những nguyên tắc đề phòng loét ép.
- 1.3. Thực hiện được các biện pháp dự phòng và điều trị loét ép cho người bệnh.
- 1.4. Trình bày được một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.
- 1.5. Trình bày được quy trình kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp.
- 1.6. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Loét ép
 - 2.1.1. Nguyên nhân gây loét ép
 - 2.1.2. Những vị trí trên cơ thể dễ bị loét ép
 - 2.1.3. Dấu hiệu của vị trí bị mảng mục (loét ép).
 - 2.1.4. Những biện pháp đề phòng mảng mục cho người bệnh.
 - 2.1.5. Kỹ thuật phòng và chăm sóc người bệnh bị loét ép.
- 2.2. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường
 - 2.2.1. Tư thế nằm ngửa thẳng.
 - 2.2.2. Tư thế nằm ngửa đầu thấp.
 - 2.2.3. Tư thế nằm ngửa đầu hơi cao.
 - 2.2.4. Tư thế nửa nằm - nửa ngồi (Fowler).
 - 2.2.5. Tư thế nằm sấp.
 - 2.2.6. Tư thế nằm nghiêng sang bên phải hoặc bên trái.
 - 2.2.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu lồng ngực.

Bài 10: Chăm sóc người bệnh hấp hối tử vong; 1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các giai đoạn cuối cuộc đời của người bệnh.
- 1.2. Trình bày được những biểu hiện của giai đoạn hấp hối và dấu hiệu của cái chết.
- 1.3. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh ở giai đoạn hấp hối- tử vong.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Các giai đoạn cuối của cuộc đời người bệnh
- 2.2. Những biểu hiện của giai đoạn hấp hối và dấu hiệu của cái chết
- 2.3. Chăm sóc người bệnh ở giai đoạn hấp hối - tử vong

2.2. PHẦN THỰC HÀNH (tại trường)

Bài 1. Kỹ thuật hút đờm rãi; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình hút đờm rãi
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành hút đờm rãi đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 2. Kỹ thuật cho người bệnh thở Oxy, thở khí dung; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình cho người bệnh thở oxy, thở khí dung
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành cho người bệnh thở oxy, thở khí dung đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 3. Kỹ thuật thông tiểu; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình thông tiểu

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành thông tiểu đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 4. Kỹ thuật theo dõi nước tiểu 24h, rửa bàng quang; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình theo dõi nước tiểu 24h, rửa bàng quang

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành theo dõi nước tiểu 24h, rửa bàng quang đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 5. Kỹ thuật thực tháo cho người bệnh; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình thực tháo cho người bệnh
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành thực tháo cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính

xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 6. Kỹ thuật sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch

- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sử dụng bơm tiêm điện, máy truyền dịch đúng quy trình kỹ

thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 7. Kỹ thuật điện tâm đồ, test đường huyết; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình kỹ thuật điện tâm đồ, test đường huyết

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành làm điện tâm đồ, test đường huyết đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 8. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày: cho người bệnh ăn qua ống thông; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình cho người bệnh ăn qua ống thông

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành cho người bệnh ăn qua ống thông đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 9. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày: rửa dạ dày cho người bệnh; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình rửa dạ dày cho người bệnh

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành rửa dạ dày cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 10. Kỹ thuật trợ giúp thầy thuốc chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi, màng tim; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình thuật trợ giúp thầy thuốc chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi, màng tim

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành trợ giúp thầy thuốc chọc dò tuỷ sống, màng bụng, màng phổi, màng tim đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 11. Kỹ thuật trợ giúp thầy thuốc đặt Catheter, đặt NKQ, mở khí quản;

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình trợ giúp thầy thuốc đặt Catheter, đặt NKQ, mở khí quản

- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành trợ giúp thầy thuốc đặt Catheter, đặt NKQ, mở khí quản đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 12. Kỹ thuật sơ cấp cứu gãy xương; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sơ cấp cứu gãy xương
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sơ cấp cứu gãy xương đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 13. Kỹ thuật garo cầm máu; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước trong quy trình garo cầm máu
- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành garo cầm máu đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 14. Kỹ thuật sơ cứu vết thương phần mềm; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sơ cứu vết thương phần mềm

- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sơ cứu vết thương phần mềm đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh
- 2.4. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 15. Kỹ thuật sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp

- 1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ
- 1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo
- 1.4. Tiến hành sơ cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp đúng quy trình kỹ thuật
- 1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu quy trình
- 2.2. Chuẩn bị điều dưỡng
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 16. Kỹ thuật băng bó; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình băng bó

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành băng bó đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 17. Kỹ thuật thay băng, cắt chỉ vết thương; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình thay băng, cắt chỉ vết thương

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành thay băng, cắt chỉ vết thương đúng quy trình kỹ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kỹ thuật tiến hành

Bài 18. Kỹ thuật dự phòng loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình dự phòng loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành dự phòng loét ép và các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường đúng quy trình kĩ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kĩ thuật tiến hành

Bài 19. Chăm sóc người bệnh hấp hối tử vong; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước trong quy trình chăm sóc người bệnh hấp hối tử vong

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ đầy đủ

1.3. Chuẩn bị được người bệnh chu đáo

1.4. Tiến hành chăm sóc người bệnh hấp hối tử vong đúng quy trình kĩ thuật

1.5. Rèn luyện thái độ ân cần, nhẹ nhàng, cẩn thận, nhanh chóng và chính xác trong thực hành

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu quy trình

2.2. Chuẩn bị điều dưỡng

2.3. Chuẩn bị người bệnh

2.4. Chuẩn bị dụng cụ

2.5. Kĩ thuật tiến hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn..

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện:

- Học liệu: Giáo trình, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point
 - Mô hình: cấp cứu ngừng tuần hoàn, thay băng cắt chỉ, mô hình chọc dịch
 - Phương tiện: Máy điện tâm đồ, máy truyền dịch, bơm tiêm điện, máy đo đường huyết mao mạch, máy đo huyết áp, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây
 - Dụng cụ: Thùng đựng chất thải sắc nhọn, thùng đựng chất thải lây nhiễm, thùng đựng chất thải sinh hoạt
4. Các điều kiện khác: Giường bệnh đa năng, máy hút âm

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm thường xuyên (01 điểm kiểm tra 15 phút, 01 điểm kiểm tra thực hiện kỹ thuật thực hành sau buổi học)
- **Kiểm tra định kỳ phần lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm tên giấy
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 45 phút
- **Kiểm tra định kỳ học phần thực hành:** 1 điểm
 - + Thi chạy trạm: đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành thông qua chạy trạm đồng thời xét điểm điều kiện để thi lý thuyết
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 40 phút
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên phần lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì phần lý thuyết, thực hành tại trường (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: đối tượng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận..

- Thực hành tại trường: Tại Labo. Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Điều dưỡng của trường, chia nhóm thực hành có giảng viên kèm, uốn nắn, được thực hiện trên mô hình. Áp dụng các phương pháp: Mô phỏng, đóng vai, phát vấn...

2.1. Đối với giảng viên

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành
- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ và điểm kiểm tra định kỳ thực hành $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên cần chú ý những nội dung trọng tâm như sơ cấp cứu người bệnh, các kỹ thuật đặt sonde dạ dày, kỹ thuật thông tiêu và thay băng rửa vết thương.

4. Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS Cao Văn Thịnh, *Điều dưỡng cơ bản tập 1, 2* Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - NXB Y học năm 2017.

2. Giáo trình điều dưỡng cơ bản, Trường Đại học Điều dưỡng Y khoa Vinh, 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIAO TIẾP, GIÁO DỤC SỨC KHỎE TRONG THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG

Mã môn học: MH 21

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn học được phân bổ vào học kỳ 4, năm học thứ 2, sau các môn học Điều dưỡng cơ sở, Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người, Vi sinh - Ký sinh.

2. Tính chất:

Là môn học cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng lời và không lời trong quá trình giao tiếp để người điều dưỡng có thể giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh. Ngoài ra cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng giáo dục sức khỏe cũng như vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe và thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết, biết cách lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó tự hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

II. Mục tiêu môn học/học phần

1. Về kiến thức:

- 1.1. Trình bày được khái niệm giao tiếp và các kỹ năng giao tiếp
- 1.2. Trình bày được các nguyên tắc và nghi thức trong quá trình giao tiếp
- 1.3. Trình bày được những kiến thức khoa học cơ bản về truyền thông - giáo dục sức khỏe.
- 1.4. Trình bày được vị trí, tầm quan trọng của truyền thông - giáo dục sức khỏe trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

1.5. Trình bày được các phương pháp và nội dung các bước trong lập kế hoạch TT - GDSK.

2. Về kỹ năng:

2.1. Tư vấn và giáo dục sức khỏe được cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

2.2. Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh.

2.3. Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp.

2.4. Lập được kế hoạch TT-GDSK và tổ chức thực hiện TT-GDSK ở cộng đồng.

2.5. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cách phòng bệnh cho người bệnh.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hành công việc.

3.2. Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

3.3. Có ý thức trách nhiệm trong quá trình đi thực tập thực tế tại bệnh viện và cộng đồng.

3.4. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc tiếp xúc và chăm sóc bệnh nhân.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Khái quát chung về kỹ năng giao tiếp ứng xử	2	2		
2	Kỹ năng giao tiếp ứng xử chung nơi làm việc	4	4		
3	Giao tiếp, ứng xử của cán bộ y tế	4	4		
4	Một số trạng thái tâm lý của người bệnh	3	2		1

5	Những nguyên tắc chính trong truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2		
6	Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	4	4		
7	Phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe	4	4		
8	Lập kế hoạch và quản lý hoạt động TT-GDSK	4	4		
9	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	3	2		1
Cộng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết môn học

2.1. Nội dung chi tiết lý thuyết

Bài 1: Khái quát chung về kỹ năng giao tiếp ứng xử; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm về giao tiếp, ứng xử
- 1.2. Trình bày được các hình thức giao tiếp ứng xử
- 1.3. Mô tả được vai trò của giao tiếp ứng xử

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm

- 2.1.1. Khái niệm giao tiếp, ứng xử
- 2.1.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử
- 2.1.3. Các hình thức giao tiếp

2.2. Vai trò của kỹ năng giao tiếp, ứng xử

2.2.1. Đối với cơ quan, tổ chức

2.2.2. Đối với từng cán bộ, công chức, viên chức

2.2.3. Đối với khách đến giao dịch

2.3. Các biểu hiện của kỹ năng giao tiếp, ứng xử

- 2.3.1. Thái độ, cử chỉ
- 2.3.2. Lời nói
- 2.3.3. Trang phục

2.4. Các yếu tố tác động đến kỹ năng giao tiếp ứng xử

2.4.1 Các yếu tố bên trong tổ chức

2.4.2 Các yếu tố bên ngoài tổ chức

2.4.3 Các yếu tố liên quan đến các bên tham gia giao tiếp

Bài 2: Kỹ năng giao tiếp ứng xử chung nơi làm việc; 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các nguyên tắc trong giao tiếp ứng xử

1.2. Trình bày được các nguyên tắc xã giao trong giao tiếp

1.3. Trình bày được kỹ năng ứng xử chung nơi làm việc

2. Nội dung bài:

2.1. Nguyên tắc chung

2.1.1. Tôn trọng

2.1.2. Bình đẳng

2.1.3. Phù hợp hoàn cảnh

2.1.4. Tin cậy

2.1.5. Cộng tác – Hải hòa lợi ích

2.1.6. Thâm mỹ hành vi

2.1.7. Tôn trọng quy luật tâm sinh lý

2.2. Các nghi thức xã giao

2.2.1. Cách chào hỏi

2.2.2. Cách xưng hô

2.2.3. Cách giới thiệu

2.2.4. Cách bắt tay

2.3. Kỹ năng ứng xử chung trong công sở

2.3.1. về nhận thức

2.3.2. kỹ năng ứng xử trong thực thi nhiệm vụ

2.3.3. Kỹ năng ứng xử với cảnh quan, môi trường làm việc

2.3.4. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử theo các mối quan hệ

2.3.5. Kỹ năng giao tiếp trong một số tình huống cụ thể.

Bài 3: Giao tiếp, ứng xử của cán bộ y tế; 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tầm quan trọng của giao tiếp, ứng xử

1.2. Trình bày được một số quy định chung về giao tiếp ứng xử của CBYT

2. Nội dung bài:

2.1. Tầm quan trọng câu giao tiếp, ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh

- 2.1.1. đối với nhân viên y tế
- 2.1.2. Đối với người bệnh
- 2.2. Một số quy định về giao tiếp, ứng xử của CBYT
- 2.2.1. Giao tiếp không lời
- 2.2.2. Giao tiếp có lời
- 2.3. Mối liên hệ giữa giao tiếp không lời và giao tiếp có lời

Bài 4: Một số trạng thái tâm lý của người bệnh; 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được tâm lý chung của người bệnh khi vào viện
- 1.2. Trình bày được tâm lý của người bệnh chuyên khoa
- 1.3. Trình bày được kỹ năng sử dụng câu hỏi mở, câu hỏi đóng và câu hỏi đối chứng
- 1.4. Ý thức được tầm quan trọng của việc hình thành kỹ năng giao tiếp

2. Nội dung bài:

- 2.1. Tâm lý chung của người bệnh khi vào viện
- 2.2. Tâm lý của người bệnh chuyên khoa
 - 2.2.1. Tâm lý người bệnh nội khoa
 - 2.2.2. Tâm lý người bệnh ngoại khoa
 - 2.2.3. Tâm lý người bệnh sản phụ khoa
 - 2.2.4. Tâm lý người bệnh ngoài da và hoa liễu
 - 2.2.5. Tâm lý người bệnh nhi khoa
 - 2.2.6. Tâm lý người bệnh lão khoa
- 2.3. Kỹ năng sử dụng câu hỏi đóng
- 2.4. Kỹ năng sử dụng câu hỏi mở
- 2.5. Kỹ năng sử dụng câu hỏi đối chứng

Bài 5: Những nguyên tắc chính trong truyền thông giáo dục sức khỏe; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo hoạt động truyền thông- giáo dục sức khỏe (TT-GDSK).
- 1.2. Vận dụng được các nguyên tắc TT-GDSK vào trong công tác TT-GDSK của mình.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Các nguyên tắc TT-GDSK
 - 2.2.1. Nguyên tắc khoa học trong truyền thông-giáo dục sức khỏe

- 2.2.2. Nguyên tắc đại chúng trong truyền thông-giáo dục sức khỏe
- 2.2.3. Nguyên tắc trực quan
- 2.2.4. Nguyên tắc thực tiễn
- 2.2.5. Nguyên tắc lồng ghép
- 2.2.6. Các nguyên tắc khác

Bài 6: Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được các nguyên tắc chính để lựa chọn các nội dung TT-GDSK.
- 1.2. Trình bày được các nội dung chính cần tiến hành TT-GDSK hiện nay.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các nguyên tắc lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Một số nguyên tắc trong lựa chọn nội dung truyền thông-giáo dục sức khỏe
- 2.3. Giáo dục bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em
- 2.4. Giáo dục dinh dưỡng
- 2.5. Giáo dục sức khỏe ở trường học
- 2.6. Giáo dục vệ sinh và bảo vệ môi trường
- 2.7. Giáo dục vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp
- 2.8. Giáo dục phòng chống bệnh tật nói chung

Bài 7: Phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, về phương pháp và phương tiện truyền thông-giáo dục sức khỏe.
- 1.2. Phân loại và trình bày khái quát về các phương tiện truyền thông-giáo dục sức khỏe.
- 1.3. Phân loại và trình bày khái quát về phương pháp truyền thông-giáo dục sức khỏe trực tiếp và gián tiếp

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái quát về phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phân loại phương tiện truyền thông-giáo dục sức khỏe
- 2.3. Phương pháp giáo dục sức khỏe
 - 2.4. Khái niệm
 - 2.5. Các phương pháp truyền thông-giáo dục sức khỏe gián tiếp
 - 2.6. Các phương pháp truyền thông-giáo dục sức khỏe trực tiếp

Bài 8: Lập kế hoạch và quản lý hoạt động TT-GDSK; 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những lý do vì sao phải lập kế hoạch giáo dục sức khỏe.
- 1.2. Phân tích các bước của lập kế hoạch cho một chương trình giáo dục sức khỏe.
- 1.3. Xây dựng được kế hoạch cho một chương trình giáo dục sức khỏe cụ thể.

- 1.4. Trình bày các nội dung quản lý đặc trưng của hoạt động TT-GDSK.
- 1.5. Trình bày những lý do cần giám sát, đánh giá các hoạt động TT-GDSK.
- 1.6. Phân tích các nội dung cần giám sát, đánh giá hoạt động TT-GDSK.

2. Nội dung

- 2.1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Những điều cần chú ý trước khi lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.3. Các bước lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.3.1. Bước 1: Thu thập thông tin xác định vấn đề sức khỏe cần TT-GDSK
 - 2.3.2. Bước 2: Lựa chọn Vấn đề sức khỏe ưu tiên cần TT-GDSK
 - 2.3.3. Bước 3: Xác định đối tượng đích và xây dựng mục tiêu
 - 2.3.4. Bước 4: Xác định Nội dung truyền thông-giáo dục sức khỏe
 - 2.3.5. Bước 5: Xác định nguồn lực, phương tiện, phương pháp truyền thông-giáo dục sức khỏe
 - 2.3.6. Bước 6. Thử nghiệm phương pháp, phương tiện truyền thông-giáo dục sức khỏe
 - 2.3.7. Bước 7: Xây dựng chương trình hoạt động truyền thông-giáo dục sức khỏe cụ thể
- 2.4. Quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.4.1. Khái niệm về quản lý hoạt động truyền thông-giáo dục sức khỏe
 - 2.4.2. Mục đích của quản lý hoạt động truyền thông-giáo dục sức khỏe
- 2.5. Các Nội dung quản lý đặc trưng về truyền thông-giáo dục sức khỏe
- 2.6. Giám sát và đánh giá các hoạt động truyền thông-giáo dục sức khỏe

Bài 9: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe; 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày khái niệm về kỹ năng truyền thông-giáo dục sức khỏe và vai trò của việc rèn luyện kỹ năng TT-GDSK.

1.2. Trình bày các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản mà người cán bộ TT- GDSK cần rèn luyện.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Vai trò của việc rèn luyện kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.3. Kỹ năng nói
- 2.4. Kỹ năng nêu câu hỏi
- 2.5. Kỹ năng nghe
- 2.6. Kỹ năng quan sát
- 2.7. Kỹ năng thuyết phục
- 2.8. Kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi
- 2.9. Kỹ năng sử dụng tài liệu, hiện vật trong truyền thông-giáo dục sức khỏe
- 2.10. Một số kỹ năng khác

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: giảng đường
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống giao tiếp, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức:

+ Các nội dung về giao tiếp trong thực hành điều dưỡng, các nguyên tắc trong giao tiếp, nghi thức trong giao tiếp, văn hóa giao tiếp ứng xử và các nội dung khác

+ Các phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe, nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe, một số kiến thức và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe thương gặp.

- Kỹ năng:

Đánh giá các nội dung về giao tiếp ứng xử và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe đã được giới thiệu trong chương trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: *Trong quá trình học tập, sinh viên cần:*

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau

2.1. Cách đánh giá

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 2 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng chính quy

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn tài liệu trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8 -10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trong chương trình này người học cần chú ý những nội dung chính như kỹ năng giao tiếp chung nơi làm việc, các trạng thái tâm lý của người bệnh, các phương tiện truyền thông và giáo dục sức khỏe, nội dung truyền thông và giáo dục sức khỏe.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] *Bài giảng Giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. năm 2024

[2] *Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2021.

[3] *Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng*, Nhà xuất bản Y học, năm 2024.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA

Mã số môn học : MH 22

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kỳ 3 của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các môn học cơ sở ngành: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh vật - Ký, Sinh lý bệnh, Dược lý, Điều dưỡng cơ sở 1.

2. Tính chất

Môn học này sẽ cung cấp kiến thức cơ bản và hình thành những năng lực chủ yếu trong thực hành về sức khỏe cho người bệnh nội khoa, bao gồm : chăm sóc Đại cương chăm sóc nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (Nội chung và các chuyên khoa hệ Nội); Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học/học phần

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp

1.2. Trình bày và giải thích được các bước lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh nội khoa thường gặp

1.3. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh mắc các bệnh nội khoa thường gặp

2. Về kỹ năng:

2.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

2.2. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

2.3. Thực hiện được các bước lập kế hoạch chăm sóc người bệnh mắc các bệnh ngoại khoa thường gặp

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh và gia đình họ.

3.4. Phối hợp với người bệnh và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe.

3.5. Phát triển các mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho bệnh nhân và gia đình họ.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

1.1. Lý thuyết

TT	Nội dung	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Khám lâm sàng hệ tim mạch	3	3		
2	Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp	2	2		
3	Chăm sóc bệnh nhân suy tim	2	2		
4	Khám lâm sàng hệ hô hấp	2	2		
5	Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi	2	2		
6	Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản	2	2		
7	Khám lâm sàng hệ tiêu hoá	2	2		

8	Chăm sóc bệnh nhân xơ gan	2	2		
9	Chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày - tá tràng	2	2		
10	Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu	2	2		
11	Chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường	2	2		
12	Quá trình hóa già	2	2		
13	Đặc điểm bệnh lý người cao tuổi.	2	2		
14	Dinh dưỡng người cao tuổi	3	2		1
	Tổng số	30	29		1`

1.2. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian 90 giờ

TT	Tên Bài/ Học Phần	Giờ
		TH
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp	5
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy tim	5
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm phổi thùy	5
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân hen phế quản	5
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân xơ gan	5
6	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày - tá tràng	5
7	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá	5
8	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thiếu máu	5
9	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân basedow	5
10	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường	5
11	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	5
12	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy thận cấp	3
13	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn	3
14	Xem, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp bác sĩ chọc dò màng phổi	4
15	Xem, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng	4
16	Xem, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp bác sĩ chọc dịch ổ khớp	4

17	Làm phiếu chăm sóc bệnh nhân	5
18	Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh	10
19	Thi kết thúc lâm sàng	2
	Tổng số	90

2. Nội dung chi tiết môn học

2.1. Nội dung chi tiết phần lý thuyết

Bài 1. Khám lâm sàng hệ tim mạch; 03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày và giải thích được các triệu chứng cơ năng và thực thể thường gặp trong bệnh tim mạch.

1.2. Áp dụng được các kiến thức trong bài vào việc nhận định chăm sóc bệnh nhân tim mạch.

2. Nội dung:

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.1.1. Đau ngực:

2.1.2. Khó thở

2.1.3. Ho

2.1.4. Mệt

2.1.5. Hôi hộc trổng ngực

2.1.6. Ngất

2.1.7. Tăng cân đột ngột và phù

2.1.8. Đau chi

2.1.9. Khai thác các thông tin khác về người bệnh

2.2. Nhận định thực thể

2.2.1. Nhận định toàn trạng

2.2.2. Nhận định về tim mạch

2.2.3. Nhận định về hô hấp

2.2.4. Các cơ quan khác

Bài 2. Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, xử trí bệnh nhân tăng huyết áp

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa và phân loại tăng huyết áp
- 2.2. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ tim mạch
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Các yếu tố nguy cơ tim mạch ở bệnh nhân tăng huyết áp
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Nguyên tắc chung:
 - 2.5.2. Các biện pháp tích cực thay đổi lối sống:
 - 2.5.3. Điều trị tăng huyết áp bằng thuốc tại tuyến cơ sở
 - 2.5.4. Các lý do để chuyển tuyến trên hoặc chuyên khoa tim mạch
 - 2.5.5. Điều trị tăng huyết áp và các yếu tố nguy cơ tim mạch khác ở tuyến trên
- 2. 6. Chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp
 - 2.6.1. Nhận định chăm sóc
 - 2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.6.3. Kế hoạch chăm sóc
 - 2.6.4. Thực hiện chăm sóc
 - 2.6.5. Đánh giá quá trình chăm sóc:

Bài 3. Chăm sóc bệnh nhân suy tim; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, mức độ và nguyên tắc điều trị suy tim.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy tim

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Suy tim trái
 - 2.2.2. Suy tim phải
 - 2.2.3. Suy tim toàn bộ
 - 2.2.4. Phân độ suy tim
- 2.3. Điều trị
 - 2.3.1. Nguyên tắc
 - 2.3.2. Những biện pháp điều trị chung
- 2.4. Nhận định tình hình

- 2.5. Chẩn đoán điều dưỡng
- 2.6. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.6.1. Chăm sóc cơ bản
 - 2.6.2. Thực hiện y lệnh
 - 2.6.3. Theo dõi
 - 2.6.4. Giáo dục sức khỏe
- 2.7. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.1. Thực hiện chăm, sóc cơ bản
 - 2.7.2. Thực hiện y lệnh của thầy thuốc
 - 2.7.3. Theo dõi
 - 2.7.4. Giáo dục sức khỏe
- 2.8. Đánh giá quá trình chăm sóc

Bài 4. Khám lâm sàng hệ hô hấp; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nguyên nhân và cách nhận định các triệu chứng cơ năng của bệnh hô hấp

1.2. Kể được các triệu chứng thực thể của bộ máy hô hấp.

2. Nội dung:

2.1. Các triệu chứng cơ năng

2.1.1. Ho

2.1.2. Khó thở

2.1.3. Đau ngực

2.2. Các triệu chứng thực thể

2.2.1. Nhìn

2.2.2. Sờ

2.2.3. Gõ

2.2.4. Nghe

Bài 5. Chăm sóc bệnh nhân viêm phổi; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây viêm phổi

1.2. Trình bày được triệu chứng, tiến triển, biến chứng và cách điều trị bệnh viêm phổi thùy.

1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm phổi thùy.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.

- 2.1.3. Các yếu tố nguy cơ.
- 2.2. Cơ chế bệnh sinh
- 2.3. Triệu chứng của viêm phổi thùy
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng.
- 2.4. Tiến trình và biến chứng của viêm phổi thùy
 - 2.4.1. Tiến triển.
 - 2.4.2. Biến chứng.
- 2.5. Điều trị viêm phổi.
- 2.6. Chăm sóc
 - 2.6.1. Nhận định chăm sóc.
 - 2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc.
 - 2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc.
 - 2.6.4. Thực hiện chăm sóc.
 - 2.6.5. Đánh giá chăm sóc.

Bài 6. Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được những yếu tố làm khởi phát cơn hen
- 1.2. Nêu được những dấu hiệu lâm sàng và biến chứng của hen
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân hen phế quản.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Dịch tễ học
- 2.3. Nguyên nhân
- 2.4. Triệu chứng lâm sàng cơn hen phế quản điển hình
- 2.5. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.5.1. Thăm dò chức năng hô hấp:
 - 2.5.2 Các xét nghiệm về dị ứng:
 - 2.5.3. Các xét nghiệm khác
 - 2.5.4. Phim lồng ngực:
- 2.6. Chẩn đoán
- 2.7. Biến chứng
- 2.8. Điều trị
- 2.9. Phòng bệnh

2.10. Chăm sóc bệnh nhân hen phế quản

2.10.1 Nhận định tình trạng bệnh nhân

2.10.2 Chẩn đoán điều dưỡng

2.10.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.10.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.10.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 7. Khám lâm sàng hệ tiêu hóa; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những rối loạn thường gặp trong bệnh lý của bộ máy tiêu hóa.

1.2. Áp dụng được những kiến thức trong bài vào việc nhận định người bệnh mắc bệnh tiêu hóa.

2. Nội dung:

2.1 những rối loạn thường gặp của bộ máy tiêu hóa

2.1.1. Đau bụng

2.1.2. Nôn và buồn nôn.

2.1.3. Ỉa chảy.

2.1.4. Táo bón.

2.1.5. Trướng hơi.

2.2. Cách khám bụng.

2.2.1. Quan sát.

2.2.2. Sờ nắn:

2.2.3. Gõ bụng

2.2.4. Nghe bụng

2.2.5. Thăm trực tràng

2.3. Các phương pháp thăm khám cận lâm sàng

Bài 8. Chăm sóc bệnh nhân xơ gan; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày và phân tích được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách điều trị bệnh xơ gan..

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân xơ gan.

2. Nội dung:

2.1. Nhắc lại một vài đặc điểm về giải phẫu và sinh lý của gan.

- 2.2. Đại cương.
- 2.3. Nguyên nhân thường gặp của xơ gan,
- 2.4. Triệu chứng.
- 2.4.1. Lâm sàng.
- 2.4.2. Cận lâm sàng
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Cách điều trị.
- 2.7. Chăm sóc.
- 2.7.1. Nhận định chăm sóc.
- 2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc.
- 2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc.
- 2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.7.5. Đánh giá chăm sóc.

Bài 9. Chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày - tá tràng;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cơ chế bệnh sinh, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách điều trị bệnh loét dạ dày – tá tràng.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân loét dạ dày – tá tràng.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Cơ chế bệnh sinh và nguyên nhân.
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3.1. Thể điển hình
- 2.3.2. Thể không điển hình
- 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng.
- 2.5. Các biến chứng
- 2.6. Cách điều trị.
- 2.7. Chăm sóc
- 2.7.1. Nhận định chăm sóc
- 2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc.
- 2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc.
- 2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc.
- 2.7.5. Đánh giá chăm sóc.

Bài 10. Chăm sóc bệnh nhân thiếu máu;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, sinh lý máu, nguyên nhân và triệu chứng của thiếu máu

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thiếu máu

2. Nội dung:

2.1.1. Định nghĩa và sinh lý máu

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Lâm sàng

2.3.2. Cận lâm sàng.

2.4. Chăm sóc

2.4.1. Nhận định chăm sóc.

2.4.2. Chẩn đoán chăm sóc.

2.4.3. Kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Thực hiện chăm sóc

2.4.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 11. Chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách điều trị bệnh đái tháo đường.

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Lâm sàng

2.3.2. Chẩn đoán xác định

2.4. Biến chứng.

2.5. Điều trị

2.6. Chăm sóc

2.6.1. Nhận định chăm sóc

2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.6.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc.

2.6.5. Đánh giá chăm sóc.

Bài 12. Quá trình già hóa; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quá trình hóa già
- 1.2. Trình bày được sự liên quan giữa quá trình hòa già đến biến đổi tâm sinh lý và bệnh tật ở người cao tuổi.
- 1.3. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.
- 1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương hóa già
- 2.2. Sinh học tuổi già
- 2.3. Đặc điểm cơ thể người già
- 2.4. Đặc điểm tâm lý người già

Bài 13. Đặc điểm bệnh lý người cao; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm bệnh lý ở người cao tuổi
- 1.2. Trình bày được các bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi.
- 1.3. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.
- 1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương bệnh lý người cao tuổi.
- 2.2. Bệnh lý người cao tuổi.
 - 2.2.1 Bệnh hô hấp
 - 2.2.2. Bệnh tiêu hóa
 - 2.2.3. Bệnh tim mạch
 - 2.2.4. Bệnh tiết niệu
 - 2.2.5. Bệnh nội tiết và chuyển hóa
 - 2.2.6. Bệnh cơ quan tạo máu
 - 2.2.7. Bệnh cơ, xương, khớp

Bài 14. Dinh dưỡng người cao tuổi; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm dinh dưỡng, một số lưu ý về dinh dưỡng cho người cao tuổi.
- 1.2. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng ở người cao tuổi

- 1.3. Áp dụng những kiến thức đã học vào chăm sóc bệnh nhân.
- 1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương dinh dưỡng
- 2.2. Đặc điểm dinh dưỡng người cao tuổi
- 2.3. Lưu ý về chế độ ăn
- 2.4. Nhu cầu năng lượng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%

+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng chính quy

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* **Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại các khoa nội bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, trong thời gian 4 tuần (90 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và

tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Một số bệnh nội khoa thường gặp như: loét dạ dày-tá tràng, chấn sóc người bệnh thiếu máu, chấn sóc người bệnh đái tháo đường...

4. Tài liệu tham khảo:

1. Điều dưỡng nội khoa ((2022), Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.
2. Bệnh học Nội khoa tập I,II (2020).Trường Đại học Y Hà Nội
3. Điều dưỡng Nội - Bộ Y tế (2007), NXB Y học.
4. Điều dưỡng nội khoa (2015), NXB Y học.
5. Bệnh học Lão khoa - Từ đại cương đến thực hành lâm sàng - NXB Khoa học Kỹ thuật 2024.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA

Mã môn học: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn học Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 3 của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các môn học cơ sở ngành: Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh vật – Ký, Sinh lý bệnh, Dược lý, Điều dưỡng cơ sở 1 - kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Tính chất:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò, nhiệm vụ của điều dưỡng ngoại khoa, chăm sóc ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc các bệnh lý ngoại khoa thường gặp; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp

1.2. Trình bày được tiến triển của các bệnh ngoại khoa thường gặp.

1.3. Trình bày được các biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp

1.4. Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa thường gặp

2. Về kỹ năng:

2.1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa.

2.2. Thực hiện được kỹ thuật chăm sóc người bệnh ngoại khoa thường gặp

2.3. Thực hiện được các bước lập kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa thường gặp

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

3.2. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa	2	2		
2	Nhiệm vụ điều dưỡng phòng mổ và các thành viên trong cuộc mổ	2	2		
3	Chuẩn bị bệnh nhân trước phẫu thuật	2	2		
4	Chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật	2	2		
5	Chăm sóc người bệnh gây mê, gây tê	2	2		
6	Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn ngoại khoa	2	2		
7	Chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu	2	2		
8	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa	4	4		
9	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiết niệu	4	4		
10	Chăm sóc người bệnh gãy xương, phẫu thuật gãy xương, Bó bột gãy xương.	4	4		
11	Chăm sóc người bệnh Bong gân, sai khớp	3	3		
12	Kiểm tra	1			1
	Cộng	30	29		1

1.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết
Bài 1.	Chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật	
1.1.	Chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu	8

1.2.	Chuẩn bị bệnh nhân mổ phiên	8
Bài 2.	Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	
2.1.	Chăm sóc bệnh nhân giai đoạn hồi tỉnh	4
2.2.	Chăm sóc bệnh nhân trong 24h đầu	4
2.3.	Chăm sóc bệnh nhân những ngày sau	4
Bài 3.	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa	...
3.1.	Viêm ruột thừa cấp	4
3.2.	Tắc ruột, lồng ruột	4
3.3.	Thủng dạ dày cấp	4
3.4.	Viêm phúc mạc	4
Bài 4.	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiết niệu	
4.1.	Sỏi thận	4
4.2.	Sỏi niệu quản, sỏi bàng quang	4
4.3.	Chấn thương thận	4
4.4.	Tăng sinh tuyến tiền liệt	4
Bài 5.	Chăm sóc người bệnh gây mê gây tê	6
Bài 6.	Chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu	8
Bài 7.	Chăm sóc người bệnh Bong gân, sai khớp	8
Bài 8.	Chăm sóc người bệnh gãy xương, phẫu thuật gãy xương	8
	Tổng	90

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa
- 1.2. Trình bày được những yêu cầu đối với người điều dưỡng ngoại khoa

2. Nội dung:

2.1 . Đại cương:

2.2. Vai trò người điều dưỡng ngoại khoa:

2.2.1. Tiếp đón người bệnh:

2.2.2. Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ:

2.2.3. Theo dõi và chăm sóc người bệnh sau mổ:

2.2.4. Chuẩn bị cho người bệnh xuất viện:

2.3. Những yêu cầu đối với người điều dưỡng ngoại khoa:

2.3.1. Tinh thông nghiệp vụ, thành thạo tay nghề, thao tác kỹ thuật chính xác:

2.3.2. Có ý thức và tác phong vô khuẩn trong mọi kỹ thuật và chăm sóc người bệnh:

2.3.3. Giúp đỡ thầy thuốc trong việc phát hiện, theo dõi và chăm sóc người bệnh:

2.3.4. Có lòng thương yêu người bệnh cao độ, thực hiện lời dạy của Bác Hồ “Lương y phải như từ mẫu”.

**Bài 2: Nhiệm vụ điều dưỡng phòng mổ và các thành viên trong cuộc mổ;
Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các chức năng của điều dưỡng trưởng phòng mổ.

1.2. Trình bày được chức năng của các điều dưỡng: điều dưỡng tiếp dụng cụ, điều dưỡng chạy ngoài, điều dưỡng gây mê hồi sức của kíp mổ.

2. Nội dung:

2.1. Chức năng nhiệm vụ của các điều dưỡng phòng mổ.

2.2. Chức năng điều dưỡng trưởng.

2.3. Nhiệm vụ điều dưỡng tiếp dụng cụ.

2.4. Nhiệm vụ điều dưỡng chạy ngoài.

2.5. Nhiệm vụ của điều dưỡng gây mê hồi sức.

Bài 3: Chuẩn bị bệnh nhân trước phẫu thuật; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm phẫu thuật cấp cứu và phẫu thuật theo kế hoạch

1.2. Trình bày được các bước chuẩn bị bệnh nhân mổ cấp cứu

1.3. Trình bày được các bước chuẩn bị người bệnh mổ phiên (Mổ theo kế hoạch)

2. Nội dung:

2.1. Các loại phẫu thuật:

2.1.1. Phẫu thuật cấp cứu:

2.1.2. Phẫu thuật theo kế hoạch

2.2. Chuẩn bị người bệnh mổ theo kế hoạch:

- 2.2.1. Chuẩn bị tâm lý
- 2.2.2. Chuẩn bị thủ tục hành chính
- 2.2.3. Chuẩn bị thể chất người bệnh
- 2.2.4. Chuẩn bị người bệnh trong ngày phẫu thuật
- 2.3. Chuẩn bị người bệnh mổ cấp cứu:
 - 2.3.1. Chuẩn bị tâm lý
 - 2.3.2. Chuẩn bị thủ tục hành chính
 - 2.3.3. Chuẩn bị thể chất người bệnh
 - 2.3.4. Chuẩn bị người bệnh trước khi chuyển phòng mổ

Bài 4: Chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn hồi tỉnh
- 1.2. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn trong 24 giờ đầu
- 1.3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn những ngày sau

2. Nội dung:

- 2.1. Các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn hồi tỉnh:
 - 2.1.1. Nhận định:
 - 2.1.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.1.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.1.4. Đánh giá
- 2.2. Các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn 24h đầu:
 - 2.2.1. Nhận định:
 - 2.2.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.2.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.2.4. Đánh giá
- 2.3. Các bước chăm sóc người bệnh giai đoạn những ngày sau:
 - 2.3.1. Nhận định:
 - 2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.4. Đánh giá

Bài 5: Chăm sóc người bệnh gây mê, gây tê; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể tên được các loại thuốc gây mê, gây mê thường sử dụng
- 1.2. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi người bệnh trước, trong và sau khi gây mê, gây tê

2. Nội dung:

- 2.1. Gây mê:
 - 2.1.1. Các loại thuốc dùng trong gây mê
 - 2.1.1.1. Thuốc tiền mê
 - 2.1.1.2. Thuốc mê
 - 2.1.1.3. Các phương pháp gây mê
 - 2.1.2. Chăm sóc:
 - 2.1.2.1. Chăm sóc trước gây mê
 - 2.1.2.2. Chăm sóc trong khi gây mê
 - 2.1.2.3. Chăm sóc sau khi gây mê
- 2.2. Gây tê:
 - 2.2.1. Các loại thuốc dùng trong gây tê
 - 2.2.2. Các phương pháp gây mê
 - 2.2.3. Chăm sóc:
 - 2.2.3.1. Chăm sóc trước gây mê
 - 2.2.3.2. Chăm sóc trong khi gây mê
 - 2.2.3.3. Chăm sóc sau khi gây mê

Bài 6: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn ngoại khoa; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày và phân tích nguyên nhân, triệu chứng tiền triệu và biến chứng, cách xử trí của một số nhiễm khuẩn ngoại khoa thường gặp.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn ngoại khoa
- 1.3. Biết cách thực hiện các biện pháp để phòng ngừa nhiễm khuẩn ngoại khoa trong bệnh viện.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương:
- 2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi
 - 2.2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.3. Triệu chứng:
 - 2.3.1. Triệu chứng toàn thân

- 2.3.2. Triệu chứng tại chỗ
- 2.3.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng:
- 2.5. Điều trị:
- 2.6. Chăm sóc:
 - 2.6.1. Nhận định tình trạng người bệnh
 - 2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.6.3. Kế hoạch chăm sóc
 - 2.6.4. Đánh giá

Bài 7: Chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được mục đích, nêu tên các loại dẫn lưu ổ bụng.
- 1.2. Chăm sóc được người bệnh có dẫn lưu vùng bụng
- 1.3. Trình bày được mục đích, chỉ định và vị trí chọc dẫn lưu màng phổi.
- 1.4. Chăm sóc được người bệnh có đặt dẫn lưu màng phổi.

2. Nội dung:

- 2.1. Dẫn lưu vùng bụng:
 - 2.1.1. Mục đích:
 - 2.1.2. Các loại dẫn lưu ổ bụng
 - 2.1.3. Cách chăm sóc theo dõi các dẫn lưu ổ bụng
- 2.2. Dẫn lưu màng phổi:
 - 2.2.1. Một số loại phẫu thuật lồng ngực có đặt dẫn lưu màng phổi:
 - 2.2.1.1. Phẫu thuật các bệnh tim
 - 2.2.1.1.1. Các bệnh tim mạch phải
 - 2.2.1.1.2. Các bệnh tim bẩm sinh
 - 2.2.1.1.3. Các khối u tim:
 - 2.2.1.2. Can thiệp ngoại khoa về phổi
 - 2.2.1.3. U trung thất
 - 2.2.2. Dẫn lưu kín khoang màng phổi
 - 2.2.2.1. Mục đích dẫn lưu kín khoang màng phổi
 - 2.2.2.2. Chỉ định
 - 2.2.2.3. Vị trí dẫn lưu
 - 2.2.2.4. Đặt hệ thống dẫn lưu khí khoang màng phổi.
 - 2.2.2.5. Chăm sóc

- 2.2.2.5.1. Nhận định tình trạng người bệnh
- 2.2.2.5.2. Những vấn đề cần chăm sóc
- 2.2.2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.2.2.5.4. Đánh giá

Bài 8: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa;

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh viêm ruột thừa cấp, lồng ruột, tắc ruột, thủng dạ dày và bệnh viêm phúc mạc.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm ruột thừa cấp, lồng ruột, tắc ruột, thủng dạ dày và bệnh viêm phúc mạc.
- 1.3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa cấp, lồng ruột, tắc ruột, thủng dạ dày và bệnh viêm phúc mạc.

2. Nội dung:

2.1. Viêm ruột thừa cấp:

2.1. 1. Nguyên nhân:

2.1.2. Triệu chứng :

2.1.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.1.3. Chăm sóc

2.1. 3.1. Chăm sóc trước mổ

2.1. 3.2. Chăm sóc sau mổ

2.2. Tắc ruột:

2.2. 1. Nguyên nhân:

2.2.2. Triệu chứng :

2.2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.2.3. Chăm sóc

2.2. 3.1. Chăm sóc trước mổ

2.2. 3.2. Chăm sóc sau mổ

2.3. Lồng ruột:

2.3. 1. Nguyên nhân:

2.3.2. Triệu chứng :

2.3.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3.3. Chăm sóc

2.3. 3.1. Chăm sóc trước mổ

2.3. 3.2. Chăm sóc sau mổ

2.4. Thủng dạ dày:

2.4. 1. Nguyên nhân:

2.1.2. Triệu chứng lâm sàng

2.4.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.4.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4.3. Chăm sóc

2.4. 3.1. Chăm sóc trước mổ

2.4. 3.2. Chăm sóc sau mổ

2.5. Viêm ruột thừa cấp:

2.5. 1. Nguyên nhân:

2.5.2. Triệu chứng lâm sàng

2.5.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.5.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.5.3. Chăm sóc

2.5. 3.1. Chăm sóc trước mổ

2.5. 3.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 9: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường tiết niệu;

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng bệnh sỏi thận, sỏi niệu quản, sỏi bàng quang & U xơ TLT

1.2. Trình bày cách chăm sóc người bệnh sỏi thận, sỏi niệu quản, sỏi bàng quang & U xơ TLT

2. Nội dung:

2.1. Sỏi thận:

2.1.1. Nguyên nhân

2.1. 2. Triệu chứng:

2.1.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.1.3. Chăm sóc

2.1.3.1. Chăm sóc trước mổ

2.1.3.2. Chăm sóc sau mổ

- 2.2. Sỏi niệu quản:
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2. 2. Triệu chứng:
 - 2.2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.2.3. Chăm sóc
 - 2.2.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.2.3.2. Chăm sóc sau mổ
- 2.3. Sỏi bàng quang:
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3. 2. Triệu chứng:
 - 2.3.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3.3. Chăm sóc
 - 2.3.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.3.3.2. Chăm sóc sau mổ
- 2.4. U Xơ tiền liệt tuyến:
 - 2.4.1. Nguyên nhân
 - 2.4. 2. Triệu chứng:
 - 2.4.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.4.3. Chăm sóc
 - 2.4.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.4.3.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 10: Chăm sóc người bệnh gãy xương, phẫu thuật gãy xương, bó bột gãy xương; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, phân loại gãy xương
- 1.2. Trình bày được triệu chứng gãy xương
- 1.3. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh gãy xương

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân:
- 2.2. Phân loại:
- 2.3. Triệu chứng:

- 2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4. Chăm sóc:
 - 2.4.1. Chăm sóc trước phẫu thuật
 - 2.4.2. Chăm sóc sau phẫu thuật
- 3.1. Chỉ định bó bột:
- 3.2. Nguyên tắc bó bột:
- 3.3. Chăm sóc:
 - 3.3.1. Chăm sóc trước bó
 - 3.3.2. Chăm sóc trong bó bột
 - 3.3.3. Chăm sóc theo dõi sau bó bột

Bài 11: Chăm sóc người bệnh bong gân, sai khớp; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng của bong gân
- 1.2. Trình bày được triệu chứng của sai khớp
- 1.3. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh bong gân, sai khớp

2. Nội dung:

- 2.1. Bong gân:
 - 2.1.1. Nguyên nhân:
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Hướng điều trị
- 2.2. Bong gân:
 - 2.2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Hướng điều trị
- 2.3. Chăm sóc:
 - 2.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.3.2. Chăm sóc sau mổ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng giảng đường
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Máy Projecto
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, giáo trình
- 4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Trình bày nguyên nhân, triệu chứng, hướng xử trí các bệnh ngoại khoa thường gặp
 - + Trình bày được phương pháp chăm sóc các bệnh ngoại khoa thường gặp
- Kỹ năng: Xây dựng được kế hoạch chăm sóc người bệnh ngoại khoa thường gặp
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng
- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thực hành trên người bệnh
 - + Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng chính quy

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại các khoa ngoại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 4 tuần (90 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn tài liệu trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết

hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các dấu hiệu, triệu chứng, tiến triển và biến chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp. Quy trình chăm sóc các bệnh lý ngoại khoa thường gặp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn, (2017), *Bài giảng Điều dưỡng ngoại khoa*, Bộ môn Ngoại trường CDYT Hà Tĩnh.

[2]. Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (2016), *Điều dưỡng Ngoại khoa*,

[3]. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*, NXB Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

Mã môn học: MH 24

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết 28 giờ; Thực hành: 86 giờ, Kiểm tra: 6 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

1. Vị trí:

Môn Chăm sóc sức khỏe trẻ em là một trong các môn học chuyên ngành bắt buộc, học ở học kì 3, sau khi đã học các môn cơ sở, môn Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa.

2. Tính chất:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cách phát hiện, xử trí, cách chăm sóc và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

1.2. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí các bệnh thường gặp ở trẻ em.

1.3. Trình bày được các bước lập quy trình điều dưỡng chăm sóc các bệnh nhi khoa thường gặp

2. Về kĩ năng

2.1. Nhận định, lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với các mức độ bệnh trên lâm sàng các bệnh thường gặp ở trẻ em.

2.2. Phân tích, dự đoán được các nguy cơ có thể xảy ra đối với từng bệnh nhân cụ thể

2.3. Tư vấn được các vấn đề sức khỏe thường gặp ở trẻ em như biện pháp phòng các bệnh thường gặp, quản lý sức khỏe trẻ em tại cộng đồng...

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền của trẻ em, tôn trọng người nhà, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng xử tế nhị không phản xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng quyền trẻ em, văn hóa và phong tục của gia đình trẻ, không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật thông tin cho trẻ và gia đình.

3.4. Phối hợp với bố mẹ trẻ hoặc người nuôi dưỡng trẻ trên tinh thần hợp tác, cung cấp thông tin rõ ràng về tình trạng bệnh của trẻ với gia đình trẻ để trẻ và gia đình trẻ phối hợp với nhân viên y tế cung cấp các dịch vụ y tế cho trẻ.

3.5. Phát triển mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho trẻ.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải quyết được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập được kế hoạch chăm sóc cho từng trẻ bị bệnh.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết.

Số TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Các thời kỳ phát triển của trẻ em.	2	2		
2	Sự phát triển thể chất, tinh thần - vận động ở trẻ em.	2	2		
3	Đặc điểm giải phẫu sinh lý của trẻ em.	2	2		
4	Dinh dưỡng trẻ em	2	2		
5	Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non	2	2		
6	Chăm sóc trẻ sơ sinh bị nhiễm khuẩn	2	2		
7	Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp	3	3		
8	Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	2	2		
9	Chăm sóc trẻ Viêm cầu thận cấp.	2	2		
10	Chăm sóc trẻ bị Hội chứng thận hư.	2	2		
11	Bệnh tiêu chảy cấp và chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp	3	3		

12	Chăm sóc trẻ còi xương do thiếu vitamin D	2	2		
13	Chương trình tiêm chủng mở rộng.	2	2		
14	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	28		2

1.2. Lâm sàng:

TT	Nội dung	Tổng Số	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra
1	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ	4	4	
2	Nhận định đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng, trẻ đẻ non	4	4	
3	Nhận định đặc điểm của trẻ sơ sinh trẻ đẻ non	4	4	
4	Thực hiện chăm sóc các trường hợp đẻ non	4	4	
5	Nhận định đặc điểm các nhiễm khuẩn sơ sinh	4	4	
6	Thực hiện chăm sóc trẻ sơ sinh bị nhiễm khuẩn	4	4	
7	Nhận định trẻ bị NKHHCT	4	4	
8	Chăm sóc trẻ bị NKHHCT	6	6	
9	Hướng dẫn dự phòng NKHHCT	4	4	
10	Nhận định trẻ bị suy dinh dưỡng	4	4	
11	Chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng	4	4	
12	Nhận định trẻ bị viêm cầu thận cấp	4	4	
13	Chăm sóc trẻ bị viêm cầu thận cấp	4	4	
14	Nhận định trẻ bị hội chứng thận hư	4	4	
15	Dự phòng bệnh viêm cầu thận cấp	4	4	
16	Nhận định trẻ bị tiêu chảy cấp	4	4	
17	Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy cấp	4	4	
18	Hướng dẫn cách pha và cho trẻ uống ORS	4	4	

19	Hướng dẫn dự phòng bệnh tiêu chảy cấp.	4	4	
20	Tư vấn lịch tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi	4	4	
21	Hướng dẫn xử trí trẻ bị phản ứng phụ sau tiêm chủng	4	4	
22	Thi thực hành lâm sàng			4
	Tổng	90	86	4

2. Nội dung chi tiết.

2.1. Nội dung chi tiết Lí thuyết.

Bài 01: Các thời kì phát triển của trẻ em; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được giới hạn, đặc điểm sinh lý, bệnh lý, các biện pháp phòng bệnh của 6 thời kì phát triển ở trẻ em.

1.2. Thực hành hướng dẫn được các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh của 6 thời kỳ trên.

1.3. Rèn luyện thái độ, y đức, nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung bài học

2.1. Đại cương

2.2. Các thời kì phát triển của trẻ em

2.2.1. Thời kì phát triển trong tử cung

2.2.2. Thời kì sơ sinh

2.2.3. Thời kì bú mẹ

2.2.4. Thời kì răng sữa

2.2.5. Thời kì thiếu niên

2.2.6. Thời kì dậy thì

Bài 2: Sự phát triển thể chất, tinh thần - vận động ở trẻ em; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các chỉ số đánh giá sự phát triển thể chất ở trẻ em.

1.2. Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ.

1.3. Trình bày được sự phát triển tinh thần, vận động của trẻ em qua các lứa tuổi.

1.4. Rèn luyện thái độ, y đức, nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

2.1. Các chỉ số đánh giá sự phát triển ở trẻ em.

2.1.1. Cân nặng.

2.1.2. Chiều cao.

2.1.3. Vòng đầu – vòng ngực.

2.1.4. Vòng cánh tay

2.1.5. Răng

2.1.6. Thóp

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất ở trẻ em.

2.2.1. Yếu tố bên trong cơ thể.

2.2.2. Yếu tố bên ngoài.

2.3. Sự phát triển tinh thần, vận động.

Bài 3: Đặc điểm giải phẫu sinh lý của trẻ em;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số đặc điểm giải phẫu, sinh lý của các hệ cơ quan trẻ em qua từng lứa tuổi: hệ da cơ xương, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hoá, hệ tiết niệu, hệ thần kinh, hệ máu ...

1.2. Phân biệt được sự bình thường và bất thường của một số hệ cơ quan thông qua các chỉ số hoạt động của từng lứa tuổi của trẻ.

1.3. Rèn luyện thái độ, ý thức, nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

2.1. Hệ da - cơ - xương

2.2. Hệ hô hấp.

2.3. Hệ tuần hoàn

2.4. Hệ tiêu hóa.

2.5. Hệ tiết niệu.

2.6. Hệ máu

2.7. Hệ thần kinh.

Bài 4: Dinh dưỡng trẻ em;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cơ chế bài tiết sữa, lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ, cách cho trẻ bú và các phương pháp bảo vệ nguồn sữa mẹ.

1.2. Trình bày được các loại sữa dùng để thay thế khi mẹ thiếu sữa hoặc mất sữa, cách pha chế và cách tính số lượng sữa trong 1 bữa ăn nhân tạo và ăn hỗn hợp.

1.3. Mô tả được các loại thức ăn dùng để bổ sung cho trẻ, thời gian cho ăn, cách chế biến và cách cho trẻ ăn.

1.4. Vận dụng kiến thức bài học hướng dẫn được một chế độ ăn cụ thể cho trẻ theo lứa tuổi.

2. Nội dung:

2.1. Nuôi con bằng sữa mẹ

2.1.1. Cơ chế bài tiết sữa

2.1.2. Những lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ

2.1.3. Các biện pháp bảo vệ nguồn sữa mẹ

2.1.4. Cách cho con bú đúng

2.2. Ăn nhân tạo và ăn hỗn hợp

2.2.1. Ăn nhân tạo

2.2.2. Ăn hỗn hợp

2.3. Ăn bổ sung

2.3.1. Các loại thức ăn cho trẻ ăn bổ sung

2.3.2. Cách cho trẻ ăn bổ sung

Bài 5: Đặc điểm và chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, nguyên nhân gây ra đẻ non.

1.2. Mô tả được các đặc điểm hình thể và đặc điểm sinh lý của trẻ sơ sinh đẻ non.

1.3. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người điều dưỡng trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Nguyên nhân

2.2. Đặc điểm của trẻ sơ sinh đẻ non

2.2.1. Đặc điểm hình thể

- 2.2.2. Đặc điểm sinh lý
- 2.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non
 - 2.3.1. Nguyên tắc
 - 2.3.2. Nhận định
 - 2.3.3. Chăm sóc cụ thể
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 6: Chăm sóc trẻ sơ sinh bị nhiễm khuẩn;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây nhiễm khuẩn sơ sinh.
- 1.2. Mô tả được triệu chứng lâm sàng của nhiễm khuẩn sơ sinh.
- 1.3. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi nhiễm khuẩn sơ sinh.
- 1.4. Trình bày được các biện pháp phòng nhiễm khuẩn sơ sinh.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi.
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Yếu tố thuận lợi
- 2.3. Một số nhiễm khuẩn tại chỗ trong giai đoạn sơ sinh thường gặp.
 - 2.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.2. Chăm sóc
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 7: Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp;

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ gây NKHHCT ở trẻ em.
- 1.2. Mô tả được các dấu hiệu lâm sàng của NKHHCT ở trẻ em.
- 1.3. Phân loại và xử trí được NKHHCT ở trẻ em theo phác đồ của Tổ chức Y tế thế giới
- 1.4. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi NKHHCT ở trẻ em.
- 1.5. Hướng dẫn được các biện pháp phòng bệnh NKHHCT.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng

- 2.3.1. Triệu chứng thường gặp
- 2.3.2. Triệu chứng nguy kịch
- 2.4. Phân loại mức độ bệnh và xử trí theo chương trình NKKHC
- 2.4.1. Trẻ dưới 2 tháng tuổi
- 2.4.2. Trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi
- 2.5. Chăm sóc và theo dõi trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.
- 2.5. 1. Nhận định tình trạng bệnh nhân:
- 2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
- 2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc và theo dõi bệnh nhân
- 2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.5.5. Đánh giá
- 2.6. Phòng bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

Bài 8: Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân và cách phân loại suy dinh dưỡng .
- 1.2. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của từng loại suy dinh dưỡng.
- 1.3. Lập được kế hoạch điều dưỡng chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng.
- 1.4. Trình bày được các biện pháp phòng bệnh suy dinh dưỡng.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Nguyên nhân và cách phân loại suy dinh dưỡng
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Kế hoạch điều dưỡng
- 2.3.1. Nhận định
- 2.3.2. Các vấn đề chăm sóc
- 2.3.3. Chăm sóc
- 2.3.4. Đánh giá
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 9: Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh và cơ chế bệnh sinh viêm cầu thận cấp.
- 1.2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng bệnh Viêm cầu thận cấp.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ bị Viêm cầu thận cấp.
- 1.4. Trình bày được cách phòng bệnh Viêm cầu thận cấp.

2. Nội dung bài học

2.1. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

2.1.1. Nguyên nhân, yếu tố thuận lợi

2.1.2. Cơ chế bệnh sinh

2.2. Triệu chứng

2.3. Tiến triển

2.4. Kế hoạch chăm sóc

2.4.1. Nhận định

2.4.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.4.3. Kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Đánh giá

2.5. Phòng bệnh

Bài 10: Chăm sóc trẻ bị hội chứng thận hư;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng để chẩn đoán Hội chứng thận hư.

1.2. Trình bày được triệu chứng, tiến triển và biến chứng của Hội chứng thận hư.

1.3. Lập được kế hoạch điều dưỡng cho trẻ bị Hội chứng thận hư.

1.4. Rèn luyện thái độ, ý thức, nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung bài học

2.1. Khái niệm

2.2. Cơ chế bệnh sinh

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Kế hoạch điều dưỡng

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.3. Đánh giá

Bài 11: Bệnh tiêu chảy cấp và chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp;

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa tiêu chảy, tiêu chảy cấp, tiêu chảy kéo dài
- 1.2. Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và hậu quả của tiêu chảy
- 1.3. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và đánh giá được các mức độ mất nước
- 1.4. Trình bày được cách chăm sóc và theo dõi trẻ tiêu chảy.
- 1.5. Hướng dẫn được các biện pháp phòng bệnh tiêu chảy.
- 1.6. Rèn luyện thái độ, ý thức, nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của bệnh tiêu chảy cấp
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng và cách xác định dấu hiệu, mức độ mất nước
- 2.4. Kế hoạch điều dưỡng
 - 2.4.1. Nhận định
 - 2.4.2. Cách đánh giá mức độ mất nước
 - 2.4.3. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.4.4. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.5. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.4.6. Đánh giá
- 2.5. Phòng bệnh

Bài 12: Chăm sóc trẻ còi xương do thiếu vitamin D;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được vai trò của vitamin D, nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thiếu vitamin D của trẻ.
- 1.2. Mô tả được các biểu hiện lâm sàng của bệnh còi xương.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ còi xương.
- 1.4. Hướng dẫn được bà mẹ cách phòng chống bệnh còi xương cho trẻ.
- 1.5. Rèn luyện thái độ, ý thức, nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

- 2.1. Vai trò và nguyên nhân thiếu vitamin D
 - 2.1.1. Vai trò của vitamin D
 - 2.1.2. Nguồn cung cấp vitamin D
 - 2.1.3. Nguyên nhân gây thiếu vitamin D

- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Dấu hiệu thần kinh
 - 2.2.2. Dấu hiệu ở xương
 - 2.2.3. Hệ cơ
 - 2.2.4. Hệ tạo máu
- 2.3. Kế hoạch điều dưỡng
 - 2.3.1. Nhận định
 - 2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.4. Đánh giá
- 2.4. Phòng bệnh

Bài 13: Chương trình tiêm chủng mở rộng;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được ý nghĩa của tiêm chủng và các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.
- 1.2. Trình bày được lịch tiêm chủng theo chương trình tiêm chủng mở rộng.
- 1.3. Thực hiện được buổi tiêm chủng phòng các bệnh.
- 1.4. Phát hiện và xử trí được các phản ứng và tai biến sau tiêm.
- 1.5. Trình bày được các nguyên tắc bảo quản vắc xin.

2. Nội dung bài học

- 2.1. Ý nghĩa của việc tiêm chủng và các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng
 - 2.1.1. Ý nghĩa của tiêm chủng
 - 2.1.2. Các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng
- 2.2. Lịch tiêm chủng của chương trình tiêm chủng mở rộng
- 2.3. Thực hành một buổi tiêm chủng
- 2.4. Các tai biến, phản ứng phụ có thể xảy ra khi tiêm chủng
- 2.5. Bảo quản vắc xin – dây truyền lạnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
- 2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
- 3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: Có bệnh viện để thực tập lâm sàng, sinh viên được hướng dẫn và thực hiện chăm sóc trẻ bệnh tại khoa Nhi của Bệnh viện đa khoa.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực của người điều dưỡng trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc thực hành lâm sàng: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thực hành trên người bệnh
 - + Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh
 - + Thời gian: 60 phút
- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
 - + Thời gian: 40 phút.
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng điều dưỡng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

* Thực tập bệnh viện

Sinh viên thực tập tại khoa Nhi bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian 4 tuần (90 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ khoa Nhi hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc trẻ bệnh, hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật điều dưỡng trên người bệnh là trẻ em dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia 100% các buổi thực tập bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có

sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên Khoa. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài đại cương về sức khỏe trẻ em, chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp, Chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Điều dưỡng Nhi khoa - Nhà xuất bản Y học (2006)

2. Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa - Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội - Nhà xuất bản Hà Nội

3. Bệnh viện Nhi Trung ương (2015) - *Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em* - NXB Y học.

4. Bệnh viện Nhi đồng I (2022) - *Phác đồ điều trị Nhi khoa* - NXB Y học.

5. Bài giảng Nhi khoa - tập 1,2 (2019) - Trường Đại học Y Hà Nội - Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ, BÀ MẸ VÀ GIA ĐÌNH

Mã môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành bệnh viện 88 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 4 của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa. Môn học có 4 tín chỉ bao gồm 2 tín chỉ Lý thuyết và 2 tín chỉ Thực hành tại bệnh viện.

2. Tính chất

Môn học này sẽ cung cấp kiến thức cơ bản và hình thành những năng lực chủ yếu trong thực hành về sức khỏe sinh sản bao gồm chăm sóc phụ nữ, bà mẹ trước, trong và sau đẻ; trang bị các kỹ năng trong thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ; một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng; nguyên tắc và quy trình một số kỹ thuật trong điều trị và thực hiện chăm sóc người bệnh có bệnh lý về sức khỏe sinh sản (lập kế hoạch và thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh).

II. Mục tiêu môn học

1. Mục tiêu kiến thức

1.1. Mô tả được sinh lý của sinh sản, quá trình thụ thai, sự phát triển và trưởng thành của thai nhi.

1.2. Mô tả được quá trình thai nghén bình thường và bất thường; những thay đổi tâm lý khi mang thai; tác động của thai nghén đến người phụ nữ và gia đình.

1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị một số bệnh khi mang thai, sinh đẻ và bệnh lý phụ khoa thường gặp.

1.4. Lập, thực hiện được kế hoạch chăm sóc các trường hợp thai nghén bình thường và bất thường.

2. Mục tiêu kỹ năng

2.1. Hỏi được bệnh sử, thăm khám, đánh giá toàn diện về sức khỏe tinh thần, thể chất của bà mẹ và thai nhi khi khám thai.

2.2. Phụ giúp được thầy thuốc những trường hợp đẻ thường; đỡ rau, kiểm tra rau, màng rau, cắt khâu tầng sinh môn.

2.3. Đánh giá được sự phát triển của thai nhi qua kiểm tra sự hoạt động của thai; nghe tim thai và giải thích kết quả khám cho bà mẹ. Dự tính ngày sinh.

2.4. Phát hiện được những trường hợp thai nghén bất thường, các trường hợp có nguy cơ cao trong quá trình mang thai, xử trí kịp thời, phù hợp với hướng dẫn quốc gia và phân tuyến kỹ thuật.

2.5. Khám, xác định, theo dõi được chuyển dạ và các giai đoạn của chuyển dạ.

2.6. Đánh giá được tình trạng mẹ và trẻ sơ sinh sau khi sinh.

2.7. Lập kế hoạch chăm sóc dựa trên sự thống nhất với người bệnh và người nhà về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

3.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.2. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người phụ nữ và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người phụ nữ và gia đình họ.

3.3. Phối hợp với người phụ nữ và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho phụ nữ để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng trong quá trình mang thai và sinh đẻ; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe (chuyên tuyến, chấp nhận hoặc từ chối thực hiện xét nghiệm, các can thiệp).

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lí	Thực	Kiểm

		số	thuyết	hành	tra
1	Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng. Thai nhi và phần phụ đủ tháng.	2	2		
2	Thay đổi giải phẫu, sinh lý ở người phụ nữ khi mang thai.	2	2		
3	Xác định thai nghén Xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt	2	2		
4	Sinh lý chuyển dạ Đỡ đẻ ngôi chỏm Chăm sóc sản phụ sau đẻ	3	3		
5	Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa đầu thời kỳ thai nghén: Sảy thai, dọa sảy thai; chữa ngoài tử cung; chữa trứng	3	3		
6	Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa sau thời kỳ thai nghén: rau tiền đạo; rau bong non; thai chết trong tử cung; vỡ tử cung	4	4		
7	Chăm sóc người bệnh nôn nặng, tăng huyết áp do thai nghén, tiền sản giật, sản giật.	2	2		
8	Chăm sóc sản phụ có biểu hiện suy thai; Hồi sức trẻ có ngạt sơ sinh	2	2		
9	Chăm sóc thai phụ đẻ khó	1	1		
10	Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ và nhiễm khuẩn hậu sản	2	2		
11	Chăm sóc người bệnh có rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường	2	2		
12	Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục	2	2		
13	Chăm sóc người bệnh có khối u đường sinh dục	2	2		

	Kiểm tra	1	1		1
	Tổng cộng	30	29		1

1.2. Thực hành tại bệnh viện

TT	Nội dung chi tiết	Thời gian
1	Khám thai đúng quy trình kỹ thuật. Tính được tuổi thai và dự kiến ngày đẻ.	4
2	Khám xác định độ xóa mờ cổ tử cung, theo dõi và đánh giá được các yếu tố trong chuyển dạ.	4
3	Xem, phụ giúp được đỡ đẻ ngôi chỏm trong trường hợp đẻ thường	6
4	Xem, phụ giúp được đỡ rau, kiểm tra bánh rau, nghiệm pháp bong rau	4
5	Xem, phụ giúp được kỹ thuật cắt, khâu tầng sinh môn.	6
6	Xem, phụ giúp được kỹ thuật làm rốn, tắm trẻ sơ sinh.	4
7	Theo dõi, chăm sóc sản phụ sau đẻ thường, đẻ khó và các trường hợp bệnh lý	8
8	Theo dõi, chăm sóc bệnh nhân tiền sản giật, sản giật.	4
9	Khám phát hiện các dấu hiệu, chăm sóc thai phụ có chảy máu trong thời kỳ thai nghén và sinh đẻ.	12
10	Khám phát hiện các dấu hiệu, chăm sóc các khối u đường sinh dục trước và sau phẫu thuật.	8
11	Khám phát hiện các dấu hiệu và chăm sóc các trường hợp nhiễm khuẩn đường sinh sản	8
12	Làm phiếu chăm sóc các trường hợp thai nghén, chuyển dạ, sau đẻ thường, đẻ khó, mổ lấy thai, khối u sinh dục và nhiễm khuẩn đường sinh sản.	12
13	Tư vấn và hướng dẫn được cho thai phụ trong quá trình mang thai, sinh đẻ và nuôi con bằng sữa mẹ	8
14	Thi kết thúc Thực hành Bệnh viện	2
	Tổng số	90

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của thai

Thai nhi và phần phụ đủ tháng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm thụ tinh, các điều kiện để thụ tinh
- 1.2. Trình bày được quá trình thụ tinh, làm tổ của trứng và phát triển của trứng
- 1.3. Trình bày được sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng
- 1.4. Mô tả được đặc điểm của thai nhi đủ tháng
- 1.5. Trình bày được đặc điểm của phần phụ đủ tháng

2. Nội dung

- 2.1. Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, phát triển của trứng
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Sự thụ tinh
 - 2.1.3. Sự di chuyển và làm tổ của trứng
 - 2.1.4. Sự phát triển của trứng và phần phụ của trứng
- 2.2. Thai nhi và phần phụ đủ tháng
 - 2.2.1. Thai nhi đủ tháng
 - 2.2.2. Phần phụ đủ tháng

Bài 2: Thay đổi giải phẫu sinh lý của người phụ nữ khi mang thai; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể ra được các thay đổi ở bộ phận sinh dục của người phụ nữ khi mang thai
- 1.2. Mô tả được những thay đổi ở ngoài bộ phận sinh dục
- 1.3. Lập được kế hoạch điều dưỡng cho phụ nữ khi mang thai

2. Nội dung:

- 2.1. Thay đổi về nội tiết
 - 2.1.1. hCG
 - 2.1.2. Hóc môn Steroid
- 2.2. Những thay đổi tại bộ phận sinh dục
 - 2.2.1. Thay đổi ở thân tử cung
 - 2.2.2. Thay đổi ở eo tử cung
 - 2.2.3. Thay đổi ở cổ tử cung
 - 2.2.4. Các thay đổi khác
- 2.3. Những thay đổi ở ngoài bộ phận sinh dục

- 2.3.1. Thay đổi ở da
- 2.3.2. Thay đổi ở vú
- 2.3.3. Thay đổi ở tuần hoàn
- 2.3.4. Thay đổi ở hô hấp
- 2.3.5. Thay đổi hệ tiêu hóa
- 2.3.6. Thay đổi ở hệ tiết niệu
- 2.3.7. Thay đổi ở hệ xương khớp
- 2.3.8. Thay đổi về trọng lượng
- 2.4. Truyền thông và tư vấn cho phụ nữ khi mang thai
- 2.4.1. Mục đích của Truyền thông (TT) và tư vấn cho phụ nữ có thai
- 2.4.2. Những nội dung cần truyền thông (TT) và tư vấn cho phụ nữ có thai

Bài 3: Xác định thai nghén

Xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng có thai trong thời kỳ thai nghén
- 1.2. Mô tả được kế hoạch điều dưỡng trong thai nghén
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, phân loại được ngôi, thế, kiểu thế của thai.
- 1.4. Trình bày được định nghĩa, phân loại độ lọt của ngôi thai.

2. Nội dung:

- 2.1. Xác định thai nghén
 - 2.1.1. Xác định có thai trong nửa đầu thời kỳ thai nghén
 - 2.1.2. Khám thai
- 2.2. Xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt
 - 2.2.1. Ngôi thai
 - 2.2.2. Thế
 - 2.2.3. Kiểu thế
 - 2.2.4. Độ lọt và kiểu lọt của ngôi thai
- 2.3. Kế hoạch chăm sóc điều dưỡng
 - 2.3.1. Nhận định
 - 2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.4. Đánh giá

Bài 4: Sinh lý chuyển dạ - Đỡ đẻ ngôi chỏm; Chăm sóc sản phụ sau đẻ; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các dấu hiệu lâm sàng của chuyển dạ
- 1.2. Mô tả được cách theo dõi các dấu hiệu chuyển dạ
- 1.3. Trình bày được các hiện tượng xảy ra khi đẻ ngôi.
- 1.4. Trình bày được các hiện tượng thay đổi giải phẫu sinh lý trong thời kỳ sau đẻ.
- 1.5. Trình bày được 4 hiện tượng lâm sàng trong thời kỳ sau đẻ.
- 1.6. Mô tả được kế hoạch điều dưỡng trong chuyển dạ và sau đẻ

2. Nội dung:

- 2.1. Sinh lý chuyển dạ
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Dấu hiệu chuyển dạ
 - 2.1.3. Theo dõi chuyển dạ
 - 2.1.4. Các giai đoạn chuyển dạ
- 2.2. Đỡ đẻ ngôi chỏm
 - 2.2.1. Cơ chế đẻ ngôi chỏm
 - 2.2.2. Đỡ đẻ ngôi chỏm
- 2.3. Chăm sóc sản phụ sau đẻ
 - 2.3.1. Những hiện tượng giải phẫu và sinh lý
 - 2.3.2. Những hiện tượng lâm sàng thời kỳ hậu sản
 - 2.3.3. Chăm sóc sản phụ sau đẻ

Bài 5: Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa đầu thời kỳ thai nghén 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí sảy thai, dọa sảy thai.
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí chữa ngoài tử cung
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí chữa trứng
- 1.4. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng trong chảy máu nửa đầu thời kỳ thai nghén

2. Nội dung:

- 2.1. Sảy thai, dọa sảy thai

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Triệu chứng
- 2.1.3. Xử trí
- 2.3. Chửa trứng
- 2.3.1. Đại cương
- 2.3.2. Triệu chứng
- 2.3.3. Xử trí
- 2.4. Chăm sóc
- 2.4.1. Nhận định
- 2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.4.4. Đánh giá

Bài 6: Chăm sóc thai phụ chảy máu trong nửa sau thời kỳ thai nghén 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí thai chết trong tử cung
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí rau tiền đạo
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí rau bong non
- 1.4. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí vỡ tử cung
- 1.5. Trình bày được kế hoạch điều dưỡng trong chảy máu nửa sau thời kỳ thai nghén

2. Nội dung

- 2.1. Thai chết trong tử cung
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Xử trí
- 2.2. Rau tiền đạo
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Xử trí
- 2.3. Rau bong non
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Xử trí

2.4. Võ tử cung

2.4.1. Đại cương

2.4.2. Nguyên nhân

2.4.3. Triệu chứng

2.4.4. Xử trí

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Đánh giá

Bài 7: Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp do thai nghén, tiền sản giật, sản giật; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại Tăng HA và thai nghén
- 1.2. Mô tả được triệu chứng và cách xử trí tiền sản giật
- 1.3. Mô tả được triệu chứng và cách xử trí tiền sản giật
- 1.4. Lập được kế hoạch điều dưỡng trong tiền sản giật, sản giật

2. Nội dung:

2.1. Phân loại tăng huyết áp và thai nghén

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Phân loại

2.2. Tiền sản giật

2.2.1. Triệu chứng

2.2.2. Xử trí

2.2.1. Tuyến cơ sở

2.2.2. Tuyến trên

2.3. Sản giật

2.3.1. Bốn giai đoạn của một cơn sản giật

2.3.2. Xử trí

2.4. Chăm sóc

2.4.1. Nhận định

2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Đánh giá

Bài 8: Chăm sóc thai phụ có biểu hiện suy thai. Hồi sức trẻ có ngạt sơ sinh; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu, xử trí thai suy.
2. Trình bày cách hồi sức cho một trẻ có ngạt sơ sinh.

2. Nội dung:

2.1. Suy thai

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Triệu chứng
- 2.1.4. Xử trí

2.2. Hồi sức ngạt sơ sinh

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Nguyên nhân
- 2.2.3. Phân loại ngạt: gồm hai loại:
- 2.2.4. Xử trí

2.3. Chăm sóc

- 2.3.1. Suy thai
- 2.3.2. Hồi sức ngạt sơ sinh

Bài 9: Chăm sóc thai phụ đẻ khó; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày các nguyên nhân đẻ khó mẹ, do thai, phần phụ của thai, con co tử cung.
- 1.2. Trình bày được dấu hiệu, cách phát hiện, hậu quả của đẻ khó
- 1.3. Lập kế hoạch chăm sóc sản phụ đẻ khó theo từng nguyên nhân.

2. Nội dung:

2.1. Đẻ khó do người mẹ

- 2.1.1. Do khung chậu bất thường
- 2.1.2. Đẻ khó do khối u tiền đạo
- 1.3. Đẻ khó do phần mềm người mẹ
- 1.4. Do bệnh lý người mẹ

2.2. Đẻ khó do thai và phần phụ của thai

2.2.1. Do thai

2.2.2. Do phần phụ của thai

2.2.3. Xử trí

2.3. Để khó do cơn co tử cung bất thường

2.3.1. Cơn co tử cung cường tính

2.3.2. Cơn co tử cung thừa yếu

2.4. Chăm sóc

2.4.1. Nhận định

2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.4.4. Đánh giá

Bài 10: Chăm sóc sản phụ chảy máu sau đẻ. Chăm sóc sản phụ có nhiễm khuẩn hậu sản; 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được khái niệm, phân loại chảy máu sau đẻ.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu phát hiện và hướng xử trí chảy máu sau đẻ.

1.3. Trình bày được các loại chấn thương đường sinh dục sau đẻ.

1.4. Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân của nhiễm khuẩn sau.

1.5. Trình bày được các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ và cách phòng bệnh nhiễm khuẩn sau đẻ.

1.6. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh chảy máu sau đẻ, người bệnh nhiễm khuẩn sau đẻ.

2. Nội dung:

2.1. Chảy máu sau đẻ

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Xử trí

2.2. Nhiễm khuẩn hậu sản

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các hình thái nhiễm khuẩn hậu sản

2.3. Chăm sóc

2.3.1. Chảy máu sau đẻ

2.3.2. Nhiễm khuẩn hậu sản

Bài 11: Chăm sóc người bệnh có rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm về rối loạn kinh nguyệt và một số rối loạn kinh nguyệt hay gặp.

1.2. Trình bày được tính chất, dấu hiệu, nguyên nhân và cách xử trí một số rối loạn kinh nguyệt hay gặp.

1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc một người bệnh rối loạn kinh nguyệt

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các loại rối loạn kinh nguyệt

2.2. Một số rối loạn kinh nguyệt hay gặp

2.3. Chăm sóc

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Đánh giá

Bài 12: Chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân và đặc điểm về dịch tiết âm đạo

1.2. Trình bày được triệu chứng, điều trị và phòng bệnh một số bệnh về dịch tiết âm đạo.

1.3. Trình bày được triệu chứng, điều trị và phòng bệnh một số bệnh về hội chứng dịch tiết niệu đạo, sùi mào gà.

1.4. Trình bày được triệu chứng, điều trị và phòng bệnh suy giảm miễn dịch mắc phải.

1.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh LTQĐTD

2. Nội dung:

2.1- Nguyên nhân

2.1.1- Nguyên nhân:

- 2.1.2- Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Dịch tiết âm đạo bình thường
 - 2.2.1. Vai trò của dịch tiết âm đạo bình thường
 - 2.2.2. Đặc tính của dịch tiết sinh lý ở âm đạo
- 2.3. Bệnh lý về tiết dịch âm đạo
 - 2.3.1. Viêm ống cổ tử cung
 - 2.3.2. Viêm âm đạo
- 2.4. Hội chứng tiết dịch niệu đạo
 - 2.4.1. Viêm niệu đạo do lậu
 - 2.4.2. Viêm niệu đạo không do lậu
- 2.5- Sùi mào gà sinh dục
 - 2.5.1- Triệu chứng
 - 2.5.2- Chẩn đoán
 - 2.5.3- Điều trị
- 2.6- Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV/AIDS)
 - 2.6.1- Đường lây bệnh
 - 2.6.2- Triệu chứng
- 2.7. Chăm sóc
 - 2.7.1. Nhận định
 - 2.7.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.4. Đánh giá

Bài 13: Chăm sóc người bệnh có khối u đường sinh dục; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí u nang buồng trứng.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, cách xử trí u xơ tử cung.
- 1.3. Trình bày được phân loại, triệu chứng cách xử trí ung thư cổ tử cung.
- 1.4. Trình bày được phân loại, triệu chứng cách xử trí ung thư thân tử cung
- 1.5. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh có khối u đường sinh dục.

2. Nội dung:

2.1. U xơ tử cung

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Phân loại
- 2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Ảnh hưởng qua lại giữa u xơ với thai nghén

2.1.5. Xử trí

2.2. U nang buồng trứng

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Tiến triển, biến chứng

2.2.5. Điều trị

2.3. Ung thư cổ tử cung

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Các giai đoạn

2.3.3. Triệu chứng

2.3.4. Điều trị

2.4. Ung thư thân tử cung

2.4.1. Các giai đoạn

2.4.2. Triệu chứng

2.4.3. Điều trị có nhiều phương pháp

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Đánh giá

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định của Tổng cục GDNN

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực hệ sinh trong quá trình thực hành tại trường và tại các cơ sở thực hành và thực tế ngành.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện:** 1 điểm

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi viết hoặc trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 45 phút đối với trắc nghiệm khách quan.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành BV (50%)	60%

+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	
--	--

Điểm thi kết thúc môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* Thực tập bệnh viện:

Sinh viên thực tập tại khoa Phụ Sản bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, thời gian 2 tuần. Sinh viên được giáo viên hướng dẫn cách theo dõi và làm phiếu chăm sóc người phụ nữ khi mang thai và ngoài thời kỳ thai nghén; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người phụ nữ dưới sự hướng dẫn, giám sát của giáo viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết, thực hành, thảo luận phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia 100% các buổi thực tập bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực

hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Những nội dung trọng tâm gồm chăm sóc người bệnh trước trong và sau sinh, chăm sóc những bệnh sản khoa thường gặp

4. Tài liệu tham khảo:

TT	Thông tin về tài liệu, nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Điều dưỡng Sản phụ khoa - Trường Đại học Y dược Huế. Nhà xuất bản Y học 2010	2010
2	Sản phụ khoa - Sách dùng cho Bác sĩ y khoa - Nhà xuất bản y học 2010	2007
3	Bài giảng Sản phụ khoa, Tập 1,2. Trường Đại học Y Hà Nội; Nhà xuất bản Y học 2010.	2010
4	Ngoài các tài liệu trên, sinh viên có thể tra cứu tài liệu trên các trang web y học trong nước và quốc tế.	

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TÂM THẦN - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học: MH 26

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Học phần Chăm sóc sức khỏe tâm thần - phục hồi chức năng thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì II, năm thứ hai của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các học phần Điều dưỡng cơ sở, Chăm sóc Nội khoa, Chăm sóc Ngoại khoa

2. Tính chất:

Là môn học chuyên môn tự chọn. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của một số hội chứng tâm thần, thần kinh, các bước lập kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân tâm thần, thần kinh.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng, các biện pháp để nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng, cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1 Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và biến chứng của một số hội chứng tâm thần, thần kinh

1.2. Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc, theo dõi bệnh nhân tâm thần, thần kinh

1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng

1.4. Trình bày các biện pháp để nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng

1.5 Trình bày cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng.

2. Về kỹ năng:

2.1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc cơ bản và chăm sóc, theo dõi bệnh nhân tâm thần, thần kinh

2.2. Lập, thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tâm thần, thần kinh

2.3. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và làm được các liệu pháp tâm lý với bệnh nhân tâm thần

2.4. Vận dụng được những kiến thức đã học để lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc người bệnh bằng phương pháp Phục hồi chức năng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

3.2. Nghiêm túc, trung thực, tích cực khi học tập, nghiên cứu

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh và gia đình họ.

3.4. Phối hợp với người bệnh và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe.

3.5. Phát triển các mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho bệnh nhân và gia đình họ.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	THẦN KINH - TÂM THẦN				
1	Đại cương về thần kinh và tâm thần	2	2		
2	Chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly	2	2		
3	Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt	2	2		

4	Chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng	2	2		
5	Các triệu chứng và hội chứng bệnh thần kinh, cách khám một người bệnh thần kinh	2	2		
6	Chăm sóc người bệnh đau dây thần kinh tọa	2	2		
7	Chăm sóc người bệnh động kinh	2	2		
8	Kiểm tra	1			1
	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
1	Tổng quan về tàn tật và phục hồi chức năng	2	2		
2	Lượng giá của người ĐD đối với một người tàn tật	2	2		
3	Các thương tật thứ phát thường gặp và cách phòng ngừa	2	2		
4	Vận động trị liệu	2	2		
5	Chăm sóc điều dưỡng và PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người do TBMMN	2	2		
6	Chăm sóc điều dưỡng và PHCN cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	2	2		
7	Chăm sóc điều dưỡng và PHCN đường ruột cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	1	1		
8	Chăm sóc điều dưỡng và PHCN tiết niệu cho bệnh nhân tổn thương tủy sống	1	1		
9	Kiểm tra	1			1
	Tổng	30	28		2

1.2. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian 90 giờ

TT	Tên Bài/ Học Phần	Giờ
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân co giật	8

2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân động kinh	8
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân loạn thần cấp	8
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân hội chứng phân ly	8
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tâm thần phân liệt	8
6	Phục hồi chức năng cho người khó khăn về vận động	16
7	Phục hồi chức năng cho người mất cảm giác.	8
8	Phục hồi chức năng cho bệnh nhân trước và sau phẫu thuật	8
9	Phục hồi chức năng cho sản phụ trước và sau đẻ.	8
10	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng bệnh hô hấp	8
11	Thi kết thúc lâm sàng	2
	Tổng số	90

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN I. THẦN KINH - TÂM THẦN

Bài 1. Đại cương về thần kinh và tâm thần; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của bệnh thần kinh
- 1.2. Trình bày được khái niệm bệnh tâm thần
- 1.3. Trình bày được nguyên nhân các bệnh tâm thần
- 1.4. Phân biệt được bệnh thần kinh và bệnh tâm thần

2. Nội dung :

1. Đại cương về hệ thần kinh

- 1.1. Vài nét về giải phẫu hệ thần kinh
- 1.2. Chức năng hệ thần kinh
- 1.3. Triệu chứng lâm sàng của bệnh thần kinh

2. Đại cương về tâm thần học

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại các rối loạn tâm thần
- 2.3. Nguyên nhân các rối loạn tâm thần
 - 2.3.1. Nguyên nhân thực thể
 - 2.3.2. Nguyên nhân tâm lý
 - 2.3.3. Nguyên nhân do cấu tạo thể chất bất thường và sự phát triển tâm thần bệnh lý

2.3.4. Những yếu tố thuận lợi cho bệnh tâm thần phát sinh

3. Phân biệt được bệnh thần kinh và bệnh tâm thần

3.1 Giống nhau

3.2 Liên quan với nhau

Bài 2. Chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh rối loạn phân ly

1.2. Trình bày được triệu chứng thường gặp của bệnh rối loạn phân ly

1.3. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh rối loạn phân ly

2. Nội dung :

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng

3.1. Các cơn rối loạn phân ly

3.2. Các rối loạn vận động

3.3. Rối loạn cảm giác

3.4. Các rối loạn giác quan

3.5. Rối loạn ngôn ngữ

3.6. Các rối loạn về thực vật, nội tạng

3.7. Các rối loạn tâm thần

4. Điều trị

5. Phòng bệnh

6. Chăm sóc

6.1. Nhận định

6.2. Chẩn đoán chăm sóc

6.3. Lập KHCS

6.4. Thực hiện KHCS

6.5. Đánh giá

Bài 3. Chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm về bệnh tâm thần phân liệt

1.2. Trình bày được các triệu chứng chủ yếu của bệnh tâm thần phân liệt

1.3. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh tâm thần phân liệt

2. Nội dung :

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng lâm sàng
4. Điều trị
 - 4.1. Liệu pháp tâm lý
 - 4.2. Liệu pháp lao động và tái thích ứng xã hội
 - 4.3. Liệu pháp hoá dược
 - 4.4. Liệu pháp sốc điện
5. Phòng bệnh
6. Chăm sóc
 - 6.1. Nhận định
 - 6.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 6.3. Lập KHCS
 - 6.4. Thực hiện KHCS
 - 6.5. Đánh giá

Bài 4. Chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các bệnh tâm thần thường gặp và hoàn cảnh nơi bệnh nhân tâm thần sinh sống.
- 1.2. Trình bày được cách quản lý bệnh tâm thần thường gặp.

2. Nội dung :

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Quản lý và chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng.
 - 2.2.1. Xây dựng và củng cố mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần
 - 2.2.2. Đầu tư cơ sở vật chất
 - 2.2.3. Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho NB tại cộng đồng.
 - 2.2.4. Tăng cường công tác tuyên truyền

Bài 5. Các triệu chứng và hội chứng bệnh thần kinh, cách khám một người bệnh thần kinh; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các hội chứng cơ bản của bệnh thần kinh
- 1.2. Trình bày cách khám lâm sàng người bệnh thần kinh.

2. Nội dung :

- 2.1. Các hội chứng cơ bản của bệnh thần kinh
- 2.2. Khám lâm sàng một người bệnh thần kinh
- 2.3. Khám nhận định các dây thần kinh sọ
 - 2.3.1. Dây TK số I
 - 2.3.2. Dây TK số II

- 2.3.3. Dây TK số III, IV, VI
- 2.3.4. Dây TK số V
- 2.3.5. Dây TK số VII
- 2.3.6. Dây TK số VIII
- 2.3.7. Dây TK số IX, X, XI
- 2.3.8. Dây TK số XII
- 2.4. Tìm dấu hiệu màng não
- 2.5. Khám vận động
 - 2.5.1. Khám cơ lực
 - 2.5.2. Khám trương lực cơ
- 2.6. Khám phản xạ
- 2.7. Khám cảm giác
 - 2.7.1. Cảm giác chủ quan
 - 2.7.2. Cảm giác khách quan
- 2.8. Khám phát hiện rối loạn thăng bằng và phối hợp động tác
- 2.9. Khám hệ thống dinh dưỡng và cơ tròn
 - 2.9.1. Teo cơ
 - 2.9.2. Phù nề
 - 2.9.3. Loét
 - 2.9.4. Rối loạn cơ tròn
- 2.10. Khám các hệ cơ quan khác
- 2.11. Các rối loạn tâm thần

Bài 6. Chăm sóc người bệnh đau dây thần kinh tọa;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của đau dây thần kinh tọa
- 1.2. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh đau dây thần kinh tọa

2. Nội dung :

- 1. Đại cương
- 2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1. Triệu chứng về vận động
 - 2.2. Triệu chứng cảm giác
 - 2.3. Rối loạn dinh dưỡng
 - 2.4. Rối loạn giác quan
- 3. Một số thể bệnh theo nguyên nhân
- 4. Chăm sóc , theo dõi

- 4.1. Nhận định
- 4.2. Chẩn đoán chăm sóc
- 4.3. Lập KHCS
- 4.4. Thực hiện KHCS
- 4.5. Đánh giá

Bài 7. Chăm sóc người bệnh động kinh; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng và nguyên nhân của động kinh
- 1.2. Trình bày được cách chăm sóc người bệnh động kinh

2. Nội dung :

- 1. Khái niệm
- 2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1. Động kinh toàn bộ cơn lớn
 - 2.2. Động kinh toàn bộ cơn nhỏ
 - 2.3. Cơn động kinh cục bộ
- 3. Nguyên nhân
- 4. Điều trị
- 5. Phòng bệnh
- 6. Chăm sóc
 - 6.1. Nhận định
 - 6.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 6.3. Lập KHCS
 - 6.4. Thực hiện KHCS
 - 6.5. Đánh giá

PHẦN II. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Bài 1: Tổng quan về tàn tật và phục hồi chức năng; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Định nghĩa được sức khỏe, các yếu tố cơ bản trong hệ thống chăm sóc sức khỏe và các điều kiện bảo vệ sức khỏe
- 2. Trình bày được khái niệm bệnh lý và nêu được quá trình tàn tật
- 3. Trình bày được phân loại, dịch tễ học tàn tật và các biện pháp phòng ngừa tàn tật
- 4. Trình bày được định nghĩa, mục đích và các hình thức phục hồi chức năng

2. Nội dung

- 1. Bệnh và quá trình tàn tật

- 1.1. Quá trình tàn tật
- 1.2. Định nghĩa tàn tật
- 1.3. Các biện pháp phòng ngừa
- 1.4. Hậu quả tàn tật
2. Phục hồi chức năng
- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Mục đích
- 2.3. Các kỹ thuật PHCN
- 2.4. Các hình thức PHCN
- 2.5. Nguyên tắc PHCN
- 2.6. Hội nhập xã hội
3. Vai trò người điều dưỡng trong phục hồi chức năng

Bài 2: Lượng giá điều dưỡng đối với một người tàn tật; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1. Lượng giá được một người khuyết tật.
2. Liệt kê được các vấn đề của người khuyết tật cần can thiệp điều dưỡng.
3. Đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng, lập kế hoạch điều dưỡng và nêu lên các kết quả mong đợi.

2. Nội dung

1. Định nghĩa lượng giá tàn tật
2. Mục đích lượng giá tàn tật
3. Phần hành chính
4. Phần chi tiết
- 4.1. Chức năng sống
- 4.2. Các cơ quan: Tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh, giác quan, hành vi, vận động, phối hợp
5. Chẩn đoán điều dưỡng
6. Can thiệp
7. Kết quả mong đợi

Bài 3: Các thương tật thứ phát thường gặp và cách phòng ngừa; 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, các hậu quả của thương tật thứ phát đối với sức khỏe bệnh nhân.
- 1.2. Trình bày cách nhận biết và phòng ngừa các thương tật thứ phát của cơ quan vận động.

1.3. Trình bày cách nhận biết và phòng ngừa các thương tật thứ phát của cơ quan tuần hoàn, hô hấp

1.4. Trình bày cách nhận biết và phòng ngừa nhiễm khuẩn đường tiết niệu.

1.5. Trình bày cách nhận biết và cách phòng ngừa loét do đè ép

2. Nội dung

1. Đại cương

1.1. Định nghĩa TTTP

1.2. Hậu quả TTTP

2. Một số thương tật thứ phát ở cơ quan vận động

2.1. Teo cơ

2.2. Cứng khớp

2.3. Loang xương

2.4. Cốt hóa lạc chỗ

3. Thương tật thứ phát ở cơ quan hô hấp và tuần hoàn

3.1. Thương tật thứ phát ở cơ quan hô hấp

3.2. Thương tật thứ phát ở cơ quan tuần hoàn

4. Thương tật thứ phát ở cơ quan tiết niệu

5. Loét do đè ép

Bài 4: Vận động trị liệu; 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày định nghĩa, mục đích của vận động trị liệu

2. Trình bày các loại cơ cơ, các loại cơ tham gia vào cử động, tác dụng sinh học của vận động cơ cơ và các nguyên tắc của vận động trị liệu.

3. Mô tả được các hình thức vận động thường được áp dụng trong phục hồi chức năng.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa - Mục đích

2.2. Nguyên tắc vận động trị liệu

2.3. Tác dụng sinh lí của vận động

2.4. Phân loại vận động trị liệu

2.4.1. Tập vận động thụ động

2.4.2. Tập vận động chủ động có trợ giúp

2.4.3. Tập chủ động

2.4.4. Tập có kháng trở

2.4.5. Tập kéo dãn

Bài 5: Chăm sóc điều dưỡng và phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não; 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, yếu tố nguy cơ của bệnh nhân bị liệt nửa người sau tai biến mạch máu não.

1.2. Mô tả các dấu hiệu lâm sàng, tình trạng giảm khả năng và nguyên tắc chăm sóc, phục hồi chức năng theo các giai đoạn.

1.3. Áp dụng được các kỹ thuật chăm sóc và PHCN cho bệnh nhân liệt nửa người theo các giai đoạn.

1.4. Hướng dẫn tư vấn người bệnh cách thức chăm sóc, tập luyện để hạn chế các thương tật thứ cấp ở bệnh nhân liệt nửa người.

2. Nội dung

1. Định nghĩa

2. Yếu tố nguy cơ

3. Chăm sóc điều dưỡng PHCN ở giai đoạn cấp

3.1. Mục tiêu

3.2. Biểu hiện lâm sàng và cách chăm sóc

4. PHCN ở giai đoạn hồi phục

4.1. Mục tiêu

4.2. Các biện pháp chăm sóc và phục hồi

5. Phục hồi chức năng tại cộng đồng

5.1. Các di chứng sau tai biến

5.2. Mục tiêu phục hồi chức năng

5.3. Điều dưỡng phục hồi chức năng

Bài 6: Chăm sóc điều dưỡng và phục hồi chức năng cho bệnh nhân tổn thương tủy sống; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân của tổn thương tủy sống.

1.2. Trình bày được các dấu hiệu lâm sàng của tổn thương tủy sống.

1.3. Trình bày được các biến chứng của bệnh nhân tổn thương tủy sống.

1.4. Trình bày được cách chăm sóc và điều trị bệnh nhân tổn thương tủy sống các giai đoạn.

2. Nội dung

1. Đại cương

1.2. Định nghĩa

1.3. Nguyên nhân

2.. Bệnh học tổn thương tủy sống

- 2.1. Các dấu hiệu lâm sàng
- 2.2. Diễn biến lâm sàng
- 3. Biến chứng
 - 3.1. Tiết niệu
 - 3.2. Đường ruột
 - 3.3. Loét
 - 3.4. Hô hấp
 - 3.5. Tim mạch
 - 3.6. Co cứng
 - 3.7. Gây sút, tình dục
- 4. Điều trị & phục hồi
 - 4.1. Giai đoạn đầu
 - 4.2. Giai đoạn hồi phục
 - 4.3. Giai đoạn hòa nhập

Bài 7: Chăm sóc điều dưỡng và phục hồi chức năng đường tiết niệu cho bệnh nhân tổn thương tủy sống; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hoạt động bàng quang bình thường và các dạng bàng quang bệnh lý ở bệnh nhân liệt tủy sống.
- 1.2. Nguyên tắc chăm sóc, các biện pháp đề phòng và điều trị nhiễm trùng tiết niệu ở bệnh nhân liệt tủy sống.
- 1.3. Chăm sóc đường tiết niệu trong trường hợp bàng quang tự động.
- 1.4. Chăm sóc đường tiết niệu trong trường hợp bàng quang liệt nhẽo.

2. Nội dung

- 1. Đại cương về giải phẫu chức năng và sinh lý bệnh
 - 1.1. Hoạt động bàng quang bình thường
 - 1.2. Hoạt động bàng quang trong chấn thương tủy sống
- 2. PHCN đường tiết niệu
 - 2.1. Mục tiêu
 - 2.2. Các biện pháp
 - 2.3. Các biện pháp giai đoạn choáng tủy
 - 2.4. Các biện pháp giai đoạn hồi phục
- 3. Các vấn đề thường gặp ở bệnh nhân có thông tiểu

Bài 8: Chăm sóc điều dưỡng và phục hồi chức năng đường ruột cho bệnh nhân tổn thương tủy sống; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được hoạt động chức năng của đường ruột sau chấn thương tủy sống.

1.2. Nguyên tắc PHCN cho các trường dạng rối loạn chức năng đường ruột

1.3. Các kỹ thuật chăm sóc và PHCN trong các dạng rối loạn chức năng đường ruột.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về hoạt động đường ruột

2.2. Chăm sóc đường ruột sau chấn thương tủy sống

2.2.1. Kiểm soát đường ruột giai đoạn sớm

2.2.2. Chương trình tập

2.3. Một số vấn đề hay gặp trong chăm sóc đường ruột

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 2 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng chính quy

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

*** Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại các khoa của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh và Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hà Tĩnh, trong thời gian 4 tuần (90 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tập trung vào các bài có phần chăm sóc điều dưỡng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng sức khỏe tâm thần, Đại học Y Hà Nội, NXB Y học 2020.
2. Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Nhà xuất bản Y học, năm 2019.
3. Phục hồi chức năng. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MH 27

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 14 tiết; Thực hành, thảo luận, bài tập: 43 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

Môn học chuyên môn được phân bố từ học kỳ V của khoá học, sau các môn Điều dưỡng cơ sở; Giao tiếp và Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng.

2. Tính chất:

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng).

Cách xác định được tình trạng sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe,...).

Vận dụng kiến thức, kỹ năng về chăm sóc cộng đồng vào thực tiễn; môn học giúp học sinh cụ thể hóa kiến thức vào nhiệm vụ của người cán bộ y tế cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm và định nghĩa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 1.2. Trình bày được cách lượng giá nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 1.3. Trình bày được cách lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 1.5. Trình bày được quy trình thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình.

- 1.6. Trình bày được kỹ thuật sàng lọc vấn đề sức khỏe cộng đồng.
- 1.7. Trình bày được các phương pháp phân tích vấn đề sức khỏe cộng đồng.
- 1.8. Trình bày được các hoạt động cung ứng dịch vụ Y tế.
- 1.9. Trình bày được cách quản lý sức khỏe tại trạm Y tế.
- 1.10. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của trạm y tế xã, chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ y tế xã.
- 1.11. Liệt kê được các phương pháp thu thập thông tin về điều kiện môi trường sống và tình trạng sức khỏe cộng đồng.
- 1.12. Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào nội dung thực tập cộng đồng.

2. Về kỹ năng:

- 2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học để xác định vấn đề sức khỏe cộng đồng.
- 2.2. Vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- 2.3. Vận dụng kiến thức đã học để lên kế hoạch và thực hiện thăm gia đình.
- 2.4. Vận dụng kiến thức đã học để tìm nguyên nhân gây nên vấn đề sức khỏe cộng đồng.
- 2.5. Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện tốt công tác quản lý sức khỏe tại cộng đồng.
- 2.6. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.
- 2.7. Tìm hiểu và viết báo cáo về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của trạm y tế và của từng cán bộ y tế cơ sở.
- 2.8. Điều tra thu thập số liệu về tình hình sức khỏe cộng đồng của xã/thôn, xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên cần có biện pháp can thiệp/giúp đỡ.
- 2.9. Thăm hộ gia đình để tìm hiểu về môi trường vệ sinh và tình trạng sức khỏe của các gia đình, thực hiện kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe tại nhà.
- 2.10. Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho cụm dân cư/thôn bản.
- 2.11. Tham gia các hoạt động chuyên môn tại trạm y tế.
- 2.12. Viết báo cáo thu hoạch thực tập.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 3.1. Có ý thức trách nhiệm về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.
- 3.2. Có ý thức trách nhiệm trong quản lý sức khỏe tại cộng đồng

3.3. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

1.1. Lý thuyết tại trường:

Số TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng	1	1		
2	Xác định nhu cầu điều dưỡng cộng đồng	2	2		
3	Lập kế hoạch điều dưỡng cộng đồng	2	2		
4	Quy trình điều dưỡng cộng đồng	2	2		
5	Thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình	2	2		
6	Sàng lọc vấn đề sức khỏe cộng đồng	1	1		
7	Phân tích vấn đề sức khỏe cộng đồng	1	1		
8	Cung ứng dịch vụ Y tế	1	1		
9	Quản lý sức khỏe tại trạm Y tế	2	2		
		1			1
Cộng		15	14		1

1.2. Thực hành tại cộng đồng: Thời gian 45 giờ

TT	Nội dung chi tiết	Thời gian
1	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của TYT, chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ y tế và NVYT thôn bản	7 giờ
2	Điều tra thu thập, các thông tin, số liệu liên quan đến tình trạng môi trường sống và sức khỏe của cộng đồng dân cư trong xã/ thôn bản	8 giờ
3	Thăm hộ gia đình	8 giờ
4	Tham gia các hoạt động thường xuyên tại trạm y tế xã.	8 giờ

5	Phân tích thông tin về số liệu thu thập được	4 giờ
6	Lập và thực hiện kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng dân cư trong thôn bản	4 giờ
7	Viết thu hoạch cá nhân vào báo cáo kết quả thực tập của nhóm	4 giờ
8	Tổng kết đợt thực tập	2 giờ
	Tổng số	45 giờ

2. Nội dung chi tiết:

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1 : Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng;

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm điều dưỡng cộng đồng
- 1.2. Liệt kê được 4 chức năng và 8 nhiệm vụ chính của người điều dưỡng cộng đồng
- 1.3. Nêu được nội dung đánh giá mức độ sức khỏe tại cộng đồng

2. Nội dung:

- 2.1. Lịch sử phát triển của y tế cộng đồng
- 2.2. Một số khái niệm và định nghĩa.
 - 2.2.1. Cộng đồng
 - 2.2.2. Sức khỏe
 - 2.2.3. Sức khỏe cộng đồng
 - 2.2.4. Chăm sóc sức khỏe
 - 2.2.5. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe
 - 2.2.6. Chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.2.7. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- 2.3. Điều dưỡng cộng đồng:
 - 2.3.1. Khái niệm:
 - 2.3.2. Mục tiêu:
 - 2.3.3. Vai trò và năng lực của người điều dưỡng cộng đồng.
 - 2.3.4. Chức năng và nhiệm vụ của người điều dưỡng cộng đồng
 - Chức năng
 - Nhiệm vụ

2.4. Đánh giá mức độ SK cộng đồng

2.4.1. Đánh giá tình hình

2.4.2. Chẩn đoán cộng đồng

2.4.3. Các kế hoạch can thiệp

2.4.4. Các kết quả chăm sóc

Bài 2: Xác định nhu cầu điều dưỡng cộng đồng;

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm và mục đích lượng giá nhu cầu điều dưỡng tại cộng đồng.

1.2. Mô tả được cách xác định nhu cầu điều dưỡng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

1.3. Phân biệt được giữa chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán điều trị và chẩn đoán cộng đồng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về lượng giá nhu cầu điều dưỡng

2.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng

2.3. Xác định nhu cầu điều dưỡng.

2.3.1. Với cá nhân người bệnh:

2.3.2. Với gia đình và cộng đồng:

- Thu thập và xác định chỉ số

- Xác định vấn đề SK

2.4. Chẩn đoán chăm sóc

2.4.1. Phân biệt chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán điều trị

2.4.2. Phân biệt chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán cộng đồng

Bài 3: Lập kế hoạch điều dưỡng cộng đồng;

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được khái niệm về kế hoạch điều dưỡng cộng đồng

1.2. Xây dựng được kế hoạch hành động cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về kế hoạch điều dưỡng.

2.2. Kế hoạch điều dưỡng cho cá nhân người bệnh

2.2.1. Xác định vấn đề ưu tiên

2.2.2. Quyết định các mục tiêu

- 2.2.3. Xây dựng và sắp xếp các hoạt động chăm sóc.
- 2.2.4. Cách viết mệnh lệnh chăm sóc (Hoạt động chăm sóc).
- 2.2.5. Viết hoàn thành bản kế hoạch chăm sóc
- 2.3. Lập kế hoạch chăm sóc cho gia đình và cộng đồng.
- 2.3.1. Xác định vấn đề ưu tiên
- 2.3.2. Xây dựng các mục tiêu chăm sóc
- 2.3.3. Quyết định giải pháp
- 2.3.4. Xác định các hoạt động
- 2.3.5. Lập kế hoạch hoạt động
- Bài tập tình huống

Bài 4: Quy trình điều dưỡng cộng đồng;

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm quy trình điều dưỡng tại cộng đồng.
- 1.2. Trình bày được các bước của quy trình điều dưỡng cộng đồng.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm quy trình điều dưỡng tại cộng đồng
- 2.2. Quy trình điều dưỡng
 - 2.2.1. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng
 - Phương pháp hỏi trực tiếp khách hàng
 - Phương pháp gián tiếp
 - Phương pháp dịch tễ cộng đồng.
 - Khám thực thể:
 - 2.2.2. Lập kế hoạch điều dưỡng
 - Mẫu kế hoạch tổng thể
 - 2.2.3. Thực hiện kế hoạch điều dưỡng.
 - 2.2.4. Đánh giá điều dưỡng
 - Với cá nhân
 - Với gia đình và cộng đồng

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

- 1. Lập và thực hiện KH chăm sóc cho cá nhân người bệnh.
- A. Tên kế hoạch (Vấn đề)
- B. Mục tiêu
- C. Giải pháp

2. Lập và thực hiện KH chăm sóc gia đình.

A. Tên kế hoạch (Vấn đề)

B. Mục tiêu

C. Giải pháp

3. Lập và thực hiện KH chăm sóc cộng đồng

A. Tên kế hoạch (Vấn đề)

B. Mục tiêu

C. Giải pháp

Bài 5: Thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình;

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng.

1.2. Trình bày được mục đích thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình.

1.3. Trình bày được quy trình thăm gia đình.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm gia đình

2.1.1. Thế nào là gia đình

2.1.2. Vị trí và vai trò của gia đình

2.1.3. Cấu trúc gia đình

- Mô hình gia đình:

- Lối sống gia đình

2.2. Sức khỏe gia đình

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến SKGD.

- Môi trường thiên nhiên:

- Kinh tế

- Y tế

- Môi trường văn hóa

2.2.3. Chăm sóc tại gia đình

2.2.4. Chỉ số SK gia đình

2.2.5. Vai trò của người ĐDCĐ đối với sức khỏe gia đình.

- Bảo trợ:

- Giáo dục và tư vấn

- Chăm sóc

- Duy trì

- Làm mẫu và gương mẫu

2.3. Thăm gia đình

2.3.1. Mục đích

- Hỗ trợ cho gia đình sức khỏe tốt hơn: Bằng các phương pháp.
- Xác định các vấn đề sức khỏe của gia đình
- Giúp gia đình giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội
- Hướng dẫn cho gia đình những kỹ năng đề tự CSSK.
- Trao đổi với gia đình đã thực hiện được gì sau mỗi lần đến thăm.
- Đánh giá tình hình sức khỏe gia đình

2.3.2. Thực hiện thăm gia đình.

- Chuẩn bị
- Phương pháp
- Quy trình thăm gia đình
- Sau khi thăm gia đình
- Ghi hồ sơ.

Bài 6: Sàng lọc vấn đề sức khỏe cộng đồng;

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm sàng lọc sức khỏe
- 1.2. Phân biệt được sàng lọc và chẩn đoán
- 1.3. Trình bày được một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng
- 1.4. Trình bày được biện pháp nâng cao tính trùng lặp trong sàng lọc

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm sàng lọc
- 2.2. Phân biệt sàng lọc và chẩn đoán
- 2.3. Kỹ thuật sàng lọc
 - 2.3.1. Một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng
 - 2.3.2. Độ chính xác của kiểm tra sàng lọc
 - Về mức độ chính xác
 - Về sự trùng lặp
 - Biện pháp nâng cao tính trùng lặp
 - 2.3.3. Dương tính giả và âm tính giả
- 2.4. Chất lượng của một trắc nghiệm sàng lọc tốt
 - 2.4.1. Một vài chất lượng quan trọng của một kiểu trắc nghiệm sàng lọc tốt
 - 2.4.2. Câu hỏi đặt ra trước khi bắt đầu chương trình sàng lọc:

2.5. Kết Luận

Bài 7: Phân tích vấn đề sức khỏe cộng đồng;

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được lợi ích của phân tích một vấn đề sức khỏe
- 1.2. Trình bày được các phương pháp phân tích một vấn đề sức khỏe
- 1.3. Áp dụng được phương pháp cây vấn đề để phân tích nguyên nhân một vấn đề sức khỏe

2. Nội dung:

- 2.1. Lợi ích của phân tích một vấn đề sức khỏe
- 2.2. Các phương pháp phân tích vấn đề sức khỏe
 - 2.2.1. Sơ đồ diễn tiến
 - 2.2.2. Khung xương cá
 - 2.2.3. Cây vấn đề

Bài 8: Cung ứng dịch vụ Y tế;

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các loại hình dịch vụ y tế cộng đồng
- 1.2. Trình bày được hoạt động dự báo về cung ứng dịch vụ y tế
- 1.3. Trình bày được Quy trình thực hiện cung ứng dịch vụ y tế

2. Nội dung:

- 2.1. Các dịch vụ y tế cộng đồng
 - 2.1.1. Dịch vụ tư vấn giáo dục sức khỏe
 - 2.1.2. Dịch vụ vệ sinh và y tế công cộng
 - 2.1.3. Dịch vụ chăm sóc người bệnh tại nhà
 - 2.1.4. Dịch vụ thăm thai, đỡ đẻ và KHHGĐ
 - 2.1.5. Dịch vụ phòng dịch, chống dịch
 - 2.1.6. Dịch vụ cung ứng thuốc và dịch vụ y tế
- 2.2. Các hoạt động dịch vụ y tế
 - 2.2.1. Xác định nhu cầu và cung ứng dịch vụ y tế
 - 2.2.2. Hoạt động hướng dẫn sử dụng dịch vụ y tế
 - 2.2.3. Hoạt động dự báo về cung ứng dịch vụ y tế:
 - 2.2.4. Chất lượng dịch vụ y tế
- 2.3. Thực hiện cung ứng dịch vụ y tế cộng đồng
 - 2.3.1. Quyết định mục tiêu và giải pháp
 - 2.3.2. Xây dựng kế hoạch

2.3.3. Quy trình thực hiện cung ứng dịch vụ y tế

Bài 9: Quản lý sức khỏe tại trạm Y tế;

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm quản lý sức khỏe cộng đồng.
- 1.2. Vẽ được sơ đồ chức năng QLSK tại trạm y tế.
- 1.3. Nêu được tầm quan trọng của thông tin trong công tác QLSK tại trạm.
- 1.4. Trình bày được cách thu thập TT về sức khỏe
- 1.5. Tính toán được các chỉ số sức khỏe cơ bản tại trạm y tế cơ sở

2. Nội dung:

- 2.1. Một số khái niệm về quản lý
- 2.2. Quản lý sức khỏe tại trạm y tế
 - 2.2.1. Chức năng QLSK tại trạm y tế
 - 2.2.2. Cách tính chỉ số cơ bản tại trạm y tế cơ sở
 - 2.2.3 Thu thập thông tin tại trạm y tế cơ sở
 - 2.2.3.1. Tầm quan trọng của thông tin
 - 2.2.3.2. Các nguồn thông tin
 - 2.2.3.3. Các nhóm thông tin
 - 2.2.4. Vai trò của sổ sách trong việc QLSK tại tuyến y tế cơ sở
 - 2.2.5. Khả năng khai thác chỉ số y tế từ 7 quyền sở ở tuyến y tế cơ sở

B. PHẦN THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG

Bài 1 : Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của TYT, chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ y tế và NVYT thôn bản;

7 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Liệt kê được các chức năng và nhiệm vụ chính của người cán bộ và nhân viên y tế thôn bản cộng đồng
- 1.2. Nêu được nội dung hoạt động của trạm y tế

2. Nội dung

- 2.1. Đọc, nghiên cứu tài liệu tại trạm y tế
- 2.2. Nghe báo cáo của lãnh đạo trạm y tế về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý sức khỏe tại trạm
- 2.3. Phỏng vấn, trao đổi với cán bộ y tế tại trạm y tế
- 2.4. Phỏng vấn, trao đổi với cá nhân, gia đình và cộng đồng

Bài 2 : Điều tra thu thập, các thông tin, số liệu liên quan đến tình trạng môi trường sống và sức khỏe của cộng đồng dân cư trong xã/thôn bản; 8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Điều tra thu thập, các thông tin về môi trường sống trong xã
- 1.2. Nắm bắt được tình hình sức khỏe của cộng đồng dân cư trong xã

2. Nội dung

- 2.1. Thu thập, các thông tin về môi trường sống, tình hình sức khỏe của cộng đồng qua sổ sách, báo cáo tại trạm y tế
- 2.2. Điều tra về môi trường sống tại thôn bản và hộ gia đình
- 2.3. Sử dụng bảng kiểm để điều tra môi trường sống tại các thôn bản
- 2.4. Phỏng vấn, trao đổi với cá nhân, gia đình và cộng đồng để biết được tình hình sức khỏe tại cộng đồng.

Bài 3 : Thăm hộ gia đình;

8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nắm được tình hình sức khỏe các gia đình tại cộng đồng.
- 1.2. Giúp đỡ gia đình giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội.
- 1.3. Hoàn thành các mẫu điều tra theo yêu cầu.
- 1.4. Thăm mỗi hộ gia đình 2 lần (mỗi học sinh phụ trách 2-3 hộ gia đình)

2. Nội dung

- 2.1. Thăm gia đình lần 1: Thu thập thông tin cơ bản tại gia đình.
 - 2.1.1. Thu thập thông tin về vệ sinh môi trường sống của gia đình.
 - 2.1.2. Thu thập thông tin về tình hình sức khỏe của gia đình.
 - 2.1.3. Chăm sóc và hướng dẫn chăm sóc khi gia đình có nhu cầu.
- 2.2. Thăm gia đình lần 2: Bổ sung và hoàn thiện theo mẫu.
 - 2.2.1. Kiểm tra lại kết quả thực hiện theo hướng dẫn trong lần viếng thăm trước để củng cố, bổ sung.
 - 2.2.2. Tư vấn, hướng dẫn cho gia đình giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội
- 2.3. Hoàn thiện, bổ sung vào hồ sơ gia đình

Bài 4 : Tham gia các hoạt động thường xuyên tại trạm y tế xã; 8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Tham gia khám chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe, vệ sinh, phòng bệnh, tiêm chủng mở rộng.
- 1.2. Làm quen các loại sổ sách, báo cáo của trạm y tế và của nhân viên y tế thôn bản.

2. Nội dung

- 2.1. Tham gia khám chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh
- 2.2. Tham gia các chương trình y tế quốc gia tại trạm y tế
 - 2.2.1. Tham gia vệ sinh, phòng bệnh
 - 2.2.2. Tham gia chương trình DS-KHHGD
 - 2.2.3. Tham gia tiêm chủng mở rộng

Bài 5: Phân tích thông tin về số liệu thu thập được;

4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân tích được số liệu thu thập.
- 1.2. Xác định được vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.
- 1.3. Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên
- 1.4. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên.

2. Nội dung

- 2.1. Phân tích các số liệu thu thập
- 2.2. Cách xác định vấn đề sức khỏe
- 2.3. Cách lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên
- 2.4. Lập kế hoạch để giải quyết các vấn đề sức khỏe
- 2.5. Viết báo cáo

Bài 6: Lập và thực hiện kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng dân cư trong thôn bản;

4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Lập được kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe.
- 1.2. Thực hiện được kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Lập kế hoạch truyền thông về vấn đề sức khỏe tại cộng đồng
- 2.2. Thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe cho người dân

Bài 7: Viết thu hoạch cá nhân và báo cáo kết quả thực tập của nhóm;

4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhóm hoàn thành báo cáo.
- 1.2. Cá nhân hoàn thành báo cáo

2. Nội dung

- 2.1. Viết báo cáo nhóm
- 2.2. Viết thu hoạch cá nhân

Bài 8: Tổng kết đợt thực tập;

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Có được nhận xét của trạm y tế và giảng viên phụ trách.
- 1.2. Xác nhận của trạm y tế

2. Nội dung

- 2.1. Báo cáo kết quả nhận xét của trạm y tế và giảng viên phụ trách
- 2.2. Nhận xét, xác nhận của trạm y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết và thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định tại trường và trạm y tế.

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn, mô hình.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo. Sổ sách, báo cáo của cấp trên tại trạm y tế, các mẫu phiếu điều tra, bảng kiểm.

4. Các điều kiện khác: Các trang thiết bị hiện có của tại trạm y tế.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

Sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng;
- + Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng thể hiện trong xác định vấn đề sức khỏe, lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và đưa ra các biện pháp giải quyết thông qua xây dựng kế hoạch và viết báo cáo thu hoạch.

- Kỹ năng:

Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống tại cộng đồng và thông qua việc thực hành thu thập thông tin vào phiếu điều tra, phân tích thông tin để có số liệu phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong qua trình học tập sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

+ Chuyên cần, say mê môn học phát huy làm việc nhóm.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy

+ Công cụ: Câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 60 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành cộng đồng:** 1 điểm

+ Hình thức: Báo cáo kết quả thực tập

+ Phương pháp: Làm bản báo cáo thực tập cộng đồng và trình bày báo cáo

+ Thời gian: 40 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên học phần lý thuyết (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì học phần lý thuyết (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành cộng đồng (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học chăm sóc sức khỏe cộng đồng được được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Điều dưỡng trong Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

+ Đây là môn học gắn liền với công tác chuyên môn tế tại cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

+ Áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phối hợp các phương pháp: Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Trực quan; Làm bài tập; Đóng vai.

+ Giảng viên của Trường cần phối hợp với cán bộ y tế của trạm y tế, cung cấp nội dung, chương trình, kế hoạch thực tập để thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

2.2. Đối với người học:

+ Tăng cường thảo luận, làm bài tập tình huống nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học;

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% thời gian học thực hành;

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ;

+ Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$;

+ Chủ động tổ chức thực hiện 30 giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 2 là bài trọng tâm phải nắm vững là tiền đề cho các bài 3 đến bài 9; bài 3 đến bài 9 là những kiến thức sát thực với đối tượng người học.

4. Tài liệu cần tham khảo:

1. Lê Văn Huân (2025); Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. năm 2025.

2. Giáo trình Điều dưỡng cộng đồng, Nhà xuất bản Hà Nội 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã môn học: MH 28

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 43 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- 1. Vị trí:** Là môn học chuyên môn bắt buộc, bố trí vào kì V
- 2. Tính chất:** Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận của y học cổ truyền, vận dụng các phương pháp chăm sóc bệnh nhân bằng y học cổ truyền như châm cứu, thuốc, xoa bóp bấm huyệt,... để chăm sóc bệnh nhân cũng như chăm sóc sức khỏe cộng đồng

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản về lý luận của YHCT.
- 1.2. Trình bày được các phương pháp nhận định và chăm sóc bệnh nhân theo YHCT
- 1.3. Trình bày được vị trí, tác dụng, cách châm của các huyệt thường dùng
- 1.4. Trình bày được bộ phận dùng, tác dụng, cách dùng, liều dùng của các vị thuốc nam thường dùng

2. Về kỹ năng:

- 2.1. Nhận định được một số bệnh, chứng thường gặp theo YHCT.
- 2.2. Vận dụng được YHCT để phòng, chữa một số bệnh thông thường
- 2.3. Tạo được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- 3.1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- 3.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

3.3. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3.4. Rèn luyện được thái độ nghiêm túc, cẩn thận khi tiến hành các thủ thuật

3.5. Rèn luyện được thái độ tôn trọng, ân cần, chu đáo khi tiếp xúc bệnh nhân

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Lí luận cơ bản	5	5		
2	Phương pháp châm cứu	3	3		
3	Huyệt - Các huyệt thường dùng	2	2		
4	Chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp xoa bóp bấm huyệt	2	2		
5	Chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp dân gian - thuốc nam	2	2		
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	14		1

2. Nội dung chi tiết:

***Phần lí thuyết**

Bài 1: Lí luận cơ bản

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được học thuyết âm dương, học thuyết ngũ hành, học thuyết tạng tượng, tứ chẩn, bát cương, bát pháp trong y học cổ truyền

1.2. Vận dụng được học thuyết âm dương, học thuyết ngũ hành, học thuyết tạng tượng, tứ chẩn, bát cương, bát pháp trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

Phần 1: Học thuyết âm dương

1. Đại cương
2. Nội dung học thuyết âm dương
3. Các quy luật cơ bản của âm dương
4. Biểu tượng của học thuyết âm dương
5. Ứng dụng học thuyết âm dương

Phần 2: Học thuyết ngũ hành

1. Đại cương
2. Quan hệ ngũ hành
3. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành trong y học cổ truyền

Phần 3: Nguyên nhân gây bệnh

1. Đại cương
2. Nguyên nhân bên ngoài
3. Nguyên nhân bên trong
4. Những nguyên nhân khác (Bất nội ngoại nhân)

Phần 4: Học thuyết tạng phủ

1. Đại cương
2. Chức năng tạng
3. Chức năng các phủ
4. Các thể trạng khác

Phần 5: Tứ chẩn

1. Đại cương
2. Nội dung

Phần 6: Bát cương

1. Đại cương
2. Biểu – lý
3. Hàn – nhiệt
4. Hư – thực
5. Âm – dương

Phần 7: Bát pháp

1. Phép hãn
2. Phép thổ
3. Phép hạ

4. Phép hoà
5. Phép ôn
6. Phép thanh
7. Phép tiêu
8. Phép bổ

Bài 2: Phương pháp châm cứu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được hệ kinh lạc trong cơ thể
- 1.2. Vận dụng được các kỹ thuật châm cứu như kỹ thuật hào châm, kỹ thuật điện châm, kỹ thuật cứu vào điều trị bệnh trong y học cổ truyền
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

Phần 1: Hệ kinh lạc

1. Định nghĩa
2. Cấu trúc của hệ kinh lạc
3. Tác dụng của hệ thống kinh lạc
4. Hướng đi khái quát của 14 kinh mạch chính

Phần 2: Đại cương châm cứu

1. Định nghĩa
2. Các hình thức châm cứu
3. Cơ chế tác dụng châm cứu

Phần 3: Kỹ thuật hào châm

1. Thái độ của thầy thuốc
2. Tư thế bệnh nhân
3. Thao tác châm kim
4. Chỉ định
5. Chống chỉ định
6. Các tai biến khi châm và cách phòng chống

Phần 4: Kỹ thuật điện châm

1. Máy điện châm
2. Cơ chế tác dụng và chỉ định điều trị
3. Kỹ thuật điều trị điện trên huyết
4. Tai biến của điều trị điện trên huyết

Phần 5: Kỹ thuật cứu

1. Định nghĩa cứu
2. Thái độ của người thầy thuốc
3. Chọn tư thế người bệnh
4. Phương tiện
5. Kỹ thuật
6. Chỉ định và chống chỉ định của cứu
7. Tai biến và cách phòng tránh

Bài 3: Huyệ - Các huyệt thường dùng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đại cương về huyệt, cách xác định huyệt, vị trí, tác dụng và cách châm của các huyệt thường dùng
- 1.2. Vận dụng được kiến thức về huyệt vào việc chọn huyệt và phối hợp huyệt trong điều trị
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

Phần 1: Đại cương về huyệt

1. Định nghĩa
2. Tác dụng của huyệt
3. Phân loại huyệt

Phần 2: Các cách xác định huyệt

1. Đo để xác định huyệt
2. Nhìn để xác định huyệt
3. Sờ nắn để xác định huyệt

Phần 3: Cách chọn huyệt và phối hợp huyệt

1. Chọn huyệt phối huyệt đơn giản
2. Chọn huyệt phối huyệt theo biện chứng luận trị

Phần 4: Vị trí, tác dụng, cách châm 60 huyệt thường dùng

1. Huyệt vùng đầu mặt cổ
2. Huyệt vùng ngực bụng
3. Huyệt vùng lưng hông
4. Huyệt vùng chi trên
5. Huyệt vùng chi dưới

Bài 4: Chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp xoa bóp bấm huyệt

Thời gian: 2 giờ**1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được đại cương về xoa bóp bấm huyệt trong y học cổ truyền
- 1.2. Vận dụng được kỹ thuật thực hiện các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt trên người bệnh
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về xoa bóp bấm huyệt
- 2.2. Các thủ thuật xoa bóp bấm huyệt cơ bản
- 2.3. Xoa bóp bấm huyệt từng vùng cơ thể

Bài 5. Chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp dân gian - thuốc nam**Thời gian: 2 giờ****1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được cách chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp dân gian, một số vị thuốc nam thường dùng
- 1.2. Vận dụng được cách chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp dân gian, một số vị thuốc nam thường dùng vào điều trị bệnh
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung**Phần 1: Chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp dân gian**

1. Đại cương
2. Nồi xông
3. Bát cháo giải cảm
4. Đánh gió
5. Cạo gió

Phần 2: Thuốc nam

1. Thuốc giải cảm
2. Thuốc chữa ỉa chảy
3. Thuốc chữa chứng lỵ
4. Thuốc điều kinh
5. Thuốc chữa phong thấp
6. Thuốc chữa ho và long đờm
7. Thuốc chữa mụn nhọt, mẩn ngứa
8. Toa căn bản

***Phần thực tập lâm sàng**

Địa điểm : Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh

Thời gian: 45 giờ

1. Mục tiêu

1. 1. Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà của họ.
- 1.2. Nhận định được những vấn đề cần phải chăm sóc người bệnh.
- 1.3. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- 1.4. Thực hiện được các kỹ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt trên bệnh nhân dưới sự hướng dẫn giám sát của nhân viên y tế.
- 1.5. Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Nội dung cụ thể

TT	Nội dung	Thời gian
1	Cách nhận định và chăm sóc bệnh nhân theo y học cổ truyền	4
2	Kỹ thuật hào châm, điện châm, cứu	4
3	Cách xác định vị trí các huyệt thường dùng	4
4	Cách chọn huyệt và phối hợp huyệt theo chứng bệnh	4
5	Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt	4
6	Chăm sóc bệnh nhân đau thần kinh tọa bằng châm cứu, XBBH	4
7	Chăm sóc bệnh nhân đau đầu bằng châm cứu, XBBH	4
8	Chăm sóc bệnh nhân đau vai gáy bằng châm cứu, XBBH	4
9	Chăm sóc bệnh nhân suy nhược thần kinh bằng châm cứu, XBBH	4
10	Chăm sóc bệnh nhân liệt dây TK số VII bằng châm cứu, XBBH	4
11	Thi kết thúc	5

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lí thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên

4. Các điều kiện khác: Cơ sở thực hành lâm sàng (Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hà Tĩnh)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

- + Trình bày được hệ thống các kiến thức cơ bản về lí luận Y học cổ truyền
- + Trình bày được hệ thống các kiến thức về các phương pháp chăm sóc người bệnh bằng Y học cổ truyền

- Kỹ năng:

Đánh giá thông qua việc thực hiện chăm sóc người bệnh bằng Y học cổ truyền trên lâm sàng (cá nhân hoặc theo nhóm).

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học
- + Chuyên cần, say mê môn học
- + Thực hiện chăm sóc người bệnh độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên**(1 điểm): Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ: 01 điểm** kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học lí thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (1 điểm):** Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm trung bình thi kết thúc môn học lý thuyết và thực hành	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Đây là môn học gắn liền với thực tế nghề nghiệp nên giảng viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho sinh viên, hướng dẫn lâm sàng bằng phương pháp cầm tay chỉ việc, làm cho sinh viên chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia chăm sóc người bệnh nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

- Đối với người học:

+ Dự lớp theo đúng quy chế: Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết, Tham gia đủ 100% các buổi thực tập tại bệnh viện

+ Tích cực tự học, thực hiện bài tập, thảo luận ở nhà, đọc trước bài mới;

+ Nghiên cứu các quy chế bệnh viện để tham gia chăm sóc người bệnh trên lâm sàng đúng quy định

+ Rèn luyện kỹ năng giao tiếp để tiếp xúc với người bệnh và người nhà đúng mực, khéo léo.

+ Xây dựng vốn từ Hán Việt đủ để tiếp thu môn học

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

+ Tự học, tự nghiên cứu: 30 giờ

+ Điểm thi kết thúc thực hành ≥ 5

+ Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

+ Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các phương pháp chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền dễ áp dụng tại cộng đồng: Xoa bóp bấm huyệt, Thuốc nam

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu Giảng dạy

Khoa Dược - YHCT, "*Giáo trình Y học cổ truyền*" (2025), Tài liệu lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), "*Y học cổ truyền*", Sách đào tạo cao đẳng điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học

2. Khoa YHCT, Đại học Y Hà Nội (2022) "*Y học cổ truyền*", Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học: MH 29

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực tập tại bệnh viện: 88 giờ; kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học:

1. Vị trí:

Môn học chuyên ngành bắt buộc, thực hiện ở học kỳ V, sau khi học xong các môn học Điều dưỡng cơ sở, Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người, Vi sinh - Ký sinh, Dịch tễ học và Kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Tính chất:

Môn học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết cho người điều dưỡng, khi chăm sóc người bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở khám chữa bệnh. Là một môn học chuyên ngành lây nhiễm, việc chăm sóc người bệnh phải đặc biệt thực hiện đúng quy trình nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh và bản thân.

II. Mục tiêu môn học:

1. Mục tiêu kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền của các bệnh truyền nhiễm thường gặp..

1.2. Trình bày được triệu chứng và biến chứng của bệnh truyền nhiễm thường gặp.

1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh truyền nhiễm.

1.4. Trình bày được phương pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm

2. Mục tiêu kỹ năng:

2.1. Thực hiện nhận định người bệnh toàn diện và có hệ thống, tập hợp và ghi đầy đủ thông tin thích hợp vào hồ sơ điều dưỡng, phân tích và diễn giải các thông tin về người bệnh Truyền nhiễm một cách chính xác.

2.2. Lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên nhận định người bệnh và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh Truyền nhiễm.

2.3. Giải thích các can thiệp điều dưỡng cho người bệnh, gia đình người bệnh và thực hiện các can thiệp theo kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho người bệnh Truyền nhiễm.

2.4. Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp.

2.5. Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng, tuân thủ các quy định về vô khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.6. Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.

2.7. Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.

2.8. Thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ người bệnh xuất viện, tuyên truyền giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cách phòng bệnh cho người bệnh.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Sinh viên luôn có ý thức thực hiện đúng phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.

3.2. Tự giác giữ gìn vệ sinh và tham gia công tác vệ sinh khoa phòng bệnh viện, tạo môi trường sạch sẽ.

3.3. Không xa lánh người bệnh, ngại tiếp xúc, có trách nhiệm bảo vệ bệnh nhân và cộng đồng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường:

Số TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Lâm sàng	Kiểm tra
1	Bài 1. Đại cương về chăm sóc bệnh truyền nhiễm	2	2		
2	Bài 2. Chăm sóc người bệnh tả	2	2		
3	Bài 3. Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng nhiễm độc thức ăn	2	2		
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh viêm gan virus	2	2		
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh cúm	2	2		
6	Bài 6. Chăm sóc người bệnh sởi	2	2		

7	Bài 7. Chăm sóc người bệnh Quai bị	2	2		
8	Bài 8. Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS	3	3		
9	Bài 9 Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ	2	2		
10	Bài 10. Chăm sóc người bệnh viêm não Nhật Bản B	2	2		
11	Bài 11. Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue	2	2		
12	Bài 12. Chăm sóc người bệnh sốt do Riskettsia	2	2		
13	Bài 13. Chăm sóc người bệnh Sốt rét	2	2		
14	Bài 14. Chăm sóc người bệnh Uốn ván	2	2		
15	Kiểm tra	1			1
Cộng		30	29		1

1.2. Lâm sàng:

TT	Nội dung	Tổng Số	Thực hành bệnh viện	Kiểm tra
1	Thực hiện nội dung cách ly người bệnh truyền nhiễm	4	4	
2	Phân loại và xử lí rác y tế lây nhiễm	7	7	
3	Hướng dẫn thực hiện quy trình tiếp đón người bệnh vào khoa truyền nhiễm.	4	4	
4	Hướng dẫn thực hiện phiếu chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	4	4	
5	Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh truyền nhiễm thường gặp	12	12	
6	Hướng dẫn thực hiện quy trình chuẩn bị dụng cụ, phụ giúp bác sĩ chọc dò dịch tủy sống	4	4	
7	Thực hiện kỹ thuật lấy bệnh phẩm gửi đi xét nghiệm	4	4	

8	Thực hiện kỹ thuật đặt son dạ dày và cho bệnh nhân ăn qua son dạ dày(nếu có)	4	4	
9	Thực hiện kỹ thuật hút đờm dãi, cho bệnh nhân thở ôxy (nếu có)	4	4	
10	Thực hiện kỹ thuật thay băng, phòng chống loét (nếu có)	4	4	
11	Thực hiện kỹ thuật tiêm truyền, cho người bệnh uống thuốc	12	12	
12	Ghi chép vào hồ sơ bệnh án phần chăm sóc người bệnh	4	4	
13	Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm	4	4	
14	Thực hiện quy trình chăm sóc người bệnh thở máy (nếu có)	4	4	
15	Làm phản ứng Mantoux, test kháng sinh...	Tự học	Tự học	
16	Tiêm SAT, Vắc xin phòng chống uốn ván cho người bệnh (nếu có)	4	4	
17	Thực hiện kỹ thuật cấp cứu người bệnh suy hô hấp, truy tìm mạch (nếu có)	4	4	
18	Xử trí trường hợp sốt cao co giật (nếu có)	4	4	
19	Tham gia trực khoa, làm vệ sinh buồng bệnh, vệ sinh ngoại cảnh.	Tự làm	Tự làm	
20	Thi thực hành lâm sàng	3		3
	Tổng	90	87	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về bệnh truyền nhiễm; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được những đặc điểm bệnh truyền nhiễm.
- 1.2. Trình bày được chế độ công tác tại khoa truyền nhiễm .
- 1.3. Trình bày được công tác chăm sóc bệnh nhân khoa truyền nhiễm

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh truyền nhiễm.

- 2. 2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
- 2.2.1. Đặc điểm chung
- 2.2.2. Đặc điểm về tiến triển của bệnh.
- 2.3. Phân loại bệnh truyền nhiễm
- 2.4. Căn cứ chẩn đoán bệnh truyền nhiễm
- 2.5. Phương pháp điều trị bệnh truyền nhiễm
- 2.6. Đặc điểm chăm sóc người bệnh truyền nhiễm
- 2.6.1. Đặc điểm khoa truyền nhiễm
- 2.6.2. Chế độ công tác tại khoa truyền nhiễm
- 2.6.3. Công tác chăm sóc bệnh nhân khoa truyền nhiễm .

Bài 2. Chăm sóc người bệnh tả; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh tả.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh tả.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh tả.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh tả
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
- 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
- 2.3.2. Đường truyền nhiễm
- 2.3.3. Khởi cảm nhiễm.
- 2.3.4. Tính chất dịch
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
- 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
- 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
- 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
- 2.5.4. Thời kỳ hồi phục
- 2.5.5. Cận lâm sàng
- 2.6. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.7. Điều trị
- 2.8. Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh tả

- 2.9.1. Nhận định
- 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
- 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 3. Chăm sóc người bệnh Nhiễm khuẩn - Nhiễm độc thức ăn; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh nhiễm khuẩn - nhiễm độc thức ăn do salmonella và do tụ cầu.

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh NK-NĐ thức ăn do Salmonella và do tụ cầu.

1.3. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh Nhiễm khuẩn - Nhiễm độc thức ăn.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nhiễm trùng nhiễm độc thức ăn do salmonella
 - 2.2.1. Mầm bệnh
 - 2.2.2. Dịch tễ học
 - 2.2.3. Cơ chế bệnh sinh
 - 2.2.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.5. Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt
 - 2.2.6. Điều trị
 - 2.2.7. Phòng bệnh
- 2.3. Nhiễm trùng nhiễm độc thức ăn do tụ cầu
 - 2.3.1. Mầm bệnh
 - 2.3.2. Dịch tễ học
 - 2.3.3. Cơ chế bệnh sinh
 - 2.3.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.5. Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt
 - 2.3.6. Điều trị
 - 2.3.7. Phòng bệnh
- 2.4. Chăm sóc người bệnh nhiễm trùng nhiễm độc thức ăn
 - 2.4.1. Nhận định
 - 2.4.2. Lập kế hoạch chăm sóc

- 2.4.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.4.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
- 2.4.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 4. Chăm sóc người bệnh viêm gan virus; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh viêm gan virus cấp.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh viêm gan virus cấp
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm gan virus cấp.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh viêm gan virus cấp
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khó cảm nhiễm.
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục
- 2.6. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.7. Điều trị
- 2.8. Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh Viêm gan virus cấp
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 5: Chăm sóc người bệnh cúm; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh cúm.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh cúm.

- 1.3. Nêu được các biến chứng của bệnh cúm.
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh cúm.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh Cúm
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khỏi cảm nhiễm.
 - 2.3.4. Tính chất dịch
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục
- 2.6. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.7. Điều trị
- 2.8. Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh cúm thường
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 6: Chăm sóc người bệnh sởi; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh sởi.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh sởi
- 1.3. Nêu được các biến chứng của bệnh sởi
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh sởi.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh sởi
- 2.2. Mầm bệnh

- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khóik cảm nhiễm.
 - 2.3.4. Tính chất dịch
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục
- 2.6. Biến chứng bệnh sởi
- 2.7. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.8. Điều trị và Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh Sởi
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 7: Chăm sóc người bệnh quai bị; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh quai bị.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh quai bị.
- 1.3. Nêu được các biến chứng của bệnh quai bị.
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh quai bị.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh quai bị
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khóik cảm nhiễm.
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh

- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục
- 2.6. Biến chứng bệnh quai bị
- 2.7. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.8. Điều trị, Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh quai bị
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 8: Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đường lây truyền và biện pháp phòng chống HIV/AIDS.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh HIV/AIDS.
- 1.3. Biết cách xử trí dự phòng khi bị phơi nhiễm với HIV.
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh HIV/AIDS

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm chung
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khởi cảm nhiễm.
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Giai đoạn nhiễm trùng ban đầu
 - 2.5.2. Bệnh HIV giai đoạn sớm
 - 2.5.3. Bệnh HIV trung gian
 - 2.5.4. Giai đoạn cận AIDS

2.5.5. Giai đoạn AIDS

2.6. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt

2.7. Điều trị,

2.8. Phòng bệnh

2.9. Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS

2.9.1. Các nguyên tắc cơ bản trong chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS

2.9.2. Chăm sóc bệnh nhân AIDS

2.9.2.1. Chăm sóc về mặt tinh thần

2.9.2.2. Chăm sóc về thể lực

2.9.2.3. Phát hiện sớm các bệnh nhiễm trùng cơ hội thường gặp để xử trí kịp thời.

2.9.2.4. Khi người bệnh tử vong tại bệnh viện, cần phải thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng lây nhiễm.

Bài 9: Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh viêm màng não.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh viêm màng não.
- 1.3. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh viêm màng não.

2. Nội dung:

2.1. Phân loại viêm màng não

2.1.1. Phân loại theo căn nguyên gây bệnh

2.1.2. Phân loại theo màu sắc dịch não tủy

2.1.3. Phân loại theo cơ chế

2.2. Viêm màng não mủ

2.2.1. Căn nguyên vi khuẩn gây mủ

2.2.2. Đường xâm nhập của vi khuẩn vào màng não

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.2.4. Biến chứng

2.2.5. Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt

2.2.6. Điều trị, dự phòng

2.2.7. Chăm sóc người bệnh viêm màng não mủ

Bài 10: Chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết Dengue; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh sốt xuất huyết.

- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh sốt xuất huyết.
- 1.3. Nêu được cách điều trị người bệnh sốt xuất huyết Dengue độ I, II.
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh sốt xuất huyết

Dengue.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh sốt xuất huyết Dengue
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khởi cảm nhiễm.
 - 2.3.4. Tính chất dịch
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Các thể lâm sàng khác
 - 2.5.5. Phân độ lâm sàng
- 2.6. Biến chứng bệnh sốt xuất huyết
- 2.7. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.8. Điều trị, Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh người bệnh sốt xuất huyết
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 11: Chăm sóc người bệnh sốt do Rickettsia; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng sốt mò.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh sốt mò.
- 1.3. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh sốt do Rickettsia.

2. Nội dung :

- 2.1. Định nghĩa bệnh sốt do Rickettsia (Sốt do ấu trùng mò)
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khởi cảm nhiễm.
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục và tái phát
- 2.6. Biến chứng
- 2.7. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.8. Điều trị và phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh sốt do ấu trùng mò
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 13: Chăm sóc người bệnh sốt rét; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh sốt rét.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh sốt rét.
- 1.3. Nêu được phác đồ điều trị sốt rét thông thường.
- 1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh sốt rét.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh sốt rét
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khởi cảm nhiễm.

- 2.3.4. Phân vùng sốt rét ở Việt nam
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng sốt rét thông thường điển hình
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục
- 2.6. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt
- 2.7. Điều trị
- 2.8. Phòng bệnh
- 2.9. Chăm sóc người bệnh sốt rét
 - 2.9.1. Nhận định
 - 2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo
 - 2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

Bài 14: Chăm sóc người bệnh uốn ván; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được dịch tễ và cách phòng bệnh uốn ván.
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh uốn ván.
- 1.3. Trình bày được quy trình chăm sóc người bệnh uốn ván.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa bệnh uốn ván
- 2.2. Mầm bệnh
- 2.3. Dịch tễ học
 - 2.3.1. Nguồn truyền nhiễm
 - 2.3.2. Đường truyền nhiễm
 - 2.3.3. Khỏi cảm nhiễm.
- 2.4. Cơ chế bệnh sinh
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng uốn ván toàn thể mức độ nặng
 - 2.5.1. Thời kỳ nung bệnh
 - 2.5.2. Thời kỳ khởi phát
 - 2.5.3. Thời kỳ toàn phát
 - 2.5.4. Thời kỳ hồi phục

2.6. Chẩn đoán, chẩn đoán phân biệt

2.7. Điều trị

2.8. Phòng bệnh

2.9. Chăm sóc người bệnh uốn ván

2.9.1. Nhận định

2.9.2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.9.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.9.4. Đánh giá, ghi hồ sơ, báo cáo

2.9.5. Hướng dẫn người bệnh, người nhà người bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học; Phòng học có đủ bàn ghế có thể cấu trúc học theo nhóm hoặc thảo luận. Phòng học đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, đủ ánh sáng, thông gió, thoáng khí, phòng chống cháy nổ.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, Projertor, Bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình môn học, sổ ghi chép, bút bi, chì bút viết bảng, giấy A4, Ao

4. Các điều kiện khác: Phải có bệnh viện thực tập, sinh viên được hướng dẫn và thực hiện chăm sóc người bệnh truyền nhiễm tại khoa Truyền nhiễm của bệnh viện đa khoa. Trong quá trình thực tập tại bệnh viện sinh viên được đánh giá các kỹ năng chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lòng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực hệ sinh trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

- Thi kết thúc môn học chiếm tỷ trọng 60% điểm môn học, điểm trung bình chung của 2 phần, nếu phần nào không đạt điểm từ 5 điểm phải thi lại:

- + Phần lý thuyết thi trắc nghiệm trên máy vi tính với bộ Test đã chuẩn bị;
- + Phần thực tập lâm sàng: Sinh viên được bốc thăm thực hiện một quy trình thực hành trực tiếp trên người bệnh có 02 nội dung nhận định đánh giá và xác định nhu cầu chăm sóc, thực hiện kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng giảng dạy cho sinh viên bậc Cao đẳng chuyên ngành Y. Là cơ sở để sinh viên thực tập tại các khoa lâm sàng thực hiện tốt nội dung chống nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phối hợp các phương pháp:

- Thuyết trình: Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài giảng, những vấn đề cần giải quyết trong mỗi bài giảng.
- Thảo luận nhóm: Giảng viên chuẩn bị chủ đề thảo luận, những gợi ý để sinh viên chuẩn bị trước, trực tiếp phân nhóm điều hành thảo luận và nhận xét kết quả.

- Nghiên cứu tài liệu: Giảng viên phải biên soạn tài liệu dạy học được thẩm định, tài liệu tham khảo đúng nội dung giảng dạy, hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu cụ thể trang, dòng và những nội dung gợi ý cho sinh viên.

- Phát vấn: Giảng viên phải chuẩn bị câu hỏi cho các phần của mỗi bài học, nội dung câu hỏi thể hiện trong kế hoạch bài giảng.

- Đóng vai: giảng viên chuẩn bị bài tập tình huống, làm mẫu trước sau đó chia nhóm điều hành sinh viên thực hành đóng vai và nhận xét kết quả.

- Hướng dẫn sinh viên thực tập giảng viên phải thực hành thành thạo, đúng quy trình chăm sóc trực tiếp trên người bệnh.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Dự lớp theo đúng quy chế: Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết, Tham gia đủ 100% các buổi thực tập tại bệnh viện.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Để phát huy tính tự học của sinh viên, yêu cầu giảng viên phải thường xuyên hướng dẫn sinh viên theo phương châm “lấy sinh viên làm trung tâm”, sinh viên phải đề cao tính chủ động, sáng tạo trong học tập đặc biệt phải thay đổi phương pháp học không áp dụng phương pháp truyền thụ một chiều.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

1. Nguyễn Quang Tân 2023 - Giáo trình Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm

2. TS. Lê Bửu Châu, PGS.TS. Nguyễn Thị Cẩm Hương- Giáo trình Bệnh Truyền nhiễm - Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh - 2025.

3. Bộ môn Điều dưỡng- Giáo trình Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm - Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh - 2020.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã số môn học: MH 30

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (trong đó Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 4 của các ngành học cao đẳng liên thông, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành. Môn học có 2 tín chỉ bao gồm 29 tiết lý thuyết.

2. Tính chất

Môn học Nghiên cứu khoa học cung cấp cách xây dựng các khối kiến thức về điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên giúp sinh viên hiểu cách tiếp cận “bằng chứng” trong việc thực hành dựa trên bằng chứng thông qua các hiểu biết về chuyên ngành, các khái niệm và lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc, dùng thuốc cho người bệnh. Sinh viên hiểu được bản chất của công việc chuyên ngành đang học, bản chất của kiến thức, các cách nghiên cứu các vấn đề trên cơ sở thực hành.

Môn học Nghiên cứu khoa học còn trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận nghiên các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu hộ sinh/điều dưỡng/kỹ thuật viên/dược và nâng cao chăm sóc sức khỏe nhân dân; biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học. Học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học

1. Mục tiêu kiến thức

1.1. Mô tả được vai trò nghiên cứu hộ sinh/điều dưỡng/dược/kỹ thuật viên và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

1.2. Trình bày được các nội dung cơ bản của thực hành dựa vào bằng chứng

1.2. Trình bày được các nội dung cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học

1.3. Mô tả được cách viết tên đề tài khoa học

1.5. Mô tả được cách xây dựng mục tiêu nghiên cứu khoa học

1.6. Trình bày được cách xác định lựa chọn đối tượng nghiên cứu

1.7. Mô tả được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học hiện nay

1.8. Trình bày được cách chọn mẫu, cỡ mẫu, xác định biến số trong nghiên cứu

1.9. Trình bày được cách xử lý và cách thu thập và trình bày số liệu nghiên cứu

1.10. Trình bày cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học

2. Mục tiêu kỹ năng

2.1. Phân biệt được nghiên cứu điều dưỡng/được/kỹ thuật viên và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

2.2. Xây dựng được các nội dung cơ bản của thực hành dựa vào bằng chứng

2.2. Xây dựng được nội dung cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học

2.3. Viết được tên đề tài khoa học trong lĩnh vực y học

2.5. Viết được mục tiêu nghiên cứu khoa học cho đề tài cụ thể

2.6. Xác định được đối tượng nghiên cứu cho đề tài cụ thể

2.7. Lựa chọn và xác định được phương pháp nghiên cứu khoa học cho một đề tài cụ thể

2.8. Xác định được cách chọn mẫu, cỡ mẫu, xác định biến số trong nghiên cứu cho từng đề tài cụ thể

2.9. Xử lý sơ bộ, viết được bộ câu hỏi, bệnh án nghiên cứu

2.10. Viết một đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể

2.11. Ứng dụng được nghiên cứu điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

3.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.2. Phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho đồng nghiệp, người bệnh để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ y tế khi mắc bệnh.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường:

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Vai trò nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng	2	2		
2	Nghiên cứu khoa học dựa vào bằng chứng	2	2		
3	Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học	6	4	2	
4	Chọn chủ đề và mục tiêu nghiên cứu	2	2		
5	Đối tượng và các phương pháp nghiên cứu khoa học	4	2	2	
6	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	3	2	1	
7	Phương pháp xử lý, phân tích và trình bày số liệu	4	2	2	
8	Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học	6	1	5	
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	17	12	1

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Vai trò nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày định nghĩa về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Nêu được vai trò nghiên cứu Điều dưỡng/Dược
- 1.3. Kể được các giải pháp tăng cường nghiên cứu Điều dưỡng/Dược
- 1.4. Trình bày được khái niệm và các đặc trưng của thực hành dựa vào bằng chứng.
- 1.5. Trình bày quy trình các bước và phương thức áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu điều dưỡng/ dược
 - 2.1.1. Nghiên cứu khoa học
 - 2.1.2. Vai trò của nghiên cứu điều dưỡng/dược
 - 2.1.3. Các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng/dược
 - 2.1.4. Các loại hình nghiên cứu y học
 - 2.1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 2.2. Đại cương về y học dựa trên bằng chứng
 - 2.2.1. Khái niệm về thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.2. Lý do thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.3. Các đặc điểm của thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.4. Quy trình thực hành dựa trên bằng chứng
 - 2.2.5. Áp dụng thực hành y học dựa vào bằng chứng
 - 2.2.6. Những khó khăn khi thực hiện thực hành y học dựa vào bằng chứng

Bài 2. Nghiên cứu khoa học dựa vào bằng chứng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hai phương pháp chính của lý luận trong NCKH
- 1.2. Mô tả được nội dung chăm sóc dựa trên bằng chứng
- 1.3. Kể được các bằng chứng y học xếp hạng theo giá trị của nó
- 1.4. Trình bày được các cách tiếp cận bằng chứng

2. Nội dung:

- 2.1. Tổng quan

- 2.1.1. Phương pháp suy luận
- 2.1.2. Phương pháp quy nạp
- 2.2. Chăm sóc dựa trên bằng chứng
- 2.3. Đưa một vấn đề thành từng thành tố của nó
- 2.4. Các loại chứng cứ, bằng chứng
- 2.5. Tiếp cận các bằng chứng
 - 2.5.1. Khi đánh giá các nghiên cứu định tính nên đặt ra các câu hỏi sau:
 - 2.5.2. Khi đánh giá các nghiên cứu định lượng các câu hỏi sau đây nên được
 - 2.5.3. Áp dụng bằng chứng
 - 2.5.4. Năm bước để tiến tới Hộ sinh dựa trên bằng chứng (Giáo sư Lesley Page 2006:205)

Bài 3. Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học; 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm đề tài khoa học, tên đề tài nghiên cứu khoa học
- 1.2. Trình bày được các giai đoạn của trình tự nghiên cứu khoa học
- 1.3. Trình bày các nội dung chính của báo cáo khoa học
- 1.4. Trình bày các nội dung cơ bản của một bản đề cương nghiên cứu

2. Nội dung:

- 2.1. Đề tài khoa học
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại đề tài:
- 2.2. Trình tự nghiên cứu khoa học
 - 2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu:
 - 2.2.2. Giai đoạn triển khai nghiên cứu:
 - 2.2.3. Giai đoạn phân tích, xử lý số liệu và viết báo cáo:
 - 2.2.4. Giai đoạn nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu:
- 2.3. Viết báo cáo khoa học và công bố kết quả nghiên cứu
- 2.4. Đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học
- 2.5. Đề cương nghiên cứu khoa học

Bài 4. Chọn chủ đề và mục tiêu nghiên cứu;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1. Trình bày được cách lựa chọn chủ đề nghiên cứu

2. Kể được 5 tiêu chuẩn của một mục tiêu tốt
3. Trình bày các nguyên tắc khi xây dựng mục tiêu

2. Nội dung:

- 2.1. Chọn chủ đề nghiên cứu
 - 2.1.1. Một số khái niệm
 - 2.1.2. Chọn chủ đề nghiên cứu và nghiên cứu ưu tiên
 - 2.1.3. Phân biệt nhiệm vụ khoa học và đề tài khoa học
 - 2.1.4. Viết tên đề tài khoa học
- 2.2. Mục tiêu nghiên cứu
 - 2.2.1. Khái niệm về mục tiêu và mục tiêu nghiên cứu
 - 2.2.2. Lý do phải xây dựng mục tiêu
 - 2.2.3. Tiêu chuẩn của một mục tiêu tốt
 - 2.2.4. Các nguyên tắc khi xây dựng mục tiêu nghiên cứu
 - 2.2.5. Một số dạng mục tiêu phổ biến cho đề tài nghiên cứu
 - 2.2.6. Câu hỏi nghiên cứu
 - 2.2.7. Câu hỏi nghiên cứu trong khung Logic

Bài 5. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được cách lựa chọn đối tượng nghiên cứu
- 1.2. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng
- 1.3. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập
- 1.4. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu can thiệp

2. Nội dung

- 2.1. Đối tượng nghiên cứu
 - 2.1.1. Chọn đối tượng nghiên cứu
 - 2.1.2. Địa điểm nghiên cứu
 - 2.1.3. Đối tượng nghiên cứu
 - 2.1.4. Tính số đối tượng nghiên cứu
- 2.2. Các phương pháp nghiên cứu
 - 2.2.2. Chiến lược thiết kế cho các nghiên cứu dịch tễ học phân tích
- 2.3. Yêu cầu của các thiết kế nghiên cứu

- 2.3.1. Tính giá trị của nghiên cứu
- 2.3.2. Các loại sai số
- 2.3.3. Độ tin cậy của nghiên cứu
- 2.4. Lựa chọn thiết kế nghiên cứu
- 2.5. Các biến số và chỉ số nghiên cứu
 - 2.5.1. Tầm quan trọng của biến số
 - 2.5.2. Phân loại biến số
 - 2.5.3. Tầm quan trọng của phân loại biến số
 - 2.5.4. Cách xác định biến số/ chỉ số nghiên cứu

Bài 6. Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các kỹ thuật thu thập thông tin cơ bản trong một nghiên cứu sức khỏe.
- 1.2. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi.
- 1.3. Trình bày được các loại câu hỏi thường dùng trong thu thập thông tin
- 1.4. Trình bày được nguyên tắc và phương pháp xây dựng bảng kiểm.
- 1.5. Trình bày được cách biên soạn bệnh án nghiên cứu.

2. Nội dung

- 2.1. Các kỹ thuật thu thập thông tin
 - 2.1.1. Một số khái niệm
 - 2.1.2. Một số kỹ thuật thu thập thông tin
- 2.2. Bộ câu hỏi nghiên cứu
 - 2.2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi
 - 2.2.2. Các loại câu hỏi
 - 2.2.3. Cấu trúc của bộ câu hỏi
 - 2.2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn thiện lần cuối
 - 2.2.5. Ví dụ minh họa bộ câu hỏi
- 2.3. Bảng kiểm
 - 2.3.1. Nguyên tắc và phương pháp xây dựng bảng kiểm
 - 2.3.2. Kiểm tra tính sát hợp của bảng kiểm
- 2.4. Bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án trong bệnh phòng và bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu

Bài 7. Phương pháp xử lý, phân tích, trình bày số liệu; 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm về số liệu thường gặp trong khi xử lý số liệu.
- 1.2. Trình bày được mục đích và các bước xử lý số liệu.
- 1.3. Trình bày được nguyên tắc và các bước phân tích số liệu.
- 1.4. Vận dụng được cách trình bày kết quả nghiên cứu vào thực hành nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Nhắc lại các bước trong lập kế hoạch và tiến hành một nghiên cứu
 - 2.1.2. Nhắc lại các loại biến số nghiên cứu
 - 2.1.3. Một số khái niệm
- 2.2. Xử lý số liệu
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Các bước xử lý số liệu
- 2.3. Phân tích số liệu
 - 2.3.2. Các bước phân tích số liệu
 - 2.3.3. Xác định phương pháp phân tích số liệu:
- 2.4. Trình bày kết quả nghiên cứu
 - 2.4.1. Trình bày bằng các bảng, biểu đồ
 - 2.4.2. Một số loại biểu đồ và chức năng của chúng
- 2.5. Tổng hợp các loại biểu đồ

Bài 8. Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học; 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích của đề cương nghiên cứu khoa học.
- 1.2. Trình bày được nội dung và cách trình bày một bản đề cương NCKH.
- 1.3. Trình bày được những yêu cầu về hình thức của một bản đề cương NCKH.
- 1.4. Trình bày được các tiêu chuẩn của một đề cương nghiên cứu tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Mở đầu
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Mục đích của đề cương NCKH

2.2. Nội dung và cách trình bày đề cương nghiên cứu

2.2.1. Nội dung

2.2.2. Cách trình bày một bản đề cương

2.3. Những yêu cầu về hình thức

2.3.1. Bố cục

2.3.2. Văn phong

2.3.3. Soạn thảo văn bản

2.4. Tiêu chuẩn của một đề cương nghiên cứu tốt

2.4.1. Về chất lượng chung của nghiên cứu

2.4.2. Về các phần cụ thể của đề cương

2.4.3. Chất lượng trình bày đề cương nghiên cứu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tạp chí nghiên cứu khoa học, bảng kiểm, đề tài, đề cương, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lòng ghép đánh giá kỹ năng trong quá trình thực hành đề tài khoa học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra thường xuyên,
- **Kiểm tra định kỳ:** 1 điểm kiểm tra định kỳ
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi viết hoặc trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 90 phút đối với tự luận, 45 phút đối với trắc nghiệm khách quan.

2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định tại Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Cao đẳng

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên:

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi học sinh vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học bù cho đủ trước khi được tham dự thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ hai bài kiểm tra thường xuyên, định kì

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Chiến Thắng (2019); Giáo trình Thực hành nghiên cứu khoa học. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh; Sách lưu hành nội bộ.
2. Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học (2018). Trường Đại học Y Hà Nội.
3. Ngoài các tài liệu trên, sinh viên có thể tra cứu tài liệu trên các trang web y học trong nước và quốc tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

Mã số môn học: MH 44

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra lý thuyết: 2 giờ

I. Vị trí và tính chất môn học

1. Vị trí:

Môn học Quản lý Điều dưỡng thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kỳ 5 của ngành học cao đẳng điều dưỡng, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa. Học phần bao gồm 2 tín chỉ Lý thuyết.

2. Tính chất:

Môn học Quản lý Điều dưỡng cung cấp khái niệm cơ bản về khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành Điều dưỡng nói riêng; khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý. Vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc người bệnh: khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong thực hành hộ sinh.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- 1.1. Mô tả được phong cách, phẩm chất, các kỹ năng lãnh đạo, quản lý của người điều dưỡng, hộ sinh trưởng.
- 1.2. Trình bày được công tác điều dưỡng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện theo định hướng chương trình hành động quốc gia.
- 1.3. Phân tích được chuẩn chất lượng chăm sóc, cách đánh giá chất lượng chăm sóc để mang lại sự an toàn cho người bệnh.
- 1.4. Mô tả được vai trò nghiên cứu điều dưỡng và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

2. Về kỹ năng

- 1.1. Thể hiện được phong cách, phẩm chất, các kỹ năng lãnh đạo, quản lý của người điều dưỡng, hộ sinh trưởng.
- 1.2. Đánh giá được chuẩn chất lượng chăm sóc và chất lượng chăm sóc để mang lại sự an toàn cho người bệnh.

1.3. Thực hành được chăm sóc người bệnh an toàn và hiệu quả

3. Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm

1.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

1.2. Phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho đồng nghiệp, người bệnh để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ y tế khi mắc bệnh.

1.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Phong cách lãnh đạo và quản lý	4	4	0	
2	Những phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng hộ sinh trưởng	2	2	0	
3	Quản lý dựa vào kết quả	2	2	0	
4	Kỹ năng giải quyết vấn đề	4	4	0	
5	Lập kế hoạch công tác điều dưỡng bệnh viện	4	4	0	
6	Đánh giá công tác điều dưỡng bệnh viện	4	4	0	
7	Quản lý nhân lực	2	2	0	
8	Quản lý thiết bị - y dụng cụ - vật tư y tế tiêu hao	2	2	0	
9	Chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện và phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh	2	2	0	
10	An toàn người bệnh	2	2	0	
11	Kiểm tra	2	0	0	2
	Tổng số	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

2.1. Quản lý điều dưỡng

2.1.1. Nội dung chi tiết phần lý thuyết Quản lý điều dưỡng

Bài 1: Phong cách lãnh đạo và quản lý 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa quản lý và lãnh đạo
- 1.2. Phân tích được các phong cách quản lý và lãnh đạo hiệu quả
- 1.3. Liên hệ phong cách quản lý và lãnh đạo của bản thân hiện nay và nhận ra những vấn đề hạn chế cần đổi mới.
- 1.4. Trình bày được vai trò của Điều dưỡng trưởng trong bối cảnh đổi mới.
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về quản lý lãnh đạo
 - 2.1.1. Các khái niệm về quản lý
 - 2.1.1.1. Khái niệm về lãnh đạo
- 2.2. Phân loại mô hình quản lý và lãnh đạo
 - 2.2.1. Mô hình lấy con người là trung tâm
 - 2.2.2. Mô hình lấy sản phẩm làm trung tâm
- 2.3. Phân loại phong cách quản lý và lãnh đạo
 - 2.3.1. Phong cách quản lý và lãnh đạo độc đoán
 - 2.3.2. Phong cách quản lý và lãnh đạo dân chủ
- 2.4. Các trách nhiệm của Điều dưỡng trưởng
 - 2.4.1. Trách nhiệm đối với người bệnh
 - 2.4.2. Trách nhiệm đối với nhân viên
 - 2.4.3. Trách nhiệm đối với khoa-bệnh viện
- 2.5. Kết luận

Bài 2: Những phẩm chất thiết yếu của người Điều dưỡng, Hộ sinh trưởng 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân tích được 10 phẩm chất thiết yếu của người Điều dưỡng trưởng.
- 1.2. Trình bày được những phẩm chất không phù hợp với người lãnh đạo, quản lý.
- 1.3. Liên hệ thực tế những phẩm chất thiết yếu của người điều dưỡng trưởng hiện nay.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học

tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Mở đầu

2.2. Những phẩm chất dẫn đến thành công

2.2.1. Có tầm nhìn

2.2.2. Đổi mới

2.2.3. Tự tin

2.2.4. Quyết đoán

2.2.5. Giỏi chuyên môn

2.2.6. Sử dụng nhân lực hiệu quả

2.2.7. Hòa hòa lợi ích

2.2.8. Giao tiếp hiệu quả

2.2.9. Công bằng

2.2.10. Lịch sự

2.3. Những phẩm chất không phù hợp

2.3.1. Kiêu căng, độc đoán, bảo thủ.

2.3.2. Bi quan, phiến toái.

2.3.3. Không biết dùng người, không khoan dung, sống cách biệt.

2.3.4. Đa nghi, thay đổi ý kiến như chong chóng.

2.3.5. Ôm đồm, lặt lững trong những chuyện vụn vặt.

2.3.6. Nói một đằng làm một nẻo.

2.3.7. Dân thân nửa vời “xông pha giúp người thắng trận”.

2.3.8. Làm việc tùy tiện, theo cảm hứng, không có kế hoạch.

2.3.9. Ích kỷ, lo danh lợi bản thân, sợ người khác hơn mình.

2.3.10. Trông cậy vào quyền thế.

Bài 3: Quản lý dựa vào kết quả

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm quản lý dựa vào kết quả.

1.2. Phân biệt được một số thuật ngữ quan trọng liên quan đến phương pháp quản lý dựa vào kết quả.

1.3. Phân tích được sơ đồ chuỗi kết quả.

1.4. Xây dựng được các tiêu chí để đo lường kết quả đạt được.

1.5. Áp dụng được phương pháp quản lý dựa vào kết quả để lập kế hoạch công tác tại đơn vị.

1.6. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu

2.2. Quản lý dựa vào kết quả là gì?

2.3. Tại sao áp dụng mô hình quản lý dựa vào kết quả?

2.4. Một số thuật ngữ trong bài:

2.4.1. Đầu vào (Inputs).

2.4.2. Hoạt động (Activities).

2.4.3. Kết quả ngắn hạn - Đầu ra (Outputs).

2.4.4. Phân biệt chuỗi kết quả

2.4.5. Phân biệt hoạt động và kết quả ngắn hạn

2.4.6. Phân biệt Tiêu chí và Kết quả

2.4.7. Tiêu chí (Indicators)

2.4.8. Ưu điểm của phương pháp Quản lý dựa vào Kết quả

2.4.9. Các bước áp dụng Quản lý dựa vào Kết quả (RBM)

Bài 4: Kỹ năng giải quyết vấn đề 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày định nghĩa vấn đề là gì?

1.2. Nhận dạng các vấn đề trong công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh.

1.3. Mô tả quy trình giải quyết vấn đề.

1.4. Ứng dụng quy trình để giải quyết các vấn đề ưu tiên trong công tác điều hành chăm sóc người bệnh.

1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Quy trình giải quyết vấn đề

2.3. Nhận biết vấn đề

2.4. Phân tích nguyên nhân

2.4.1 Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “5 Why”

2.4.2 Phân tích nguyên nhân gốc bằng kỹ thuật “Xương cá - Fishbone”

2.5. Chọn giải pháp và hoạt động ưu tiên

2.5.1. Thực thi giải pháp/hoạt động lựa chọn

2.6. Đánh giá kết quả

2.7. Kết luận

Bài 5: Lập kế hoạch công tác điều dưỡng bệnh viện 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các khái niệm và vai trò lập kế hoạch
- 1.2. Mô tả được các bước lập kế hoạch
- 1.3. Áp dụng được kỹ thuật phân tích SWOT
- 1.4. Xây dựng được kế hoạch công tác điều dưỡng của đơn vị
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1 Lập kế hoạch là gì?
 - 2.1.2. Tầm quan trọng của lập kế hoạch
- 2.2. Phân loại kế hoạch
 - 2.2.1. Theo thời gian
 - 2.2.2. Theo cấp độ
 - 2.2.3. Theo cách tiếp cận xây dựng kế hoạch
- 2.3. Các nguyên tắc lập kế hoạch
- 2.4. Các nội dung chính của lập kế hoạch
- 2.5. Các bước lập kế hoạch
 - 2.5.1. Đánh giá hiện trạng
 - 2.5.2. Xác định vấn đề và nguyên nhân
 - 2.5.3. Xác định mục tiêu (kết quả mong đợi) và các chỉ số đánh giá
 - 2.5.4. Xác định các hoạt động can thiệp
 - 2.5.5 Viết kế hoạch và trình phê duyệt
 - 2.5.6 Khung bản kế hoạch
- 2.6. Triển khai thực hiện kế hoạch
- 2.7. Các phương thức đánh giá thực hiện kế hoạch

Bài 6: Đánh giá công tác điều dưỡng bệnh viện

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân biệt được các khái niệm về kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá.
- 1.2. Xây dựng được công cụ đánh giá công tác điều dưỡng, hộ sinh.
- 1.3. Mô tả được các bước đánh giá công tác CSNB
- 1.4. Trình bày được khung báo cáo đánh giá hoạt động công tác điều dưỡng trong bệnh viện.
- 1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Mở đầu

2.2. Các thuật ngữ

2.3. Quy trình và hình thức đánh giá

2.3.1 Sơ đồ đánh giá

2.3.2 Các hình thức đánh giá

2.4. Xây dựng công cụ và chỉ số đánh giá

2.4.1. Xây dựng công cụ đánh giá

2.4.2. Xây dựng các chỉ số đánh giá

2.5. Kỹ thuật thu thập thông tin

2.5.1. Quan sát

2.5.2. Phỏng vấn

2.5.3. Thiết kế bộ câu hỏi thu thập số liệu

2.5.4 Thảo luận nhóm

2.5. 5 Sử dụng thông tin có sẵn

2.6. Các bước đánh giá

2.6.1. Lập kế hoạch đánh giá

2.6.2. Thực hiện đánh giá

2.6.3. Phân tích, trình bày số liệu

2.6.4. Viết báo cáo đánh giá

Bài 7: Quản lý nhân lực

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tầm quan trọng của quản lý nhân lực.
- 1.2. Trình bày được cơ sở để xây dựng kế hoạch nhân lực.
- 1.3. Trình bày nguyên tắc phân công công việc
- 1.4. Trình bày các biện pháp khuyến khích người lao động.
- 1.5. Trình bày được các quy định về khen thưởng, kỷ luật.
- 1.6. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2 . Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của công tác quản lý nhân lực:

2.2. Quy định về nhân lực

2.2.1. Căn cứ xác định biên chế nhân lực cho các cơ sở khám chữa bệnh

2.2.2. Định mức biên chế tuyến 3

2.2.3. Định mức biên chế tuyến 2

- 2.2.4. Định mức biên chế tuyến 1:
- 2.2.5. Nhân lực theo quy định tại Thông tư 07/2011/TT-BYT
- 2.3. Nhân lực ĐDV và HSV theo khuyến cáo của các nước
 - 2.3.1. Xác định biên chế dựa vào giờ CSNB
 - 2.3.2. Số giờ chăm sóc trung bình/ người bệnh /24 giờ
 - 2.3.3. Tỷ lệ bác sĩ/điều dưỡng-hộ sinh các nước
 - 2.3.4. Các hoạt động chăm sóc trực tiếp
 - 2.3.5. Các hoạt động chăm sóc gián tiếp
 - 2.3.6. Phân bổ lao động theo ca và theo người bệnh:
- 2.4. Các mô hình phân công chăm sóc
 - 2.4.1. Nguyên tắc phân công chăm sóc
 - 2.4.2. Các mô hình phân công chăm sóc
- 2.3.3. Xây dựng lịch trực
- 2.5. Một số quy định của Luật Lao động
 - 2.5.1. Làm thêm giờ
 - 2.5.2. Thưởng cho người lao động:
 - 2.5.3. Các hình thức kỷ luật:

Bài 8: Quản lý thiết bị - Y dụng cụ - Vật tư y tế tiêu hao

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tầm quan trọng của công tác quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao.
- 1.2. Thực hiện được các quy trình quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao.
- 1.3. Quản lý và sử dụng có hiệu quả.
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Sự cần thiết
- 2.2. Quy trình quản lý trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao
 - 2.2.1. Lập kế hoạch dự trù
 - 2.2.2. Liệt kê danh mục những mặt hàng cần dùng
 - 2.2.3. Lĩnh hàng
- 2.3. Cát giữ, bảo quản tài sản y dụng cụ trong kho
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung
 - 2.3.2. Làm thẻ kho cho từng loại trang thiết bị, y dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao

- 2.3.3. Kho hoặc nơi cất giữ tài sản
- 2.3.4. Cách xếp đặt hàng trong kho
- 2.4. Cấp phát
- 2.5. Sử dụng
- 2.6. Kiểm tra đánh giá

Bài 9: Chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh trong các bệnh viện và phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các đặc điểm về chất lượng CSNB
- 1.2. Mô tả được các tiêu chuẩn chất lượng CSNB
- 1.3. Trình bày được phương pháp đánh giá chất lượng CSNB khách quan và khoa học
- 1.4. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Các đặc điểm chất lượng chăm sóc người bệnh
- 2.3. Căn cứ xây dựng chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.3.1. Cơ sở Pháp lý
 - 2.3.2. Cơ sở thực tiễn
 - 2.3.3. Cơ sở khoa học
- 2.4. Khung các tiêu chuẩn chất lượng chăm sóc
 - 2.4.1. Các lĩnh vực chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.4.2. Các tiêu chuẩn
 - 2.4.3. Tiêu chí
 - 2.4.4. Nội dung thực hiện của từng tiêu chí
- 2.5. Nội dung các chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.5.1. Lĩnh vực quyền của người bệnh
 - 2.5.2. Chăm sóc điều dưỡng lâm sàng
 - 2.5.3. Lĩnh vực bệnh án điều dưỡng
 - 2.5.4. Lĩnh vực an toàn người bệnh và cải tiến chất lượng liên tục
 - 2.5.5. Lĩnh vực quản lý và điều hành chăm sóc
- 2.6. Đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh
 - 2.6.1. Nguyên tắc đánh giá
 - 2.6.2. Các phương pháp thu thập thông tin

2.6.3.Cách đánh giá từng tiêu chí

2.6.4. Phân loại kết quả thực hiện từng tiêu chí

2.6.5.Cách đánh giá nguy cơ của các tiêu chí thực hiện không đầy đủ.

2.6.6. Cách ghi Phiếu đánh giá từng tiêu chí

2.6.7.Cách ghi phiếu đánh giá từng lĩnh vực

Bài 10: An toàn người bệnh

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các cơ sở pháp lý về sai sót chuyên môn và sự cố y khoa

1.2. Trình bày được các kiểu sự cố y khoa không mong muốn

1.3. Trình bày được 6 giải pháp kỹ thuật toàn cầu về an toàn người bệnh

1.4. Nêu được 4 giải pháp quản lý bảo đảm an toàn trong bệnh viện

1.5. Có thái độ tôn trọng, trách nhiệm với bản thân, tự giác rèn luyện học tập để đạt kết quả tốt.

2. Nội dung

2.1. Sự cần

2.2. Cơ sở pháp lý về an toàn người bệnh

2.2.1. Thành lập Hội đồng giải quyết sai sót chuyên môn

2.2.2. Xác định sai sót chuyên môn

2.2.3. Trách nhiệm bồi thường khi có sai sót chuyên môn

2.2.4. Tranh chấp về khám bệnh, chữa bệnh

2.3. Hiện trạng về sự cố y

2.3.1 Tần suất xảy ra sự cố y khoa

2.3.2 Hậu quả của các sự cố y khoa không mong muốn

2.3.3 Các kiểu sự cố y khoa

2.3.4 Các yếu tố nguy cơ

2.3.5 Một số sự cố y khoa trong các cơ sở y tế của Việt Nam

2.4. Các giải pháp kỹ thuật

2.4.1. Xác định chính xác tên người bệnh

2.4.2. Cải thiện thông tin và bàn giao ca kíp đầy đủ

2.4.3. Bảo đảm an toàn trong dùng thuốc

2.4.4. Xóa bỏ nhầm lẫn trong phẫu thuật

2.4.5. Giảm nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện

2.4.6. Giảm nguy cơ người bệnh bị ngã

2.5. Các giải pháp về tổ chức quản lý

- 2.5.1. Quan tâm khắc phục lỗi hệ thống
- 2.5.2 Khuyến khích báo cáo sai sót, sự cố y khoa
- 2.5.3 Chủ động đánh giá rủi ro
- 2.5.4 Khuyến khích người bệnh đặt câu hỏi đối với nhân viên y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Đủ ánh sáng, quạt mát, diện tích phòng đạt chuẩn
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Projecter
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm thường xuyên (01 điểm kiểm tra 15 phút)
- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm tên giấy
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi trực nghiệm trên máy vi tính
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 30 phút
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên tại trường (Hệ số 1) + Điểm kiểm tra định kì tại trường (Hệ số 2)	40%
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: đối tượng trong chương trình đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và quản lý điều dưỡng

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Quản lý điều dưỡng - Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, năm 2025.
2. Quản lý điều dưỡng - Trường Đại học Y Dược Huế, năm 2024.
3. Quản lý điều dưỡng – Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2020.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO

- Mã môn học: MH 31

- Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ, Thực hành bệnh viện: 88 giờ, Kiểm tra: 03 giờ)

II. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Học phần chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 6 của ngành học cao đẳng điều dưỡng sau khi đã học xong các học phần: Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.

2. Tính chất: Môn học chuyên ngành, tự chọn

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh ngoại khoa, chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương cột sống, chấn thương lồng ngực...

III. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, phương pháp phẫu thuật người bệnh phẫu thuật gan mật, lồng ngực, hệ thần kinh...

1.2. Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc của các bệnh ngoại khoa nâng cao.

1.3. Trình bày được các bước thực hiện kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa nâng cao

2. Về kỹ năng:

2.1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ngoại khoa như phẫu thuật gan mật, thần kinh, lồng ngực

2.2. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng ngoại khoa.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

3.2. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

IV. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Lý thuyết tại trường:

TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật nội soi đường tiêu hóa	3	3		
2	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật nội soi đường tiết niệu	3	3		
3	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật gan mật	3	3		
4	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật hệ thần kinh	2	2		
5	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật cột sống	2	2		
6	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật lồng ngực	2	2		
7	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng kín	2	2		
8	Chăm sóc người bệnh trĩ, rò hậu môn	2	2		
9	Chăm sóc bệnh nhân hậu môn nhân tạo	2	2		
10	Chăm sóc người bệnh bỏng	2	2		
11	Chăm sóc bệnh nhân sốc chấn thương	2	2		
12	Chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn	2	2		
13	Chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp	2	2		
14	Kiểm tra	1			1
	Cộng	30	29		1

1.2. Thực hành bệnh viện:

TT	Nội dung	Số tiết
----	----------	---------

1	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật nội soi đường tiêu hóa	8
2	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật nội soi đường tiết niệu	8
3	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật gan mật	8
4	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật hệ thần kinh	8
5	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật cột sống	8
6	Chăm sóc người bệnh phẫu thuật lồng ngực	8
7	Chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng kín	8
8	Chăm sóc người bệnh trĩ, rò hậu môn	8
9	Chăm sóc bệnh nhân hậu môn nhân tạo	8
10	Chăm sóc người bệnh bỏng	4
11	Chăm sóc bệnh nhân sốc chấn thương	4
12	Chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn	4
13	Chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp	4
14	Kiểm tra	2
	Tổng	90

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật nội soi đường tiêu hóa; 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh viêm ruột thừa cấp sau phẫu thuật nội soi

1.2. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh thủng dạ dày sau phẫu thuật nội soi

1.3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh sỏi mật sau phẫu thuật nội soi

2. Nội dung:

2.1. Viêm ruột thừa cấp:

2.1.1. Nhận định:

2.1.2. Lập KHCS :

2.1.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.1.4. Đánh giá

2.2. Thủng dạ dày:

2.2.1. Nhận định:

2.2.2. Lập KHCS :

2.2.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.2.4. Đánh giá

2.3. Sỏi mật:

2.3.1. Nhận định:

2.3.2. Lập KHCS :

2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Đánh giá

Bài 2: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật nội soi đường tiết niệu 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh sỏi thận, sỏi niệu quản sau mổ nội soi

1.2. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh sau mổ nội soi cắt đốt tăng sinh tuyến tiền liệt.

1.3. Trình bày các bước chăm sóc bệnh nhân sau tán sỏi hệ tiết niệu nội soi laser ngược dòng

2. Nội dung:

2.1. Chăm sóc sau mổ nội soi sỏi tiết niệu:

2.1.1. Nhận định

2.1.2. Lập kế hoạch chăm sóc:

2.1.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.1.4. Đánh giá

2.2. Bệnh tăng sinh TLT:

2.2.1. Nhận định

2.2.2. Lập kế hoạch chăm sóc:

2.2.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.2.4. Đánh giá

2.3. Chăm sóc sau tán sỏi nội soi ngược dòng:

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Lập kế hoạch chăm sóc:

2.3.3. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Đánh giá

Bài 3: Chăm sóc người bệnh phẫu gan mật; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh sỏi mật, áp xe đường mật
- 1.2. Trình bày được triệu chứng của bệnh sỏi mật, áp xe đường mật
- 1.3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh sỏi mật, áp xe đường mật

2. Nội dung :

2.1. Sỏi mật:

2.1.1. Nguyên nhân:

2.1.2. Triệu chứng:

2.1.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1. 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.1. 3. Chăm sóc

2.1.3.1. Chăm sóc trước mổ

2.1.3.2. Chăm sóc sau mổ

2.2. Áp xe gan:

2.2.1. Nguyên nhân:

2.2.2. Triệu chứng:

2.2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2. 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.2. 3. Chăm sóc

2.2.3.1. Chăm sóc trước mổ

2.2.3.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 4: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật hệ thần kinh; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng chấn thương sọ não
- 1.2. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não

2. Nội dung:

2.1 Phẫu thuật hệ thần kinh

2.1. Đại cương:

2.2. Triệu chứng:

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3. Chăm sóc:

2.3.1. Chăm sóc trước phẫu thuật

2.3.2. Chăm sóc sau phẫu thuật

3.1. Phẫu thuật cột sống

3.1. Đại cương:

3.2. Giải phẫu và sinh lý bệnh

3.2.1. Sinh lý

3.2.2. Giải phẫu bệnh

3.3. Nguyên nhân:

3.3.1. Gián tiếp

3.3.2. Trực tiếp

3.4. Triệu chứng:

3.4.1. Gãy cột sống không liệt tủy

3.4.2. Gãy cột sống có liệt tủy

3.4.2.1. Triệu chứng về thần kinh

3.4.2.2. Triệu chứng về xương

3.4.2.3. Triệu chứng toàn thân

3.4.2.4. X quang

3.4.3. Triệu chứng chèn ép tủy

3.4.3.1. Hội chứng tại chỗ tổn thương

3.4.3.2. Hội chứng dưới chỗ tổn thương

3.4.3.3. Dấu hiệu cột sống

3.5. Tiến triển và tiên lượng

3.5.1. Gãy cột sống không liệt tủy

3.5.2. Gãy cột sống có liệt tủy

3.6. Xử trí:

3.6.1. Sơ cứu

3.6.2. Điều trị

3.7. Chăm sóc:

3.7.1. Nhận định

3.7.2. Chẩn đoán chăm sóc

3.7.3. Lập và thực hiện KHCS

3.7.4. Đánh giá

Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân chấn thương cột sống; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, tổn thương giải phẫu bệnh, triệu chứng, của chấn thương cột sống

1.2. Trình bày được cách sơ cứu và hướng điều trị gãy cột sống

1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh gãy cột sống

2. Nội dung:

2.1. Đại cương:

2.2. Giải phẫu và sinh lý bệnh

2.2.1. Sinh lý

2.2.2. Giải phẫu bệnh

2.3. Nguyên nhân:

2.3.1. Gián tiếp

2.3.2. Trực tiếp

2.4. Triệu chứng:

2.4.1. Gãy cột sống không liệt tủy

2.4.2. Gãy cột sống có liệt tủy

2.4.2.1. Triệu chứng về thần kinh

2.4.2.2. Triệu chứng về xương

2.4.2.3. Triệu chứng toàn thân

2.4.2.4. X quang

2.4.3. Triệu chứng chèn ép tủy

2.4.3.1. Hội chứng tại chỗ tổn thương

2.4.3.2. Hội chứng dưới chỗ tổn thương

2.4.3.3. Dấu hiệu cột sống

2.5. Tiến triển và tiên lượng

2.5.1. Gãy cột sống không liệt tủy

2.5.2. Gãy cột sống có liệt tủy

2.6. Xử trí:

2.6.1. Sơ cứu

2.6.2. Điều trị

2.7. Chăm sóc:

2.7.1. Nhận định

2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.7.3. Lập và thực hiện KHCS

2.7.4. Đánh giá

Bài 6: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật lồng ngực;**2 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày cách được triệu chứng lâm sàng của chấn thương ngực
- 1.2. Trình bày các bước chăm sóc người bệnh chấn thương ngực

2. Nội dung:

- 2.1. Phân loại:
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Chấn thương thành ngực đơn thuần
 - 2.2.2. Chấn thương ngực kín:
 - 2.2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.2.3. Chấn thương ngực hở
 - 2.2.3.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.3.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.3.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.2.4. Vết thương ngực có van:

Bài 7: Chăm sóc bệnh nhân chấn thương bụng kín;**2 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của chấn thương bụng kín
- 1.2. Lập được kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương bụng kín

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương:
- 2.2. Nguyên nhân và cơ chế:
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Cơ chế
- 2.3. Tổn thương giải phẫu bệnh
 - 2.3.1. Tổn thương ở thành bụng
 - 2.3.2. Tổn thương tạng đặc
 - 2.3.3. Tổn thương tạng rỗng
 - 2.3.4. Tổn thương mạc treo, mạc nối
 - 2.3.5. Tổn thương các mạch máu lớn

- 2.3.6. Các tổn thương kèm theo
- 2.4. Lâm sàng:
 - 2.4.1. Hỏi bệnh
 - 2.4.2. Khám
 - 2.4.3. Cận lâm sàng
- 2.5. Diễn biến lâm sàng:
 - 2.5.1. Chấn thương thành bụng đơn thuần
 - 2.5.2. Hội chứng chảy máu trong
 - 2.5.3. Hội chứng viêm phúc mạc
 - 2.5.4. Hội chứng tụ máu sau phúc mạc
- 2.6. Tiến triển:
- 2.7. Chăm sóc:
 - 2.7.1. Nhận định
 - 2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
 - 2.7.3. Lập KH và thực hiện KHCS
 - 2.7.4. Đánh giá.

Bài 8: Chăm sóc người bệnh trĩ, rò hậu môn; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh trĩ, rò hậu môn
- 1.2. Trình bày được triệu chứng của bệnh trĩ, rò hậu môn
- 1.3. Trình bày được các bước chăm sóc người bệnh trĩ, rò hậu môn

2. Nội dung:

- 2.1. Bệnh trĩ:
 - 2.1.1. Nguyên nhân:
 - 2.1.2. Triệu chứng:
 - 2.1.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.1.3. Chăm sóc
 - 2.1.3.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.1.3.2. Chăm sóc sau mổ
- 2.2. Rò hậu môn:
 - 2.2.1. Nguyên nhân:
 - 2.2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2. 2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.2. 3. Chăm sóc

2.2.3.1. Chăm sóc trước mổ

2.2.3.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 9: Chăm sóc bệnh nhân hậu môn nhân tạo; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại và các kiểu làm hậu môn nhân tạo

1.2. Trình bày được chỉ định, biến chứng của hậu môn nhân tạo

1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh có hậu môn nhân tạo

2. Nội dung:

2.1. Hậu môn nhân tạo:

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại HMNT

2.1.3. Các kiểu HMNT

2.1.4 Chỉ định làm HMNT

2.1.5. Những biến chứng của HMNT

2.2. Chăm sóc:

2.2.1. Nhận định

2.2.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.2.3. Lập KH và thực hiện KHCS

2.2.4. Đánh giá

Bài 10: Chăm sóc bệnh nhân bỏng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nguyên nhân bỏng

1.2. Trình bày được các triệu chứng của bỏng

1.3. Trình bày cách chăm sóc người bệnh bỏng

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa:

2.2. Nguyên nhân gây bỏng:

2.3. Phân loại bỏng:

2.4. Sơ cứu bỏng

2.5. Nhận định chăm sóc người bệnh bỏng

- 2.6. Lập kế hoạch chăm sóc người bệnh bỏng
- 2.7. Thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh bỏng
- 2.8. Đánh giá

Bài 11: Chăm sóc bệnh nhân sốc chấn thương; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân sốc chấn thương
- 1.2. Trình bày được các triệu chứng của sốc chấn thương
- 1.3. Trình bày cách chăm sóc người bệnh sốc chấn thương
- 1.4. Trình bày được cách phòng chống sốc chấn thương ở tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa:

2.2. Nguyên nhân gây sốc chấn thương:

2.3. Các rối loạn chức năng trong sốc:

2.3.1. Rối loạn tuần hoàn

2.3.2. Rối loạn hô hấp

2.3.3. Rối loạn chức năng gan

2.3.4. Rối loạn chức năng thận

2.3.5. Rối loạn nội tiết

2.3.6. Rối loạn chức năng thần kinh

2.3.7. Rối loạn đông máu

2.4. Triệu chứng lâm sàng

2.4.1. Sốc nguyên phát

2.4.2. Sốc thứ phát

2.5. Biện chứng của sốc chấn thương

2.5.1. Phổi sốc

2.5.2. Thận sốc hay viêm thận cấp sau sốc

2.6. Nguyên tắc điều trị sốc chấn thương

2.7. Chăm sóc:

2.7.1. Nhận định

2.7.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.7.3. Lập KH và thực hiện KHCS

2.7.4. Đánh giá

2.8. Tiến triển của sốc

2.9. Phòng và chống sốc ở tuyến cơ sở

Bài 12: Chăm sóc bệnh nhân thoát vị bẹn; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí thoát vị bẹn
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh thoát vị bẹn

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương:
- 2.2. Giải phẫu và giải phẫu bệnh ống bẹn
- 2.3. Phân loại thoát vị bẹn:
 - 2.3.1. Thoát vị bẹn gián tiếp
 - 2.3.2. Thoát vị bẹn trực tiếp
- 2.4. Triệu chứng:
 - 2.4.1. Triệu chứng thoát vị bẹn thường
 - 2.4.2. Triệu chứng thoát vị bẹn nghẹt
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Chăm sóc
 - 2.6.1. Chăm sóc trước mổ
 - 2.6.2. Chăm sóc sau mổ

Bài 13: Chăm sóc bệnh nhân viêm tụy cấp; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của viêm tụy cấp tính
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc người bệnh mổ viêm tụy cấp tính

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương:
- 2.2. Nhắc lại sinh lý bệnh và giải phẫu bệnh của viêm tụy cấp tính
 - 2.2.1. Sinh lý bệnh
 - 2.2.2. Giải phẫu bệnh
- 2.3. Triệu chứng:
 - 2.3.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.2. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.3. Triệu chứng thực thể
 - 2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4. Tiến triển và biến chứng
 - 2.4.1 Tiến triển
 - 2.4.2. Biến chứng

2.5. Điều trị:

2.5.1. Điều trị nội khoa

2.5.2. Điều trị ngoại khoa

2.6. Chăm sóc

2.6.1. Chăm sóc trước mổ

2.6.2. Chăm sóc sau mổ

V. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng giảng đường
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Máy Projecto
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, giáo trình
4. Các điều kiện khác:

VI. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT, ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh về việc ban hành quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng
- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 50 phút
- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thực hành trên người bệnh
 - + Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

- + Thời gian: 60 phút
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**
- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 60 phút.

3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình này áp dụng cho sinh viên Cao đẳng điều dưỡng chính quy.

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* Thực tập bệnh viện

Sinh viên thực tập tại các khoa Ngoại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, bệnh viện đa khoa thành phố trong thời gian 2 tuần (90 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ khoa Ngoại hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc bệnh ngoại khoa; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật về điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các nội dung cần chú ý gồm chăm sóc người bệnh phẫu thuật thần kinh, gan mật, cột sống, chăm sóc người bệnh mắc các bệnh như trĩ, rò hậu môn...

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Văn, (2017), *Bài giảng Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao*, Bộ môn Ngoại trường CDYT Hà Tĩnh.

[2]. Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (2016), *Điều dưỡng Ngoại khoa*,

[3]. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*, NXB Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã số môn học: MH 32

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Là môn học chuyên ngành tự chọn được học ở học kì VI năm 3, sau khi học xong các môn chung, các môn cơ sở và môn chuyên ngành.

2. Tính chất:

Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản về các bệnh chuyên khoa: mắt, tai – mũi - họng, răng – hàm - mặt, da liễu. Đồng thời học phân cung cấp những kỹ năng thực hành chăm sóc đặc thù các bệnh chuyên khoa hệ ngoại.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng các bệnh chuyên khoa thường gặp thường gặp

1.2. Trình bày được tiến triển và biến chứng của các bệnh chuyên khoa thường gặp.

1.3. Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc các bệnh chuyên khoa thường gặp

2. Về kỹ năng:

1.1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân chuyên khoa.

1.2. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh và gia đình họ.

3.4. Phối hợp với người bệnh và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho bệnh nhân, tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe.

3.5. Phát triển các mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế người bệnh.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung học lý thuyết tại trường:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Mắt	11	11		
1.	Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc	1	1		
2.	Chăm sóc người bệnh viêm, loét giác mạc	2	2		
3.	Chăm sóc người bệnh chắp, lệo, mộng	2	2		
4.	Chăm sóc người bệnh đục thể thủy tinh	1	1		
5.	Chăm sóc người bệnh viêm móng mắt	1	1		
6.	Chăm sóc người bệnh chấn thương mắt	1	1		
7.	Chăm sóc người bệnh bỏng mắt	1	1		
8.	Chăm sóc người bệnh Glôcôm	1	1		
9.	Chăm sóc người bệnh mắt hột	1	1		
	Tai- Mũi- Họng	11	10		1

10.	Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm Amydal	2	2		
11.	Chăm sóc người bệnh viêm mũi, viêm V.A	2	2		
12.	Chăm sóc người bệnh viêm thanh quản	1	1		
13.	Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa	1	1		
14.	Chăm sóc người bệnh viêm tai xương chũm	1	1		
15.	Chăm sóc người bệnh chảy máu mũi	1	1		
16.	Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở, dị vật đường ăn	3	2		1
	Răng hàm mặt	11	10		1
17.	Chăm sóc người bệnh sâu răng	1	1		
18.	Chăm sóc người bệnh viêm lợi, viêm quanh răng	2	2		
19.	Chăm sóc người bệnh viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng	2	2		
20.	Chăm sóc người bệnh nhổ răng	2	2		
21.	Chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt	2	2		
22.	Chăm sóc người bệnh viêm mô tế bào	2	1		1
	Da liễu	12	11		1
23.	Các tổn thương căn bản	3	3		
24.	Chăm sóc bệnh nhân vẩy nến	2	2		
25.	Chăm sóc bệnh nhân chàm	2	2		
26.	Chăm sóc bệnh nhân chốc	2	2		
27.	Chăm sóc bệnh nhân Herpes	3	2		1
	Tổng	45	42		3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Chăm sóc người bệnh viêm kết mạc; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân đặc điểm của các thể bệnh viêm kết mạc
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm kết mạc
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm kết mạc theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Viêm kết mạc cấp do vi khuẩn
 - 2.2.1. Đặc điểm
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Hướng điều trị
 - 2.2.4. Phòng bệnh
- 2.3. Viêm kết mạc cấp do virus
 - 2.3.1. Đặc điểm
 - 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.3. Hướng điều trị
 - 2.3.4. Phòng bệnh
 - 2.3.1. Điều trị triệu chứng
- 2.4. Viêm kết mạc mùa xuân
 - 2.4.1. Đặc điểm
 - 2.4.2. Triệu chứng
 - 2.4.3. Hướng điều trị
 - 2.4.4. Phòng bệnh
- 2.5. Chăm sóc bệnh nhân viêm kết mạc

Bài 2: Chăm sóc người bệnh viêm, loét giác mạc; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và triệu chứng của bệnh viêm, loét giác mạc
- 1.2. Trình bày được biến chứng và nguyên tắc điều trị bệnh viêm, loét giác mạc
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm loét giác mạc theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Điều kiện thuận lợi
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng xử trí
- 2.6. Chăm sóc người bệnh viêm, loét gác mạc

Bài 3: Chăm sóc người bệnh chấy, lở, mông; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và triệu chứng của các bệnh chấy, lở, mông
- 1.2. Trình bày được biến chứng và nguyên tắc điều trị các bệnh chấy, lở, mông
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấy, lở, mông

2. Nội dung

- 2.1. Chấy
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Tiến triển
 - 2.1.4. Hướng điều trị
- 2.2. Lở
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Hướng điều trị
 - 2.2.4. Quy trình chích chấy lở
- 2.3. Mông thối
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.3. Hướng điều trị
- 2.4. Chăm sóc người bệnh chấy, lở, mông

Bài 4: Chăm sóc người bệnh đục thể thủy tinh; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ bệnh đục thể thủy tinh
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và nguyên tắc điều trị bệnh đục thể thủy tinh
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh đục thể thủy tinh

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ
- 2.2. Phân loại
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 5: Chăm sóc người bệnh viêm mống mắt; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được khái niệm, triệu chứng biểu hiện bệnh viêm mống mắt
2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm mống mắt
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm mống mắt theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Tiến triển và biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 6: Chăm sóc người bệnh chấn thương mắt; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh chấn thương mắt
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh chấn thương mắt
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương mắt theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 7: Chăm sóc người bệnh bỏng mắt; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh bỏng mắt
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh bỏng mắt

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh bỏng mắt theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 8: Chăm sóc người bệnh Glôcôm; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, triệu chứng bệnh glôcôm
- 1.2. Trình bày được hướng điều trị bệnh glôcôm
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh glôcôm theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Hướng điều trị
- 2.4. Chăm sóc

Bài 9: Chăm sóc người bệnh mắt hột; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh mắt hột
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh mắt hột
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh mắt hột theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Chăm sóc

Bài 10: Chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm amydal; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân của thể bệnh viêm họng, viêm amydal
- 1.2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh viêm họng, viêm Amydal
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm họng, viêm Amydal theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Đặc điểm lâm sàng
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

Bài 11: Chăm sóc người bệnh viêm mũi, viêm VA; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và triệu chứng của bệnh viêm mũi, viêm VA
- 1.2. Trình bày được biến chứng và nguyên tắc điều trị bệnh viêm mũi, viêm VA
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm mũi, viêm VA theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Chăm sóc người bệnh viêm mũi
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Triệu chứng
 - 2.1.4. Biến chứng
 - 2.1.5. Hướng xử trí
 - 2.1.6. Chăm sóc
- 2.2. Chăm sóc người bệnh viêm VA
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng
 - 2.2.4. Biến chứng
 - 2.2.5. Hướng xử trí

2.2.6. Chăm sóc

Bài 12: Chăm sóc người bệnh viêm thanh quản; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ bệnh viêm thanh quản
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và nguyên tắc điều trị bệnh viêm thanh quản
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm thanh quản theo đúng quy trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Nguyên tắc điều trị
- 2.4. Chăm sóc

Bài 13: Chăm sóc người bệnh viêm tai giữa; 1 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được khái niệm, triệu chứng biểu hiện bệnh viêm tai giữa
2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm tai giữa
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm tai giữa theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương, nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 14: Chăm sóc người bệnh viêm tai xương chũm; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm tai- xương chũm
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm tai- xương chũm
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm tai- xương chũm theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân

- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 15: Chăm sóc người bệnh chảy máu mũi; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh chảy máu mũi
- 2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh chảy máu mũi
- 3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chảy máu mũi theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 16: Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở, dị vật đường ăn; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh dị vật đường thở, dị vật đường ăn
- 1.2. Trình bày được hướng điều trị bệnh dị vật đường thở, dị vật đường ăn
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh dị vật đường thở, dị vật đường ăn theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1 Chăm sóc người bệnh dị vật đường thở
 - 2.1.1. Đại cương và nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Hướng điều trị
 - 2.1.4. Biến chứng
 - 2.1.5. Chăm sóc
- 2.2. Chăm sóc người bệnh dị vật đường ăn
 - 2.2.1. Đại cương và nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Hướng điều trị

2.2.4. Biểu chứng

2.2.5. Chăm sóc

Bài 17: Chăm sóc người bệnh Sâu răng; 1 giờ

1 Mục tiêu:

1. Nêu được nguyên nhân của bệnh sâu răng
2. Trình bày được triệu chứng, hướng xử trí và cách phòng bệnh sâu răng
3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh sâu răng theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Chăm sóc

Bài 18: Chăm sóc người bệnh viêm lợi, viêm quanh răng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và triệu chứng của bệnh viêm lợi, viêm quanh răng
- 1.2. Trình bày được biểu chứng và nguyên tắc điều trị bệnh viêm lợi, viêm quanh răng
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm lợi, viêm quanh răng theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biểu chứng
- 2.5. Hướng xử trí
- 2.6. Chăm sóc

Bài 19: Chăm sóc người bệnh viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và triệu chứng của bệnh viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng

1.2. Trình bày được biến chứng và nguyên tắc điều trị các bệnh viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm tủy răng, viêm quanh cuống răng theo đúng quy trình điều dưỡng

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Biến chứng

2.5. Hướng xử trí

2.6. Chăm sóc

Bài 20: Chăm sóc người bệnh nhổ răng; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu và phân tích được chỉ định nhổ răng và chỉ định cấm nhổ răng

1.2. Trình bày được triệu chứng hướng điều trị và cách phòng một số tai biến thường gặp khi nhổ răng.

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh nhổ răng theo đúng quy trình điều dưỡng

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

2.3. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng

2.3.1. Ngất xỉu

2.3.2. Chảy máu kéo dài

-2.3.3. Viêm ổ răng

2.4. Chăm sóc

Bài 21: Chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt; 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng biểu hiện bệnh chấn thương vùng hàm mặt

1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh chấn thương vùng hàm mặt

1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh chấn thương vùng hàm mặt theo đúng quy trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Phân loại
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Chăm sóc

Bài 22: Chăm sóc người bệnh viêm mô tế bào; 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng bệnh viêm mô tế bào
- 1.2. Trình bày được biến chứng và hướng điều trị bệnh viêm mô tế bào
- 1.3. Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm mô tế bào theo đúng qui trình điều dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Một số thể định khu
- 2.4. Hướng điều trị
- 2.5. Chăm sóc

Bài 23: Tổn thương cơ bản; 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tổ chức học, sinh lý học của da.
- 1.2. Nhận định được tổn thương cơ bản có ảnh hưởng đến tình trạng da của người bệnh.
- 1.3. Biết xác định các tổn thương cơ bản được gặp trên lâm sàng.
- 1.4. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung.

- 2.1. Tổn thương nguyên phát
 - 2.1.1. Tổn thương nguyên phát có dịch
 - 2.1.2. Tổn thương nguyên phát khô
- 2.2. Tổn thương thứ phát
 - 2.2.1 Sẹo
 - 2.2.2. Teo da
 - 2.2.3. Sùi
 - 2.2.4. Liken hóa

- 2.2.5. Vết trượt
- 2.2.6. Vết loét
- 2.2.7. Vết nứt nẻ, vết rạn da
- 2.2.8. Vết xước
- 2.2.9. Vảy da
- 2.2.10. Vảy tiết

Bài 24: Chăm sóc bệnh nhân Vẩy nến; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và nguyên nhân gây bệnh vẩy nến.
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng của bệnh vẩy nến.
- 1.3. Trình bày điều trị bệnh vẩy nến.
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh vẩy nến

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương, dịch tễ học
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Điều trị
 - 2.3.1. Tại chỗ
 - 2.3.2. Toàn thân
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân vẩy nến

Bài 25: Chăm sóc bệnh nhân chàm; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và nguyên nhân gây bệnh chàm.
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh chàm
- 1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh nhân bệnh chàm
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh nhân bệnh chàm.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương, dịch tễ học
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Phân loại
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Chăm sóc bệnh nhân chàm

Bài 26: Chăm sóc bệnh nhân Chốc; 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và dịch tễ bệnh chốc.

- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh chốc.
- 1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh nhân bệnh chốc.
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh nhân bệnh chốc.

2. Nội dung.

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Chẩn đoán phân biệt
- 2.4. Biến chứng
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Chăm sóc bệnh nhân chốc

Bài 27: Chăm sóc bệnh nhân herpes;

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương và nguyên nhân gây bệnh herpes
- 1.2. Trình bày triệu chứng lâm sàng và biến chứng của bệnh herpes.
- 1.3. Trình bày chẩn đoán và điều trị bệnh herpes.
- 1.4. Trình bày cách chăm sóc bệnh herpes

2. Nội dung.

- 2.1. Đại cương, dịch tễ học
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Điều trị
 - 2.3.1. Tại chỗ
 - 2.3.2. Toàn thân
- 2.4. Chăm sóc bệnh nhân Herpes

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn
2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm...
4. Các điều kiện khác:

VI. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** 3 Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng, thi viết 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 3 điểm kiểm tra**

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 30 phút.

2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định tại Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Tài liệu dạy học và tham khảo

- Giáo trình Chăm sóc chuyên khoa hệ ngoại, *Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh 2023 (lưu hành nội bộ).*

- Giáo trình Răng hàm mặt dành cho điều dưỡng đa khoa, *Trường đại học y dược Huế 2024.*

- Giáo trình Nhãn khoa dành cho điều dưỡng đa khoa, *Trường đại học y dược Huế 2014.*

- Giáo trình Tai mũi họng, *trường đại học y dược Huế 2024.*

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu, *Bộ y tế 2015.*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LỚN BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO

Mã số môn học : MH 37

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí:

Môn học chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao thuộc các lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 6 của ngành học cao đẳng điều dưỡng sau khi đã học xong môn học chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa.

2. Tính chất: Môn học chuyên ngành, tự chọn

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa, lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh nội khoa nâng cao

II. Mục tiêu môn học/học phần

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị một số bệnh nội khoa nâng cao

1.2. Trình bày và giải thích được các bước lập kế hoạch chăm sóc một số bệnh nội khoa nâng cao

2. Về kỹ năng:

2.1. Có ý thức, trách nhiệm, đạo đức trong công tác chăm sóc người bệnh

2.2. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và người bệnh

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng giá trị và quyền con người của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong khi thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người bệnh và gia đình họ; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh và gia đình họ.

3.4. Phối hợp với người bệnh và gia đình họ trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ tại cộng đồng; tạo điều kiện và hỗ trợ họ ra các quyết định liên quan đến sức khỏe.

3.5. Phát triển các mối quan hệ chuyên môn với các nhân viên y tế khác. Phối hợp hiệu quả với các nhân viên y tế khác để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ y tế cho bệnh nhân và gia đình họ.

3.6. Chịu trách nhiệm và giải thích được các quyết định thực hành lâm sàng của mình, lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe phù hợp cho từng cá nhân và cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

1.1. Lý thuyết

TT	Nội dung	Thời gian(giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim	4	4		
2	Chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi	4	4		
3	Chăm sóc bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	2	2		
4	Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá	2	2		
5	Chăm sóc bệnh nhân Basedow	2	2		
6	Chăm sóc bệnh nhân ung thư gan	4	4		
7	Khám lâm sàng hệ tiết niệu	3	3		
8	Chăm sóc bệnh nhân viêm thận bể thận cấp	2	2		
9	Chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn	4	4		
10	Chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	2	2		

11	Kiểm tra	1			1
	Tổng số	30	29		1

1.2. Thực hành tại bệnh viện: Thời gian 90 giờ

TT	Tên Bài/ Học Phần	Giờ
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim	7
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tăng huyết áp	7
3	Lập KHCS bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	7
4	Lập KHCS bệnh nhân suy tim	7
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hoá	7
6	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân basedow	7
7	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm thận bể thận cấp	7
8	Lập kế hoạch chăm sóc suy thận mạn	7
9	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân thận nhân tạo chu kỳ	5
10	Lập KHCS bệnh nhân viêm khớp dạng thấp	7
11	Thực hành các kỹ thuật CS bệnh nhân	10
12	Xem, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp BS thực hiện các kỹ thuật	10
13	Thi kết thúc lâm sàng	
	Tổng số	90

2. Nội dung chi tiết môn học

2.1. Nội dung chi tiết phần lý thuyết

Bài 1. Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim;

04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, tiến triển của nhồi máu cơ tim.
- 1.2. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của nhồi máu cơ tim.
- 1.3. Lập được quy trình chăm sóc bệnh nhân bị nhồi máu cơ tim.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng

- 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.5. Chẩn đoán
- 2.6. Điều trị
- 2.7. Chăm sóc
 - 2.7.1. Nhận định tình hình
 - 2.7.2. Chẩn đoán điều dưỡng
 - 2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.7.5. Đánh giá

Bài 2. Chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi; 04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các yếu tố nguy cơ, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và các phương pháp điều trị bệnh ung thư phổi.

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Các yếu tố nguy cơ
 - 2.2.1. Thuốc lá
 - 2.2.2. Khí quyển bị ô nhiễm.
 - 2.2.3. Nghề nghiệp
 - 2.2.4. Các yếu tố khác
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Lâm sàng
 - 2.3.2. Cận lâm sàng.
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Chăm sóc.
 - 2.5.1. Nhận định chăm sóc
 - 2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.5.4. Thực hiện chăm sóc
 - 2.5.5. Đánh giá kết quả chăm sóc

Bài 3. Chăm sóc bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được yếu tố nguy, triệu chứng COPD.

1.2. Trình bày được chăm sóc bệnh nhân COPD.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Yếu tố nguy cơ

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng cơ năng

2.3.2. Triệu chứng thực thể

2.3.3. Đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính

2.3.4. Đánh giá giảm chức năng hô hấp bằng phế dung kế:

2.4. Điều trị COPD ổn định

2.5. Chăm sóc

2.5.1. Nhận định

2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.5.5. Đánh giá

Bài 4. Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa;

02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách xử trí đối với bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao.

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa cao.

2.3. Triệu chứng lâm sàng của xuất huyết tiêu hóa cao

2.4. Xét nghiệm cận lâm sàng.

2.5. Nguyên tắc xử trí.

2.6. Chăm sóc.

2.6.1. Nhận định chăm sóc.

2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc.

2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc.

2.6.4. Thực hiện chăm sóc.

2.6.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 5. Chăm sóc bệnh nhân BASEDOW;

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và cách điều trị bệnh Basedow.

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân Basedow

2. Nội dung:

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Lâm sàng

2.2.2. Cận lâm sàng.

2.3. Biến chứng

2.4. Điều trị.

2.5. Chăm sóc.

2.5.1. Nhận định chăm sóc

2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc

2.5.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.5.4. Thực hiện chăm sóc

2.5.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 6. Chăm sóc bệnh nhân ung thư gan;

04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày và phân tích được các yếu tố gây bệnh, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và một số biện pháp điều trị ung thư gan

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân ung thư gan

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Nhắc lại giải phẫu bệnh

2.3. Các yếu tố gây bệnh.

2.4. Triệu chứng.

2.4.1. Lâm sàng

2.4.2. Cận lâm sàng

2.5. Tiến triển, biến chứng

2.6. Điều trị.

2.7. Chăm sóc.

2.7.1. Nhận định chăm sóc

2.7.2. Chuẩn đoán chăm sóc

- 2.7.3. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.7.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
- 2.7.4. Đánh giá chăm sóc

Bài 7. Khám lâm sàng hệ tiết niệu; 03giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các triệu chứng cơ năng và thực thể gặp trong bệnh lý hệ tiết niệu.
- 1.2. Áp dụng được những kiến thức trong bài vào nhận định chăm sóc bệnh nhân mắc bệnh ở hệ tiết niệu.

2. Nội dung:

- 2.1. Nhắc lại giải phẫu hệ tiết niệu.
- 2.2. Triệu chứng cơ năng:
 - 2.2.1. Đau bụng thận.
 - 2.2.2. Đái dắt
 - 2.2.3. Đái buốt
 - 2.2.4. Đái ra máu
 - 2.2.5. Đái ra mủ
 - 2.2.6. Bí đái
 - 2.2.7. Vô niệu
- 2.3. Triệu chứng thực thể:
 - 2.3.1. Khám thận
 - 2.3.2. Khám các điểm niệu quản.
 - 2.3.3. Khám bàng quang
 - 2.3.4. Khám niệu đạo.
 - 2.3.5. Khám tuyến tiền liệt.
- 2.4. Khám toàn thân.

Bài 8. Chăm sóc bệnh nhân viêm thận - bể thận cấp tính; 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị viêm thận – bể thận cấp tính.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm thận – bể thận cấp tính.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân

- 2.3. Triệu chứng
- 2.3.1. Lâm sàng
- 2.3.2. Cận lâm sàng.
- 2.4. Tiến triển - Biến chứng
- 2.5. Điều trị.
- 2.6. Chăm sóc.
- 2.6.1. Nhận định chăm sóc
- 2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
- 2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.6.4. Thực hiện chăm sóc
- 2.6.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 9. Chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn;

04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và phương pháp điều trị suy thận mạn tính.

1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy thận mạn tính

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.3.1. Lâm sàng
- 2.3.2. Cận lâm sàng.
- 2.4. Tiến triển - Biến chứng
- 2.5. Điều trị.
- 2.5.1. Điều trị bảo tồn.
- 2.5.2. Lọc ngoài thận.
- 2.5.3. Ghép thận
- 2.6. Chăm sóc.
- 2.6.1. Nhận định chăm sóc
- 2.6.2. Chẩn đoán chăm sóc
- 2.6.3. Lập kế hoạch chăm sóc
- 2.6.4. Thực hiện chăm sóc
- 2.6.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 10. Chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp;

02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng và cách điều trị viêm khớp dạng thấp
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân viêm khớp dạng thấp

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Lâm sàng
 - 2.2.2. Cận lâm sàng
- 2.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Chăm sóc
 - 2.5.1. Nhận định chăm sóc
 - 2.5.2. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.5.3. Kế hoạch chăm sóc
 - 2.5.4. Thực hiện chăm sóc
 - 2.5.5. Đánh giá chăm sóc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp: Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 01 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Làm phiếu chăm sóc và thực hiện 1 kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. **Phạm vi, đối tượng áp dụng:** Đối tượng Cao đẳng điều dưỡng

2. **Phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

*** Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

*** Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực tập bệnh viện**

Sinh viên thực tập tại các khoa nội bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh, bệnh viện đa khoa thành phố trong thời gian 04 tuần (90 giờ). Sinh viên được giảng viên, cán bộ hướng dẫn cách chăm sóc, theo dõi và làm phiếu chăm sóc; hướng dẫn các quy trình kỹ thuật và tiến hành làm các thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên bộ môn. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi kết thúc lâm sàng.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các bài có phần chăm sóc điều dưỡng như chăm sóc người bệnh mắc bệnh ung thư gan, suy thận...

4. Tài liệu tham khảo:

1. Điều dưỡng nội khoa ((2022), Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Bệnh học Nội khoa tập I,II (2020).Trường Đại học Y Hà Nội
3. Điều dưỡng Nội - Bộ Y tế (2007), NXB Y học.
4. Điều dưỡng nội khoa (2015), NXB Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC TẾ NGÀNH

Mã số môn học: MH 33

Số tín tiết: 356 giờ Thực hành Bệnh viện, 04 giờ kiểm tra

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

1. Vị trí

Học phần Thực tế ngành được học ở học kì cuối của khóa học.

2. Tính chất: là học phần chuyên ngành bắt buộc

Học phần thực tế ngành được thực hiện vào thời điểm trước khi kết thúc khoá học, giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người Điều dưỡng, Điều dưỡng trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người bệnh cho từng đối tượng cụ thể; mô tả và quản lý chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; mô tả và đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng, ...

3. Mục tiêu học tập của môn học:

3.1. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng theo chương trình môn học Điều dưỡng cơ bản và Cấp cứu ban đầu.

3.2. Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh các chuyên khoa: Nội, Ngoại, Nhi, Truyền nhiễm.

3.3. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học về Quản lý Điều dưỡng vào thực tế điều hành chăm sóc người bệnh tại các bệnh viện.

3.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác khám chữa bệnh và chăm sóc bệnh nhân

4. Mô tả tóm tắt nội dung môn học:

Môn học này hướng dẫn sinh viên thực hiện các chỉ tiêu kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh; Thực hành chăm sóc người bệnh theo từng chuyên khoa; Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh; Tham gia trực bệnh viện tại các khoa của bệnh viện.

II. Nội dung chi tiết môn học

1. Kỹ thuật điều dưỡng: 56 giờ

TT	NỘI DUNG	Số giờ	Chỉ tiêu (lần làm)
1	Tiếp nhận bệnh nhân vào viện, ra viện, chuyển viện	3	40
2	Đo dấu hiệu sinh tồn	3	40
3	Tiêm trong da, dưới da,	3	20
4	Tiêm bắp thịt, tĩnh mạch	3	20
5	Truyền dịch và truyền máu	3	20
6	Thử phản ứng thuốc	3	20
7	Cho bệnh nhân uống thuốc	3	20
8	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm	3	10
9	Thở o xy	3	20
10	Rửa dạ dày	3	40
11	Thông tiểu nam - nữ	3	20
12	Hút đờm dãi	3	5
13	Thụt tháo	2	10
14	Cho ăn qua sonde dạ dày	2	5
15	Chườm nóng chườm lạnh	2	10
16	Thay băng - rửa vết thương	2	10
17	Băng bó	2	5
18	Theo dõi lượng dịch vào - ra cơ thể	2	10
19	Xử lý bệnh nhân tử vong	2	5
20	Sơ cứu nạn nhân gãy xương	2	10
21	Ga-ro cầm máu	2	5
22	Chuẩn bị giường bệnh, phòng chống mẫn mục	2	10
	Tổng cộng	56	

2. Lập kế hoạch chăm sóc

2.1. Nội khoa: 75 giờ

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tim mạch: Tăng huyết áp; suy tim, tai biến mạch máu não	15	3
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh hô hấp: Viêm phế quản cấp, Hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	15	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh đường tiêu hoá: Viêm loét dạ dày- tá tràng, viêm túi mật, giun chui ống mật chủ, xơ gan	15	3
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tiết niệu: Suy thận cấp, viêm cầu thận mãn, nhiễm trùng tiết niệu	15	3
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh cấp cứu nội khoa: Ngất, Shock, ho ra máu, nôn ra máu, rắn cắn.	15	3
	Tổng cộng	75	15

2.2. Ngoại khoa: 75 giờ

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân trước và sau mổ vùng bụng: Viêm ruột thừa, thủng dạ dày, viêm phúc mạc, tắc ruột, lồng ruột, áp xe gan	25	5
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân trước và sau mổ hệ tiết niệu: Sỏi thận; sỏi niệu quản, sỏi bàng quang	25	5
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân gãy xương, bó bột, chấn thương sọ não; bỏng	25	5
	Tổng cộng	75	15

2.3. Nhi khoa: 75 giờ

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị nhiễm khuẩn hô	15	3

	hấp cấp tính		
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh tiêu chảy cấp	15	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh thấp tim	15	3
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư	15	3
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân suy dinh dưỡng, còi xương	15	3
	Tổng cộng	75	15

2.4. Truyền nhiễm: 79 giờ

TT	Nội dung	Số giờ	Số phiếu
1	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh lý, thương hàn, viêm gan do virus	15	3
2	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh uốn ván	15	3
3	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh viêm màng não mủ, viêm não Nhật Bản B, bệnh sởi	15	3
4	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh sốt xuất huyết Dengue, sốt rét	15	3
5	Lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân bị bệnh lao, nhiễm HIV/AIDS	15	3
6	Đánh giá kết thúc	4	1
	Tổng cộng	79	16

III. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Các khoa phòng tại bệnh viện
2. Trang thiết bị máy móc: Các phương tiện thực hành tại cơ sở thực hành bệnh viện
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các vật liệu dụng cụ được sử dụng tại các cơ sở thực hành bệnh viện trong quá trình chăm sóc, theo dõi người bệnh.
4. Các điều kiện khác: Không

IV. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến bệnh viện
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
Điểm sổ báo cáo thực tế tốt nghiệp	100%

2.2. Phương pháp đánh giá

Chấm sổ báo cáo thực tế tốt nghiệp

Nội dung	Số điểm
Hình thức, trình bày, bố cục theo đúng quy định	10%
Chấm ngẫu nhiên mỗi khoa một phiếu chăm sóc (gồm 4 khoa: Nội, Ngoại, Nhi, Truyền Nhiễm)	50 %
Phiếu nhận xét của cơ sở thực tập	20%
Chỉ tiêu kỹ thuật điều dưỡng	20%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo cao đẳng điều dưỡng liên thông

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

Đây là môn học gắn liền với thực tế nghề nghiệp nên giảng viên cần hướng dẫn lâm sàng bằng phương pháp cầm tay chỉ việc, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức, tích cực tham gia lập kế hoạch và chăm sóc người bệnh nhằm đạt được mục tiêu của môn học.

2.2. Đối với người học:

+ Tích cực tự học, kiến tập nhân viên y tế thực hiện kỹ thuật, thực hiện các kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên và nhân viên y tế

+ Nghiên cứu các quy chế bệnh viện để tham gia điều trị người bệnh trên lâm sàng đúng quy định

+ Rèn luyện kỹ năng giao tiếp để tiếp xúc với người bệnh và người nhà đúng mực, khéo léo.

+ Tham dự 100% số giờ học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, lập và thực hiện quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng.

4. Tài liệu giảng dạy và tham khảo:

1. Khoa ĐDPHCN - CSSĐ, "*Bài giảng Điều dưỡng cơ sở*" (2020), Tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Khoa lâm sàng, "*Chăm sóc người bệnh Nội khoa*", (2020) Tài liệu lưu hành nội bộ.

3. Khoa lâm sàng, "*Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa*", (2020) Tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Khoa lâm sàng, "*Chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm*", (2020) Tài liệu lưu hành nội bộ.

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Chiến Thắng